

LỊCH SỬ THẾ GIỚI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI

CHỦ ĐỀ 1: XÃ HỘI NGUYÊN THỦY

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Biết được nguồn gốc loài người và quá trình chuyển biến từ vượn cổ thành Người tối cổ, Người tinh khôn.
- + Trình bày được những nét chính về đời sống vật chất, tinh thần và tổ chức xã hội của con người ở giai đoạn đầu của xã hội nguyên thủy.
- + Hiểu được đặc điểm tổ chức thị tộc và bộ lạc cùng mối quan hệ trong tổ chức xã hội đầu tiên của loài người.
- + Biết được các mốc thời gian quan trọng của quá trình xuất hiện kim loại và hệ quả xã hội của sự xuất hiện công cụ kim loại.

❖ Kỹ năng

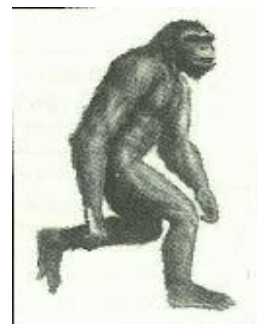
- + Phân tích, đánh giá, tổng hợp về đặc điểm của quá trình tiến hóa của loài người; thấy được sự sáng tạo, phát triển không ngừng của xã hội loài người.
- + Phân tích và đánh giá về tổ chức xã hội thị tộc, bộ lạc, quá trình ra đời của kim loại - nguyên nhân - hệ quả,...
- + Tái hiện sự kiện lịch sử, xác định và giải quyết mối liên hệ, ảnh hưởng và tác động giữa các sự kiện.
- + Nhận xét đánh giá, liên hệ thực tế và rút ra bài học.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

QUÁ TRÌNH TIẾN HÓA TỪ Vượn THÀNH NGƯỜI

1. Vượn cổ

- Thời gian tồn tại: khoảng 6 đến 15 triệu năm trước
- Đặc điểm:
 - + Có thể đứng và đi bằng 2 chân.
 - + 2 chi trước có thể cầm, nắm.
 - + Ăn hoa quả, củ, lá và cả các động vật nhỏ.
- Địa điểm tìm thấy hóa thạch: Đông Phi, Tây Á, Đông Nam Á...



2. Người tối cổ

- Thời gian tồn tại: từ khoảng 4 triệu đến 4 vạn năm trước.
- Đặc điểm:
 - + Hoàn toàn đi, đứng bằng 2 chân, đôi tay đã trở nên khéo léo.
 - + Thể tích hộp sọ lớn và hình thành trung tâm phát triển tiếng nói trong não.
 - + Dáng đi lom khom, trán thấp, bợt ra sau, u mào cao.
- Địa điểm thấy di cốt: Đông Phi, Đông Nam Á, Trung Quốc, châu Âu...
- Đời sống:
 - + Đời sống vật chất: Sử dụng đá ghè, đồ thô sơ làm công cụ, sống chủ yếu nhờ săn bắt, hái lượm; biết làm ra lửa để sưởi và nướng chín thức ăn.
 - + Đời sống tinh thần: đã có ngôn ngữ và mầm mống của tôn giáo, nghệ thuật nguyên thủy.
- + Tổ chức xã hội: sống thành từng bầy, gồm 5 đến 7 gia đình (bầy người nguyên thủy).



3. Người tinh khôn

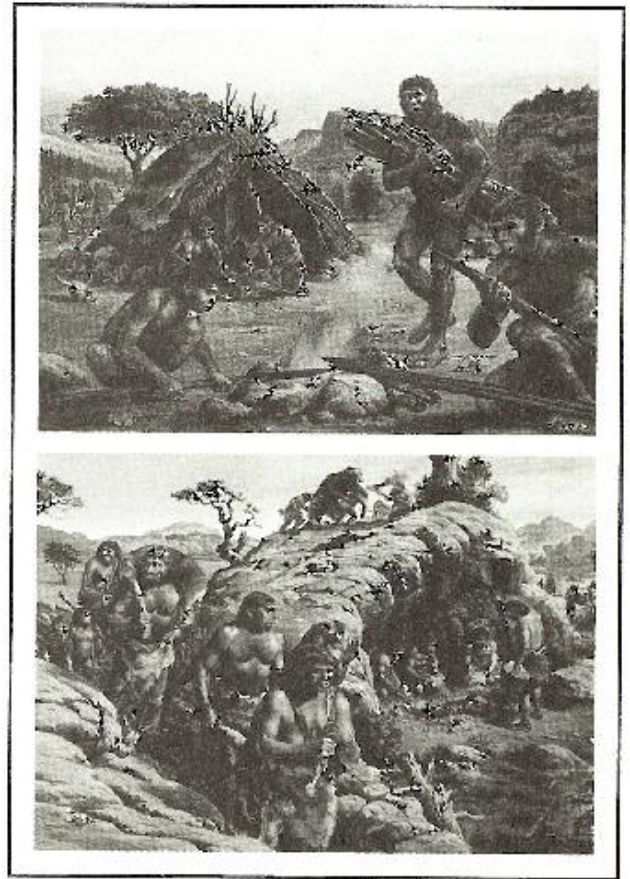
- Thời gian tồn tại: 4 vạn năm trước
- Đặc điểm: hình dáng và cấu tạo cơ thể hoàn thiện như người ngày nay, thể tích sọ não lớn, tư duy phát triển.
- Nơi tìm thấy di cốt: ở khắp các châu lục.
- Tư duy sáng tạo:
 - + Cải tiến công cụ đồ đá: đá cũ (ghè thô sơ) → đá mới (ghè, mài nhẵn, đục lỗ tra cán,...)
 - + Chế tác thêm công cụ mới: lao, cung tên,....



CÁC HÌNH THỨC TỔ CHỨC XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI Ở THỜI KÌ NGUYÊN THỦY

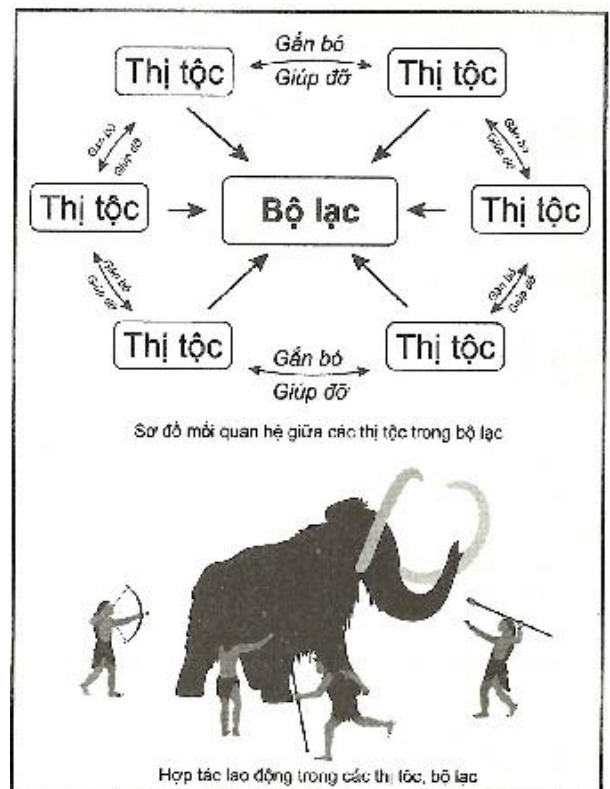
1. Bầy người nguyên thủy

- Quan hệ hợp quần xã hội đầu tiên của con người.
- Tồn tại trong giai đoạn quá độ từ Người tối cổ sang Người tinh khôn.
- Đặc điểm:
 - + Mỗi bầy gồm 5 – 7 gia đình có quan hệ ruột thịt, sống quây quần với nhau trong các hang động, mái đá hoặc dựng lều bằng cành cây, da thú.
 - + Hình thức tuy còn sơ khai, song đã bước đầu thể hiện tính tổ chức:
 - Có người đứng đầu
 - Phân công lao động giữa nam và nữ: nam săn bắt, nữ hái lượm và nuôi dạy con cái.
- Đời sống con người:
 - + Sử dụng các công cụ đá ghè đẽo thô sơ để săn bắt, hái lượm.
 - + Xuất hiện những mầm mống của tôn giáo, nghệ thuật, nguyên thủy.
 - + Quan hệ cộng đồng: bình đẳng cùng làm cùng hưởng.



2. Thị tộc, bộ lạc

- **Thị tộc:** là những nhóm người, gồm 2 đến 3 thế hệ già trẻ cùng có chung dòng máu, chung sống trên một địa bàn tương đối ổn định.
- **Bộ lạc:** là tập hợp một số thị tộc, sống cạnh nhau, có họ hàng với nhau và cùng có một nguồn gốc tổ tiên xa xôi.
- Giữa các thị tộc trong một bộ lạc thường có quan hệ gần bó, giúp đỡ nhau.
- Đời sống con người:
 - + Hợp tác lao động.
 - + Mọi của cải, sinh hoạt, ... được coi là của chung.
 - + Công bằng, bình đẳng là “nguyên tắc vàng”.



BUƯỚC TIẾN CỦA CÔNG CỤ LAO ĐỘNG VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG TỚI ĐỜI SỐNG KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CON NGƯỜI

1. Thời đại đồ đá

a/ Đồ đá cũ:

- Thời gian tồn tại: khoảng từ 4 triệu đến 1 vạn năm trước.
- Đá là nguyên liệu chính để chế tác công cụ.
- Phương pháp chế tác: ghè, đẽo thô sơ một mặt.



Một số công cụ đá cũ

→ **Kinh tế:**

- + Năng suất lao động thấp, thức ăn kiếm được chưa nhiều, chưa đều đặn.
- + Hoạt động kinh tế hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên (săn bắt, hái lượm,...).
- + Con người phải hợp tác lao động.

→ **Xã hội:**

- + Đời sống con người còn thấp kém, bấp bênh.
- + “Công bằng và bình đẳng” là nguyên tắc vàng trong quan hệ cộng đồng.

b/ Đồ đá mới:

- Thời gian tồn tại: khoảng từ 1 vạn đến 5500 năm trước.
- Kỹ thuật chế tác đá có bước phát triển: mài nhẵn, khoan, cưa, đục lỗ, tra cán,...



Rìu đá mài lưỡi

→ **Kinh tế:**

- + Năng suất lao động cao hơn so với thời đá cũ.
- + Hoạt động kinh tế có sự chuyển biến: săn bắn, hái lượm → trồng trọt, chăn nuôi → cuộc sống con người bớt lệ thuộc vào thiên nhiên.
- + Con người phải hợp tác lao động.

→ **Xã hội:**

- + Đời sống tinh thần phong phú hơn: làm sạch da thú để che thân; làm nhạc cụ,...
- + “Công bằng và bình đẳng” vẫn “nguyên tắc vàng”.

2. Thời đại kim khí

- Đồ sắt: Được cư dân Đông Nam Á, Tây Âu sử dụng từ 3000 năm trước.
- Đồ đồng thau: Được sử dụng từ 4000 năm trước.
- Đồ đồng đỏ: Được cư dân Tây Á, Ai Cập sử dụng từ khoảng 5500 năm trước.



Một số công cụ sắt



Lưỡi cày đồng



Lưỡi rìu đồng

→ **Kinh tế:**

- Tạo nên một cuộc cách mạng trong sản xuất:

- + Tăng năng suất lao động.
- + Khai phá thêm đất đai trồng trọt.
- + Xuất hiện một số ngành sản xuất: đúc đồng, rèn sắt, đóng thuyền,...
- Tạo ra một lượng sản phẩm dư thừa thường xuyên.

→ **Xã hội:** Sự xuất hiện của tư hữu đã làm thay đổi quan hệ cộng đồng (phá vỡ nguyên tắc “công bằng - bình đẳng” và gia đình (gia đình phụ hệ xuất hiện). → Thúc đẩy xã hội nguyên thủy tan rã, đưa loài người đứng trước ngưỡng cửa của xã hội có giai cấp và nhà nước: xã hội cổ đại.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nguồn gốc xa xưa nhất của loài người là

- A. Loài Vượn cổ. B. Người tối cổ. C. Người vượn. D. Chúa tạo nên

Câu 2: Loài vượn cổ có thể đứng và đi bằng hai chân sống cách ngày nay

- A. 4 triệu năm. B. 5 triệu năm. C. 6 triệu năm. D. 7 triệu năm

Câu 3: Người tối cổ đã có phát minh lớn nào?

- A. Biết giữ lửa trong tự nhiên.
B. Biết tạo ra lửa bằng cách ghè hai mảnh đá với nhau.
C. Biết chế tạo ra đồ đồng để sản xuất.
D. Biết sử dụng kim loại.

Câu 4: Đặc điểm tiến hóa của Người tối cổ so với loài Vượn cổ là

- A. không còn vết tích Vượn cổ trên cơ thể.
B. hộp sọ nhỏ hơn.
C. hoàn toàn đi bằng hai chân.
D. hộp sọ lớn hơn, hình thành trung tâm phát triển tiếng nói trong não và hầu như hoàn toàn đi, đứng bằng hai chân.

Câu 5: Người tinh khôn xuất hiện cách đây khoảng

- A. 3 vạn năm. B. 5 triệu năm. C. 4 triệu năm. D. 4 vạn năm.

Câu 6: Đặc điểm nổi bật của Người tinh khôn là gì?

- A. Đã bỏ hết dấu tích vượn trên người.
B. Là Người tối cổ tiến hoá.
C. Vẫn còn một ít dấu tích vượn trên người.
D. Đã biết tạo ra lửa để nấu chín thức ăn.

Câu 7: Thành tựu lớn nhất của Người tinh khôn là

- A. tạo ra cuộc cách mạng đá mới. B. phát minh ra lửa.
C. biết trồng trọt và chăn nuôi. D. biết sử dụng kim loại.

Câu 8: Công cụ đá mới khác công cụ đá cũ ở chỗ

- A. mảnh đá được đục đầu ghè đều.
B. mảnh đá được ghè một mặt cho sắc.
C. mảnh đá được ghè sắc, mài nhẵn thành hình công cụ.

D. mảnh đá được chế tác tinh xảo.

Câu 9: Tổ chức xã hội đầu tiên của con người gọi là

A. bảy người nguyên thủy.

B. thị tộc.

C. bộ lạc.

D. công xã thị tộc mẫu hệ.

Câu 10: Thời đại đồ đá mới được coi là một cuộc cách mạng vì

A. thời kì này xuất hiện những loại hình công cụ mới.

B. con người biết đan lưới đánh cá, biết làm đồ gốm tráng men.

C. thời kì này có những thay đổi căn bản trong kĩ thuật chế tác công cụ, làm xuất hiện những loại hình công cụ mới, dẫn tới sự thay đổi lớn lao trong đời sống và tổ chức xã hội.

D. Con người có những sáng tạo lớn về chất liệu công cụ, cuộc sống được cải thiện hơn.

Câu 11: Thế nào là thị tộc?

A. Là nhóm người có chung dòng máu.

B. Là nhóm người hơn 10 gia đình.

C. Là nhóm người láng giềng cùng chung sống với nhau.

D. Là nhóm ít người sống ở cùng địa bàn.

Câu 12: Thế nào là bộ lạc?

A. Là tập hợp các thị tộc.

B. Là những thị tộc có cùng chung nguồn nước.

C. Là tập hợp các thị tộc sống cạnh nhau, có họ hàng với nhau.

D. Là sự liên kết của các thị tộc.

Câu 13: Khi có sản phẩm dư thừa, ai là người chiếm đoạt của dư thừa đó?

A. Tất cả mọi người trong xã hội.

B. Những người có chức phận trong xã hội.

C. Người đứng đầu mỗi gia đình.

D. Những người làm ra nhiều của cải nhất.

Câu 14: Những biểu hiện nào dưới đây gắn liền với thị tộc?

A. Những gia đình gồm 2 đến 3 thế hệ có cùng chung dòng máu.

B. Những người đàn bà giữ vai trò quan trọng trong xã hội.

C. Những người sống chung trong hang động, mái đá.

D. Những người đàn bà cùng hái lượm và trông giữ con cái.

Câu 15: Những biểu hiện nào dưới đây gắn liền với bộ lạc?

A. Tập hợp một số thị tộc.

B. Các thị tộc có quan hệ gắn bó với nhau.

C. Tập hợp một số thị tộc sống cạnh nhau, có quan hệ họ hàng gắn bó với nhau và cùng một nguồn gốc tổ tiên xa xôi.

D. Là nhóm người hơn 10 gia đình, có quan hệ gắn bó với nhau.

Câu 16: Ý nghĩa lớn nhất của sự xuất hiện công cụ bằng kim loại là gì?

A. Năng suất lao động tăng.

B. Khai thác thêm đất đai trồng trọt,

C. Thêm nhiều ngành nghề mới.

D. Xuất hiện thêm nghề rèn sắt.

Câu 17: Vì sao tư hữu xuất hiện?

- A. Người lợi dụng chức quyền chiếm của chung làm của riêng.
- B. Sản phẩm làm ra dư thừa.
- C. Chia sản phẩm không đồng đều.
- D. Sự xuất hiện gia đình phụ hệ.

Câu 18: Tính cộng đồng trong xã hội nguyên thủy bị phá vỡ khi nào?

- A. Sản phẩm thừa thường xuyên.
- B. Tư hữu xuất hiện.
- C. Cuộc sống thấp kém.
- D. Công cụ kim loại xuất hiện.

Câu 19: “Nguyên tắc vàng” trong xã hội nguyên thủy là gì?

- A. Công bằng và bình đẳng.
- B. Mọi người đều yêu thương nhau.
- C. Mọi người cùng sống chung với nhau.
- D. Con người chưa biết nghĩ đến cá nhân mình.

Câu 20: Tính cộng đồng trong xã hội ngày nay được biểu hiện như thế nào?

- A. Tình làng nghĩa xóm.
- B. Tinh thần đoàn kết, tương trợ.
- C. Làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu.
- D. nếp sống dân chủ, bình đẳng.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Quan sát các bức tranh sau:



(Nguồn: Internet)

Em hãy cho biết có những quan điểm nào về nguồn gốc loài người? Trình bày hiểu biết về các quan điểm đó và chỉ ra đâu là quan điểm được khoa học giáo dục hiện đại công nhận.

Câu 2: Hoàn thiện bảng so sánh sau:

Nội dung	Thời kì đá cũ	Thời kì đá mới
Thời gian		
Chủ nhân		
Kỹ thuật chế tác đá		
Đời sống con người		

Câu 3: Nối các nội dung ở cột A cho phù hợp nội dung ở cột B

A	B
1. Cách đây 6 triệu năm	a. Xuất hiện Người tối cổ
2. Cách đây 4 triệu năm	b. Xuất hiện người đứng thẳng
3. Cách đây 4 vạn năm	c. Xuất hiện Vượn cổ

4. Cách đây 1 vạn năm	d. Xuất hiện Người tinh khôn
	e. con người bước vào thời đá mới

Câu 4: Tại sao lại gọi là “Cuộc cách mạng thời đá mới”?

Câu 5: Hãy cho biết những bước tiến trong lao động và đời sống của người nguyên thủy?

Câu 6: Hãy giải thích tính cộng đồng của thị tộc?

Câu 7: Tư hữu xuất hiện đã dẫn tới sự thay đổi trong xã hội nguyên thủy như thế nào?

PHẦN ĐÁP ÁN

A. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1-A	2-C	3-B	4-D	5-A	6-A	7-A	8-C	9-A	10-C
11-A	12-C	13-B	14-A	15-C	16-A	17-A	18-C	19-A	20-B

B. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Học sinh quan sát các bức tranh sau:

- Có nhiều quan điểm khác nhau về nguồn gốc loài người, ví dụ:
 - + quan điểm của Ki-tô giáo: Chúa là người tạo ra muôn loài từ cát bụi, trong đó có người đàn ông đầu tiên là A - đam
 - + quan điểm Hồi giáo: Thánh Alla là người tạo ra vạn vật, trong đó có con người.
 - + quan điểm của Hin-đu giáo: Thần Brahma tạo ra con người từ các bộ phận khác nhau trên cơ thể của Thần.
 - + Truyền thuyết Việt Nam: nguồn gốc người Việt là “Con rồng cháu tiên”.
 - + quan điểm khoa học: khoa học hiện đại, đặc biệt là khảo cổ học và cổ sinh học đã tìm được bằng cứ nói lên sự phát triển lâu dài của sinh giới, từ động vật bậc thấp lên động vật bậc cao mà đỉnh cao của quá trình này là sự chuyển biến từ vượn thành người. Đây là quan điểm được khoa học giáo dục hiện đại công nhận rộng rãi.

Câu 2: Học sinh hoàn thiện bảng so sánh:

Nội dung	Thời kì đá cũ	Thời kì đá mới
Thời gian	4 triệu năm trước đây	1 vạn năm trước đây
Chủ nhân	Người tối cổ	Người tinh khôn
Kỹ thuật chế tác đá	Ghè, đẽo	Khoan, mài
Đời sống con người	Săn bắt, hái lượm	Trồng trọt, chăn nuôi

Câu 3: Nối các nội dung ở cột A cho phù hợp nội dung ở cột B

1- c, 2 - a, 3- d, 4- e.

Câu 4: Tại sao lại gọi là “Cuộc cách mạng thời đá mới”?

- Vì trong thời kì đồ đá mới, kĩ thuật chế tác công cụ đã có sự phát triển vượt bậc, con người đã làm ra những công cụ tinh vi hơn, sắc bén hơn, đa dạng và phong phú về chủng loại. Nhờ đó năng suất lao động tăng lên nhanh chóng, việc trồng trọt và chăn nuôi phát triển.

-
- Con người biết khai thác từ thiên nhiên cái cần thiết cho cuộc sống của mình, chứ không chỉ thu lượm những cái có sẵn trong thiên nhiên.
 - Con người đã biết làm sạch những tấm da thú để che thân cho ấm, họ còn biết dùng đồ trang sức, sáng tạo nghệ thuật...
- Cuộc sống của con người có sự cải thiện rõ rệt, nền văn minh cổ đại đã dần hình thành. Những thay đổi này mang tính chất một “cuộc cách mạng”.

Câu 5: Hãy cho biết những bước tiến trong lao động và đời sống của người nguyên thủy?

- Vượn cổ: sống cách đây 6 triệu năm, đã có thể đứng và đi và bằng hai chân, dùng tay để cầm nắm, ăn hoa quả, củ, lá và cả động vật nhỏ.
- Người tối cổ:
 - + Khoảng 4 triệu năm trước đây, từ chỗ sử dụng những mảnh đá có sẵn để làm công cụ, Người tối cổ đã biết lấy những mảnh đá hay hòn cuội lớn, đem ghè một mặt cho sắc, vừa tay cầm. Như vậy, họ đã bắt đầu biết chế tác công cụ.
 - + Từ chỗ giữ lửa, lấy lửa trong tự nhiên để sưởi ấm và nướng chín thức ăn, con người đã biết ghè hai mảnh đá với nhau để lấy lửa, cải thiện căn bản đời sống của mình.
 - + Qua lao động, chế tạo công cụ và sử dụng công cụ, bàn tay con người khéo léo dần. Cơ thể cũng do đó biến đổi theo để có tư thế lao động thích hợp. Tiếng nói cũng thuần thục hơn do nhu cầu trao đổi với nhau.
 - + Người tối cổ đã sống trong tổ chức xã hội đầu tiên của mình là bầy người nguyên thủy. Bầy người nguyên thủy gồm khoảng 5 - 7 gia đình sống quây quần theo quan hệ ruột thịt với nhau. Họ cùng nhau lao động, tìm kiếm thức ăn (hái lượm, săn bắt) và đấu tranh chống thú dữ để bảo vệ. Trong bầy người nguyên thủy đã có sự phân công công việc giữa nam và nữ.
- Người tinh khôn (Người hiện đại):
 - + Xuất hiện khoảng 4 vạn năm trước đây. Người tinh khôn đã biết ghè hai rìa của một mảnh đá, làm cho nó gọn và sắc cạnh hơn, dùng làm rìu, dao, nạo.
 - + Con người đã biết chế tạo cung tên, săn bắn đã xuất hiện.
 - + Thức ăn của con người đã tăng lên đáng kể, nhất là thức ăn động vật. Con người đã rời những hang động ra dựng lều, định cư ở những địa điểm thuận lợi hơn. Họ đã biết đến cư trú “nhà cửa” từ cuối thời đá cũ.
 - + Bước vào thời đá mới, con người đã từ săn bắn, hái lượm, đánh cá đã tiến tới trồng trọt và chăn nuôi. Đời sống vật chất và tinh thần của người nguyên thủy đã có sự phát triển nhanh chóng, con người đứng trước ngưỡng cửa của nền văn minh.

Câu 6: Hãy giải thích tính cộng đồng của thị tộc?

- Trong thị tộc, con cháu có thói quen tôn kính ông bà, cha mẹ. Ngược lại, ông bà, cha mẹ đều chăm lo, bảo đảm nuôi dạy tất cả con cháu của thị tộc.

- Yêu cầu của công việc và trình độ lao động thời nguyên thủy đòi hỏi sự hợp tác lao động của nhiều người, của cả thị tộc (ví dụ: việc săn đuổi, săn bẫy các con thú lớn, thú chạy nhanh luôn đòi hỏi sự phân công lao động hợp lý, sự “chung lưng đấu cật”, mỗi người mỗi việc, phối hợp ăn ý với nhau).

- Con người được hưởng thụ bằng nhau, vì thức ăn chưa kiếm được nhiều, chưa đều đặn, mọi người đều cùng phải cố gắng để sinh tồn.

Như vậy, trong thị tộc không chỉ có sự hợp tác mà mọi của cải, mọi sinh hoạt được coi là của chung, việc chung, làm chung, ăn chung.

Câu 7: Tư hữu xuất hiện đi dẫn tới sự thay đổi trong xã hội nguyên thủy như thế nào?

- Thứ nhất: Chế độ tư hữu xuất hiện phá vỡ quan hệ cộng đồng vốn bình đẳng và hoạt động theo nguyên tắc vàng trong hàng triệu năm trước đó. Từ chỗ mọi thành viên đều bình đẳng trong lao động và phân chia sản phẩm thì nay đã bắt đầu có những bộ phận đặc quyền, chiếm đoạt làm của riêng các của cải dư thừa của công xã, vì thế mà trở nên giàu có, hình thành đẳng cấp có địa vị, quyền lực và tài sản khác biệt với đại bộ phận còn lại. Đây là cơ sở của bất bình đẳng xã hội, hình thành các giai cấp và đẳng cấp.

- Thứ hai: Tư hữu phá vỡ quan hệ cộng đồng, cũng đồng thời tác động đến hình thức tổ chức các gia đình và cơ chế vận hành của nó. Trước đây, các gia đình mẫu hệ, song do sự phát triển địa vị kinh tế, xã hội của người đàn ông mà vị thế của họ trong gia đình được nâng cao, trở thành trụ cột. Từ đó, xuất hiện các gia đình phụ hệ, con cái lấy theo họ cha.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI

CHỦ ĐỀ 2: XÃ HỘI CỔ ĐẠI

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Hiểu được quá trình hình thành của các quốc gia cổ đại phương Đông (Ai Cập, Lưỡng Hà, Trung Quốc, Ấn Độ cổ đại).
- + Phân tích được kết cấu xã hội và chế độ chuyên chế cổ đại ở phương Đông
- + Trình bày được những thành tựu chủ yếu và đặc điểm nổi bật của nền văn hóa phương Đông cổ đại.
- + Trình bày được thuận lợi và khó khăn của điều kiện tự nhiên đối với sự ra đời của các nước phương Tây cổ đại.
- + Chỉ ra được cơ sở kinh tế - xã hội dẫn đến việc hình thành thể chế Nhà nước dân chủ - cộng hòa ở các quốc gia cổ đại phương Tây.
- + Trình bày được những thành tựu chủ yếu và đặc điểm nổi bật của nền văn hóa Hi Lạp và Rô-ma cổ đại.

❖ Kỹ năng

- + Sử dụng bản đồ để phân tích những thuận lợi, khó khăn và tác động của điều kiện tự nhiên đối với các quốc gia cổ đại phương Đông, phương Tây.
- + Khai thác và sử dụng kênh hình có liên quan đến bài học.
- + Tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi các sự kiện lịch sử.
- + So sánh, đối chiếu, tự học, hợp tác, trình bày các sự kiện lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG

1. Điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế:

- Điều kiện tự nhiên:
 - + Sự hiện diện của các dòng sông lớn: sông Nin, sông Ấn,....
 - + Đồng bằng phù sa màu mỡ.
 - + Lượng mưa lớn, khí hậu nóng ẩm,...
- Tác động
 - Con người đã sớm tập trung sinh sống trên những thềm đất gàn lưu vực của các dòng sông lớn.
 - Thuận lợi cho sự phát triển của nông nghiệp.
 - Đặt ra yêu cầu trị thủy.
- Phát triển kinh tế:
 - + Cư dân trên lưu vực những dòng sông lớn ở châu Á và châu Phi chủ yếu sống bằng nghề nông.
 - + Chăn nuôi, làm gốm, dệt vải,... là những ngành kinh tế bổ trợ của nghề nông.



2. Sự hình thành các quốc gia cổ đại:

- Thời gian:
 - + Được hình thành từ khoảng thiên niên kỉ IV – III TCN
- Địa điểm:
 - + Hình thành trên lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi
- Cơ sở hình thành:
 - + Sự tan rã của công xã nguyên thủy (nông nghiệp phát triển sớm, năng suất cao → xuất hiện của cải dư thừa ngay từ khi chưa có đồ sắt).
 - + Công tác thủy lợi đòi hỏi sự hợp tác và sang tạo.
- Quốc gia tiêu biểu:
 - + Thiên niên kỉ IV
 - Ai Cập ở lưu vực sông Nin
 - Các tiểu quốc ở lưu vực Lưỡng Hà.
 - + Thiên niên kỉ III
 - Các tiểu quốc ở lưu vực sông Ấn.
 - + Thế kỉ XXI
 - Vương triều Hạ ở lưu vực Hoàng Hà.

- + Công nguyên

3. Đời sống chính trị - xã hội ở các quốc gia cổ đại phương Đông

- Chế độ chuyên chế cổ đại
 - + Là chế độ nhà nước của xã hội có giai cấp đầu tiên ở phương Đông, trong đó có vua là người đứng đầu, có quyền lực tối cao.
 - + Vua nắm cả pháp quyền và thần quyền, có tên gọi khác nhau ở mỗi nước: Pha-ra-ôn (Ai Cập), En-xi (Lưỡng Hà), Thiên Tử (Trung Quốc)...
 - + Dưới vua là bộ máy hành chính quan liêu (đứng đầu là quan Vidia hoặc Thừa tướng) có chức năng thu thuế, trông coi, xây dựng các công trình công cộng và chỉ huy quân đội.
- Phân hóa xã hội

Xã hội phân hóa thành các tầng lớp.

- + Giai cấp thống trị;
 - Gồm: vua, quan lại, quý tộc, tầng lữ, chủ đất,...
 - Có nhiều của cải và quyền thế.
 - + Giai cấp bị thống trị:
 - Nông dân công xã:
Là tầng lớp đông đảo nhất và có vai trò to lớn.
Nhận ruộng đất canh tác và nộp tô thuế.
 - Nô lệ: số lượng không nhiều, chủ yếu phục vụ, hầu hạ giai cấp thống trị.

4. Văn hóa cổ đại phương Đông

- Lịch, thiên văn học:
 - + Nhu cầu sản xuất nông nghiệp
 - + Nhu cầu trị thủy các dòng sông.
 - Lịch pháp và thiên văn học ra đời.
 - Nông lịch;; một năm có 365 ngày và chia thành 12 tháng.
 - Thời gian được tính bằng năm, tháng, tuần, ngày.
 - Đo thời gian bằng ánh sáng Mặt Trời; một ngày có 23 giờ.
- Chữ viết:
 - + Cư dân phương Đông là người đầu tiên phát minh ra chữ viết; đây là phát minh lớn của loài người.
 - + Thời gian xuất hiện chữ viết: khoảng thiên niên kỉ IV TCN.
 - + Quá trình cải biến: chữ tượng hình → tượng ý → tượng thanh.
 - + Nguyên liệu để viết;; giấy pa-pi-rút, đất sét, xương thú, mai rùa, thẻ tre, lụa,...
- Toán học:
 - + Thành tựu tiêu biểu
 - Phát minh ra hệ số đếm thập phân, hệ đếm 60.

- Phát minh ra các chữ số từ 0 đến 9; biết các phép tính cộng, trừ, nhân, chia,...
 - Tính được diện tích các hình tròn, tam giác,... tính được số pi bằng 3,16,...
 - Là những phát minh quan trọng, có ảnh hưởng đến thành tựu văn minh nhân loại
- Kiến trúc, điêu khắc:
- + Công trình tiêu biểu
 - Kim tự tháp ở Ai Cập.
 - Vườn treo Ba-bi-lon ở Lưỡng Hà.
 - Những khu đền tháp kiến trúc Hin-đu ở Ấn Độ.
 - Là những di tích lịch sử văn hóa nổi tiếng thế giới, thể hiện sức lao động và tài năng sáng tạo vĩ đại của con người.

CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY

1. Văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rô-ma:

- Nhận xét:
 - + Phát triển cao, đạt tới trình độ khái quát hóa và trừu tượng hóa.
 - + Ảnh hưởng lâu dài tới quá trình phát triển của văn minh nhân loại.
- Thành tựu tiêu biểu:
 - + Dùng dương lịch: 1 năm có 365 ngày và $\frac{1}{4}$.
 - + Hệ chữ cái Rô-ma (chữ Latin) gồm 26 chữ cái; hoàn chỉnh, đơn giản và rất linh hoạt, được dùng phổ biến hiện nay.
 - + Nhiều nhà toán học nổi tiếng, nhiều định lý, định đề khoa học có giá trị khái quát cao.
 - + Văn học viết phát triển cao, hình thành các thể loại văn học: tiểu thuyết, thơ trữ tình, bi kịch, hài kịch,...
 - + Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và hội họa: mang đậm tính hiện thực và tính dân tộc.
- Cơ sở hình thành, phát triển:
 - + Sự phát triển cao của nền kinh tế công thương nghiệp.
 - + Giai cấp chủ nô được giải phóng khỏi lao động chân tay (trên cơ sở bóc lột sức lao động của nô lệ).
 - + Giao lưu và tiếp thu thành tựu văn hóa của phương Đông.

2. Thị quốc Địa Trung Hải:

- Cơ sở hình thành:
 - + Đất đai phân tán → khó khăn trong việc tập trung đông đúc dân cư.
 - + Cư dân sống thiên về nghề buôn và nghề thủ công → không cần thiết tập trung đông đúc dân cư.
- Tổ chức:
 - + Phần chủ yếu của một nước là thành thị với một vùng đất đai trồng trọt ở xung quanh; thành thị có phố xá, lâu đài,...

- **Đời sống chính trị:**
 - + Đảm bảo tính dân chủ: mọi công dân đều được phát biểu và biểu quyết những công việc lớn của quốc gia.
 - + Bản chất của nền dân chủ: dân chủ chủ nô, dựa vào sự bóc lột thậm tệ của chủ nô đối với nô lệ.

3. Thiên nhiên và đời sống con người:

- **Điều kiện tự nhiên:**
 - + Nằm ven biển Địa Trung Hải, nhiều đảo, vịnh biển,...
 - + Địa hình bị chia cắt bởi biển, núi đồi, cao nguyên,...
 - + Đồng bằng nhỏ hẹp, đất đai cằn khô.
 - Tác động
 - Thuận lợi cho phát triển thương nghiệp (đặc biệt là mậu dịch hàng hải).
 - Khó khăn cho việc quản lý dân cư.
- **Đời sống con người:**
 - + Cư dân Địa Trung Hải sớm biết buôn bán, đi biển và trồng trọt.
 - Nông nghiệp:
 - Trồng các loại cây cao niên.
 - Vẫn phải nhập lương thực từ Ai Cập, Tây Á,...
 - Thủ công nghiệp phát triển, quan hệ thương mại mở rộng.
 - Hoạt động, lưu thông tiền tệ được mở rộng.

SO SÁNH CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY

		CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG ĐÔNG	CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI PHƯƠNG TÂY
Tương đồng	Điều kiện tự nhiên	- Điều kiện có những thuận lợi nhất định, góp phần tạo tiền đề cho sự ra đời của nhà nước. - Tác động đến xu hướng phát triển kinh tế và chính trị của các quốc gia cổ đại.	
	Chính trị	- Nhà nước ra đời trên cơ sở sự tan rã của công xã nguyên thủy. - Nhà nước được lập ra để điều hành và quản lý xã hội.	
	Kinh tế	- Xu hướng phát triển kinh tế chịu sự chi phối của điều kiện tự nhiên	
	Xã hội	- Kết cấu xã hội bao gồm: giai cấp thống trị và giai cấp bị trị. - Có sự tồn tại của chế độ nô lệ. - Xã hội tồn tại nhiều mâu thuẫn → các cuộc đấu tranh giai cấp diễn ra quyết liệt.	
	Văn hóa	- Văn hóa phát triển rực rỡ, đa dạng, tương đối toàn diện và phong phú.	

		- Các thành tựu văn hóa đều là sản phẩm được tạo nên từ quá trình lao động, trí tuệ và khả năng sáng tạo của con người. - Có đóng góp to lớn cho kho tàng văn hóa, đặt nền móng cho sự phát triển của văn hóa nhân loại; nhiều thành tựu của văn hóa cổ đại phương Đông, phương Tây vẫn còn nguyên giá trị cho tới ngày nay.	
Khác biệt	Điều kiện tự nhiên	- Địa hình tương đối bằng phẳng, ít bị chia cắt. - Có sự hiện diện của các dòng sông lớn, đồng bằng phù sa màu mỡ.	- Địa hình bị chia cắt bởi núi đồi, cao nguyên, biển,... - Sông ngòi ngắn và dốc; đồng bằng nhỏ hẹp, đất đai cằn khô,...
	Chính trị	- Nhà nước ra đời sớm, khoảng thiên niên kỉ IV-III TCN, khi trình độ sản xuất của con người còn thấp kém. - Nhà nước chuyên chế trung ương tập quyền.	- Nhà nước ra đời muộn, khoảng thiên niên kỉ I TCN, khi công cụ đồ sắt được sử dụng khá phổ biến. - Thể chế dân chủ (với quy mô hình thể chế: dân chủ chủ nô, cộng hòa quý tộc,...)
	Kinh tế	- Nông nghiệp là ngành chủ đạo. - Thủ công nghiệp, thương nghiệp là ngành hỗ trợ. - Kinh tế mang tính chất tự cấp, tự túc.	- Thủ công nghiệp và thương nghiệp là ngành chủ đạo. - Nông nghiệp là ngành hỗ trợ. - Về cơ bản là kinh tế tự cấp, tự túc, song đã xuất hiện mầm mống kinh tế hàng hóa.
	Xã hội	- Kết cấu xã hội: + Giai cấp thống trị: vua, quan lại, quý tộc, tầng lớp, chủ đất,... + Giai cấp bị thống trị: nông dân, thợ thủ công, nô lệ,... - Quan hệ bóc lột chính: vua, quan lại, quý tộc với nông dân công xã. - Chế độ nô lệ gia trưởng.	- Kết cấu xã hội: + Giai cấp thống trị: chủ nô, quý tộc. + Giai cấp bị thống trị: nô lệ, bình dân. - Quan hệ bóc lột chính: chủ nô với nô lệ. - Chế độ nô lệ điển hình.
	Văn hóa	- Ra đời sớm, cống hiến cho nhân loại những thành tựu văn hóa đầu tiên (tính tiên phong). - Thiếu tính hệ thống. - Mang đậm tính tập thể, cộng đồng.	- Ra đời muộn hơn, được thừa hưởng nhiều thành tựu văn hóa của cư dân phương Đông (tính thừa kế) - Mang tính hệ thống, thực tiễn, khái quát cao. - Dấu ấn cá nhân được đề cao.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nhà nước các quốc gia cổ đại phương Đông được hình thành ở

- A. trên các hòn đảo B. lưu vực các dòng sông lớn C. các vùng núi cao D. ở các thung lũng

Câu 2: Nền kinh tế chính của các cư dân phương Đông cổ đại là gì?

- A. Thủ công nghiệp B. Nông nghiệp C. Làm gốm D. Thương mại

Câu 3: Xã hội cổ đại phương Đông gồm những tầng lớp nào?

- A. Nông dân công xã, quý tộc, nô tì
B. Nông dân công xã, bình dân, quý tộc, nô lệ.
C. Nông dân công xã, quý tộc, nô lệ.
D. Nông dân công xã, úy tộc, địa chủ, nô lệ.

Câu 4: Các quốc gia cổ đại ra đời sớm nhất ở phương Đông nằm ở

- A. Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc B. Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Việt Nam
C. Ai Cập, Hi Lạp, Trung Quốc D. Ai Cập, Rô-ma, Ấn Độ

Câu 5: Thể chế chính trị của các quốc gia cổ đại phương Đông là

- A. dân chủ B. cộng hòa C. quân chủ chuyên chế D. quân chủ lập hiến

Câu 6: Số không (0) là thành tựu của cư dân

- A. Ai Cập B. Ấn Độ C. Lưỡng Hà D. La Mã

Câu 7: Điền vào chỗ trống “...” trong câu sau: “...là tặng phẩm của sông Nin”

- A. Ai Cập B. Trung Quốc C. Ấn Độ D. Ả Rập

Câu 8: Kiểu chữ viết ra đời đầu tiên ở phương Đông là

- A. chữ tượng trưng B. chữ tượng ý C. chữ tượng thanh D. chữ tượng hình

Câu 9: Lưỡng Hà dung để chỉ vùng đất

- A. giữa hai sông Ấn và sông Hằng B. giữa sông Ti-gơ-rơ và Ó-phơ-rát
C. giữa sông Nin và sông Amazon D. giữa hai sông Hoàng Hà và Trường Giang

Câu 10: Tại sao lại gọi lịch của những cư dân ở các quốc gia cổ đại phương Đông là nông lịch?

- A. Do nông dân sang tạo ra B. Đáp ứng nhu cầu sản xuất nông nghiệp
C. Dựa vào sự chuyển động của Mặt Trăng D. Do quan sát tự nhiên

Câu 11: Các công trình kiến trúc cổ đại phương Đông ra đời hàng loạt do

- A. trình độ kỹ thuật cao B. nhu cầu cao của cuộc sống
C. uy quyền của các nhà vua D. ảnh hưởng sâu đậm của tôn giáo

Câu 12: Trong các quốc gia cổ đại phương Đông, tầng lớp nào có vị trí thấp nhất trong xã hội?

- A. Nô lệ B. Nông dân công xã C. Bình dân D. Thợ thủ công

Câu 13: Trong thời cổ đại, người Ai Cập giỏi về hình học vì

- A. nhu cầu sản xuất nông nghiệp và thủy lợi
B. phải đo đạc để chia ruộng đất cho nông dân
C. phải tính toán, đo đạc các công trình thủy lợi
D. phải vẽ các hình để xây kim tự tháp và tính diệ tích nhà ở của vua

Câu 14: Mục đích của việc xây dựng những kim tự tháp ở Ai Cập là để

- A. làm nơi tế lễ thần linh
B. làm nơi họp hành của nhà vua và các quan
C. là nơi cất giữ thi hài của nhà vua
D. bảo vệ đất nước
- Câu 15:** Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội cổ đại phương Đông là mâu thuẫn giữa các giai cấp nào?
A. Địa chủ với nông dân
B. Quý tộc với nông dân công xã
C. Quý tộc với nô lệ
D. Vua với nông dân công xã
- Câu 16:** Nông dân công xã trong xã hội cổ đại phương Đông
A. chiếm lực lượng đông đảo và là thành phần sản xuất chủ yếu
B. là tầng lớp có vị trí thấp nhất trong xã hội
C. là người buôn bán từ nơi khác đến
D. là lực lượng chính xây dựng các công trình kiến trúc
- Câu 17:** Ý nào sau đây **không** thể hiện được giá trị của các công trình kiến trúc phương Đông?
A. Tài năng lao động, óc sáng tạo của con người cổ đại
B. Thể hiện uy quyền của các vị vua
C. Thể hiện tài năng của các vị vua
D. Thể hiện sự giàu có của con người
- Câu 18:** Kì quan nào của thế giới cổ đại còn lại đến ngày nay?
A. Đền thờ thần Dớt
B. Kim tự tháp Ai Cập
C. Ngọn hải đăng Alêch-xăng-đơ-ri
D. Vườn treo Ba-bi-lon
- Câu 19:** Sự khác nhau cơ bản về chữ viết của người phương Đông so với chữ viết của người phương Tây cổ đại là
A. chữ viết có nhiều nét, hình vẽ
B. chữ viết đơn giản, có khả năng ghép chữ linh hoạt
C. bộ chữ cái có 26 chữ cái
D. bộ chữ cái có 32 chữ cái
- Câu 20:** Điều kiện tự nhiên của các quốc gia cổ đại phương Tây tạo thuận lợi cho hoạt động kinh tế nào?
A. Nông nghiệp
B. Thủ công nghiệp
C. Thủ công nghiệp và thương nghiệp
D. Chăn nuôi gia súc
- Câu 21:** Phần lớn lãnh thổ của các nước phương Tây cổ đại là
A. đồng bằng
B. cao nguyên
C. núi và cao nguyên
D. núi
- Câu 22:** Cư dân Địa Trung Hải bắt đầu biết chế tạo công cụ bằng sắt vào
A. khoảng thiên niên kỉ I TCN
B. khoảng thiên niên kỉ II TCN
C. khoảng thiên niên kỉ III TCN
D. khoảng thiên niên kỉ IV TCN
- Câu 23:** Người Hi Lạp và Rô-ma đã đưa các sản phẩm thủ công nghiệp bán ở đâu?
A. Khắp các nước phương Đông
B. Khắp thế giới
C. Khắp Trung Quốc và Ấn Độ
D. Khắp mọi miền ven biển Địa Trung Hải
- Câu 24:** Người Hi Lạp và Rô-ma đã trau dồi những sản phẩm như lúa mì, súc vật, lông thú từ đâu?
A. Từ Đại Trung Hải
B. Từ Hắc Hải, Ai Cập
C. Từ Ấn Độ, Trung Quốc
D. Từ các nước trên thế giới
- Câu 25:** Trong các quốc gia cổ đại Hi Lạp và Rô-ma, giai cấp nào trở thành lực lượng lao động chính làm ra nhiều của cải nhất cho xã hội?

- A. Chủ nô B. Nô lệ C. Nông dân D. Quý tộc**
- Câu 26:** Trong xã hội chiếm nô ở Hi Lạp và Rô-ma có hai giai cấp cơ bản nào?
- A. Địa chủ và nông dân B. Quý tộc và nông dân**
C. Chủ nô và nô lệ D. Chủ nô và nông dân công xã
- Câu 27:** Ngoài nô lệ là lực lượng đông nhất, trong xã hội Hi Lạp và Rô-ma còn có lực lượng nào cũng chiếm tỉ lệ khá đông?
- A. Nông dân công xã B. Thương nhân C. Thợ thủ công D. Bình dân thành thị**
- Câu 28:** Đặc trưng tiêu biểu nhất của xã hội chiếm nô là gì?
- A. Chủ nô chiếm nhiều nô lệ**
B. Chủ nô buôn bán nô lệ
C. Xã hội chỉ có hoàn toàn chủ nô và nô lệ
D. Xã hội chủ yếu dựa trên lao động của nô lệ, bóc lột nô lệ.
- Câu 29:** Địa bàn sinh sống chủ yếu của cư dân Địa Trung Hải là
- A. nông thôn B. miền núi C. thành thị D. trung du**
- Câu 30:** Đặc điểm nổi bật của thị quốc Địa Trung Hải là
- A. nhiều quốc gia có thành thị B. Mỗi thành thị là một quốc gia**
C. nền kinh tế phát triển ở thành thị D. mỗi thành thị có nhiều quốc gia
- Câu 31:** Thị quốc Địa Trung Hải còn có tên là
- A. thành thị cổ đại B. thành bang trung đại**
C. lãnh địa D. quốc gia thành thị hoặc quốc gia thành bang
- Câu 32:** Sự tiến bộ của thể chế dân chủ phương Tây so với chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông là
- A. hội đồng 500 có thể quyết định mọi công việc của uốc gia**
B. vua thực hiện quyền chuyên chế
C. tạo điều kiện cho công dân tham gia, giám sát những công việc của quốc gia
D. chủ nô, chủ xưởng, nhà buôn quyết định những việc lớn của đất nước
- Câu 33:** Mâu thuẫn cơ bản của xã hội cổ đại phương Tây là mâu thuẫn giữa
- A. nông dân với địa chủ B. nô lệ với nông dân**
C. nô lệ với chủ nô D. nông dân với quý tộc
- Câu 34:** Vì sao ở Địa Trung Hải không thể hình thành những quốc gia rộng lớn như ở phương Đông?
- A. Địa hình chủ yếu là đồi núi B. Không có đồng bằng**
C. Đồng bằng nhỏ hẹp, bị chia cắt D. Không có những con sông lớn
- Câu 35:** Vì sao nói đến thời kỳ Hi Lạp – Rô-ma các hiểu biết khoa học mới trở thành khoa học?
- A. Độ chính xác và khái quát cao B. Đạt nhiều thành tựu**
C. Có tính hệ thống D. Ảnh hưởng đến nhiều nước
- Câu 36:** Vì sao nói sự ra đời của chữ viết là cống hiến lớn lao của cư dân Địa Trung Hải?
- A. Ký hiệu đơn giản, dễ biểu đạt ý nghĩa**
B. Được tất cả các nước trên thế giới sử dụng đến ngày nay
C. Có hệ thống chữ cái hoàn chỉnh, cùng với hệ chữ số La Mã
D. Khả năng ghép chữ linh hoạt, ứng dụng rộng rãi đến ngày nay

Câu 37: Vì sao kinh tế hàng hải phát triển mạnh ở Hi Lạp và Rô-ma?

- A. Nông nghiệp kém phát triển
- B. Quốc gia chủ yếu là thành thị
- C. Đồng bằng nhỏ hẹp, bị chia cắt
- D. Nhiều hải cảng, giao thông đường biển thuận lợi

Câu 38: Yếu tố nào đặt cơ sở cho văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rô-ma đạt đến trình độ phát triển cao?

- A. Con người thân thiện và mến khách
- B. Việc sử dụng đồ sắt và tiếp xúc với biển
- C. Việc sử dụng kim loại và giao lưu khu vực phát triển
- D. Tiếp nhận văn hóa phương Đông, chế độ chiếm nô điển hình, thể chế dân chủ

Câu 39: Nghệ thuật cổ đại Rô-ma có điểm gì khác với Hi Lạp?

- A. Chất liệu công trình hoàn toàn bằng đá
- B. Công trình đồ sộ, thiết thực nhưng tinh tế
- C. Công trình đồ sộ, thiết thực nhưng không tinh tế
- D. Công trình hoành tráng, chịu ảnh hưởng của tôn giáo

Câu 40: Những tiến bộ trong cách tính lịch của người phương Tây so với phương Đông xuất phát từ

- A. Cách tính lịch âm dựa theo mùa trăng
- B. Thực tiễn sản xuất để đúc rút kinh nghiệm
- C. sự hiểu biết chính xác về Trái Đất và Hệ Mặt Trời
- D. cách tính lịch dương dựa theo sự chuyển động của Mặt Trời quanh Trái Đất

Câu 41: Ngành khoa học ra đời sớm nhất gắn liền với sản xuất nông nghiệp là

- A. địa chất và lịch pháp
- B. địa chất và thiên văn học
- C. thiên văn học và toán học
- D. thiên văn học và lịch pháp

Câu 42: Điểm khác về giá trị của công trình kiến trúc Hi Lạp và Rô-ma so với phương Đông là

- A. phục vụ cho vua và quý tộc
- B. mang tính cộng đồng, phục vụ mọi người
- C. thể hiện quyền lực của giai cấp thống trị
- D. phục vụ cho nhu cầu tính ngưỡng của chủ nô

Câu 43: I-li-át và Ô-đi-xê là hai tác phẩm thuộc thể loại

- A. kịch nói
- B. sử thi
- C. truyện thơ
- D. tiểu thuyết

Câu 44: Công trình đầy trù phú Cô-li-dê hiện nay nằm ở quốc gia nào?

- A. Áo
- B. Hi Lạp
- C. I-ta-li-a
- D. Đức

Câu 45: Người được mệnh danh “người cha của nền sử học phương Tây” là

- A. Hê-rô-đốt
- B. Pla-tôn
- C. Đê-mô-crít
- D. A-ri-xtôt

Câu 46: Pla-tôn, Đê-mô-crít, A-ri-xtôt là những nhà khoa học nổi tiếng thuộc lĩnh vực

- A. Thiên văn học
- B. Văn học
- C. Toán học
- D. Triết học

Câu 47: Hệ chữ cái Rô-ma (chữ Latinh) gồm có

- A. 26 chữ cái
- B. 28 chữ cái
- C. 30 chữ cái
- D. 32 chữ cái

Câu 48: Bản chất của nền dân chủ cổ đại phương Tây là

- A. chế độ quân chủ chuyên chế
- B. chế độ dân chủ chủ nô
- C. chế độ quân chủ lập hiến
- D. chế độ cộng hòa khoác áo quân chủ

Câu 49: Nền tảng của nền kinh tế công – thương của các quốc gia phương Tây cổ đại là

- A. kinh tế hàng hóa – tiền tệ cổ đại
- B. kinh tế buôn bán hàng hải
- C. kinh tế hàng hóa phụ thuộc nhà nước
- D. nhà nước quản lý hoàn toàn

Câu 50: Phong trào Olympic được khởi nguồn từ quốc gia nào

- A. I-ta-li-a
- B. Hi Lạp
- C. Trung Quốc
- D. Pháp

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tại sao cư dân trên lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi có thể sớm phát triển thành xã hội có giai cấp và nhà nước? Đặc điểm kinh tế của các vùng này là gì?

Câu 2: Em hiểu thế nào là chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông?

Câu 3: Cư dân phương Đông thời cổ đại đã có những đóng góp gì về mặt văn hóa cho nhân loại?

Câu 4: Nối những thông tin ở cột A cho phù hợp với cột B:

A	B
1. Kim tự tháp	a. Lưỡng Hà
2. Vườn treo Ba-bi-lon	b. Ai Cập
3. Số 0	c. Trung Quốc
4. Định lý Pi-ta-go	d. Ấn Độ
5. Vạn lý trường thành	e. Hi Lạp

Câu 5: Hãy trình bày vai trò của thủ công nghiệp trong nền kinh tế của các quốc gia cổ đại Hi Lạp và Rô-ma?

Câu 6: Bản chất của nền dân chủ cổ đại là gì?

Câu 7: Nhà nước cổ đại Địa Trung Hải ra đời muộn hơn các quốc gia phương Đông cổ đại, điều này có thuận lợi gì?

Câu 8: Văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rô-ma đã phát triển như thế nào? Tại sao nói các hiểu biết khoa học đến đây mới trở thành khoa học?

ĐÁP ÁN

Câu hỏi trắc nghiệm

1-B	2-B	3-C	4-A	5-C	6-B	7-A	8-D	9-B	10-B
11-C	12-A	13-D	14-C	15-C	16-A	17-D	18-B	19-A	20-C
21-C	22-A	23-D	24-B	25-B	26-C	27-D	28-D	29-C	30-B
31-D	32-C	33-C	34-C	35-A	36-D	37-D	38-B	39-C	40-C
41-D	42-B	43-B	44-C	45-A	46-D	47-A	48-B	49-A	50-B

Câu hỏi tự luận

Câu 1: Tại sao cư dân trên lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi có thể sớm phát triển thành xã hội có giai cấp và nhà nước? Đặc điểm kinh tế của các vùng này là gì?

** Cư dân trên lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á, châu Phi có thể sớm phát triển thành xã hội có giai cấp và nhà nước:*

- Vì tại lưu vực các dòng sông lớn ở châu Á và châu Phi có nhiều điều kiện thuận lợi như đất đai màu mỡ, gần nguồn nước tưới, khí hậu nóng ẩm, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và sinh sống.
- Bên cạnh đó cũng có nhiều khó khăn như gần các dòng sông nên dễ bị lũ lụt, do đó đặt ra yêu cầu trị thủy các dòng sông, công tác trị thủy và xây dựng các công trình thủy lợi khiến cho cư dân sống quần tụ thành những trung tâm quần cư lớn và gắn bó trong tổ chức công xã. Nhờ đó nhà nước sớm hình thành.

** Đặc điểm kinh tế: Nghề nông là chính, bên cạnh đó còn có chăn nuôi, làm thủ công nghiệp và trao đổi hàng hóa là những ngành hỗ trợ cho nông nghiệp*

Câu 2: Em hiểu thế nào là chế độ chuyên chế cổ đại phương Đông?

- Chế độ nhà nước do vua đứng đầu, có quyền lực tối cao và một bộ máy quan liêu giúp việc thừa hành, thì gọi là chế độ chuyên chế cổ đại. Các nước phương Đông cổ đại như Ai Cập, các quốc gia ở Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Quốc là điển hình của chế độ chuyên chế cổ đại.

Câu 3: Cư dân phương Đông thời cổ đại đã có những đóng góp gì về mặt văn hóa cho nhân loại?

- Sự ra đời của lịch và thiên văn học:
 - + Gắn liền với nhu cầu sản xuất nông nghiệp và trị thủy các dòng sông.
 - + Nông lịch: một năm có 365 ngày được chia thành 12 tháng, tuần, ngày và mùa.
 - + Biết đo thời gian bằng ánh sáng Mặt Trời; ngày có 24 giờ.
- Chữ viết:
 - + Cư dân phương Đông là người đầu tiên phát minh ra chữ viết; đây là phát minh lớn của loài người.
 - + Thời gian xuất hiện chữ viết: khoảng thiên niên kỉ IV TCN.
 - + Chữ tượng hình, tượng ý và tượng thanh.
 - + Nguyên liệu để viết: giấy papirút, đất sét, xương thú, mai rùa, thẻ tre, lụa.
- Toán học:
 - + Thành tựu: phát minh ra hệ đếm thập phân, hệ đếm 60; các chữ số từ 1 đến 9 và số 0; biết các

phép tính cộng, trừ, nhân, chia; tính được diện tích các hình tròn, tam giác, thể tích hình cầu, tính được số pi bằng 3,16.

+ Giá trị: là những phát minh quan trọng, có ảnh hưởng đến thành tựu văn minh nhân loại.

- Kiến trúc:

+ Một số công trình kiến trúc tiêu biểu ở mỗi nước: kim tự tháp ở Ai Cập, thành Ba-bi-lon ở Lưỡng Hà, những khu đền tháp kiểu kiến trúc Hin-đu ở Ấn Độ.

+ Giá trị: là những di tích lịch sử văn hoá nổi tiếng thế giới, thể hiện sức lao động và tài năng sáng tạo vĩ đại của con người

Câu 4: Nối những thông tin ở cột A cho phù hợp với cột B:

1-b, 2- a, 3- d, 4- e, 5-c

Câu 5: Hãy trình bày vai trò của thủ công nghiệp trong nền kinh tế của các quốc gia cổ đại Hi Lạp và Rô-ma?

- Thủ công nghiệp đã hình thành nhiều ngành nghề khác nhau như luyện kim, đồ mỹ nghệ, đồ gốm, đồ gỗ, đồ da, nấu rượu... nhiều thợ giỏi, khéo tay xuất hiện... Đã có nhiều xưởng thủ công có quy mô lớn, có xưởng từ 10-15 người làm, có xưởng sử dụng 10-100 nhân công, đặc biệt ở A-then có tới 2000 lao động.

- Sự phát triển của thủ công nghiệp làm cho sản xuất hàng hoá tăng nhanh, quan hệ thương mại được mở rộng. Người Hi Lạp và Rô-ma đem các sản phẩm của mình như rượu nho, dầu ô-liu, đồ mỹ nghệ, đồ dùng kim loại, đồ gốm... đi bán ở mọi miền ven Địa Trung Hải. Sản phẩm mua về là lúa mì, súc vật, lông thú từ vùng Hắc Hải, Ai Cập.

Câu 6: Bản chất của nền dân chủ cổ đại là gì?

- Bản chất của nền dân chủ cổ đại phương Tây là chế độ dân chủ chủ nô.

- Chế độ dân chủ chủ nô chủ yếu đưa lại quyền lợi cho tầng lớp quý tộc chủ nô, một bộ phận nhỏ trong xã hội, trong khi đó kiểu dân không có quyền công dân, và đặc biệt là hàng trăm nghìn nô lệ không hề có quyền làm người, bị áp bức, bóc lột và coi như là những “công cụ biết nói”.

Câu 7: Nhà nước cổ đại Địa Trung Hải ra đời muộn hơn các quốc gia phương Đông cổ đại, điều này có thuận lợi gì?

- Nhà nước cổ đại Địa Trung Hải ra đời muộn hơn phương Đông khoảng 2000 năm nên có điều kiện học hỏi cái hay, lẽ của phương Đông để phát huy. Nền kinh tế công thương nghiệp và thể chế dân chủ cổ đại cũng tạo điều kiện cho văn hóa phát triển. Vì vậy, họ đã xây dựng được một nền văn minh rực rỡ nhất mà cả nhân loại phải cúi đầu thán phục

Câu 8: Văn hóa cổ đại Hi Lạp và Rô-ma đã phát triển như thế nào? Tại sao nói các hiểu biết khoa học đến đây mới trở thành khoa học?

***Thành tựu văn hóa cổ đại Hi-lạp-Rô-ma:**

- Lịch và chữ viết:

+ Dùng dương lịch: 1 năm có 365 ngày và 1/4, chính xác hơn.

+ Hệ chữ cái Rô-ma (chữ Latinh) gồm 26 chữ cái; hoàn chỉnh, đơn giản và rất linh hoạt, được

dùng phổ biến hiện nay.

- Sự ra đời của khoa học:
 - + Đã đạt tới trình độ khái quát hoá và trừu tượng hoá, trở thành nền tảng của các khoa học.
 - + Một số nhà khoa học nổi tiếng: Ta-lét, Pi-ta-go, Ơ-clít (Toán học); Áosi-mét (Vật lý); Pla-tôn, Ê-mô-crít, A-ri-xtôt (Triết học), Hi-pô-crát (Y học), Hê-rôđốt, Tu-xi-đít (Sử học), A-ri-xtác (Thiên văn học)...
- Văn học:
 - + Văn học viết phát triển cao, hình thành các thể loại văn học: tiểu thuyết, thơ trữ tình, bi kịch, hài kịch...
 - + Một số tác phẩm và nhà văn, nhà thơ nổi tiếng: I-li-át và Ô-di-xê; Xa-phơ “nàng thơ thứ mười”, Ê-txin, Xô-phô-clơ, Ơ-ri-pít...
- Nghệ thuật kiến trúc, điêu khắc và hội họa: Nghệ thuật hoàn mỹ, đậm tính hiện thực và tính dân tộc.
 - + Kiến trúc: một số công trình tiêu biểu như đền Pác-tê-nông, đấu trường Cô-li-đê.
 - + Điêu khắc: một số tác phẩm tiêu biểu như tượng lực sĩ ném đĩa, tượng nữ thần A-tê-na, tượng thần Dớt (khảm ngà voi và vàng), tượng thần Vệ nữ Mi-lô...
- Khái quát:
 - + Phát triển cao, đạt tới trình độ khái quát hoá và trừu tượng hoá.
 - + Có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài tới quá trình phát triển của lịch sử văn minh nhân loại.
- Nguyên nhân:
 - + Do sự phát triển cao của nền kinh tế công thương.
 - + Bóc lột sức lao động của nô lệ, giải phóng giai cấp chủ nô khỏi lao động chân tay.
 - + Do giao lưu và tiếp thu thành tựu văn hoá của phương Đông.

** Hiểu biết khoa học đến đây mới trở thành khoa học vì nó đã đạt đến trình độ khái quát hóa, trừu tượng hóa. Có ảnh hưởng sâu rộng và lâu dài tới sự phát triển của khoa học thế giới. Ngày nay, nhiều kiến thức về toán học, vật lý, hóa học.... vẫn vận dụng các thành tựu, những hiểu biết, mệnh đề, tiên đề... từ thời kì Hi Lạp - Rô-ma cổ đại*

LỊCH SỬ THẾ GIỚI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI
CHỦ ĐỀ 3: TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

Mục tiêu

❖ **Kiến thức**

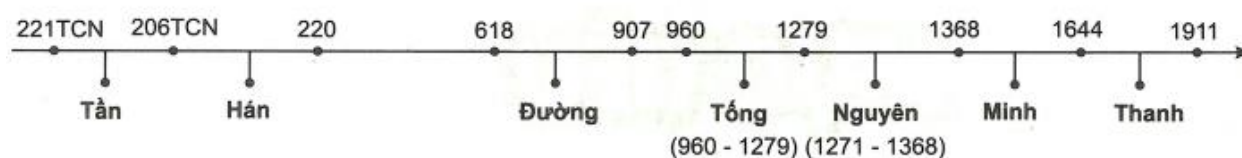
- + Biết được sự hình thành xã hội phong kiến ở Trung Quốc và quan hệ giai cấp trong xã hội.
- + Phân tích được các chính sách cai trị nổi bật của các triều đại.
- + Khái quát được đặc điểm của nền kinh tế Trung Quốc thời phong kiến.
- + Trình bày được các thành tựu tiêu biểu của nền văn hóa Trung Quốc thời phong kiến.

❖ **Kỹ năng**

- + Khai thác đồ dùng trực quan có liên quan đến bài học.
- + Tổng hợp, liên hệ, sâu chuỗi các sự kiện lịch sử.
- + So sánh, đối chiếu, trình bày các sự kiện lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

SỰ TỒN TẠI CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TRUNG QUỐC



Các triều đại phong kiến lớn ở Trung Quốc

1. TRUNG QUỐC THỜI TÂN- HÁN

- Quá trình tồn tại:

+ Tân:

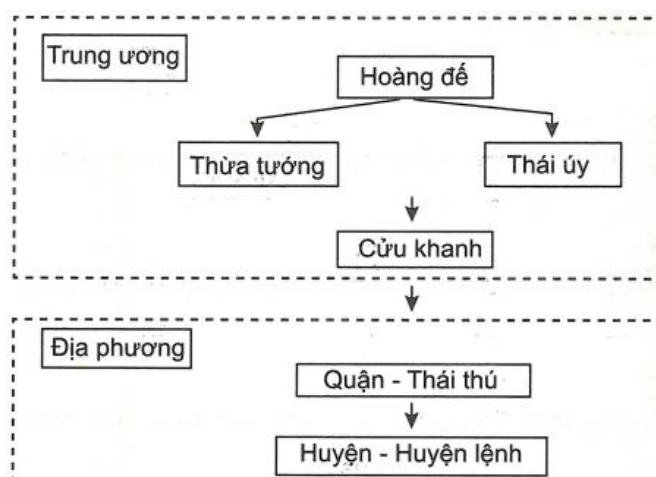
- Năm 221 TCN, nhà Tân thống nhất Trung Quốc. Tân Thủy Hoàng tự xưng là hoàng đế.
- Năm 206 TCN, nhà Tân sụp đổ.

+ Hán:

- Năm 206 TCN, Lưu Bang lập ra nhà Hán.
- Năm 220, nhà Hán sụp đổ.

- Chính sách thống trị

- + Đối nội: Tổ chức bộ máy nhà nước từng bước được xây dựng và củng cố.



- + Đối ngoại: Gây chiến tranh xâm chiếm Triều Tiên và đất đai của người Việt cổ.

2. TRUNG QUỐC THỜI ĐƯỜNG

- Quá trình tồn tại: Năm 618: Lý Uyên lập ra nhà Đường, năm 907: Nhà Đường sụp đổ.

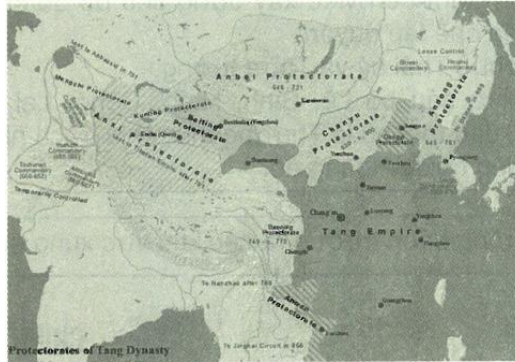
- Chính trị:

- + Đối nội: Tiếp tục củng cố bộ máy nhà nước.

- Đặt chức Tiết độ sứ trấn ải miền biên cương.
- Mở các khoa thi để tuyển chọn quan lại.

→ Quyền lực của Hoàng đế được tăng cường.

- + Đối ngoại: Tiến hành chiến tranh xâm lược, lập ra các đô hộ phủ ở vùng Nội Mông, Tây Vực, bán đảo Triều Tiên, An Nam,...



Bản đồ lãnh thổ thời Đường

- Kinh tế: Phát triển toàn diện
 - + Nông nghiệp: Nhà nước thực hiện chính sách quân điền và tô, dung, điều → Sản lượng nông sản tăng nhanh.
 - + Thủ công nghiệp phát triển thịnh đạt: các xưởng thủ công (tác phường) luyện sắt, đóng thuyền... có nhiều người làm việc. Sản phẩm chế tác ở trình độ cao.
 - + Thương nghiệp phát triển, đặc biệt là ngoại thương. Hình thành “Con đường tơ lụa” trên đất liền và trên biển.



“Con đường tơ lụa” trên đất liền

3. TRUNG QUỐC THỜI MINH- THANH

- Chính trị:

	MINH	THANH
Quá trình tồn tại	+ Năm 1368, Chu Nguyên Chương lên ngôi Hoàng đế, lập ra nhà Minh. + Năm 1644, nhà Minh sụp đổ.	+ Năm 1644, sau khi đánh bại Lý Tự Thành, người Mãn xâm chiếm Trung Nguyên, lập ra nhà Thanh. + Năm 1911, nhà Thanh sụp đổ. → Chấm dứt sự tồn tại của chế độ phong kiến ở Trung Quốc.
Chính sách cai trị	+ Quan tâm đến việc xây dựng chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền: • Bỏ chức Thái úy và Thừa tướng. • Lập ra sáu bộ Lễ, Binh, Hình,	+ Thi hành chính sách áp bức dân tộc của người Mãn đối với người Hán. + Mua chuộc địa chủ người Hán để xoa dịu mâu thuẫn dân tộc.

	Công, Lại, Hộ. Đứng đầu mỗi bộ là Thượng thư, chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hoàng đế. + Mở rộng bành trướng ra các khu vực xung quanh.	+ Tiến hành chiến tranh xâm lược các khu vực xung quanh.
--	--	--

- Kinh tế:
 - + Nông nghiệp:
 - Kỹ thuật gieo trồng có những tiến bộ → Diện tích và sản lượng lương thực tăng.
 - Sự thịnh suy của nông nghiệp phụ thuộc vào nền chính trị.
 - + Thủ công nghiệp: Mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện: các công trường thủ công trong ngành dệt, làm giấy, đồ sứ; quan hệ giữa ông chủ - người làm thuê...
 - + Thương nghiệp:
 - Nội thương phát triển → Các thành thị như Nam Kinh, Bắc Kinh được mở rộng, đông đúc.
 - Ngoại thương: từ cuối thế kỉ XVI, nhà nước thi hành chính sách đóng cửa biển, hạn chế buôn bán với người châu Âu.
- Mặc dù nền công thương nghiệp sớm phát triển, nhưng suốt thời kì phong kiến, nền kinh tế tự nhiên luôn chiếm địa vị thống trị.

VĂN HÓA TRUNG QUỐC THỜI PHONG KIẾN

- Tư tưởng, tôn giáo:
 - + Nho giáo
 - Giữ vai trò quan trọng trong lĩnh vực tư tưởng, là cơ sở lí luận, tư tưởng và công cụ sắc bén phục vụ cho nhà nước phong kiến tập quyền.
 - Đến đời Tống, Nho giáo phát triển thêm, các vua nhà Tống rất tôn sùng nhà Nho.
 - Sau này, học thuyết Nho giáo càng trở nên bảo thủ, lỗi thời và kìm hãm sự phát triển.
 - + Phật giáo
 - Thịnh hành, nhất là thời Đường, Tống. Các nhà sư Trung Quốc sang Ấn Độ tìm hiểu giáo lí của đạo Phật, các nhà sư Ấn Độ đến Trung Quốc truyền đạo.
 - Kinh Phật được dịch, in ra chữ Hán ngày một nhiều, chùa chiền được xây dựng ở các nơi.
 - + Đạo giáo
 - Đạo gia do Lão Tử khởi xướng.
 - Phát triển thịnh đạt nhất dưới thời Đường, Tống.
- Văn học: Phong phú về thể loại, phương thức thể hiện: phú (Hán), thơ Đường, từ (Tống), kịch (Nguyên), tiểu thuyết (Minh – Thanh)...



Kinh kịch

- Kỹ thuật: Tứ đại phát minh: giấy, kỹ thuật in, la bàn và thuốc súng.



La bàn



Thuốc súng

- Sử học:
 - + Từ thời Tây Hán trở thành lĩnh vực nghiên cứu độc lập.
 - + Thời Đường, cơ quan biên soạn sử của nhà nước (Sử quán) được thành lập.
 - + Các bộ sử nổi tiếng: Sử kí (Tư Mã Thiên), Hán Thư (Ban cố), Tống sử, Minh sử...



Tư Mã Thiên

- Toán học, thiên văn học, y học...
 - + Toán học: tìm ra số Pi đến 7 số lẻ; các tác phẩm nổi tiếng như Cửu chương toán thuật, tập toán cổ kinh.
 - + Thiên văn học: phát minh ra nông lịch, địa động nghi...
 - + Y học: có nhiều danh y nổi tiếng như Hoa Đà, Lý Thời Trân...
- Kiến trúc, điêu khắc: Có nhiều công trình kiến trúc điêu khắc đặc sắc: Vạn lí trường thành, Tử Cấm Thành, Lạc Sơn Đại Phật...



Vạn lí trường thành

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nhà Tần thống nhất Trung Quốc vào

- A. năm 212 TCN B. năm 211 TCN C. năm 121 TCN D. năm 221 TCN

Câu 2: Nước Tần phong kiến tồn tại trong khoảng thời gian

- A. từ năm 212 TCN đến năm 206 TCN. B. từ năm 221 TCN đến năm 206 TCN.
C. từ năm 221 TCN đến năm 220 TCN. D. từ năm 220 TCN đến năm 220.

Câu 3: Hai giai cấp mới xuất hiện trong xã hội phong kiến thời Tần là

- A. địa chủ với nông dân lĩnh canh. B. quý tộc phong kiến với nông dân công xã.
C. lãnh chúa phong kiến và nông dân. D. quý tộc với nông dân lĩnh canh.

Câu 4: Dưới thời Tần một bộ phận nông dân giữ được ruộng đất cày cấy gọi là

- A. nông dân lĩnh canh. B. tá điền. C. nông dân tự canh. D. nông dân công xã.

Câu 5: Người sáng lập ra nhà Đường là

- A. Tần Thủy Hoàng. B. Lưu Bang. C. Lý Uyên. D. Chu Nguyên Chương.

Câu 6: Chế độ quân điền thời Đường có nội dung cơ bản là

- A. chia ruộng đất hoang cho quan lại.
B. chia ruộng đất công và bỏ hoang cho nông dân.
C. lấy lại ruộng đất công ban thưởng cho người có công.
D. chia ruộng đất đều cho quan lại và nông dân.

Câu 7: Việc nhà Đường thực hiện chính sách quân điền có ý nghĩa như thế nào?

- A. Giảm sưu thuế, bớt sưu dịch cho nhân dân.
B. Áp dụng kỹ thuật canh tác mới làm cho năng suất tăng cao.
C. Chính sách phù hợp lòng dân, được nhân dân ủng hộ nên sản xuất nông nghiệp có bước phát triển.
D. Chính sách tiến bộ, được nhân dân ủng hộ nên sản xuất thủ công nghiệp có bước phát triển.

Câu 8: Người sáng lập ra triều Thanh ở Trung Quốc là

- A. Chu Nguyên Chương B. Hoàng Thái Cực
C. Lý Uyên D. Lý Tự Thành

Câu 9: Nét nổi bật của kinh tế Trung Quốc dưới thời Minh là

- A. nông nghiệp phân tán, manh mún, đất đai hoang hóa nhiều do chiến tranh liên miên.
B. xuất hiện nhiều trung tâm kinh tế lớn, phồn thịnh mà các thương nhân đã đặt các thương điểm để buôn bán.
C. xuất hiện thương nhân phương Tây đến buôn bán, nền kinh tế thương nghiệp đặc biệt phát triển.
D. xuất hiện mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.

Câu 10: Chính sách đối ngoại của nhà Thanh đối với phương Tây là

- A. thực hiện chính sách bế quan tỏa cảng.
B. lãnh đạo nhân dân kháng chiến chống thực dân phương Tây, bảo vệ độc lập dân tộc.
C. thực hiện chính sách mở cửa thu hút thương nhân vào buôn bán.
D. cải cách đất nước theo chính sách của Minh Trị (Nhật Bản).

Câu 11: Người đặt nền móng cho nền sử học Trung Quốc là

- A. Thi Nại Am. B. Tư Mã Thiên. C. La Quán Trung. D. Đỗ Phủ.

Câu 12: Việc phát minh ra nông lịch là thành quả của Trung Quốc dưới thời

A. Minh. B. Tần- Hán. C. Thanh. D. Đường.

Câu 13: Nho giáo bắt đầu trở thành cơ sở lý luận và tư tưởng chính thống cho xã hội phong kiến Trung Quốc từ triều đại

A. Hán. B. Minh. C. Thanh. D. Đường.

Câu 14: Chế độ phong kiến Trung Quốc bị lên án gay gắt, đặc biệt là trong giai đoạn suy tàn. Đó là nội dung chính trong tác phẩm

A. Tam quốc diễn nghĩa. B. Hồng lâu mộng.
C. Thủy hử. D. Tây du kí.

Câu 15: Bốn phát minh quan trọng của người Trung Quốc là

A. giấy, la bàn, thuốc súng và luyện kim. B. giấy, kĩ thuật in, la bàn và thuốc súng.
C. la bàn, thuốc súng, luyện kim và làm gốm. D. giấy, kĩ thuật in, la bàn và luyện kim.

Câu 16: Trong bộ máy nhà nước thời Tần, đứng đầu quan văn - võ là

A. Thừa tướng và Thái úy. B. Thái úy và Thượng Thư.
C. Tể tướng và Thừa tướng. D. Tể tướng và Thái úy.

Câu 17: Bộ máy nhà nước thời Đường khác thời Tần, Hán ở điểm nào?

A. Có thêm chức Tiết độ sứ. B. Bỏ chức Thừa tướng và Thái úy.
C. Có thêm chức Tể tướng. D. Chỉ con em quý tộc, địa chủ mới làm quan.

Câu 18: Sau khi nhà Đường sụp đổ, Trung Quốc bước vào cục diện

A. Xuân thu chiến quốc. B. Ngũ đại thập quốc.
C. Nam - Bắc phân tranh. D. Tam quốc

Câu 19: Biểu hiện chủ yếu của mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa xuất hiện ở Trung Quốc thời Minh là

A. thương nhân phương Tây vào buôn bán.
B. có nhiều xưởng thủ công tương đối lớn.
C. xuất hiện các nhà buôn lớn.
D. hàng hóa được trao đổi khắp trong và ngoài nước, thâm nhập vào cả nông nghiệp.

Câu 20: Đỗ Phủ, Lý Bạch, Bạch Cư Dị là những nhà thơ nổi tiếng thời

A. Đường. B. Tống. C. Minh. D. Thanh

Câu 21: Các tác phẩm “Hồng lâu mộng”, “Tây du kí” thuộc thể loại

A. tiểu thuyết. B. sử kí. C. trường ca. D. thơ.

Câu 22: “Thi sử” là mệnh danh của nhà thơ

A. Bạch Cư Dị. B. Đỗ Phủ. C. Lý Bạch D. Vương Duy.

Câu 23: Sự biến An Lộc Sơn năm 755 xảy ra dưới thời

A. Đường. B. Tống. C. Minh. D. Thanh.

Câu 24: Cuộc khởi nghĩa đã lật đổ triều Minh là

A. khởi nghĩa của Chu Nguyên Chương.
B. khởi nghĩa của Tống Giang.
C. khởi nghĩa của Lý Tự Thành.
D. khởi nghĩa của Trần Thắng - Ngô Quảng.

Câu 25: Người đã thực hiện các cuộc “hạ Tây dương” dưới thời Minh là

A. Trương Khiên. B. Vương Mãng. C. Minh Thành Tổ. D. Trịnh Hòa

Câu 26: Con đường thương mại nổi tiếng nối từ Trung Quốc, qua Tây Á tới châu Âu thời cổ trung đại, được gọi là

- A. Con đường bạch ngọc. B. Con đường tơ lụa.
C. Con đường lụa trắng. D. Con đường lạc đà.

Câu 27: Dưới thời Đường, nhà nước đặt chức Tiết độ sứ để

- A. huy động nhân dân khai hoang lập đồn điền. B. chỉ huy quân đội đi xâm lược nước khác.
C. trấn giữ biên cương. D. đi sứ sang nước ngoài.

Câu 28: Dưới thời Tống, Nho giáo đã

- A. mất địa vị độc tôn.
B. được phát triển thêm một bước, mang màu sắc tôn giáo.
C. trở thành một tôn giáo đa thần.
D. bị suy yếu.

Câu 29: Công trình kiến trúc mang tính phòng thủ, trải dài trên các vùng đồi núi và được hoàn thiện qua nhiều triều đại của Trung Quốc được gọi là

- A. Vạn lý trường thành. B. Vạn lý trường chinh. C. Cung A Phòng. D. Lăng Li Sơn.

Câu 30: Cuộc khởi nghĩa nông dân lớn nhất thời Đường do ai lãnh đạo?

- A. Triệu Khuông Dẫn. B. Chu Nguyên Chương. C. Hoàng Sào. D. Lưu Bang.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Chế độ phong kiến Trung Quốc đã hình thành như thế nào?

Câu 2: Chứng minh nhà Đường là thời kì phát triển đỉnh cao của chế độ phong kiến Trung Quốc?

Câu 3: Em hãy đưa ra những nhận xét của bản thân về tính chất bộ máy nhà nước thời Tần - Hán?

Câu 4: Em hãy đánh giá những ưu và nhược điểm của chính sách quân điền dưới thời Đường?

Câu 5: Chứng minh những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện ở Trung Quốc thời nhà Minh?

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - D	2 - B	3 - A	4 - C	5 - C	6 - B	7 - D	8 - B	9 - D	10 - A
11 - B	12 - B	13 - A	14 - C	15 - B	16 - A	17 - A	18 - B	19 - D	20 - A
21 - A	22 - B	23 - A	24 - C	25 - D	26 - B	27 - C	28 - B	29 - A	30 - C

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Chế độ phong kiến Trung Quốc đã hình thành như thế nào?

- Thời kì Xuân Thu - Chiến Quốc ở Trung Quốc (khoảng thế kỉ V TCN) là thời đại có nhiều biến động lớn về kinh tế - xã hội, chính trị và văn hóa dẫn đến sự sụp đổ của chế độ chiếm nô và hình thành chế độ phong kiến ở Trung Quốc.

- Về mặt kinh tế, công cụ đồ sắt xuất hiện làm cho nông nghiệp và thủ công nghiệp có điều kiện phát triển mạnh. Quan lại và một số nông dân giàu có đã tập trung trong tay nhiều của cải. Bằng quyền lực của mình, họ còn tước đoạt thêm nhiều ruộng đất công. Do đó, một giai cấp mới hình thành - giai cấp địa chủ bóc lột.
- Cùng với quá trình hình thành giai cấp địa chủ, nông dân cũng bị phân hóa. Một bộ phận giàu có thì nhập vào giai cấp bóc lột. Số khác vẫn giữ được ruộng đất để cày cấy, họ là nông dân tự canh, có nghĩa vụ nộp thuế, đi lao dịch cho Nhà nước. Số còn lại thì nghèo khổ, không có ruộng đất, phải xin nhận ruộng của địa chủ để cày cấy. Khi nhận ruộng, họ phải nộp một phần hoa lợi cho địa chủ, gọi là tô ruộng đất. Tầng lớp xã hội cuối cùng này là những tá điền, hay nông dân lĩnh canh. Như vậy, quan hệ chủ yếu trước kia là quan hệ bóc lột giữa quý tộc đối với nông dân công xã dần dần nhường chỗ cho quan hệ bóc lột địa tô của địa chủ với nông dân lĩnh canh. Quan hệ phong kiến do đó mà xuất hiện.

Câu 2: Chứng minh nhà Đường là thời kì phát triển đỉnh cao của chế độ phong kiến Trung Quốc?

- Về kinh tế: nhà Đường thực hiện chế độ quân điền, phân cấp ruộng đất cho nông dân (gồm hai loại: ruộng khẩu phần và ruộng vĩnh nghiệp) và thu thuế của nông dân một cách cố định theo chế độ tô, dung, điệu. Nhờ đó, nông dân có ruộng đất và yên ổn làm ăn, kinh tế phát triển nhanh chóng. Kinh tế công thương nghiệp, cả nội thương và ngoại thương đều phát triển theo đà phát triển của nông nghiệp.
- Về chính trị:
 - + Đối nội: Nhà Đường tiếp tục củng cố chính quyền trung ương, làm cho bộ máy cai trị phong kiến được hoàn chỉnh. Cử người thân tộc cai quản các địa phương, đặt chức Tiết độ sứ. Chính quyền phong kiến thời Đường được tăng cường nhằm nâng cao quyền lực tuyệt đối của Hoàng đế.
 - + Đối ngoại: Thực hiện chính sách xâm lược và mở rộng lãnh thổ. Trung Quốc thời Đường đã trở thành một đế quốc phong kiến phát triển nhất.
- Về văn hóa: Nhà Đường thực hiện chế độ khoa cử, các trường học mở rộng cả ở thành thị và nông thôn, tầng lớp trí thức rất đông đảo. Rất nhiều văn nghệ sĩ có tài năng xuất hiện, tiêu biểu như nhà thơ Lí Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

Câu 3: Em hãy đưa ra những nhận xét của bản thân về tính chất bộ máy nhà nước thời Tần - Hán?

- Nhà nước thời Tần - Hán được tổ chức:
 - + Ở trung ương: Hoàng đế có quyền tối cao, bên dưới có Thừa tướng, Thái úy và các quan coi giữ các mặt khác.
 - + Ở địa phương: chia thành quận, huyện với các chức Thái thú và Huyện lệnh, phải chấp hành mệnh của nhà vua.
- Tính chất: quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền, trong đó Hoàng đế nắm quyền tối cao. Chế độ phong kiến Trung Quốc đã được xác lập và củng cố.

Câu 4: Em hãy đánh giá những ưu và nhược điểm của chính sách quân điền dưới thời Đường?

- Ưu điểm: Người nông có ruộng để canh tác, năng suất lao động tăng, đảm bảo nguồn lương thực và nguồn thu tô thuế của nhà nước. Kinh tế thời Đường có sự phát triển hơn so với các triều đại trước đó.
- Nhược điểm: Không được thực hiện triệt để, có sự khác nhau giữa các vùng miền khi thực hiện.

Câu 5: Chứng minh những mầm mống kinh tế tư bản chủ nghĩa đã xuất hiện ở Trung Quốc thời nhà Minh?

Từ thế kỷ XVI đã xuất hiện mầm mống kinh tế TBCN:

- + Thủ công nghiệp: xuất hiện công trường thủ công, quan hệ chủ - người làm thuê.
- + Thương nghiệp phát triển thành thị mở rộng và phồn thịnh.

Các thành thị mọc lên nhiều và rất phồn thịnh. Bắc Kinh, Nam Kinh không chỉ là trung tâm chính trị mà còn là trung tâm kinh tế lớn.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI

CHỦ ĐỀ 4: AN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Chỉ ra được An Độ là một nước có nền văn minh lâu đời, phát triển cao, cùng với Trung Quốc có ảnh hưởng sâu rộng ở châu Á và trên thế giới.
- + Lí giải được thời kì vương triều Gúp – ta và Hậu Gúp – ta là thời kì định hình của văn hóa truyền thống An Độ.
- + Xác định được vị trí của Vương triều Hồi giáo Đê – li và Vương triều Mô – gôn trong lịch sử An Độ
- + So sánh chính sách cai trị của Vương triều Hồi giáo Đê – li và Mô – gôn từ đó rút ra nhận xét những nét giống nhau và khác nhau của 2 vương triều.
- + Trình bày được sự phát triển của lịch sử và văn hóa truyền thống của An Độ.
- + Chứng minh được sự giao lưu, tiếp xúc giữa văn hóa giữa An Độ và các nước trong khu vực thời trung đại.

❖ Kỹ năng

- + Trên cơ sở các sự kiện lịch sử, biết phân tích, tổng hợp và rút ra kết luận.
- + Lập niên biểu các sự kiện lịch sử An Độ thời phong kiến.
- + So sánh được chính sách cai trị của các vương triều.
- + Đánh giá được vị trí của các vương triều trong lịch sử An Độ cũng như đóng góp của nền văn hóa An Độ đối với nhân loại.

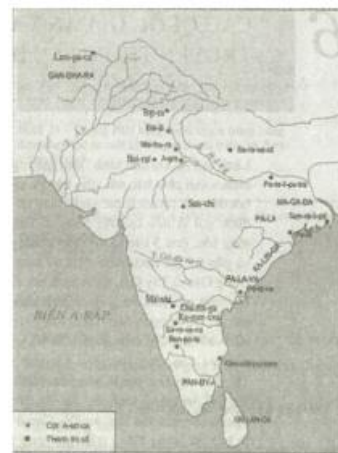
I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ VÀ VĂN HÓA CỦA ẤN ĐỘ THỜI PHONG KIẾN

A. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA LỊCH SỬ

1. Thời kì các quốc gia đầu tiên (1500 TCN – thế kỉ IV SCN)

- Ở vùng Đông Bắc của sông Hằng, thiên nhiên thuận lợi → từ sớm đã hình thành một số nhà nước do các tiểu vương đứng đầu.
- Ma – ga – đa là vương quốc lớn mạnh nhất
- + Kinh đô là Pa – ta – li – pu – tra.
- + Vị vua kiệt xuất nhất là A – xô – ca (thế kỉ III TCN).

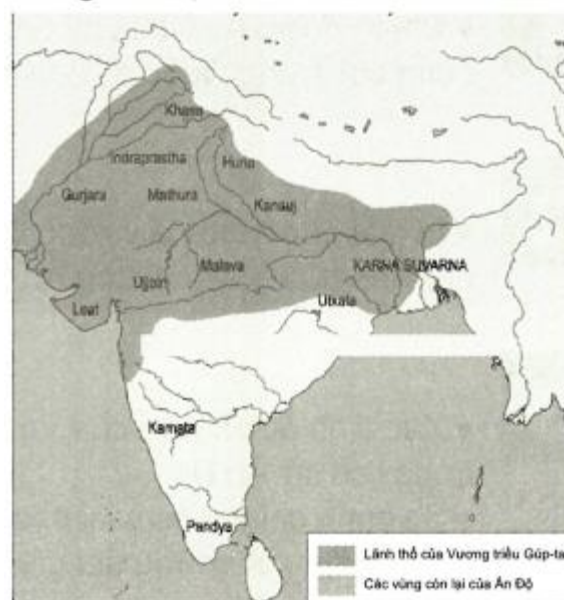


Lược đồ Ấn Độ thời cổ đại

2. Thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống (thế kỉ IV SCN -

thể kỉ VII)

- 319, Gúp – ta thống nhất miền Bắc Ấn Độ. Vương triều Gúp – ta được thành lập, tồn tại qua 9 đời vua.
- Vai trò của Vương triều Gúp – ta:
 - + Chống lại sự xâm lược của các tộc người Trung Á
 - + Thống nhất miền Bắc, làm chủ miền Trung Ấn Độ
- Sau thời kì Gúp – ta (319 – 467) là thời kì Hậu Gúp – ta (467 – 606) và Vương triều Hắc – sa (606 – 647)



Lược đồ lãnh thổ Vương triều Gúp-ta

3. Thế kỉ VII – Thế kỉ XII

- Ấn Độ lại rơi vào tình trạng chia rẽ, phân tán, chia cắt thành hai miền Nam – Bắc.
- + Mỗi miền lại tách ra thành 3 nước riêng
- + Vùng Đông Bắc: nổi lên vai trò của nước Pa – la
- + Miền Nam nổi lên vai trò của nước Pa – la – va
- Sự phân tán này không đem lại sức mạnh thống nhất để Ấn Độ chống cự trước các cuộc tấn công từ bên ngoài.

4. Vương triều hồi giáo Đê – li (1206 – 1526)

- Hoàn cảnh ra đời: Sự phân tán, chia cắt trong các thế kỉ VII – XII → Ấn Độ suy yếu, không đủ sức chống cự trước sự xâm nhập của bên ngoài.
- Quá trình hình thành: 1206, người Hồi giáo vào chiếm đất Ấn Độ lập nên Vương quốc Hồi giáo ở miền Bắc Ấn Độ, đóng đô ở Đê – li, gọi là vương triều Hồi giáo Đê – li.
- Chính sách cai trị:
 - + Dành cho người Hồi giáo quyền ưu tiên ruộng đất, địa vị trong bộ máy quan lại.
 - + Truyền bá, áp đặt Hồi giáo.
 - + Phân biệt tôn giáo (đặt thuế Jaziah đối với người không theo đạo Hồi,...)

+Nhiều ông vua thi hành chính sách mềm mỏng để giữ yên đất nước, song không thể làm tan đi nổi bất bình của nhân dân.

5. Vương triều hồi giáo Mô – gôn (1526 – 1707)

- Quá trình ra đời: 1398, thủ lĩnh – Vua Ti – mua Leng theo dòng dõi Mông Cổ tấn công vào Ấn Độ, đến năm 1526 lập ra Vương triều Mô – gôn.

- Chính sách thống trị:

+ Các ông vua đều ra sức củng cố theo hướng Ấn Độ hóa xây dựng đất nước.

+ Vua A – cơ – ba tiến hành cải cách → đất nước phát triển.

+ Đầu thế kỉ XVII, do chính sách thống trị hà khắc của giai cấp thống trị, Ấn Độ lâm vào khủng hoảng.



Vua A-cơ-ba (1556 - 1605)

B. SỰ PHÁT TRIỂN CỦA VĂN HÓA

1. Thời kì các quốc gia đầu tiên (1500 TCN – thế kỉ IV SCN)

- Đạo Phật ra đời (khoảng thế kỉ VI TCN) và được truyền bá rộng rãi.

2. Thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống (thế kỉ IV SCN - thế kỉ VII)

- Tôn giáo:

+ Đạo Phật phát triển, truyền bá khắp Ấn Độ và truyền ra nhiều nơi.

+ Đạo Ấn Độ (đạo Hindu) ra đời và phát triển, thờ 3 vị thần chính: thần Brahma, thần Visnu và thần Siva.

- Chữ viết: từ ngữ viết cổ Brahmi đã nâng lên, sáng tạo, hoàn chỉnh hệ chữ Phạn.

- Văn học cổ điển Ấn Độ mang đậm tinh thần và triết lí Hin – đú giáo.

- Văn hóa Ấn Độ được truyền bá rộng rãi ra bên ngoài (nhất là ở Đông Nam Á).



Phật Thích Ca Mâu Ni

3. Thế kỉ VII – Thế kỉ XII

- Văn hóa Ấn Độ phát triển sâu rộng trên toàn lãnh thổ và có ảnh hưởng ra bên ngoài.



Tháp Chăm ở Việt Nam
(ảnh hưởng từ văn hóa Ấn Độ)

4. Vương triều hồi giáo Đê – li (1206 – 1526)

- Văn hóa Hồi giáo du nhập vào Ấn Độ.
- Xây dựng một số công trình mang dấu ấn kiến trúc Hồi giáo → bước đầu có sự giao lưu văn hóa Đông – Tây
- Đạo Hồi được truyền bá đến một số nước Đông Nam Á (nhờ thương nhân Ấn Độ)

5. Vương triều hồi giáo Mô – gôn (1526 – 1707)

- Văn hóa tiếp tục có những bước phát triển mới, đạt nhiều thành tựu.



II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Hai con sông gắn liền với sự hình thành và phát triển của quốc gia cổ đại Ấn Độ là

- A. Sông Nin và sông Hằng. B. Sông Ti-gơ và Ô – phơ – rất.
C. Sông Ấn và sông Hằng. D. Sông Hoàng Hà và Trường Giang.

Câu 2: Quốc gia đầu tiên của Ấn Độ có tên là gì?

- A. Ma – ga – đa. B. Gúp – ta. C. Mô – gôn. D. Đê – li.

Câu 3: Đến thế kỉ III TCN, Vương quốc Ma – ga – đa trở nên hùng mạnh dưới thời vua nào?

- A. Mi – hi – ra – cu – la. B. A – cơ – ba.
C. Sa – mu – đra – gúp – ta. D. A – sô – ca.

Câu 4: Tôn giáo nào giữ vai trò quan trọng trong quá trình thống nhất Vương quốc Ma – ga – đa?

- A. Phật giáo. B. Ấn độ giáo. C. Hồi giáo. D. Thiên Chúa giáo.

Câu 5: Nơi khởi phát và sinh trưởng nền văn hóa truyền thống của văn minh Ấn Độ là

- A. miền Nam Ấn Độ B. cao nguyên Đê – can C. lưu vực sông Hằng D. Tây Bắc Ấn Độ

Câu 6: Tôn giáo nào sau đây không phải là sản phẩm của nền văn hóa Ấn Độ?

- A. Thiên Chúa giáo B. Phật giáo C. Hin – đu giáo D. đạo Bà – la – môn

Câu 7: Đạo Phật ra đời vào thời gian nào ở Ấn Độ?

- A. Thế kỉ IV TCN B. Thế kỉ V TCN C. Thế kỉ VI TCN D. Thế kỉ III TCN

Câu 8: Sau thời kì phân tán loạn lạc (thế kỉ III TCN đến đầu thế kỉ IV), Ấn Độ được thống nhất lại dưới vương triều nào?

- A.** Vương triều Hắc – sa
B. Vương triều Gúp – ta
C. Vương triều Hồi giáo Đê – li
D. Vương triều Mô - gôn
- Câu 9:** Trình độ phát triển cao của nghề luyện kim dưới thời Vương triều Gúp – ta được thể hiện ở việc
A. đúc được cột sắt, đúc được tượng Phật bằng sắt cao 2m
B. nghề khai mỏ phát triển: khai thác sắt, đồng, vàng
C. đúc một cột sắt cao 7,25 m, nặng 6500 kg
D. đúc được cột sắt không gỉ, đúc tượng Phật bằng đồng cao 2 m
- Câu 10:** Miền Bắc Ấn Độ được thống nhất lại, bước vào một thời kì mới, phát triển cao và đặc sắc của lịch sử Ấn Độ dưới thời kì vương triều nào?
A. Vương triều Hồi giáo Đê – li
B. Vương triều Mau – ry - a
C. Vương triều Hắc – sa
D. Vương triều Gúp – ta
- Câu 11:** Vương triều Gúp – ta có bao nhiêu đời vua? Trải qua bao nhiêu năm?
A. 8 đời vua – 140 năm
B. 10 đời vua – 150 năm
C. 7 đời vua – 120 năm
D. 9 đời vua – 150 năm
- Câu 12:** Chữ Phạn (Sanskrit) được dùng phổ biến bắt đầu từ triều đại nào?
A. Vương triều Ma – ga - đa
B. Từ thời vua A – xô – ca trở đi
C. Vương triều Hắc - sa
D. Vương triều Gúp - ta
- Câu 13:** Thành phố nào là quê hương của Phật tổ Thích Ca Mâu Ni?
A. Ma - đrat
B. Bom – bay
C. Agra
D. Ka – pi – la – va – xtu
- Câu 14:** Đạo Hin – đu được bắt nguồn từ
A. Những tín ngưỡng cổ xưa của người Ấn Độ
B. Nho giáo
C. giáo lý của đạo Phật
D. tư tưởng triết học cổ đại Trung Hoa
- Câu 15:** Trong Hin – đu giáo, thần In – đơ còn được gọi là
A. Thầy Hủy diệt
B. Thần Sáng tạo
C. Thần Sấm sét
D. Thần Bảo hộ
- Câu 16:** Hai tôn giáo lớn có nguồn gốc từ Ấn Độ là
A. Đạo Bà – la – môn và đạo Hồi
B. Đạo Bà – la – môn và đạo Thiên Chúa
C. Đạo Phật và đạo Bà – la – môn
D. Đạo Phật và đạo Thiên Chúa
- Câu 17:** Người sáng lập ra đạo Phật là
A. Sít – đác – ta Gautama.
B. Gúp – ta
C. Bim – bi – sa – ra
D. A – xô – ca
- Câu 18:** Trong lịch sử Trung đại Ấn Độ, vương triều nào được xem là giai đoạn thống nhất và thịnh vượng nhất?
A. Vương triều Gúp – ta
B. Vương triều Hắc - sa
C. Vương triều Hồi giáo Đê - li
D. Vương triều Mô - gôn
- Câu 19:** Loại hình kiến trúc nào tiêu biểu cho tín ngưỡng sùng Phật giáo của Ấn Độ?
A. Cột đá
B. Lăng mộ
C. Chùa hang
D. Tháp mộ
- Câu 20:** Vương triều Mô – gôn được thành lập bởi
A. người gốc Thổ theo Hồi giáo
B. người Hồi giáo gốc Mông Cổ
C. Người Hồi giáo gốc Trung Á
D. người Hồi giáo gốc Lương Hà
- Câu 21:** Nội dung nào dưới đây là nội dung nằm trong chính sách của A – cơ – ba?

A. người gốc Thổ theo Hồi giáo

B. người Hồi giáo gốc Mông Cổ

C. người Hồi giáo gốc Trung Á

D. người Hồi giáo gốc Lương Hà

Câu 22: Công trình kiến trúc Hồi giáo nào được xây dựng dưới thời Mô – gôn và được mệnh danh là “giấc mơ tiên hiện trên đá trắng”?

A. Lăng mộ Tajmahal

B. Chùa hang Ajanta

C. Đền thờ Linga ngọc bích

D. Tháp Cutup Mina

Câu 23: Đế quốc nào xâm lược Ấn Độ cuối thời Mô – gôn?

A. Tây Ban Nha

B. Hà Lan

C. Anh

D. Bồ Đào Nha

Câu 24: Chữ viết cổ nhất của Ấn Độ là

A. Brahmi

B. chữ Phạn

C. chữ tượng ý

D. chữ hình nêm

Câu 25: Văn hóa Ấn Độ đã được truyền bá và có ảnh hưởng mạnh mẽ, sâu rộng nhất ở đâu?

A. Trung Quốc.

B. Ả - rập.

C. các nước Đông Nam Á.

D. Mông Cổ.

Câu 26: Để phát triển ảnh hưởng của đạo Hồi, Vương triều Hồi giáo Đê – li đã

A. Thực hiện bình đẳng tôn giáo

B. Giành tước quan cho những người theo đạo Hồi

C. Áp đặt Hồi giáo cho tất cả cư dân Ấn Độ

D. Giành ưu tiên về ruộng đất, tước quan cho những người theo đạo Hồi và áp đặt Hồi giáo vào những cư dân theo Phật giáo và Hin – du giáo

Câu 27: Lăng Tajmahal được xây dựng dưới thời vua

A. Ba – bua

B. A – cơ - ba

C. Sa Gia - han

D. Gia – han – ghi - a

Câu 28: Vua A – cơ – ba được nhân dân Ấn Độ tôn sùng là “Đấng chí tôn” và được đánh giá là một trong những vị hoàng đế vĩ đại của Ấn Độ vì

A. ông đã tiến hành nhiều cuộc xâm lược mở rộng lãnh thổ

B. ông tạo điều kiện cho Hồi giáo phát triển

C. ông khuyến khích các hoạt động sáng tạo văn hóa, nghệ thuật

D. ông đã thi hành nhiều chính sách tích cực đưa xã hội Ấn Độ phát triển thịnh vượng

Câu 29: Phật giáo được tôn làm quốc giáo dưới thời cai trị của vị vua nào?

A. A – xô - ca

B. Ba – bua

C. Humayun

D. A – cơ – ba

Câu 30: Điểm khác của Vương triều Mô – gôn so với Vương triều Hồi giáo Đê – li là

A. Vương triều ngoại tộc

B. theo Hồi giáo

C. bị Ấn Độ hóa

D. xuất hiện vị vua kiệt xuất nhất trong lịch sử Ấn Độ

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tại sao nói thời Gúp – ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ?

Câu 2: Những yếu tố văn hóa truyền thống nào của Ấn Độ có ảnh hưởng ra bên ngoài và ảnh hưởng đến những nơi nào?

Câu 3: Vương triều Hồi giáo Đê – li đã thực hiện những chính sách gì trong quá trình thống trị Ấn Độ? Phân tích hậu quả của những chính sách đó.

Câu 4: Hãy nối những sự kiện chính của Vương triều Mô – gôn ở cột A với năm tương ứng ở cột B:

A	B
1. Ti – mua – leng tấn công Ấn Độ	a. 1526
2. Vương triều Mô – gôn hình thành	b. 1398
3. Vương triều Mô – gôn suy yếu và bị Bồ Đào Nha xâm lược	c. 1707
	d. 1556

Câu 5: Nối các năm ở cột A với các giai đoạn ở cột B của lịch sử Ấn Độ:

A	B
1. 500 năm TCN	a. Vương triều Hắc – xa
2. 319 – 467	b. Ma – ga – đa hình thành
3. 606 – 647	c. Vương triều Hồi giáo Đê – li
4. 1206 – 1526	d. Vương triều Gúp – ta
5. 1526 – 1707	e. Vương triều Pa – la – va
	g. Vương triều Môn – gôn
	h. Vương triều Pa – la

HƯỚNG DẪN GIẢI

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 – C	2 – A	3 – D	4 – A	5 – C	6 – A	7 – C	8 – B	9 – D	10 – D
11 – D	12 – D	13 – D	14 – A	15 – C	16 – C	17 – A	18 – A	19 – C	20 – B
21 – D	22 – A	23 – D	24 – A	25 – C	26 – D	27 – C	28 – D	29 – A	30 – D

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Tại sao nói thời Gúp – ta là thời kì định hình và phát triển của văn hóa truyền thống Ấn Độ?

- Thời kì Gúp – ta, đạo Phật tiếp tục đã được truyền bá mạnh mẽ.
 - Cùng với sự truyền bá đạo Phật, rất nhiều chùa hang (đục đẽo hang đá thành chùa) đã ra đời. Cùng với chùa là những pho tượng Phật được điêu khắc bằng đá hoặc trên đá.
 - Ấn Độ giáo (Hin – đu giáo) cũng ra đời và phát triển và tôn giáo thu hút phần lớn tín đồ ở Ấn Độ. Để thờ các vị thần của Hin – đu giáo, người ta cũng xây dựng rất nhiều ngôi đền bằng đá đồ sộ hoặc đúc những pho tượng bằng đồng với phong cách nghệ thuật độc đáo.
 - Chữ Phạn được dùng phổ biến dưới thời Gúp – ta
- Thời Gúp – ta đã có những công trình kiến trúc, điêu khắc, những tác phẩm văn học tuyệt vời, làm nền cho văn hóa Ấn Độ, có giá trị vĩnh cửu, xuyên suốt thời gian lịch sử của loài người.

Câu 2: Những yếu tố văn hóa truyền thống nào của Ấn Độ có ảnh hưởng ra bên ngoài và ảnh hưởng đến những nơi nào?

- Ngay từ thời A – xô – ka, nhà vua đã phái 9 sứ đoàn Phật giáo ra bên ngoài để truyền bá, trong đó có sứ đoàn đến Hi Lạp và Đông Nam Á.

- Từ các thế kỉ tiếp giáp Công nguyên, văn hóa Ấn Độ đã theo chân các thương nhân đến Đông Nam Á, tạo nên những ảnh hưởng lâu dài và sâu rộng đối với phần lớn Đông Nam Á. Đạo Hin – đu, Phật giáo, nghệ thuật , chữ viết, triết học, thần thoại, ... đều được các cư dân bản địa Đông Nam Á tiếp nhận một cách sáng tạo để tạo nên những thành tựu văn hóa, văn minh đặc sắc của các dân tộc Đông Nam Á.

Câu 3: Vương triều Hồi giáo Đê – li đã thực hiện những chính sách gì trong quá trình thống trị Ấn Độ? Phân tích hậu quả của những chính sách đó.

- Năm 1206, người Hồi giáo chiếm Ấn Độ, lập ra Vương triều Hồi giáo Đê – li. Vương triều Đê – li đã thực hiện chính sách cai trị hà khắc nhằm bảo vệ quyền lợi của tầng lớp thống trị người Hồi và chống lại người Ấn cũng như Ấn Độ giáo.

+ Truyền bá, áp đặt Hồi giáo, giành quyền ưu tiên về ruộng đất và địa vị trong bộ máy quan lại cho quý tộc Hồi

+ Về tôn giáo: thi hành chính sách mềm mỏng, song xuất hiện sự phân biệt tôn giáo.

+ Về văn hóa: văn hóa Hồi giáo được du nhập vào Ấn Độ.

- Về kiến trúc: xây dựng một số công trình mang dấu ấn kiến trúc Hồi giáo, xây dựng kinh đô Đê – li trở thành một thành phố lớn nhất thế giới.

- Hậu quả của chính sách đó: tạo ra sự mâu thuẫn dân tộc và tôn giáo sâu sắc, tạo ra hố sâu ngăn cách xã hội Ấn Độ.

Câu 4: Nối các nội dung ở cột A cho phù hợp nội dung ở cột B

1 – b, 2 – a , 3 – c

Câu 5: Nối các nội dung ở cột A cho phù hợp nội dung ở cột B

1 – b, 2 – d, 3 – a, 4 – c, 5 – g

LỊCH SỬ THẾ GIỚI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI

CHỦ ĐỀ 5: ĐÔNG NAM Á THỜI PHONG KIẾN

Mục tiêu

❖ Kiến thức

1. Trình bày được những nét khái quát về lịch sử và văn hóa của các nước Đông Nam Á:
 - + Những thuận lợi và khó khăn về điều kiện địa lí - dân cư của khu vực Đông Nam Á.
 - + Sơ lược về các giai đoạn phát triển lịch sử của khu vực.
 - + Những nét nổi bật của tiến trình lịch sử và văn hóa khu vực.
2. Chỉ ra được những ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ đối với sự phát triển của văn hóa ở các quốc gia Đông Nam Á, đặc biệt là ở 2 nước Lào và Campuchia.
3. Chứng minh được sự phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến ở Đông Nam Á; liên hệ với quốc gia Đại Việt.
4. + Trình bày được vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và những giai đoạn phát triển lịch sử của Vương quốc Lào và Campuchia.
 - + Nhận xét được nét độc đáo về văn hóa của vương quốc Lào và Campuchia.

❖ Kỹ năng

1. + Khái quát hoá sự hình thành và phát triển của các quốc gia Đông Nam
 - + Lập bảng thống kê về sự phát triển của các quốc gia Đông Nam Á qua các thời kì lịch sử.
2. Lập bảng niên biểu về các giai đoạn phát triển của Vương quốc Lào và Vương quốc Campuchia.
3. Tổng hợp, phân tích các sự kiện lịch sử về các giai đoạn phát triển của Vương quốc Lào và Campuchia.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

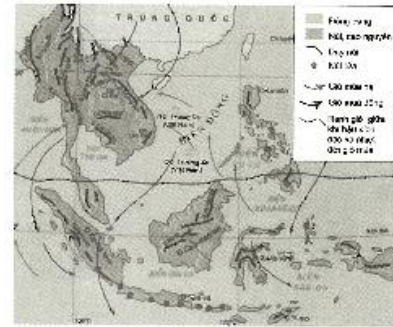
SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC CHÍNH Ở ĐÔNG NAM Á

1. SỰ RA ĐỜI CỦA CÁC VƯƠNG QUỐC CỔ Ở ĐÔNG NAM Á

1.1/ Điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế

a/ Điều kiện tự nhiên

- + Nằm ở vị trí ngã tư đường giao thông quốc tế (cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, châu Á - châu Úc).
- + Địa hình bị chia cắt mạnh mẽ bởi núi, đồi, cao nguyên, biển,...
- + Khí hậu nóng, ẩm, mưa nhiều; chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi gió mùa (với 2 luồng gió chính: Đông Bắc, Tây Nam).



Lược đồ địa hình và hướng gió ở khu vực Đông Nam Á

b/ Phát triển kinh tế

- + Đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng đồ sắt.
- + Nông nghiệp (trồng lúa nước,...) vẫn là ngành sản xuất chính. Các nghề thủ công truyền thống (dệt, làm gốm, đúc đồng và rèn sắt,...) phát triển.
- + Việc buôn bán đường biển rất phát đạt, một số thành thị - hải cảng đã ra đời như Óc Eo (An Giang, Việt Nam), Takola (Mã Lai)...



1.2. Sự hình thành các vương quốc cổ

a/ Sự ra đời

- + Sự phát triển kinh tế → xã hội của cư dân Đông Nam Á dần có sự phân hóa.
- + Tác động về kinh tế của các thương nhân Ấn và ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ.

b/ Khoảng 10 thế kỉ đầu Công nguyên, hàng loạt các quốc gia nhỏ được hình thành ở khu vực phía nam Đông Nam Á.

c/ Quốc gia tiêu biểu

- + Chăm-pa ở Trung Bộ Việt Nam.
- + Phù Nam ở hạ lưu sông Mê Công.
- + Các tiểu quốc ở hạ lưu sông Mê Nam.
- + Các tiểu quốc trên các đảo ở In-đô-nê-xi-a.

2. SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUỐC GIA PHONG KIẾN ĐÔNG NAM Á

2.1. Thế kỉ VII-X

Hình thành một số quốc gia phong kiến dân tộc.

- + Vương quốc Campuchia của người Khmer.
- + Các vương quốc của người Môn và người Miến ở Hạ lưu sông Mê Nam.
- + Các vương quốc của người Indônêxia ở đảo Xumatora và Giava.



Một góc của quần thể Ăng-co
(cổ đô của Vương quốc Campuchia)

2.2. Nửa sau thế kỉ X – Nửa đầu thế kỉ XVII

a/ Thời kì phát triển của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á

+ Xuất hiện các vương quốc thống nhất, lớn mạnh:

- Đại Việt thời Lý - Trần - Lê sơ.

- Campuchia thời Ăng-co.

- Vương triều Môgôpahit ở Indônêxia.

- ...

+ Nền kinh tế khu vực phát triển thịnh đạt.

- Xuất hiện các vùng kinh tế quan trọng.

- Cung cấp một lượng lớn lúa gạo, các sản phẩm thủ công.

- Thu hút lái buôn nhiều nước trên thế giới đến buôn bán.

+ Các dân tộc Đông Nam Á xây dựng được nền văn hoá riêng của mình với những nét độc đáo.

b/ Nhiều quốc gia mới ra đời trên cơ sở sự di cư của người Thái (từ thượng nguồn sông Mê Công tới định cư ở lưu vực sông Mê nam): Vương quốc Su-khô-thay, Lan Xang,...

2.3. Từ nửa sau thế kỉ XVIII

+ Các quốc gia phong kiến Đông Nam Á lâm vào khủng hoảng:

- Kinh tế suy thoái.

- Chính trị - xã hội mất ổn định.

→ Tiềm lực quốc gia suy yếu.

+ Các quốc gia Đông Nam Á phải đương đầu với chiến tranh xâm lược của các nước phương Tây.

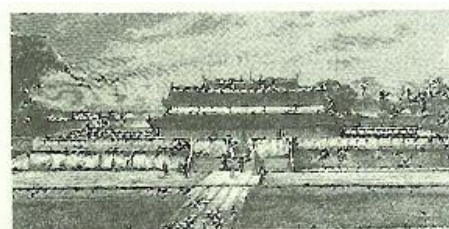
+ Đầu thế kỉ XX, hầu hết các nước Đông Nam Á đã trở thành thuộc địa của các nước phương Tây (trừ Xiêm).



Toàn cảnh khu đền tháp Bô-rô-bu-đua (Indônêxia)



Một góc đô thị cổ Pa-gan (Mianma)



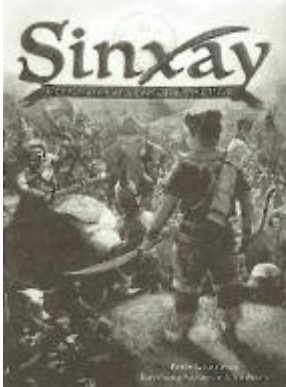
Một góc kinh đô Thăng Long (Đại Việt)



Thực dân Pháp tấn công Đà Nẵng (1/9/1858), mở đầu quá trình xâm lược Việt Nam

VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA VÀ VƯƠNG QUỐC LÀO

	VƯƠNG QUỐC CAMPUCHIA	VƯƠNG QUỐC LÀO
Tộc người chiếm đa số	- Người Khơ-me.	- Người Lào Thong là chủ nhân của các nền văn hóa đồ đá, đồ đồng ở vùng thượng và trung lưu sông Mê Công. - Thế kỉ XIII, người Thái di cư tới sinh sống hòa hợp với người Lào Thong → gọi là Lào Lùm.
Quá trình, hình thành,	- Thế kỉ VI, Vương quốc Campuchia được thành lập.	- 1353, Pha Ngừm thống nhất các Mường Lào, lập ra nước Lan Xang (Triệu Voi).

phát triển	- Thời kì Ăng-co (802 - 1432), Vương quốc Campuchia phát triển thịnh đạt. + Kinh tế phát triển tương đối toàn diện. + Văn hóa Khơ-me được định hình, ngày càng phát triển. + Chinh phục các nước láng giềng và trở thành một trong những cường quốc lớn mạnh nhất khu vực. - Thế kỉ XV - cuối thế kỉ XIX: + Để tránh các cuộc tấn công của người Thái, năm 1432, người Khơ-me bỏ kinh đô Ăng-co, lui về phía nam Biển Hồ. + Do phải đối phó với các cuộc tấn công, xâm lấn từ bên ngoài; tranh giành quyền lực trong nội bộ → Campuchia ngày càng suy kiệt. + Cuối thế kỉ XIX, trở thành thuộc địa của Pháp.	- Thế kỉ XV - XVII, Vương quốc Lào bước vào giai đoạn phát triển thịnh đạt: + Tổ chức bộ máy cai trị được kiện toàn. + Hoạt động giao lưu, trao đổi, buôn bán trong và ngoài nước phát triển. + Giữ quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng. + Kiên quyết chống xâm lược, bảo vệ lãnh thổ và nền độc lập. - Thế kỉ XVIII - XIX: + Tranh chấp quyền lực trong nội bộ triều đình → Vương quốc Lan Xang suy yếu. + Cuối thế kỉ XVIII, Lan Xang trở thành thuộc quốc của Xiêm. + Cuối thế kỉ XIX, Lan Xang trở thành thuộc địa của thực dân Pháp.
Thành tựu văn hóa	- Sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ. - Văn học dân gian và văn học viết phát triển với những câu chuyện có giá trị nghệ thuật. - Kiến trúc, mang đậm dấu ấn của Phật giáo và Hin-đu giáo, tiêu biểu: Ăng-co-vát,....  TUM TEAV Trưởng ca Tum Teav  Chữ Khmer Một góc Ăng-co Vát	- Sáng tạo ra chữ viết riêng của mình trên cơ sở chữ viết của Campuchia và Mianma. - Đời sống văn hoá của người Lào rất phong phú hồn nhiên. - Xây dựng một số công trình kiến trúc Phật giáo điển hình là Thạt Luồng ở Viêng Chăn .  Sinxay Trưởng ca Sinxay  Điệu múa Lâm-vông Thạt Luồng

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Các quốc gia Đông Nam Á có một nét chung về điều kiện tự nhiên, đó là

- A. chịu ảnh hưởng của khí hậu gió mùa.
- B. khí hậu khô, nóng,
- C. chịu ảnh hưởng của khí hậu ôn đới.
- D. chịu ảnh hưởng của khí hậu hàn đới.

Câu 2: Dựa vào yếu tố tự nhiên nào, cư dân Đông Nam Á từ xa xưa đã biết trồng lúa và nhiều loại cây ăn quả, ăn củ khác?

- A. Mùa khô tương đối lạnh, mát.
- B. Mùa mưa tương đối nóng,
- C. Gió mùa kèm theo mưa.
- D. Khí hậu mát, ẩm.

Câu 3: Đến những thế kỉ đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng kim loại gì?

- A. Đồng.
- B. sắt.
- C. Vàng.
- D. Thiếc.

Câu 4: Vương quốc Cham-pa được thành lập ở những vùng nào ở khu vực Đông Nam Á?

- A. Hạ lưu sông Mê Công.
- B. Trung Bộ Việt Nam.
- C. Hạ lưu sông Mê Nam.
- D. Các đảo của Indônêxia.

Câu 5: Vương quốc Phù Nam được thành lập tại vùng nào của Đông Nam Á?

- A. Hạ lưu sông Mê Công.
- B. Hạ lưu sông Mê Nam.
- C. Thượng nguồn sông Mê Công.
- D. Trung Bộ Việt Nam.

Câu 6: Thời kỳ phát triển thịnh vượng của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á vào khoảng thời gian nào?

- A. Đầu thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.
- B. Giữa thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.
- C. Nửa sau thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.
- D. Cuối thế kỉ X đến đầu thế kỉ XVIII.

Câu 7: Indônêxia được thống nhất dưới vương triều nào?

- A. Xumatora.
- B. Giava.
- C. Mô-giô-pa-hít.
- D. Lan Xang.

Câu 8: Vương quốc Pa-gan là tiền thân của quốc gia nào hiện nay?

- A. Campuchia.
- B. Lào.
- C. Phi-líp-pin.
- D. Mianma.

Câu 9: Sự chuyển biến mạnh từ nông nghiệp trồng rau củ sang nông nghiệp trồng lúa nước ở Đông Nam Á diễn ra vào thời gian nào?

- A. Sơ kì đá mới.
- B. Hậu kì đá mới.
- C. Sơ kì đồ đồng.
- D. Sơ kì đồ sắt.

Câu 10: Ngành kinh tế chủ đạo của các quốc gia Đông Nam Á thời cổ đại là

- A. chăn nuôi gia súc trên các đồng cỏ.
- B. thủ công nghiệp,
- C. buôn bán tơ lụa, hương liệu.
- D. nông nghiệp trồng lúa nước

Câu 11: Các quốc gia Đông Nam Á được hình thành trên những cơ sở nào?

- A. Nền sản xuất hàng hóa phát triển.
- B. Sự phát triển của công cụ sản xuất bằng sắt.
- C. Ảnh hưởng của nền văn hóa Ấn Độ.
- D. Sự phát triển của công cụ sản xuất bằng sắt và ảnh hưởng của nền văn hóa Ấn Độ.

Câu 12: Tại khu vực Đông Nam Á người ta tìm thấy dấu vết cư trú của con người từ

- A. thời đồ đá.
- B. thời đồ đồng.
- C. thời đồ sắt.

D. sự xâm nhập của chủ nghĩa thực dân phương Tây.

Câu 13: Mặt hàng nổi tiếng của các quốc gia Đông Nam Á, được các thương nhân trên thế giới ưa chuộng là

A. lúa gạo.

B. cá.

C. sản phẩm thủ công như vải, hàng sơn, đồ sứ, thuốc nhuộm...

D. những sản vật thiên nhiên như các loại gỗ quý, hương liệu, gia vị, đá quý, ngọc trai, cánh kiến..

Câu 14: Nét nổi bật của nền văn hóa của các dân tộc Đông Nam Á là

A. nền văn hóa mang tính bản địa phát triển cao.

B. chịu ảnh hưởng duy nhất của văn hóa Ấn Độ.

C. chịu ảnh hưởng sâu sắc của văn hóa Trung Quốc.

D. trên cơ sở một nền văn hóa bản địa, tiếp thu có chọn lọc những ảnh hưởng văn hóa bên ngoài, các dân tộc Đông Nam Á đã xây dựng một nền văn hóa hết sức độc đáo của mình.

Câu 15: Vương quốc Lan Xang (Lào) ra đời vào thời gian nào?

A. Đầu thế kỉ XIV. **B.** Giữa thế kỉ XIV. **C.** Thế kỉ XV. **D.** Thế kỉ XVI.

Câu 16: Vương quốc Lan Xang bước vào thời kì thịnh vượng vào khoảng thời gian nào?

A. Thế kỉ XIV - XV. **B.** Thế kỉ XV - XVI. **C.** Thế kỉ XV - XVII. **D.** Thế kỉ XV - XVIII.

Câu 17: Vương quốc Lan Xang có chính sách ngoại giao như thế nào với Đại Việt và Campuchia?

A. Đưa quân sang đánh Đại Việt và Campuchia.

B. Giữ quan hệ hòa hiếu với Đại Việt và Campuchia.

C. Giữ quan hệ hòa hiếu với Đại Việt và lấn chiếm Campuchia.

D. Lấn chiếm Đại Việt và giữ quan hệ hòa hiếu với Campuchia.

Câu 18: Đặc điểm tự nhiên nổi bật của Campuchia là

A. nằm trên một cao nguyên rộng lớn.

B. nằm trọn trong đồng bằng ở hạ lưu sông Mê Nam.

C. địa hình Campuchia giống như một lòng chảo khổng lồ.

D. nằm trên lưu vực của sông Mê Công.

Câu 19: Người Campuchia đã sớm tiếp xúc và chịu ảnh hưởng của nền văn hóa nào?

A. Văn hóa của người Việt.

B. Văn hóa Ấn Độ.

C. Văn hóa Trung Quốc.

D. Văn hóa Thái.

Câu 20: Thời kỳ phát triển nhất của Vương quốc Campuchia là

A. thời kì kinh đô Campuchia đóng ở Ăng-co (802 - 1432).

B. thời kì trị vì của vua Giay-a-vác-man II (1181 - 1201).

C. thế kỉ XIII.

D. từ khi kinh đô chuyển về Phnôm Pênh (1432 - cuối thế kỉ XIX).

Câu 21: Biểu hiện của sự phát triển đỉnh cao của thời kì Ăng-co là

A. cư dân chỉ sống bằng nghề nông nghiệp.

B. các công trình kiến trúc lớn được xây dựng.

C. các ông vua tăng cường quyền lực.

D. kinh tế phát triển nhiều mặt, xã hội ổn định, các công trình kiến trúc lớn được xây dựng, các ông vua không ngừng mở rộng quyền lực ra bên ngoài.

Câu 22: Campuchia bắt đầu suy yếu vào thời gian nào?

- A.** Thế kỉ XII. **B.** Thế kỉ XIII. **C.** Cuối thế kỉ XIII. **D.** Đầu thế kỉ XIV.

Câu 23: Nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của Campuchia là

- A.** bị người Thái xâm chiếm.
B. diễn ra sự tranh giành quyền lực trong nội bộ giai cấp thống trị.
C. bị thực dân Pháp xâm lược.
D. bị người Thái xâm chiếm, tấn công nhiều lần, thường xuyên diễn ra những vụ mưu sát, tranh giành quyền lực trong nội bộ.

Câu 24: Đến thế kỉ XII, tôn giáo nào có ảnh hưởng lớn đến Campuchia?

- A.** Ki-tô giáo. **B.** Phật giáo Đại thừa. **C.** Hin-đu giáo. **D.** Hồi giáo

Câu 25: Tổ chức xã hội sơ khai của người Lào Thong là

- A.** nôm. **B.** mừng cỏ. **C.** liên minh bộ lạc. **D.** bộ tộc.

Câu 26: Ai là người có công thống nhất các mừng Lào?

- A.** Chậu A Nụ. **B.** Xu-li-nha Vông-xa. **C.** Pha Ngừm. **D.** Người Thái.

Câu 27: Vương quốc Lan Xang phát triển nhất dưới thời trị vì của

- A.** Khún Bolom. **B.** Pha Ngừm. **C.** Xu-li-nha Vông-xa. **D.** Chậu A Nụ.

Câu 28: Cuộc khởi nghĩa Chậu A Nụ chống lại ách thống trị của quân xâm lược nào?

- A.** Quân Pháp. **B.** Quân Mã Lai. **C.** Quân Xiêm. **D.** Quân Cham-pa.

Câu 29: Công trình kiến trúc Phật giáo tiêu biểu của Vương quốc Lào là

- A.** đền tháp Bô-rô-bu-đua. **B.** Thạt Luồng.
C. chùa Vàng. **B.** đô thị cổ Pa-gan.

Câu 30: Từ thế kỉ XV đến thế kỉ XVII được coi là giai đoạn phát triển thịnh đạt của Vương quốc Lan Xang, ý nào sau đây không thể hiện cho điều đó?

- A.** Tổ chức bộ máy nhà nước được hoàn thiện và củng cố vững chắc, có quân đội hùng mạnh.
B. Đất nước có nhiều sản vật, có quan hệ buôn bán với nhiều nước, kể cả người châu Âu.
C. Luôn giữ quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng, nhưng cũng cương quyết trong việc chống quân xâm lược.
D. Lan Xang thường xuyên tiến hành các cuộc chiến tranh xâm lược ra bên ngoài.

Câu 31: Nguyên nhân quan trọng nhất khiến Vương quốc Lào suy yếu là

- A.** mâu thuẫn trong hoàng tộc, đất nước bị phân liệt thành ba tiểu quốc đối địch nhau.
B. phải đương đầu với cuộc xâm lược của người Xiêm.
C. Pháp gây chiến tranh xâm lược.
D. đó là tình trạng chung của các vương quốc trong khu vực.

Câu 32: Nước Lan Xang bị phân liệt thành các vương quốc nào?

- A.** Luông Pha-bang và Viêng Chăn. **B.** Viêng Chăn và Chăm-pa-sắc.
C. Luông Pha-bang và Cò-rát. **D.** Luông Pha-bang, Viêng Chăn và Chăm-pa-sắc.

Câu 33: Thực dân Pháp hoàn thành công cuộc xâm lược Lào, biến Lào thành thuộc địa vào năm

- A.** 1533. **B.** 1858. **C.** 1893. **D.** 1884.

Câu 34: Đạo Phật được truyền bá vào Lào khi nào?

A. Thế kỉ XI.

B. Thế kỉ XII.

C. Thế kỉ XIII.

D. Thế kỉ XVI.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Điều kiện nào dẫn đến sự ra đời của các vương quốc cổ Đông Nam Á? Sự hình thành các quốc gia phong kiến Đông Nam Á được biểu hiện như thế nào?

Câu 2: Sự phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỷ X - XVIII được biểu hiện như thế nào?

Câu 3: Lập bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử trong sự phát triển của khu vực Đông Nam Á đến giữa thế kỉ XIX.

Câu 4: Lập bảng niên biểu các giai đoạn phát triển của Vương quốc Campuchia và Lào theo nội dung sau:

Tên vương quốc	Giai đoạn hình thành vương quốc	Giai đoạn phát triển thịnh đạt nhất	Giai đoạn suy yếu

ĐÁP ÁN

I. CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1-A	2-C	3-B	4-B	5-A	6-C	7-C	8-D	9-B	10-D
11-D	12-A	13-D	14-D	15-B	16-C	17-B	18C	19-B	20-A
21-D	22-C	23-D	24-B	25-B	26-C	27-C	28-C	29-B	30-D
31-A	32-D	33-C	34-C						

II. CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Điều kiện nào dẫn đến sự ra đời của các vương quốc cổ Đông Nam Á? Sự hình thành các quốc gia phong kiến Đông Nam Á được biểu hiện như thế nào?

*** Điều kiện ra đời các vương quốc cổ ở Đông Nam Á.**

- Đầu Công nguyên, cư dân Đông Nam Á đã biết sử dụng đồ sắt. Nông nghiệp vẫn là ngành sản xuất chính, nghề thủ công truyền thống phát triển như dệt, làm gốm, đúc đồng và rèn sắt.

- Việc buôn bán đường biển rất phát đạt, một số thành thị - hải cảng đã ra đời như Óc Eo (An Giang, Việt Nam), Takola (Mã Lai) ...

- Do sự ảnh hưởng của văn hoá Ấn Độ với việc các nước phát triển văn hoá cổ của mình.

- Đó chính là điều kiện ra đời của các vương quốc cổ ở Đông Nam Á.

*** Sự hình thành các vương quốc cổ:** Khoảng 10 thế kỉ sau Công nguyên hàng loạt các nước vương quốc nhỏ hình thành.

Câu 2: Sự phát triển thịnh đạt của các quốc gia phong kiến Đông Nam Á thế kỷ X - XVIII được biểu hiện như thế nào?

*** Chính trị:**

- Hệ thống chính trị ở các nước Đông Nam Á giai đoạn này được củng cố vững chắc và hoàn thiện. Nhà nước Đại Việt vừa tiếp thu vừa sáng tạo từ mô hình Trung Hoa để hoàn thiện bộ máy quân chủ đạt đến đỉnh cao dưới thời Lê sơ. Các nhà nước chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ cũng được tăng cường, củng cố, đặc biệt là tín ngưỡng vua - thần của người Cam-pu-chia thời Ăng-co... giúp hợp nhất vương quyền và thần quyền của vua... Bộ máy nhà nước A-út-thay-a cũng được hoàn thiện thông qua các cuộc cải cách ở thế kỉ XV.

- Mở rộng lãnh thổ, xây dựng các đế quốc lớn, hùng mạnh ở khu vực: Đại Việt, A-út-thay-a, Pa-gan, Mô-giô-pa-hit, Ăng-co.

*** Kinh tế:**

- Kinh tế nông nghiệp được phát triển mạnh ở khắp các quốc gia Đông Nam Á từ đồng bằng sông Hồng, I-ra-oa-đi, Chao-Phray-a, Mê-kông... nhiều nước đã tiến hành xuất khẩu gạo như A-út-thay-a, Pê-gu...

- Phát triển hoạt động sản xuất thủ công nghiệp, đáng lưu ý là các sản phẩm gốm sứ và tơ lụa của Đại Việt và A-út-thay-a.

- Đông Nam Á có vai trò lớn trong hệ thống thương mại quốc tế, nơi cung cấp nhiều loại hàng hóa, lâm thổ sản, hương liệu, gia vị... cho thị trường quốc tế.

*** Thành tựu trên lĩnh vực nghệ thuật:**

- Trên cơ sở tiếp thu các yếu tố văn hóa bên ngoài (của Ấn Độ, Trung Hoa, Hồi giáo), cư dân Đông Nam Á đã sáng tạo trên nền tảng văn hóa bản địa truyền thống để tạo nên những thành tựu văn hóa rực rỡ.

- Cư dân Đông Nam Á đã để lại những thành tựu chữ viết, văn học, nghệ thuật, các công trình kiến trúc tôn giáo, điêu khắc... như chữ viết của người Khơ-me, Cham-pa, Lào, Thái Lan, đền tháp Ăng-co, quần thể kiến trúc Pa-gan, các thành phố cổ A-út-thay-a, Su-khô-thay, Hoàng thành Thăng Long...

Câu 3: Lập bảng tóm tắt các giai đoạn lịch sử trong sự phát triển của khu vực Đông Nam Á đến giữa thế kỉ XIX.

Giai đoạn	Nội dung lịch sử
Thế kỉ I - VII	Là giai đoạn hình thành các quốc gia cổ đại hay nhà nước sơ kì Đông Nam Á. Có khoảng 30 nhà nước đã ra đời dọc theo các dòng sông, cảng thị hay khu định cư ven biển... cơ sở để đưa đến sự ra đời của các nhà nước này là sự phát triển kinh tế xã hội, công cụ kim loại và quá trình tiếp thu các yếu tố văn hóa từ bên ngoài, cụ thể là Ấn Độ. Đây là các nhà nước sơ khai, quy mô tương đối nhỏ, chủ yếu là sự liên kết của các cộng đồng nhất định trên lãnh thổ hạn chế.
Thế kỉ VII - X	Giai đoạn phát triển từ các nhà nước sơ kì lên quốc gia phong kiến. Các quốc gia này lấy một bộ tộc đông và phát triển nhất làm nòng cốt, thường được gọi là quốc gia phong kiến dân tộc.
Thế kỉ X-XVIII	- Giai đoạn phát triển của các quốc gia Đông Nam Á. - Giai đoạn này chứng kiến sự phát triển của lịch sử Đông Nam Á một cách sâu rộng và trên nhiều khía cạnh.

	- In-đô-nê-xi-a từng bước được thống nhất dưới Vương triều Mô-giô-pa-hit, tồn tại đến năm 1527. Quốc gia phong kiến của người Việt phát triển ở Đồng bằng sông Hồng và mở rộng xuống phía nam, các quốc gia của người Thái dọc sông Chao-phray-a cuối cùng thống nhất dưới Vương triều A-út-thay-a. Nước Lào Lan xang được thành lập giữa thế kỉ XIV nhanh chóng trở nên hưng thịnh, trong lúc vương quốc của người Miến lớn mạnh và làm chủ phía tây của Đông Nam Á lục địa. - Các quốc gia Đông Nam Á thu được nhiều thành tựu phát triển kinh tế - thương mại, xây dựng hệ thống chính trị, phát triển giao lưu tôn giáo, sáng tạo nên các giá trị nghệ thuật đặc sắc, đóng góp vào nền văn minh nhân loại.
Thế kỉ XVIII-XIX	- Giai đoạn các quốc gia Đông Nam Á suy thoái. - Sự suy thoái bắt nguồn từ bản thân chế độ phong kiến ở các nước già cỗi, lỗi thời, không theo kịp những yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội mới. Trong cùng lúc, họ phải đương đầu với làn sóng nổi dậy của dân chúng trong nước và sức ép từ các quốc gia thực dân bên ngoài. Vì thế, phần lớn các quốc gia Đông Nam Á đã không thể đương đầu thành công với thử thách này và bị biến thành thuộc địa của thực dân, trừ Xiêm.

Câu 4: Lập bảng niên biểu các giai đoạn phát triển của Vương quốc Campuchia và Lào theo nội dung sau:

Tên vương quốc	Giai đoạn hình thành vương quốc	Giai đoạn phát triển thịnh đạt nhất	Giai đoạn suy yếu
Vương quốc Campuchia	Thế kỉ VI - VIII: thời kì hình thành và bước đầu phát triển của nhà nước Campuchia sơ kì, còn có tên là Bha-va-pu-ra. Khu vực ban đầu của vương quốc này là trung lưu sông Mê Kông.	Thế kỉ IX - XV: là thời kì Ăng-co, giai đoạn phát triển của Campuchia, kinh đô đóng tại Ăng-co. Campuchia bước vào thời kì phát triển thịnh đạt về mọi mặt.	Thế kỉ XVI - XIX: là giai đoạn suy yếu, khủng hoảng của Campuchia.
Vương quốc Lào	Thế kỉ XIII - XIV: thời kì hình thành. Thời kì này bắt đầu vào thế kỉ XIII, khi có bộ phận người nói tiếng Thái di cư đến, tiến hành phát triển kinh tế, xã hội và tạo ra các tổ chức sơ khai của Lào là các mường cổ.	Thế kỉ XV - XVII: Vương quốc Lan Xang bước vào giai đoạn thịnh vượng. Các vua Lan Xang chia đất nước thành mường, xây dựng quân đội hùng mạnh, thiết lập quan hệ hòa hiếu với các nước láng giềng.	Thế kỉ XVIII – XIX: Lào bước vào thời kì khủng hoảng, suy yếu

LỊCH SỬ THẾ GIỚI NGUYÊN THỦY, CỔ ĐẠI

CHỦ ĐỀ 6: TÂY ÂU THỜI TRUNG ĐẠI

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- Trình bày được những nét chính về thời kì hình thành và phát triển của chế độ phong kiến ở Tây Âu (từ thế kỉ V đến thế kỉ XIV)
- Trình bày được những nét chính về Tây Âu thời hậu kì trung đại:
 - + Những cuộc phát kiến địa lí.
 - + Phong trào Văn hóa Phục hưng.
- Biết được điểm giống và khác nhau giữa chế độ phong kiến ở phương Đông và phương Tây.

❖ Kỹ năng

- + Phân tích, khái quát, tổng hợp, đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử.
- + Rèn luyện kỹ năng khai thác lược đồ, bản đồ.
- + So sánh để tìm ra những điểm tương đồng, khác biệt giữa chế độ phong kiến phương Đông và phương Tây.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

A. THỜI KÌ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở TÂY ÂU

1. Thời kì hình thành (thế kỉ V – thế kỉ X)

- Đế quốc Rô – ma suy yếu → người Giéc – ma tràn xuống xâm chiếm → năm 476, đế quốc Rô – ma diệt vong. → thời đại phong kiến bắt đầu.

- Chính sách cai trị của người Giéc – man

+ Chính trị:

Thủ tiêu bộ máy nhà nước cũ; lập các vương quốc mới.

Phong tước vị cho các tướng lĩnh,

+ Kinh tế:

Chiếm đoạt ruộng đất của chủ nô Rô – ma, nông dân để chia cho quý tộc và nhà thờ.

- Hệ quả

+ Hình thành giai cấp: lãnh chúa, nông nô.

+ Quan hệ sản xuất phong kiến xác lập.

2. Thời kì phát triển (thế kỉ X – thế kỉ XIV)

a, Lãnh địa phong kiến

- là vùng đất được vua ban cấp cho quý tộc, tăng lữ

- Đất đai trong lãnh địa gồm:

+ Đất của lãnh chúa: lâu đài, dinh thự,...

+ Đất khẩu phần: chia cho nông nô cày cấy.

- Biểu hiện của chế độ phong kiến phân quyền:

+ Cơ sở kinh tế đóng kín, mang tính chất tự nhiên, tự cấp, tự túc.

+ Mỗi lãnh địa phong kiến là một đơn vị chính trị độc lập.

- Lãnh chúa sống sung sướng trên cơ sở bóc lột tô thuế và sức lao động của nông nô.

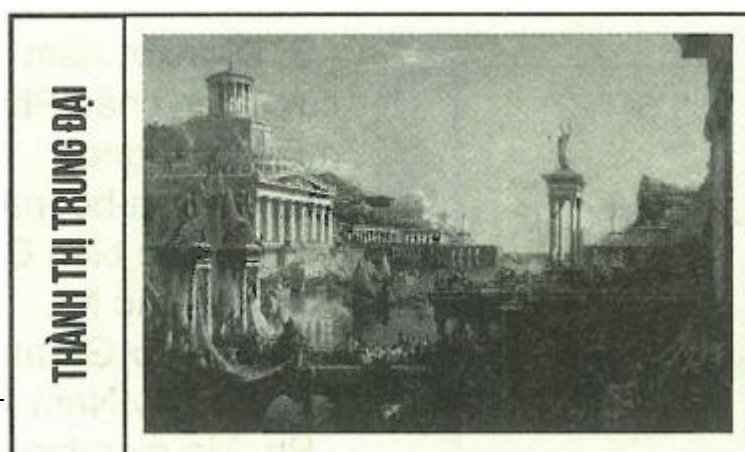
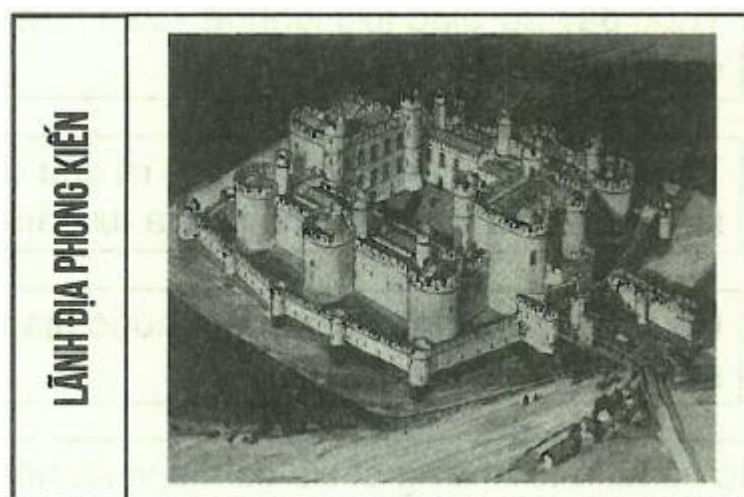
b, Thành thị trung đại

- Nguyên nhân ra đời:

+ sản xuất phát triển → tạo tiền đề cho kinh tế hàng hóa.

+ Chuyên môn hóa sản xuất trong thủ công nghiệp.

+ Sự đối kháng giai cấp giữa nông nô với lãnh chúa.



→ Thế kỉ XI – XII, nhiều thành thị ra đời

- Đời sống trong thành thị:

+ Cư dân chủ yếu: thợ thủ công, thương nhân,

+ Phường hội và thương hội được thành lập.

+ Tổ chức hội chợ, hoặc lập thương đoàn để trao đổi, buôn bán.

- Vai trò:

+ góp phần phá vỡ kinh tế tự nhiên của các lãnh địa.

+ Góp phần xóa bỏ chế độ phong kiến phân quyền.

+ Mang không khí tự do, mở mang trí thức.

B. TÂY ÂU THỜI HẬU KÌ TRUNG ĐẠI (THẾ KỈ XVI)

1. Các cuộc phát kiến địa lí

- Nguyên nhân:

+ Sản xuất phát triển → nhu cầu về nguyên liệu, thị trường, vàng bạc tăng lên.

+ Con đường giao lưu, buôn bán qua Tây Á và Địa Trung Hải bị người Ả - rập độc chiếm → phải tìm con đường thương mại mới giữa phương Đông và châu Âu.

+ Khoa học – kĩ thuật phát triển (hải đồ, la bàn, tàu có bánh lái và hệ thống buồm lớn).

- Các cuộc phát kiến lớn:

+ B. Đê - a - xơ: năm 1487, đến cực Nam châu Phi, đặt tên là mũi Hảo Vọng.

+ C. Cô - lôm - bô: năm 1492, đến một số đảo biển Ca - ri - bê, phát hiện ra châu Mỹ.

+ Va - xcô đơ Ga - ma : năm 1498, đến bờ Tây Nam Ấn Độ.

+ Ph. Ma - giên - lan: vòng quanh thế giới (1519 – 1522).

- Hệ quả

+ Tích cực:

Khẳng định Trái đất hình cầu; tìm ra các con đường mới, dân tộc mới,...

Thúc đẩy sự giao lưu kinh tế - văn hóa giữa các châu lục.

Thúc đẩy sự khủng hoảng, tan rã của chế độ phong kiến và sự ra đời của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu.

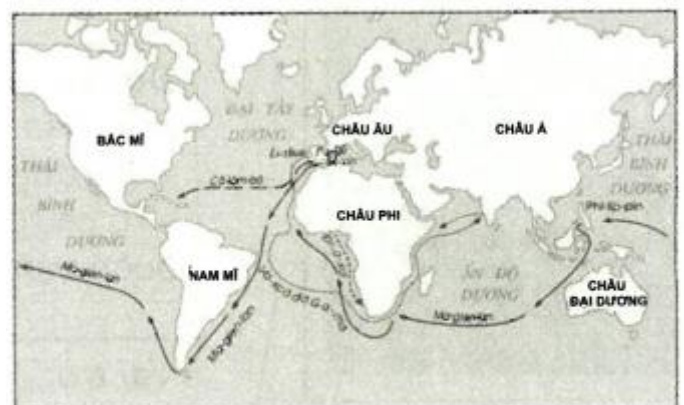
+ Tiêu cực: Nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa và buôn bán nô lệ.

2, Phong trào văn hóa phục hưng

- Nguyên nhân:

+ Tư sản có thể lực về kinh tế nhưng chưa có địa vị xã hội tương ứng → mâu thuẫn với chế độ phong kiến.

+ Giáo lí Ki - tô và chế độ phong kiến chuyên chế kìm hãm sự phát triển của xã hội.



Lược đồ các cuộc phát kiến địa lí lớn

- Thời gian, phạm vi:
 - + Từ cuối thế kỷ XIV – đầu thế kỷ XVII, thế kỷ XVI là thời kỳ đỉnh cao
 - + Từ I – ta – li – a lan sang các nước Tây Âu, trở thành trào lưu rộng lớn.
- Nội Dung
 - + Phê phán giáo hội Ki – tô và giai cấp thống trị phong kiến.
 - + Đề cao giá trị nhân bản và tự do cá nhân.
 - + Đề cao khoa học tự nhiên, xây dựng thế giới quan tiên bộ.
- Ý nghĩa:
 - + Là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến (trên lĩnh vực văn hóa – tư tưởng).
 - + Động viên quần chúng chống lại giai cấp phong kiến lỗi thời.
 - + Cổ vũ và mở đường cho văn hóa châu Âu phát triển.

C. SO SÁNH CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN Ở PHƯƠNG ĐÔNG VÀ PHƯƠNG TÂY

		Chế độ phong kiến phương Đông	Chế độ phong kiến phương Tây
Giống nhau	Chế độ chính trị	Tồn tại chế độ quân chủ (đứng đầu nhà nước là vua,..)	
	Quan hệ bóc lột	Bóc lột tô thuế giữa giai cấp thống trị với giai cấp bị trị.	
	Nền tảng kinh tế	Kinh tế nông nghiệp	
Khác nhau	Thời gian	Chế độ phong kiến được xác lập sớm, khoảng từ những thế kỷ cuối trước Công nguyên (ở Trung Quốc, chế độ phong kiến được xác lập từ thế kỷ III TCN)	Chế độ phong kiến được xác lập muộn, khoảng từ thế kỷ V sau Công nguyên
	Thời kỳ phát triển	- Thế kỷ X – XV, các quốc gia phong kiến phương Đông bước vào giai đoạn phát triển thịnh đạt (song, không đồng đều giữa các nước). - Xã hội phong kiến ở phương Đông phát triển tương đối chậm chạp.	Thế kỷ XI – XIV, các quốc gia phong kiến phương Tây bước vào giai đoạn phát triển toàn thịnh.
	Thời kỳ khủng hoảng	Quá trình khủng hoảng, suy vong của chế độ phong kiến ở phương Đông kéo dài trong các thế kỷ XVI – XIX.	Thế kỷ XV – XVI, các quốc gia phong kiến phương Tây lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu.
	Chế độ	Quân chủ chuyên chế trung ương tập	Từ chế độ phong kiến phân quyền

	chính trị	quyền (quyền lực tối cao tập trung trong tay nhà vua).	(quyền lực trong nước bị phân tán, nằm trong tay vua, các lãnh chúa địa phương) dần chuyển sang phong kiến tập trung.
	Đặc trưng kinh tế	- Nông nghiệp là ngành chủ đạo - Thủ công nghiệp và thương nghiệp là ngành bổ trợ. - Cơ bản mang tính chất của nền kinh tế tự cấp, tự túc, khép kín trong các công xã nông thôn.	- Kinh tế đóng kín trong các lãnh địa, nông nghiệp và thủ công nghiệp chưa tác rời nhau. - Khi thành thị xuất hiện, nhất là sau các cuộc phát kiến địa lí, mầm mống của nền kinh tế hàng hóa được hình thành.
	Kết cấu xã hội	Hai giai cấp chính trong xã hội là: - Địa chủ - Nông dân lĩnh canh	Hai giai cấp chính trong xã hội là: - Lãnh chúa - Nông nô

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Năm 476, đế quốc Rô – ma bị diệt vong đã đánh dấu

- A. chế độ chiếm nô chấm dứt, thời đại phong kiến bắt đầu ở châu Âu
- B. chế độ phong kiến chấm dứt, thời kì tư bản chủ nghĩa bắt đầu ở châu Âu
- C. chế độ chuyên chế cổ đại chấm dứt, thời kì chiếm nô bắt đầu ở châu Âu
- D. thời kì đấu tranh của nô lệ chống chế độ chiếm nô bắt đầu ở Tây Âu

Câu 2: Nội dung nào không phản ánh đúng việc làm của người Giéc – man khi tràn vào lãnh thổ Rô – ma?

- A. duy trì tôn giáo nguyên thủy của người Giéc - man
- B. thủ tiêu nhà nước cũ, thành lập các vương quốc mới
- C. thủ lĩnh xưng vương, phong tước vị cho các tướng lĩnh
- D. chiếm ruộng đất của người Rô – ma và chia cho nhau

Câu 3: Đơn vị chính trị và kinh tế cơ bản trong thời kì phong kiến phân quyền ở Tây Âu là

- A. lãnh địa
- B. trang trại
- C. phường hội
- D. thành thị

Câu 4: Quá trình xác lập quan hệ sản xuất phong kiến diễn ra mạnh nhất ở vương quốc Tây Âu nào?

- A. Vương quốc Phorăng
- B. Vương quốc Tây Gốt
- C. Vương quốc Đông Gốt
- D. Vương quốc Văng – đan

Câu 5: Giữ vai trò sản xuất chính trong lãnh địa phong kiến ở Tây Âu là

- A. nông dân
- B. nông nô
- C. nô lệ
- D. nông dân tự canh

Câu 6: Quá trình hình thành quan hệ sản xuất phong kiến ở Tây Âu là quá trình

- A. hình thành quý tộc tăng lữ, quý tộc vũ sĩ và nông nô
- B. thủ tiêu nhà nước Rô – ma, lập ra các vương quốc mới

- C. xác lập quan hệ bóc lột của lãnh chúa đối với nông nô
- D. hình thành quan hệ bóc lột địa tô của địa chủ với nông nô

Câu 7: Đặc điểm nổi bật về kinh tế của lãnh địa phong kiến Tây Âu là gì?

- A. Mỗi lãnh địa là một cơ sở kinh tế đóng kín, tự cung, tự cấp
- B. Mỗi lãnh địa có luật phát, chế độ thuế khóa, tiền tệ riêng
- C. Có sự phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp
- D. Tuyệt đối không có sự trao đổi mua bán bên ngoài lãnh địa

Câu 8: Vì sao nông nô bị bóc lột thậm tệ trong các lãnh địa phong kiến nhưng họ vẫn quan tâm đến sản xuất?

- A. Họ được lãnh chúa trả công xứng đáng
- B. Họ vẫn được tự do trong quá trình sản xuất
- C. Họ có quyền “miễn trừ” trong lãnh địa.
- D. Họ thực hiện theo yêu cầu của lãnh chúa.

Câu 9: Một trong những tiến bộ về kĩ thuật sản xuất trong các lãnh địa phong kiến thời sơ kì trung đại là

- A. biết dùng phân bón, dùng cày do ngựa kéo
- B. vừa sản xuất nông nghiệp và thủ công nghiệp
- C. tự cấp tự túc, không trao đổi hàng hóa với bên ngoài
- D. biết áp dụng khoa học kĩ thuật vào sản xuất

Câu 10: Việc buôn bán giữa lãnh địa phong kiến Tây Âu với bên ngoài tập trung ở mặt hàng nào? Vì sao?

- A. Lương thực, do phần đất trồng trọt ít
- B. Muối và sắt, do không tự sản xuất được.
- C. Các mặt hàng thủ công, do kĩ thuật thấp
- D. Muối, do không có điều kiện tự nhiên thuận lợi

Câu 11: Biểu hiện nào dưới đây **không** có trong cuộc sống của lãnh chúa phong kiến trong các lãnh địa?

- A. Họ sống cuộc đời nhàn rỗi, xa hoa
- B. Phần lớn họ dốt nát, không biết chữ
- C. Thời bình họ tổ chức săn bắn, tiệc tùng
- D. Họ chiến đấu chống ngoại xâm bảo vệ lãnh địa

Câu 12: So với nô lệ, thân phận của nông nô dưới chế độ phong kiến Tây Âu

- A. Không có gì khác, bị bóc lột và đối xử tàn nhẫn
- B. bị gắn chặt với ruộng đất và lệ thuộc vào chủ nô
- C. tự do hơn trong sản xuất, có nông cụ, gia đình riêng
- D. đều được coi như những “công cụ lao động biết nói”

Câu 13: Quyền “miễn trừ” mà nhà vua ban cho lãnh chúa trong thời kì trung đại ở Tây Âu là

- A. nhà vua không can thiệp vào lãnh địa của lãnh chúa lớn
- B. cách lãnh chúa lớn không phải đóng thuế cho nhà vua
- C. lãnh chúa không phải chịu bất cứ hình phạt nào của nhà vua
- D. lãnh chúa không phải đóng góp về quân sự khi có chiến tranh

Câu 14: Thể chế chính trị của các vương quốc ở Tây Âu thời sơ kì trung đại mang tính chất

- A. phong kiến tập quyền
- B. phong kiến quân quyền
- C. dân chủ chủ nô
- D. dân chủ tư sản

Câu 15: Nội dung nào không phải là biểu hiện của chế độ phong kiến phân quyền ở Tây Âu thời sơ kì trung đại?

- A. có sự phân biệt giữa quyền lập pháp của nhà vua và quyền hành pháp của lãnh chúa
- B. Trên cơ sở nền kinh tế khép kín, mỗi lãnh địa là một đơn vị chính trị độc lập
- C. các lãnh chúa có toàn quyền cai trị lãnh địa của mình như một ông vua
- D. lãnh chúa lớn buộc nhà vua ban cho mình quyền “miễn trừ” ở lãnh địa

Câu 16: Từ thế kỉ XI, ở Tây Âu đã xuất hiện

- A. những tiền đề của nền kinh tế hàng hóa
- B. những công trường sản xuất hàng thủ công
- C. những công ty thương mại lớn ở đô thị
- D. những hình thức kinh doanh tư bản chủ nghĩa

Câu 17: Một chuyển biến mới trong sản xuất ở Tây Âu từ thế kỉ XI là

- A. quá trình chuyên môn hóa trong thủ công nghiệp
- B. lao động bằng máy móc thay thế lao động thủ công
- C. công trường thủ công xuất hiện thay thế phường hội
- D. quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa hình thành

Câu 18: Các thành thị trung đại Tây Âu **không** ra đời trên cơ sở

- A. do thợ thủ công lập ra
- B. do các lãnh chúa lập ra
- C. phục hồi từ thành thị cổ
- D. do giai cấp tư sản lập ra

Câu 19: Cư dân chủ yếu của thành thị trung đại Tây Âu là

- A. thợ thủ công, thương nhân
- B. thợ thủ công, nông dân
- C. lãnh chúa, quý tộc
- D. lãnh chúa, thợ thủ công

Câu 20: Trong thành thị trung đại Tây Âu, phường hội là tổ chức sản xuất hàng hóa của

- A. thợ thủ công
- B. thương nhân
- C. nông dân tự do
- D. các chủ xưởng

Câu 21: Các phường hội đặt ra phường quy nhằm nhiều mục đích, ngoại trừ việc

- A. giữ độc quyền sản xuất, tiêu thụ sản phẩm
- B. bảo vệ quyền lợi cho người cùng ngành nghề
- C. đấu tranh chống sự áp bức của các lãnh chúa
- D. đấu tranh đòi quyền dùng tiền chuộc thân phận

Câu 22: Để bảo vệ lợi ích của mình, từ thế kỉ XI, thương nhân của các thành thị Tây Âu trung đại đã lập ra

- A. các ngân hàng
- B. các phường hội
- C. các thương hội
- D. các công ty tín dụng

Câu 23: Ngành kinh tế chủ yếu trong các thành thị trung đại Tây Âu là

- A. nông nghiệp và thủ công nghiệp
- B. thủ công nghiệp và thương nghiệp
- C. công nghiệp và thủ công nghiệp
- D. nông nghiệp và công nghiệp

Câu 24: Một trong những vai trò quan trọng của thành thị Tây Âu thời trung đại là

- A. góp phần xóa bỏ chế độ phong kiến phân quyền
- B. góp phần xóa bỏ kinh tế công thương nghiệp
- C. thúc đẩy nền kinh tế công nghiệp phát triển
- D. góp phần xóa bỏ nền dân chủ nô Rô – ma

Câu 25: Một trong những vai trò quan trọng của thành thị Tây Âu thời trung đại là

- A. góp phần xây dựng chế độ phong kiến tập quyền
- B. góp phần xóa bỏ chế độ phong kiến tập quyền

C. góp phần hình thành chế độ phong kiến phân quyền

D. góp phần hình thành chế độ dân chủ chủ nô

Câu 26: Nội dung nào phản ánh **không** đúng vai trò của thành thị trung đại Tây Âu?

A. góp phần phá vỡ nền kinh tế tự nhiên của lãnh địa

B. tạo điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa giản đơn

C. mang không khí tự do, mở mang tri thức cho mọi người

D. tạo ra tiền đề quan trọng cho các cuộc phát kiến địa lí

Câu 27: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí trong các thế kỉ XV – XVI của châu Âu là gì?

A. sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất

B. yêu cầu tìm con đường mới sang phương Đông

C. khoa học – kĩ thuật có những bước tiến quan trọng

D. nhu cầu hiểu biết khoa học về đại dương, trái đất

Câu 28: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến các cuộc phát kiến địa lí trong các thế kỉ XV – XVI của châu Âu là gì?

A. sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất

B. yêu cầu tìm con đường thương mại sang phương Đông

C. khoa học – kĩ thuật có những bước tiến quan trọng

D. nhu cầu hiểu biết khoa học về đại dương, trái đất

Câu 29: Việc tìm con đường thông thương giữa châu Âu và phương Đông đặt ra cấp thiết từ khi nào?

A. Thế kỉ XIII

B. Thế kỉ XIV

C. Thế kỉ XV

D. Thế kỉ XVI

Câu 30: Vào thế kỉ XV, con đường buôn bán trực tiếp giữa châu Âu và phương Đông qua Tây Á và Địa Trung Hải trở nên tuyệt vọng do

A. người Tây Ban Nha độc chiếm

B. người A – rập độc chiếm

C. người Bồ Đào Nha độc chiếm

D. hải quân Anh độc chiếm

Câu 31: Cuộc phát kiến địa lí vào thế kỷ XV được thực hiện bằng con đường nào?

A. đường bộ

B. đường biển

C. đường hàng không

D. đường sông

Câu 32: Ý nào sau đây **không** nằm trong mục đích của các cuộc phát kiến địa lí?

A. tìm nguồn nguyên liệu, vàng bạc từ các nước phương Đông

B. tìm thị trường tiêu thụ hàng hóa ở các nước phương Đông

C. tìm con đường giao lưu buôn bán với các nước phương Đông

D. tìm những vùng đất mới ở châu Phi và châu Mỹ

Câu 33: Điều kiện quan trọng cho các cuộc phát kiến địa lí trong các thế kỉ XV – XVI của châu Âu là

A. sự phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất

B. yêu cầu tìm con đường mới sang phương Đông

C. khoa học – kĩ thuật có những bước tiến quan trọng

D. nhu cầu hiểu biết khoa học về đại dương, Trái đất

Câu 34: Nội dung nào **không** phản ánh đúng bước tiến mới của khoa học – kĩ thuật châu Âu trung đại?

A. hiểu biết đúng đắn về hình dạng Trái Đất

B. chế tạo được máy đo góc thiên văn, la bàn

- C. chế tạo tàu biển sử dụng động cơ hơi nước
- D. đóng được tàu có bánh lái và hệ thống buồm lớn

Câu 35: Quốc gia nào đi tiên phong trong các cuộc phát kiến địa lí (thế kỉ XV – XVI)?

- A. Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha
- B. Hi Lạp, I – ta – li – a
- C. Anh, Hà Lan
- D. Tây Ban Nha, Anh

Câu 36: Người đầu tiên phát hiện ra châu Mỹ là

- A. Đê – a – xơ
- B. Cô – lôm – bô
- C. Va – xcô đơ Ga – na
- D. Ph. Ma – giên – lan

Câu 37: Hướng đi của C. Cô – lôm – bô có điểm gì khác so với các nhà phát kiến địa lí khác?

- A. đi sang hướng đông
- B. đi xuống hướng nam
- C. đi sang hướng tây
- D. ngược lên hướng bắc

Câu 38: Người đầu tiên thực hiện chuyến đi vòng quanh thế giới bằng đường biển là

- A. Đê – a – xơ
- B. Cô – lôm – bô
- C. Va – xcô đơ Ga – na
- D. Ph. Ma – giên – lan

Câu 39: Tác động tích cực của các cuộc phát kiến địa lí đối với lịch sử loài người là

- A. thúc đẩy quá trình tan rã của quan hệ phong kiến
- B. tài nguyên của châu Mỹ, châu Á, châu Phi bị cướp đoạt
- C. dẫn đến nạn buôn bán nô lệ từ châu Phi sang châu Mỹ
- D. đưa đến sự ra đời của chủ nghĩa thực dân châu Âu

Câu 40: Phát kiến địa lí đã đem lại nhiều tác động tích cực đến tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại, ngoại trừ

- A. Kháng định trên thực tiễn Trái Đất hình cầu
- B. Mở ra những con đường mới, vùng đất mới
- C. thúc đẩy quá trình ra đời của chủ nghĩa tư bản
- D. đưa đến sự ra đời của chủ nghĩa thực dân

Câu 41: Nội dung nào **không** phải là hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí ở Tây Âu thời trung đại?

- A. tạo ra cách mạng giao thông và tri thức
- B. làm thị trường thế giới được mở rộng
- C. nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa
- D. đưa đến sự ra đời các thành thị trung đại

Câu 42: Các cuộc phát kiến địa lí đã mang lại sự giàu có cho các tầng lớp nào ở châu Âu?

- A. Tầng lữ, quý tộc
- B. Nông dân, quý tộc
- C. Thương nhân, quý tộc
- D. Tướng lĩnh quân sự, quý tộc

Câu 43: Điều kiện nào đóng vai trò chủ yếu dẫn đến sự ra đời của phong trào Văn hóa Phục hưng?

- A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện
- B. Tư tưởng lỗi thời của giáo hội Thiên Chúa
- C. Sự ra đời của các thành thị trung đại
- D. Sự phát triển của khoa học – kĩ thuật

Câu 44: Từ thế kỉ XI – XIII, văn hóa châu Âu bị ràng buộc bởi hệ tư tưởng nào?

- A. Thiên Chúa giáo
- B. Nho giáo
- C. Phật giáo
- D. Phong kiến

Câu 45: Cuộc đấu tranh công khai đầu tiên trên lĩnh vực văn hóa, tư tưởng của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến là

- A. cách mạng tri thức sau phát kiến địa lí

- B. phong trào Văn hóa Phục hưng ở Tây Âu
- C. các cuộc chiến tranh nông dân ở Tây Âu
- D. trào lưu “Triết học Ánh sáng” của Pháp

Câu 46: Nguyên nhân đưa đến sự ra đời của phong trào Văn hóa Phục hưng thời hậu kì trung đại Tây Âu là

- A. giai cấp tư sản muốn giành được địa vị xã hội tương ứng với thế lực kinh tế
- B. giai cấp tư sản muốn có được tiềm lực kinh tế tương ứng với địa vị xã hội
- C. giai cấp tư sản muốn thủ tiêu văn hóa của các quốc gia cổ đại Hi Lạp, Rô - ma
- D. giai cấp tư sản dựa vào các cuộc chiến tranh nông dân đứng lên đấu tranh

Câu 47: Nội dung nào **không** phải là nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của phong trào Văn hóa Phục hưng?

- A. Mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa và chế độ phong kiến
- B. Giai cấp tư sản muốn giành được địa vị xã hội tương ứng với thế lực kinh tế
- C. Giai cấp tư sản muốn xây dựng một nền văn hóa mới, một hệ tư tưởng riêng
- D. Giai cấp tư sản muốn xác lập quan hệ sản xuất tư bản trong lòng chế độ phong kiến

Câu 48: Đất nước được coi là “quê hương” của phong trào Văn hóa Phục hưng là

- A. Pháp
- B. Anh
- C. I – ta – li – a
- D. Đức

Câu 49: Một trong những nội dung của phong trào Văn hóa Phục hưng là

- A. đề cao độc lập, chủ quyền và tự do của các dân tộc
- B. đề cao giá trị con người, đòi quyền tự do cá nhân
- C. đề cao giáo lý của Giáo hội nhà thờ Thiên Chúa giáo
- D. đề cao giá trị văn hóa Tây Âu thời sơ kì trung đại

Câu 50: Văn hóa Phục hưng đề cao giá trị con người, đó là

- A. con người trong xã hội nói chung
- B. con người lao động khổ nhọc
- C. con người của giai cấp tư sản
- D. con người của xã hội phong kiến

Câu 51: Phong trào Văn hóa Phục hưng thể hiện nhiều giá trị to lớn, ngoại trừ

- A. lên án quan điểm lỗi thời của giáo lý Ki – tô
- B. giải phóng tư tưởng tình cảm của con người
- C. đề cao khoa học – kĩ thuật thay cho thần học
- D. coi thần học là “bà chúa của các khoa học”

Câu 52: Một trong những ý nghĩa của phong trào Văn hóa Phục hưng là

- A. khoa học – kĩ thuật tiến bộ vượt bậc
- B. văn học, nghệ thuật phát triển phong phú
- C. xuất hiện “những con người khổng lồ”
- D. mở đường cho văn hóa châu Âu phát triển

Câu 53: Lĩnh vực nào đạt được thành tựu rực rỡ nhất trong phong trào Văn hóa Phục hưng?

- A. Văn học, triết học
- B. Nghệ thuật, toán học
- C. Khoa học – kĩ thuật
- D. Văn học, nghệ thuật

Câu 54: Nội dung nào phản ánh điểm giống nhau giữa chế độ phong kiến phương Đông và chế độ phong kiến phương Tây?

- A. Đều là chế độ phong kiến phân quyền
- B. Chế độ phong kiến đều hình thành sớm
- C. Đều theo chế độ quân chủ chuyên chế
- D. Đều có hai giai cấp là địa chủ và nông nô

Câu 55: Các quốc gia phong kiến phương Đông và các quốc gia phong kiến phương Tây có điểm giống nhau về quan hệ sản xuất là

- A. quan hệ bóc lột địa tô của địa chủ đối với nông dân lĩnh canh
- B. quan hệ bóc lột địa tô của giai cấp thống trị với giai cấp bị trị
- C. quan hệ bóc lột tô thuế của lãnh chúa đối với nông nô
- D. quan hệ bóc lột giá trị thặng dư của giai cấp tư sản với vô sản

Câu 56: Quá trình phát triển của chế độ phong kiến châu Âu có đặc điểm là

- A. hình thành muộn, phát triển nhanh, kết thúc sớm
- B. hình thành sớm, phát triển nhanh, kết thúc sớm
- C. hình thành muộn, phát triển chậm, kết thúc muộn
- D. hình thành sớm, phát triển chậm, kết thúc muộn

Câu 57: Một trong những tác động của các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV – XVI là

- A. làm trung tâm thương mại thế giới thay đổi
- B. cơ sở ra đời của các thương đoàn trung đại
- C. vô hiệu hóa vai trò người A – rập ở Trung Đông
- D. hình thành “Con đường tơ lụa” trên biển

Câu 58: Nội dung nào phản ánh đúng đặc điểm của xã hội phong kiến châu Âu?

- A. Chế độ phong kiến hình thành sớm và kết thúc muộn
- B. Phát triển qua hai giai đoạn: phân quyền và tập quyền
- C. Bắt đầu khủng hoảng từ nửa sau thế kỉ XVIII
- D. Nền kinh tế chủ đạo là thủ công, thương nghiệp

Câu 59: Điểm giống nhau giữa xã hội phong kiến phương Đông và xã hội phong kiến phương Tây là gì?

- A. Có nền tảng là kinh tế nông nghiệp
- B. Theo chế độ phong kiến phân quyền
- C. Có quan hệ “phong thần – bồi thần”
- D. Có hai giai cấp: lãnh chúa và nông nô

Câu 20: Một trong những hạn chế của phong trào Văn học Phục hưng là

- A. chưa tận công vào trật tự xã hội phong kiến
- B. chưa đề cao kiến thức khoa học tự nhiên
- C. đấu tranh chống phong kiến chưa triệt để
- D. mới chỉ tạo ra cuộc cách mạng tư tưởng

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Khi tràn vào lãnh thổ Rô – ma, người Giéc – man đã làm gì? Những việc làm đó có tác động như thế nào đến quá trình hình thành quan hệ sản xuất phong kiến ở châu Âu?

Câu 2: Thế nào là lãnh địa phong kiến? Nêu các đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội của lãnh địa.

Câu 3: Trình bày nguồn gốc và vai trò của các thành thị trung đại châu Âu.

Câu 4: Nêu nguyên nhân, điều kiện của các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV. Các cuộc phát kiến địa lí đã đưa những kết quả nào đối với châu Âu nói riêng và lịch sử nhân loại nói chung?

Câu 5: Nêu nguyên nhân ra đời, nội dung cơ bản của phong trào văn hóa Phục hưng. Đánh giá tính chất và ý nghĩa của phong trào.

HƯỚNG DẪN GIẢI

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - A	3 - A	4 - A	5 - B	6 - C	7 - A	8 - B	9 - A	10 - B
11 - D	12 - C	13 - A	14 - B	15 - A	16 - A	17 - A	18 - D	19 - A	20 - A
21 - D	22 - C	23 - B	24 - A	25 - A	26 - D	27 - A	28 - B	29 - C	30 - B
31 - B	32 - D	33 - C	34 - C	35 - A	36 - B	37 - C	38 - D	39 - A	40 - D
41 - D	42 - C	43 - A	44 - A	45 - B	46 - A	47 - D	48 - C	49 - B	50 - C
51 - D	52 - D	53 - D	54 - C	55 - B	56 - A	57 - A	58 - B	59 - A	60 - C

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Khi tràn vào lãnh thổ Rô – ma, người Giéc – man đã làm gì? Những việc làm đó có tác động như thế nào đến quá trình hình thành quan hệ sản xuất phong kiến ở châu Âu?

- Từ thế kỉ III, đế quốc Rô – ma khủng hoảng, suy yếu. Năm 476, đế quốc Rô – ma bị người Giéc – man xâm chiếm, chế độ chiếm nô kết thúc, thời đại phong kiến ở châu Âu bắt đầu.

- Những việc làm của người Giéc – man:

+ Thủ tiêu nhà nước cũ, lập nhiều vương quốc mới

+ Chiếm đoạt ruộng đất của người Rô – ma cũ chia cho tướng lĩnh, quý tộc và nhà thờ, hình thành tầng lớp quý tộc vũ sĩ và quý tộc tăng lữ.

+ Từ bỏ tôn giáo nguyên thủy, tiếp thu đạo Ki – tô.

- Tác động:

+ Xã hội dần hình thành 2 tầng lớp: Lãnh chúa phong kiến (là các quý tộc vũ sĩ và quý tộc tăng lữ) và nông nô (nguồn gốc từ nô lệ và nông dân)

+ Quan hệ sản xuất phong kiến được hình thành ở châu Âu: quan hệ bóc lột địa tô của lãnh chúa đối với nông nô. Quá trình phong kiến hóa diễn ra rõ nét và mạnh mẽ nhất ở Vương quốc Phơ – răng.

Câu 2: Thế nào là lãnh địa phong kiến? Nêu các đặc điểm kinh tế, chính trị, xã hội của lãnh địa.

* *Lãnh địa phong kiến:*

- Đến giữa thế kỉ IX, phần lớn đất đai đã bị các quý tộc và nhà thờ chia nhau chiếm đoạt xong, gọi là lãnh địa phong kiến. Đây là đơn vị kinh tế - chính trị cơ bản trong thời kì phong kiến phân quyền ở Tây Âu.

- Lãnh địa phong kiến là vùng đất đai rộng lớn thuộc sở hữu của lãnh chúa phong kiến bao gồm đất của lãnh chúa và đất khẩu phần. Trong khu đất của lãnh chúa có lâu đài, dinh thự, nhà thờ,... có hào sâu, tường bao quanh. Đất khẩu phần giao cho nông nô cày cấy và thu tô thuế.

* Đặc biệt:

- Kinh tế: lãnh địa là đơn vị kinh tế độc lập, khép kín mang tính chất tự cung, tự cấp.

+ Nông nghiệp là chủ yếu

+ Thủ công nghiệp là nghề phụ

+ Thương nghiệp rất hạn chế

- Chính trị: lãnh địa là một đơn vị chính trị độc lập, các lãnh chúa có quyền cai trị lãnh địa như một ông vua, có quân đội, tòa án, luật pháp, thuế khóa,... riêng. Các lãnh chúa lớn còn buộc nhà vua ban cho mình quyền “miễn trừ” không can thiệp vào lãnh địa.

- Xã hội: gồm 2 tầng lớp

+ Nông nô: là lực lượng sản xuất chính, lệ thuộc và bị lãnh chúa bóc lột nặng nề.

+ Lãnh chúa: là chủ lãnh địa, sống nhàn rỗi, sung sướng dựa trên sự bóc lột nông nô.

→ Mâu thuẫn giữa nông nô và lãnh chúa sâu sắc, nông nô nhiều lần nổi dậy đấu tranh (tiêu biểu ở Anh và Pháp)

Câu 3: Trình bày nguồn gốc và vai trò của các thành thị trung đại châu Âu.

* Nguồn gốc:

- Sự phát triển của sản xuất và những tiền đề của nền kinh tế hàng hóa dẫn đến nhu cầu trao đổi sản phẩm, hàng hóa. Tính chất đóng kín của lãnh địa bị phá vỡ

- Trong các ngành thủ công nghiệp đã diễn ra quá trình chuyên môn hóa

- Để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho hoạt động sản xuất và trao đổi sản phẩm, các thợ thủ công, các lãnh chúa đã lập ra thành thị.

* Vai trò:

- Phá vỡ nền kinh tế tự nhiên, tự cung, tự cấp trong lãnh địa, tạo điều kiện cho kinh tế hàng hóa giản đơn phát triển.

- Góp phần xóa bỏ chế độ phong kiến phân quyền, xây dựng chế độ phong kiến tập quyền, thống nhất quốc gia dân tộc.

- Mang không khí tự do và mở mang tri thức cho mọi người, tạo tiền đề hình thành các trường đại học lớn ở châu Âu.

Câu 4: Nêu nguyên nhân, điều kiện của các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV. Các cuộc phát kiến địa lí đã đưa những kết quả nào đối với châu Âu nói riêng và lịch sử nhân loại nói chung?

* Nguyên nhân và điều kiện:

- Sâu sa: sản xuất phát triển dẫn đến nhu cầu về hương liệu, vàng bạc, thị trường tăng cao.

- Trực tiếp: Con đường giao lưu, buôn bán qua Tây Á và Địa Trung Hải bị người Ả - rập độc chiếm.

- Điều kiện:

+ Khoa học – kĩ thuật có những bước tiến quan trọng như hiểu biết về dòng hải lưu và hướng gió, về đại dương, hình dạng Trái đất, vẽ được hải đồ, sử dụng máy đo góc thiên văn, la bàn. Kĩ thuật đóng tàu có những tiến bộ mới (đóng được tàu có bánh lái và hệ thống buồm lớn như loại tàu Ca – ra – ven).

+ Những cuộc hành trình của người châu Âu sang phương Đông và những tài liệu ghi chép của những người đi trước cũng giúp cho các cuộc phát kiến địa lí có điều kiện thuận lợi hơn.

* Hệ quả:

- Tích cực:

-
- + Là cuộc “cách mạng thực sự về giao thông và tri thức”, đem lại hiểu biết mới về những con đường mới, dân tộc mới, đẩy mạnh giao lưu văn hóa giữa các châu lục.
 - + Nhiều ngành khoa học mới có điều kiện phát triển: hải dương học, ngôn ngữ học, dân tộc học,...
 - + Mang về khối lượng hàng hóa, vàng bạc, châu báu lớn cho châu Âu thúc đẩy thương mại châu Âu phát triển.
 - + Trung tâm thương mại thế giới chuyển từ bờ Địa Trung Hải sang Đại Tây Dương, thị trường thế giới được mở rộng
 - + Thúc đẩy quá trình tan rã của chế độ phong kiến và sự nảy sinh của CNTB
 - Tiêu cực: Nảy sinh quá trình cướp bóc thuộc địa và buôn bán nô lệ.

Câu 5: Nêu nguyên nhân ra đời, nội dung cơ bản của phong trào văn hóa Phục hưng. Đánh giá tính chất và ý nghĩa của phong trào.

*** Nguyên nhân:**

- Giai cấp tư sản có thể lực về kinh tế nhưng chưa có địa vị về xã hội tương ứng.
- Quan điểm lỗi thời của xã hội phong kiến kìm hãm sự phát triển của CNTB

*** Nội dung:**

- Giai cấp tư sản một mặt muốn khôi phục tinh hoa văn hóa của các quốc gia cổ đại Hi Lạp, Rô – ma, mặt khác cũng góp phần xây dựng một nền văn hóa mới đề cao giá trị chân chính của con người, đòi quyền tự do cá nhân, đề cao tinh thần dân tộc; coi trọng khoa học – kĩ thuật.
- Phong trào đạt được thành tựu rực rỡ trên nhiều lĩnh vực, đặc biệt là về văn học và nghệ thuật.

*** Đánh giá tính chất, ý nghĩa của phong trào:**

- Tính chất: mang tính chất tư sản, bao gồm hai mặt tiến bộ và hạn chế. Trong hoàn cảnh lịch sử lúc đó, phong trào Văn hóa Phục hưng là một cuộc cách mạng tư tưởng lớn trong thời trung đại nên tính chất tư sản tiến bộ là chủ yếu. Hạn chế của phong trào thể hiện ở việc giai cấp tư sản chưa triệt để chống giáo hội phong kiến, vẫn còn thỏa hiệp và dựa vào giáo hội phong kiến.
- Ý nghĩa: là cuộc đấu tranh công khai đầu tiên của giai cấp tư sản chống lại chế độ phong kiến trên mặt trận văn hóa tư tưởng, mở đường cho văn hóa châu Âu phát triển.

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

CHỦ ĐỀ 1: VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY ĐẾN THẾ KỶ X

Mục tiêu

❖ **Kiến thức**

- + Trình bày được các giai đoạn phát triển của thời nguyên thủy ở Việt Nam.
- + Nêu được điều kiện hình thành, đời sống vật chất, tinh thần của các quốc gia cổ đại trên đất nước Việt Nam.
- + Khái quát được những nét chính về thời kì Bắc thuộc và cuộc đấu tranh giành độc lập (từ thế kỉ IITCN đến đầu thế kỉ X).

❖ **Kĩ năng**

- + Khái quát, hệ thống, so sánh được các giai đoạn và đặc trưng ở thời nguyên thủy ở Việt Nam.
- + Quan sát hiện vật, xử lí tư liệu, đánh giá được vai trò, vị trí của văn minh Văn Lang – Âu Lạc.
- + Phân tích, lý giải được nguyên nhân bùng nổ các cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

VIỆT NAM THỜI NGUYÊN THỦY

1. Người tối cổ, thời kì bầy người nguyên thủy

- Niên đại: Cách ngày nay 30 – 40 vạn năm, di chỉ ở Lạng Sơn, Thanh Hóa,...
- Công cụ: Đá – ghè đẽo thô sơ (đá cũ sơ kì).
- Tổ chức xã hội: Sống theo bầy (Bầy người nguyên thủy).
- Phương thức sống: Săn bắt, hái lượm.

2. Người tinh khôn và công xã thị tộc

- Thời kì hình thành của công xã thị tộc:
 - + Niên đại: cách ngày nay 2 vạn năm - di tích văn hóa Ngườm (Thái Nguyên), Sơn Vi (Phú Thọ).
 - + Công cụ : đá ghè đẽo.
 - + Phương thức sống : săn bắt, hái lượm.
- Thời kì phát triển của công xã thị tộc:
 - + Niên đại: cách ngày nay khoảng 6000 - 12000 năm (Sơ kì đá mới) - Văn hóa Hòa Bình, Bắc Sơn.
 - + Công cụ lao động: rìu đá, rìu mài lưỡi, xương, tre, gỗ.
 - + Sống định cư thành thị tộc, bộ lạc.
 - + Phương thức sống: săn bắn, hái lượm, bước đầu biết trồng trọt.
- Cuộc cách mạng đá mới
 - + Niên đại: cách ngày nay 6000 - 5000 năm.
 - + Biểu hiện.
 - Xuất hiện kĩ thuật cưa, khoan, mài đá, làm gốm bằng bàn xoay.
 - Nông nghiệp trồng lúa (dùng cuốc đá).
 - Đời sống vật chất, tinh thần được cải thiện.

3. Sự ra đời của thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước

- Niên đại: Cách ngày nay khoảng 3000 – 4000 năm, công cụ bằng đồng xuất hiện. Cư dân Phùng Nguyên là những người mở đầu thời đại đồng thau ở Việt Nam.
→ Công xã thị tộc bước vào giai đoạn tan rã.
- Hoạt động kinh tế chủ yếu: Nông nghiệp trồng lúa nước. Ngoài ra còn làm gốm, dệt vải, làm đồ trang sức.

CÁC QUỐC GIA CỔ ĐẠI TRÊN ĐẤT NƯỚC VIỆT NAM

1. Quốc gia Văn Lang, Âu Lạc

* Văn Lang:

- Kinh tế: Công cụ lao động bằng đồng thau trở nên phổ biến, bắt đầu có công cụ bằng sắt trong văn hóa Đông Sơn.

→ + Nông nghiệp dùng cày phát triển, kết hợp với săn bắn, chăn nuôi và đánh cá.

+ Có sự phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp.

- Xã hội:

+ Sự phân hóa giàu nghèo rõ rệt hơn.

+ Công xã thị tộc tan rã, thay bằng công xã nông thôn với các gia đình phụ hệ.

- Yêu cầu trị thủy, chống giặc ngoại xâm.

→ Nhà nước Văn Lang ra đời khoảng thế kỉ VII TCN.

- Kinh đô: Bạch Hạc (Việt Trì – Phú Thọ).

- Đứng đầu Nhà nước là Vua Hùng, dưới có Lạc Hầu, Lạc Tướng; cả nước chia làm 15 bộ. Cai quản làng, xã là Bồ chính.

- Xã hội có Vua, quý tộc, dân tự do, nô tì.

*** Âu Lạc:**

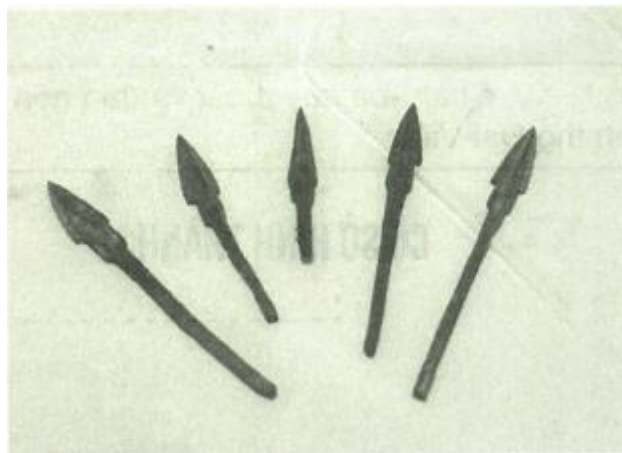
- Sự thành lập: Sau cuộc kháng chiến chống Tần (214 – 208 TCN), Thục Phán tự xưng là An Dương Vương, lập ra nước Âu Lạc, đóng đô ở Cổ Loa.

- Tình hình chung

+ Bộ máy nhà nước không có thay đổi lớn so với thời Văn Lang.

+ Lãnh thổ được mở rộng.

+ Quân đội đông, vũ khí tốt.



Mũi tên đồng Cổ Loa

2. Đời sống dân cư

- Đời sống vật chất

+ Ăn: gạo tẻ, gạo nếp, thịt cá, rau củ.

+ Mặc: nữ mặc áo, váy, nam đóng khố.

+ Ở: nhà sàn.



Trống đồng Đông Sơn

- Đời sống tinh thần:

+ Tín ngưỡng:

- Sùng bái tự nhiên (thời thần mặt Trời, thần Sông, thần Núi,...).
- Phồn thực.
- Thờ cúng tổ tiên, anh hùng, người có công.

+ Phong tục, tập quán:

- Tục lệ cưới xin, ma chay, tổ chức lễ hội.
- Tập quán nhuộm răng đen, ăn trầu, xăm mình, đeo đồ trang sức,...

→ Cư dân Văn Lang – Âu Lạc có đời sống vật chất giản dị, hòa nhập với tự nhiên. Đời sống tinh thần phong phú.

QUỐC GIA CỔ CHAM - PA

1. Cơ sở hình thành

- Cơ sở văn hóa Sa Huỳnh (khu vực Trung và Nam Trung Bộ).
- Cuộc nổi dậy chống lại nền thống trị của nhà Hán do Khu Liên lãnh đạo cuối thế kỉ II.
- Nước Lâm Ấp được thành lập, sau đổi tên thành Cham – pa. Kinh đô đặt ở Sin- ha – pu- ra (Trà Kiệu – Quảng Nam) → In – đra – pu – ra (Đồng Dương – Quảng Nam) → Vi – giay – a (Chà Bàn – Bình Định).

→ Đến thế kỉ XV, Cham – pa suy thoái và dần hòa nhập và lãnh thổ Đại Việt.

2. Chính trị - xã hội

- *Chính trị*
 - + Theo thể chế quân chủ: đứng đầu nhà nước là vua. Giúp việc cho vua có tể tướng, các đại thần.
 - + Cả nước được chia làm 4 châu. Dưới châu là huyện, làng.
- *Xã hội*: Bao gồm quý tộc, dân tự do, nông dân lệ thuộc, nô lệ.

3. Kinh tế

- Nông nghiệp: trồng lúa nước, sử dụng công cụ sắt và sức kéo trâu bò.
- Thủ công nghiệp: dệt, đóng gạch, kĩ thuật xây tháp đạt trình độ cao.



Thánh địa Mỹ Sơn

4. Văn hóa

- Chữ viết phát triển từ chữ Phạn của Ấn Độ (khoảng thế kỉ IV).

- Tôn giáo: Hin-đu giáo và Phật giáo
- Người Chăm có tập tục ở nhà sàn, ăn trâu cau và hỏa táng người chết.



Tượng thần Si - va

QUỐC GIA CỔ PHÙ NAM

1. Điều kiện hình thành

- Văn hóa Óc Eo (Nam Bộ) → Vào khoảng thế kỉ I, hình thành vương quốc Phù Nam của cư dân Nam Á, Nam Đảo ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long.
- Cuối thế kỉ VI, Phù Nam suy yếu, bị Chân Lạp thôn tính.



Khu di tích Ba Thê (An Giang)

2. Chính trị - xã hội

- Theo thể chế quân chủ do vua đứng đầu nắm mọi quyền hành.
- Xã hội phân biệt giàu nghèo, bao gồm quý tộc, bình dân, nô lệ.

3. Kinh tế

- Sản xuất nông nghiệp kết hợp làm nghề thủ công, đánh cá và buôn bán.

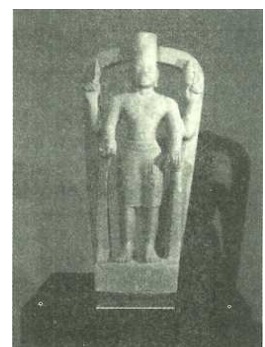


Nhẫn vàng khắc chữ Phạn

- Ngoại thương đường biển rất phát triển.

4. Văn hóa

- Tập quán phổ biến: ở nhà sàn, ở trần hoặc mặc áo chui đầu, xăm mình, xõa tóc, hỏa táng...
- Tôn giáo: Phật giáo và Hin-đu giáo.
- Nghệ thuật kiến trúc, ca, múa nhạc phát triển.



Tượng thần Vis - nu

BẮC THUỘC VÀ CÁC CUỘC ĐẤU TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP

1. Chính sách cai trị của các triều đại phong kiến phương Bắc

- Chính trị - quân sự.
 - + Chia để trị: Chia Âu Lạc thành các quận, châu, sáp nhập vào lãnh thổ Trung Quốc.
 - + Cử quan lại cai trị tới cấp huyện.
 - + Thắt tay đàn áp các cuộc nổi dậy của người Việt.
- Kinh tế
 - + Thi hành chính sách bóc lột, cống nạp, nặng nề.
 - Cướp đoạt ruộng đất của người Việt.
 - Nắm độc quyền về muối, sắt.
- Văn hóa: Thực hiện chính sách đồng hóa
 - + Bắt người Việt phải thay đổi phong tục theo người Hán.
 - + Mở trường học truyền bá Nho giáo, chữ Nho.

2. Chuyển biến kinh tế, văn hóa ở Việt Nam

- Kinh tế:
 - + Nông nghiệp: Công cụ bằng sắt được sử dụng phổ biến. Công trình thủy lợi được mở mang.
- Diện tích canh tác được mở rộng.
- Năng suất lúa tăng.
- + Thủ công nghiệp:
 - Các nghề thủ công: rèn sắt, kim hoàn ... phát triển.
 - Xuất hiện một số nghề mới: làm giấy, làm thủy tinh...
 - Văn hóa:
 - + Bảo tồn phong tục tập quán của người Việt.
 - + Tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa Trung Hoa (ngôn ngữ, văn tự ...).
- Người Việt không bị đồng hóa.

3. Các cuộc đấu tranh giành độc lập

- Khái quát chung
 - + Nguyên nhân: Chính sách thống trị tàn bạo của phong kiến phương Bắc.
- Mâu thuẫn dân tộc phát triển gay gắt.
- Bùng nổ phong trào đấu tranh giành độc lập.
- + Lãnh đạo: Tù trưởng, hào trưởng địa phương.
 - + Lực lượng tham gia: Đông đảo quần chúng nhân dân.
 - + Phương pháp đấu tranh: Đấu tranh vũ trang.
 - + Kết quả:
 - Trước khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ, tất cả các cuộc đấu tranh đều bị thất bại.

- Chiến thắng Bạch Đằng năm 938 đã chấm dứt hơn 1000 năm Bắc thuộc.

- Một số cuộc đấu tranh tiêu biểu

Cuộc đấu tranh	Diễn biến chính	Ý nghĩa lịch sử
Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40)	+ Năm 40, Hai Bà Trưng khởi nghĩa ở Hát Môn. + Khởi nghĩa thắng lợi. Trưng Trắc lên ngôi, đóng đô ở Mê Linh. + Năm 42, nhà Hán đưa quân sang đàn áp. Kháng chiến thất bại.	+ Là cuộc khởi nghĩa đầu tiên chống Bắc thuộc → Cổ vũ tinh thần đấu tranh của nhân dân. + Khẳng định vai trò của người phụ nữ trong xã hội Việt.
Khởi nghĩa Lý Bí (542)	+ Năm 542, Lý Bí khởi nghĩa lật đổ nền thống trị của nhà Lương, lên ngôi vua, lập ra nước Vạn Xuân (544). + Năm 603, nhà Tùy xâm lược, nhà nước Vạn Xuân kết thúc.	+ Phản ánh ý thức dân tộc của người Việt. + Tạo ra khoảng thời gian độc lập để khôi phục những giá trị Việt.
Khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ (905)	+ Năm 905, Khúc Thừa Dụ nổi dậy chiếm thành Tống Bình, giành quyền tự chủ. Nhà Đường phong ông là Tiết độ sứ An Nam. + Năm 907, Khúc Hạo lên thay, thực hiện cải cách để xây dựng chính quyền tự chủ.	+ Đánh dấu thắng lợi căn bản của cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc. + Đặt nền móng để tiến tới độc lập hoàn toàn vào năm 938.
Chiến thắng Bạch Đằng (938)	+ Kiều Công Tiễn giết Dương Đình Nghệ để đoạt quyền. → Năm 938, Ngô Quyền đem quân đánh Công Tiễn. → Công Tiễn cầu cứu nhà Nam Hán → Quân Nam Hán đưa quân sang xâm lược. + Ngô Quyền tổ chức trận chiến trên sông Bạch Đằng, đánh thắng quân Nam Hán.	+ Kết thúc hơn 1000 năm Bắc thuộc. + Mở ra thời kì độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Cách ngày nay 30 - 40 vạn năm, trên đất nước Việt Nam, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy dấu tích của

- A. Người tối cổ B. Người tinh khôn. C. Vượn người. D. Vượn cổ.

Câu 2: Phương thức kiếm sống của Người tối cổ ở Việt Nam là

- A. hái lượm, trồng trọt. B. săn bắt, hái lượm.
C. săn bắn, hái lượm. D. trồng trọt, chăn nuôi.

Câu 3: Công cụ lao động chủ yếu của Người tối cổ là gì?

A. Sắt. B. Đồng. C. Đá. D. Gỗ.

Câu 4: Đặc điểm công cụ lao động của Người tối cổ ở Việt Nam là

- A. công cụ đá, ghè đẽo thô sơ. B. bằng đá, ghè đẽo hai mặt.
C. công cụ đá, mài nhẵn. D. chủ yếu là tre, gỗ, xương thú.

Câu 5: Hoạt động kinh tế chính của cư dân Hòa Bình - Bắc Sơn là gì?

- A. Săn bắn, hái lượm. B. Săn bắt, hái lượm. C. Đánh cá, chăn nuôi. D. Trồng trọt, chăn nuôi.

Câu 6: Đặc điểm của cuộc “Cách mạng thời đá mới” ở Việt Nam là

- A. con người biết mài, cưa, khoan đá, làm gốm bằng bàn xoay.
B. con người đã biết săn bắn, hái lượm và đánh cá.
C. con người đã biết trồng trọt và chăn nuôi.
D. con người đã biết sử dụng kim loại và kỹ thuật luyện kim.

Câu 7: Nền văn hóa nào dưới đây **không** thuộc thời kỳ đá mới?

- A. Văn hóa Hòa Bình. B. Văn hóa Bắc Sơn.
C. Văn hóa Sơn Vi. D. Văn hóa Phùng Nguyên.

Câu 8: Điểm mới trong hoạt động kinh tế của cư dân Hòa Bình - Bắc Sơn so với cư dân Ngườm và Sơn Vi là gì?

- A. Săn bắt, hái lượm là hoạt động chính. B. Săn bắn, hái lượm là hoạt động chính.
C. Biết trồng các loại rau, củ, quả. D. Nông nghiệp lúa nước là chủ đạo.

Câu 9: Các nhà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều cục đồng, xỉ đồng, dây đồng trong các di chỉ văn hóa nào dưới đây?

- A. Sơn Vi. B. Hòa Bình. C. Ngườm. D. Phùng Nguyên.

Câu 10: Ở Việt Nam, cư dân văn hóa Phùng Nguyên là những người mở đầu thời đại

- A. đồng thau. B. trồng lúa nước. C. đồ đá. D. sử dụng đồ sắt.

Câu 11: Chủ nhân của nền văn hoá nào mở đầu thời đại đồng thau ở Việt Nam?

- A. Sơn Vi. B. Hòa Bình. C. Phùng Nguyên. D. Bắc Sơn.

Câu 12: Trong buổi đầu thời đại kim khí ở Việt Nam, công cụ kim loại nào được sử dụng sớm nhất?

- A. Đồng đỏ. B. Đồng thau. C. Sắt. D. Thiếc.

Câu 13: Điểm giống nhau trong hoạt động kinh tế của cư dân Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai là

- A. chăn nuôi và khai thác sản vật rừng là hoạt động kinh tế chính.
B. chăn nuôi và đánh bắt cá là hoạt động kinh tế chính.
C. nghề nông trồng lúa nước giữ vai trò chủ đạo.
D. săn bắt, hái lượm vẫn là nguồn sống chính.

Câu 14: Sau khi Người tối cổ tiến hóa thành Người tinh khôn, họ từng bước sống định cư lâu dài và tập hợp thành

- A. bầy người nguyên thủy. B. thị tộc, bộ lạc.
C. bản, làng, thôn, xóm. D. các gia đình sống tách biệt.

Câu 15: Cư dân của nền văn hóa nào trên đất nước Việt Nam đã biết chế tác và sử dụng đồ sắt?

- A. Hòa Bình. B. Bắc Sơn. C. Phùng Nguyên. D. Sa Huỳnh.

Câu 16: Ở thời kỳ nguyên thủy, công cụ lao động bằng kim loại xuất hiện đã tạo điều kiện cho cư dân trên đất nước ta

- A. phát triển nghề nông trồng lúa nước. B. sống định cư trong các bản làng.
C. phát triển nghề đánh bắt cá. D. mở rộng trao đổi sản phẩm.
- Câu 17:** Vào thời gian đầu của văn hóa Đông Sơn, công cụ lao động phổ biến là
A. Đá. B. Đồng thau. C. Sắt. D. Tre, gỗ.
- Câu 18:** Nghề thủ công phổ biến của cư dân Đông Sơn là
A. Đúc đồng. B. Điêu khắc đá.
C. Làm gốm bằng bàn xoay D. Dệt vải.
- Câu 19:** Quốc gia đầu tiên trong lịch sử của nước ta là
A. Văn Lang. B. Tây Âu. C. Âu Lạc. D. Văn Lang, Âu Lạc.
- Câu 20:** Quốc gia Văn Lang - Âu Lạc được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào
A. Sa Huỳnh. B. Đồng Nai. C. Óc Eo. D. Đông Sơn.
- Câu 21:** Điều kiện dẫn đến sự hình thành quốc gia Văn Lang - Âu Lạc là gì?
A. Chống ngoại xâm, quản lý xã hội.
B. Trị thủy, phân chia giai cấp, mở rộng lãnh thổ.
C. Phân chia giai cấp, trị thủy, thống nhất quốc gia.
D. Trị thủy, phân chia giai cấp, chống giặc ngoại xâm.
- Câu 22:** Kinh đô của quốc gia Văn Lang ở
A. Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). B. Hoa Lư (Ninh Bình).
C. Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). D. Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ).
- Câu 23:** Kinh đô của nước Âu Lạc ở
A. Luy Lâu (Thuận Thành, Bắc Ninh). B. Hoa Lư (Ninh Bình).
C. Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội). D. Bạch Hạc (Việt Trì, Phú Thọ).
- Câu 24:** Nước Văn Lang chia làm 15 bộ, đứng đầu mỗi bộ là
A. Lạc hầu. B. Lạc tướng. C. Bô chính. D. Quan Lang.
- Câu 25:** Trong xã hội quốc gia Văn Lang - Âu Lạc có các tầng lớp nào?
A. Vua, quan lại, tăng lữ. B. Vua, quý tộc, dân tự do, nô tì.
C. Vua, quan lại, nô tì. D. Vua, địa chủ và nông nô.
- Câu 26:** Ngành kinh tế chủ yếu của cư dân Văn Lang - Âu Lạc là
A. khai thác lâm thổ sản. B. trồng lúa nước.
C. đúc đồng, rèn sắt. D. chăn nuôi, đánh bắt cá.
- Câu 27:** Quốc gia Cham-pa được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa nào?
A. Sa Huỳnh. B. Đồng Nai. C. Óc Eo. D. Đông Sơn.
- Câu 28:** Quốc gia cổ Phù Nam được hình thành trên cơ sở của nền văn hóa cổ nào?
A. Sa Huỳnh. B. Đồng Nai. C. Óc Eo. D. Đông Sơn.
- Câu 29:** Sự phân công lao động giữa nông nghiệp và thủ công nghiệp đã xuất hiện vào thời kì
A. Đông Sơn. B. Văn Lang. C. Âu Lạc. D. Phùng Nguyên.
- Câu 30:** Một trong những tín ngưỡng phổ biến của cư dân Văn Lang - Âu Lạc vẫn còn lưu giữ đến ngày nay là gì?
A. Thờ cúng tổ tiên. B. Sùng bái tự nhiên. C. Thờ thần Mặt Trời. D. Thờ thần Núi.

Câu 31: Đặc điểm chung về hoạt động kinh tế của cư dân Văn Lang - Âu Lạc với cư dân Chăm-pa, Phù Nam là gì?

- A. Đúc đồng, rèn sắt khá phát triển. B. Kỹ thuật xây tháp đạt đến trình độ cao.
C. Nông nghiệp lúa nước là ngành kinh tế chính. D. Phát triển ngoại thương đường biển.

Câu 32: Triều đại phong kiến phương Bắc nào đã mở đầu thời kì Bắc thuộc đối với nước ta?

- A. Hán. B. Triệu. C. Lương. D. Tùy.

Câu 33: Chính quyền phong kiến phương Bắc đã tổ chức bộ máy cai trị nước ta như thế nào?

- A. Chia nước ta thành quận, huyện, sáp nhập vào lãnh thổ phương Bắc.
B. Chia nước ta thành năm quận, cử người sang cai trị trực tiếp.
C. Chia nước ta thành các quận, huyện, cử người cai trị đến tận các xóm, làng.
D. Tăng cường kiểm soát, đưa người Hán sang sinh sống ở các quận, huyện.

Câu 34: Chính sách kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta là gì?

- A. Phát triển nông nghiệp, thủ công nghiệp.
B. Bóc lột, cống nạp nặng nề.
C. Chỉ tập trung khai thác sản vật quý hiếm.
D. Bắt nhân dân ta lao dịch, xây dựng nhiều công trình.

Câu 35: Một trong những chính sách bóc lột về kinh tế của các triều đại phong kiến phương Bắc đối với nước ta là

- A. đàn áp các phong trào đấu tranh.
B. đưa người Hán sang sống cùng người Việt.
C. khai thác cạn kiệt tài nguyên rừng.
D. nắm độc quyền về muối và sắt.

Câu 36: Các triều đại phong kiến phương Bắc thực hiện chính sách đồng hóa nhằm

- A. bảo tồn và phát triển văn hóa phương Đông.
B. khai hóa văn minh cho nhân dân ta.
C. biến người Việt thành một bộ phận người Hán.
D. đẩy mạnh giao lưu văn hóa Việt - Hán.

Câu 37: Thời Bắc thuộc, công cụ kim loại nào được sử dụng phổ biến?

- A. Đồng Thau. B. Sắt. C. Thiếc. D. Đồng đỏ.

Câu 38: Một số nghề thủ công mới xuất hiện ở nước ta thời Bắc thuộc là

- A. làm đồ trang sức bằng vàng, bạc. B. đúc đồng, rèn sắt.
C. làm giấy, làm thủy tinh. D. làm gốm.

Câu 39: Biểu hiện sự chuyển biến của kinh tế nước ta dưới thời Bắc thuộc là gì?

- A. Năng suất lúa tăng hơn trước, thủ công nghiệp, thương nghiệp có chuyển biến đáng kể.
B. Thủ công nghiệp, thương mại trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của nước ta.
C. Nghề làm trang sức bằng vàng, bạc, ngọc nổi tiếng khắp khu vực Đông Nam.
D. Một số nghề thủ công mới xuất hiện, cạnh tranh mạnh mẽ với sản phẩm của Trung Quốc.

Câu 40: Chính sách thống trị về văn hóa của chính quyền phong kiến phương Bắc thực hiện ở nước ta là

- A. khuyến khích giao lưu văn hóa Hán - Việt.
B. khuyến khích phát triển văn hóa truyền thống của người Việt.

C. truyền bá Nho giáo, bắt dân ta theo phong tục của người Hán.

D. tổ chức nhiều kỳ thi để tuyển lựa nhân tài phục vụ đất nước.

Câu 41: Chính sách thống trị về văn hóa của chính quyền phong kiến phương Bắc thực hiện ở nước ta nhằm mục đích gì?

A. Tạo điều kiện phát triển văn hóa truyền thống của người Việt.

B. Phát triển nền văn hóa phương Bắc trên đất nước ta.

C. Thúc đẩy giao lưu văn hóa Việt - Hán.

D. Đồng hóa về văn hóa.

Câu 42: Người Việt đã làm gì để chống lại âm mưu đồng hóa về văn hóa của các triều đại phong kiến phương Bắc?

A. Tiếp nhận tất cả các yếu tố văn hóa Trung Hoa.

B. Đấu tranh quyết liệt, làm thất bại âm mưu đồng hóa về văn hóa.

C. Tiếp nhận và “Việt hóa” những yếu tố tích cực của nền văn hóa Trung Hoa.

D. Không chấp nhận bất cứ yếu tố văn hóa nào của văn hóa Trung Hoa.

Câu 43: Dưới thời Bắc thuộc, Nho giáo có ảnh hưởng như thế nào đối với nước ta?

A. Từng bước thay thế Phật giáo.

B. Trở thành hệ tư tưởng chính thống.

C. Chỉ ảnh hưởng đến một số vùng trung tâm châu, quận.

D. Không hề ảnh hưởng đến phong tục, tập quán của người Việt.

Câu 44: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng những chính sách thống trị về văn hóa của chính quyền phương Bắc đối với nhân dân ta?

A. Từng bước đưa đạo Phật lên vị trí độc tôn. B. Truyền bá Nho giáo vào nước ta.

C. Bắt nhân dân ta theo phong tục của người Hán. D. Đưa người Hán sang ở lẫn với người Việt.

Câu 45: Dưới thời Bắc thuộc, nhân dân ta không ngừng đấu tranh chống chính quyền phong kiến phương Bắc vì

A. chính sách tước đoạt ruộng đất của giai cấp nông dân.

B. các triều đại phong kiến phương Bắc bóc lột theo kiểu địa tô nặng nề.

C. căm thù sâu sắc chế độ cai trị tàn bạo của chúng.

D. chính sách kìm hãm sự phát triển kinh tế nước ta của chúng.

Câu 46: Trong xã hội nước ta dưới thời Bắc thuộc, mâu thuẫn xã hội nào là cơ bản nhất?

A. Nông dân với địa chủ phong kiến.

B. Nhân dân ta với chính quyền đô hộ phương Bắc.

C. Quý tộc với chính quyền đô hộ phương Bắc.

D. Nông dân với chính quyền đô hộ phương Bắc.

Câu 47: Nơi xuất phát của các cuộc đấu tranh chống ách đô hộ của các triều đại phương Bắc để giành độc lập dân tộc là

A. thành thị.

B. trung tâm quận, huyện.

C. làng xóm.

D. cả nông thôn và thành thị.

Câu 48: Sự kiện mở đầu thời kì chống Bắc thuộc của nhân dân Âu Lạc là

A. khởi nghĩa Bà Triệu.

B. khởi nghĩa Lý Bí.

C. khởi nghĩa Hai Bà Trưng.

D. khởi nghĩa Phùng Hưng.

Câu 49: Hai Bà Trưng khởi nghĩa chống ách thống trị của triều đại phong kiến phương Bắc nào sau đây?

A. Nhà Hán.

B. Nhà Ngô.

C. Nhà Lương.

D. Nhà Tùy.

Câu 50: Hai Bà Trưng nổi dậy khởi nghĩa từ

A. Mê Linh.

B. Hát Môn.

C. Luy Lâu.

D. Cổ Loa.

Câu 51: Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc được nhân dân suy tôn làm vua, đóng đô ở

A. Phong Châu.

B. Cổ Loa.

C. Mê Linh.

D. Luy Lâu.

Câu 52: Một trong những nét độc đáo của cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là

A. khởi nghĩa khi chính quyền địch suy yếu.

B. được đông đảo nhân dân tham gia.

C. lực lượng kị binh giữ vai trò tiên phong.

D. nhiều nữ tướng tham gia chỉ huy cuộc khởi nghĩa.

Câu 53: Cuộc khởi nghĩa Lý Bí năm 542 nhằm chống lại ách thống trị của triều đại phong kiến phương Bắc nào sau đây?

A. Nhà Hán.

B. Nhà Ngô.

C. Nhà Lương.

D. Nhà Tùy.

Câu 54: Khởi nghĩa thắng lợi, Lý Bí lên làm vua, đặt quốc hiệu nước ta là

A. Văn Lang.

B. Âu Lạc.

C. Vạn Xuân.

D. Đại Việt.

Câu 55: Điểm giống nhau giữa khởi nghĩa Hai Bà Trưng và khởi nghĩa Lý Bí là gì?

A. Diễn ra qua hai giai đoạn: khởi nghĩa và kháng chiến.

B. Chống ách đô hộ của nhà Hán.

C. Chống ách đô hộ của nhà Lương.

D. Kháng chiến thắng lợi, mở ra thời kì phát triển mới cho dân tộc.

Câu 56: Cuộc khởi nghĩa Khúc Thừa Dụ thắng lợi, nhân dân ta đã

A. giành được độc lập hoàn toàn.

B. giành được quyền tự chủ.

C. xây dựng được chính quyền phong kiến độc lập.

D. thành lập quốc gia mới.

Câu 57: Lợi dụng cơ hội nào, quân Nam Hán kéo vào xâm lược nước ta lần thứ hai?

A. Kiều Công Tiễn bị Ngô Quyền giết chết.

B. Nội bộ triều đình nhà Ngô bị rối loạn.

C. Kiều Công Tiễn sát hại Dương Đình Nghệ đoạt chức Tiết độ sứ.

D. Kiều Công Tiễn cho người sang cầu cứu nhà Nam Hán.

Câu 58: Nơi diễn ra trận chiến quyết định của Ngô Quyền trước quân Nam Hán là

A. sông Như Nguyệt.

B. sông Bạch Đằng.

C. Hát Môn.

D. Cổ Loa.

Câu 59: Nội dung nào **không** phản ánh đúng nghệ thuật quân sự trong chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938?

A. Khai thác điều kiện địa hình sông nước.

B. Lợi dụng nước thủy triều, xây dựng trận địa cọc ngầm.

C. Thực hiện vườn không nhà trống.

D. Đánh nghi binh, mai phục.

Câu 60: Sự kiện lịch sử nào đã mở ra một thời đại mới - thời đại độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc ta?

A. Khởi nghĩa Hai Bà Trưng thắng lợi.

- B. Khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ năm 905.
C. Khởi nghĩa Lý Bí thắng lợi.
D. Chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy cho biết những điểm tiến bộ trong hoạt động kinh tế của cư dân Hòa Bình - Bắc Sơn?

Câu 2: Trình bày những biểu hiện của “cách mạng đá mới” ở nước ta.

Câu 3: Sự ra đời của thuật luyện kim có ý nghĩa gì đối với các bộ lạc sống cách đây khoảng 3000-4000 năm?

Câu 4: Lập bảng thống kê những điểm chính về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai theo các nội dung: địa bàn cư trú, công cụ lao động, hoạt động kinh tế.

Câu 5: Nêu nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang - Âu Lạc. Tại sao nói văn minh Văn Lang - Âu Lạc định hình bản sắc dân tộc Việt Nam?

Câu 6: Lập bảng hệ thống về đời sống kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng của cư dân Văn Lang - Âu Lạc, cư dân Lâm Ấp - Cham-Pa và cư dân Phù Nam.

Câu 7: Khái quát nét chính và phân tích ý nghĩa về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

Câu 8: Nêu những đóng góp của Hai Bà Trưng, Lý Bí, Triệu Quang Phục, Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc, giành độc lập, tự chủ.

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - B	3 - C	4 - A	5 - B	6 - A	7 - C	8 - C	9 - D	10 - A
11 - C	12 - B	13 - C	14 - B	15 - D	16 - A	17 - B	18 - A	19 - A	20 - D
21 - D	22 - D	23 - C	24 - B	25 - B	26 - B	27 - A	28 - C	29 - A	30 - A
31 - C	32 - B	33 - A	34 - B	35 - D	36 - C	37 - B	38 - C	39 - A	40 - C
41 - D	42 - C	43 - C	44 - A	45 - C	46 - B	47 - C	48 - C	49 - A	50 - B
51 - C	52 - D	53 - D	54 - C	55 - A	56 - B	57 - D	58 - B	59 - C	60 - D

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy cho biết những điểm tiến bộ trong hoạt động kinh tế của cư dân Hòa Bình - Bắc Sơn?

- Cư dân Hòa Bình - Bắc Sơn là những người mở đầu thời kì đá mới.
- Sống định cư lâu dài hợp thành thị tộc, bộ lạc.
- Ngoài săn bắt, hái lượm còn biết trồng các loại rau, củ, cây ăn quả. Nền nông nghiệp sơ khai bắt đầu.
- Bước đầu biết mài rộng trên lưỡi rìu, làm một số công cụ khác bằng xương, tre, gỗ.
- Bắt đầu biết làm đồ gốm.

Câu 2: Trình bày những biểu hiện của “cách mạng đá mới” ở nước ta.

- Niên đại: cách ngày nay 5000 - 6000 năm.
- Sử dụng kỹ thuật mài, khoan, cưa đá, làm gốm bằng bàn xoay.
- Biết trồng lúa, dùng cuốc đá. Công cụ lao động được cải tiến nên năng suất lao động tăng.
- Biết trao đổi sản phẩm giữa các thị tộc, bộ lạc.
- Đời sống vật chất và tinh thần được cải thiện hơn, địa bàn cư trú ngày càng mở rộng.

Câu 3: Sự ra đời của thuật luyện kim có ý nghĩa gì đối với các bộ lạc sống cách đây khoảng 3000-4000 năm?

- Cách ngày nay khoảng 3000 - 4000 năm, các bộ lạc sống rải rác trên đất nước ta, trên cơ sở trình độ phát triển cao của kỹ thuật chế tác đá, làm gốm đã bắt đầu biết khai thác, sử dụng nguyên liệu đồng và kỹ thuật luyện kim để chế tạo công cụ.
- Sự ra đời của thuật luyện kim đã đưa các bộ lạc trên đất nước ta vào thời đại sơ kì đồng thau, làm tiền đề cho sự chuyển biến xã hội sau đó.
- Thuật luyện kim ra đời kéo theo sự ra đời của nghề nông trồng lúa nước.
- Thuật luyện kim và nghề nông trồng lúa nước đã tạo nên năng suất lao động ngày càng cao trong xã hội. Trên cơ sở đó hình thành những nền văn hóa lớn vào cuối thời nguyên thủy.

Câu 4: Lập bảng thống kê những điểm chính về cuộc sống của các bộ lạc Phùng Nguyên, Sa Huỳnh, Đồng Nai theo các nội dung: địa bàn cư trú, công cụ lao động, hoạt động kinh tế.

Nền văn hóa	Địa bàn cư trú	Công cụ lao động	Hoạt động kinh tế
Phùng Nguyên	Phú Thọ, Bắc Giang, Bắc Ninh, Hà Nội, Hải Phòng.	Chủ yếu bằng đá	Nông nghiệp trồng lúa, chăn nuôi gia súc, làm đồ gốm, dệt vải.
Sa Huỳnh	Quảng Nam, Đà Nẵng, Bình Định, Khánh Hòa.	Phổ biến bằng đá	Nông nghiệp trồng lúa, làm gốm, dệt vải, làm đồ trang sức.
Đồng Nai	Đồng Nai, Bình Dương, Bình Phước, Long An, Hồ Chí Minh.	Chủ yếu bằng đá	Nông nghiệp trồng lúa nước và các cây lương thực, ăn quả khác, khai thác sản vật, làm nghề thủ công.

Câu 5: Nêu nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang - Âu Lạc. Tại sao nói văn minh Văn Lang - Âu Lạc định hình bản sắc dân tộc Việt Nam?

* *Nét chính về đời sống vật chất và tinh thần của cư dân Văn Lang - Âu Lạc*

- Đời sống vật chất:
- + Ăn: gạo tẻ, gạo nếp, thịt cá, rau củ.
- + Mặc: nữ mặc áo, váy, nam đóng khố.

- + Ở: nhà sàn.
- Đời sống tinh thần:
- + Sùng bái tự nhiên (thời thần Mặt Trời, thần Sông, thần Nước,...).
- + Thờ cúng tổ tiên, anh hùng, người có công.
- + Tục lệ cưới xin, ma chay, tổ chức lễ hội.
- + Có tập quán nhuộm răng đen, ăn trầu, xăm mình, đeo đồ trang sức,...
- Cư dân Văn Lang - Âu Lạc có đời sống vật chất giản dị, hòa nhập với tự nhiên.
- Đời sống tinh thần phong phú

** Văn minh Văn Lang - Âu Lạc định hình bản sắc dân tộc Việt Nam*

- Đời sống vật chất, tinh thần phong phú của cư dân Văn Lang - Âu Lạc chính là cơ sở, nguồn gốc hình thành nền văn minh sông Hồng, tạo nên những giá trị bản sắc của dân tộc Việt Nam vì
- + Đây là nền văn minh đầu tiên của dân tộc Việt Nam (Văn minh sông Hồng)... Nền văn minh này trải qua một quá trình hình thành và phát triển lâu dài, bắt nguồn từ thời đại đồng thau đến sơ kì thời đại đồ sắt cùng với quá trình hình thành và tồn tại quốc gia và nhà nước Hùng Vương - An Dương Vương vào những thế kỉ VII - II TCN.
- + Đây là nền văn minh mang tính bản địa đậm nét, kết tinh trong đó bản lĩnh, truyền thống, cốt cách, lối sống và lễ sống của người Việt cổ... Nền văn minh này phác họa nên bản sắc và truyền thống ban đầu của người Việt tạo dựng nền móng cho toàn bộ đời sống kinh tế - văn hóa Việt Nam cho các thời kỳ sau.

Câu 6: Lập bảng hệ thống về đời sống kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng của cư dân Văn Lang - Âu Lạc, cư dân Lâm Ấp - Cham-Pa và cư dân Phù Nam.

Nội dung	Cư dân Văn Lang - Âu Lạc	Cư dân Lâm Ấp - Cham-Pa	Cư dân Phù Nam
Đời sống kinh tế	Nông nghiệp lúa nước, dệt vải, làm gốm	Nông nghiệp lúa nước. Khai thác lâm thổ sản, Nghề thủ công đóng gạch xây tháp phát triển	Nông nghiệp kết hợp với thủ công, đánh cá. Buôn bán phát triển
Văn hóa - tín ngưỡng	Thờ cúng tổ tiên, thờ thần linh. Tục lệ cưới xin, ma chay. - Lễ hội phổ biến (hội mùa)	Hin-đu giáo và Phật giáo	Sớm ảnh hưởng Phật giáo và Hin-đu giáo

Câu 7: Khái quát nét chính và phân tích ý nghĩa về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng?

** Khởi nghĩa Hai Bà Trưng (40 - 43)*

- Tháng 3 năm 40, Hai Bà Trưng phát cờ khởi nghĩa ở Hát Môn (Phúc Thọ, Hà Tây), được nhân dân nhiệt tình hưởng ứng, nghĩa quân Hai Bà đánh chiếm được Mê Linh (Vĩnh Phúc), rồi chiếm

được Cổ Loa, buộc thái thú Tô Định phải trốn về Trung Quốc. Khởi nghĩa thắng lợi, Trưng Trắc lên làm vua đóng đô ở Mê Linh, xây dựng chính quyền độc lập, tự chủ.

- Năm 42, nhà Hán đưa 2 vạn quân sang xâm lược. Hai Bà Trưng tổ chức kháng chiến anh dũng nhưng do lực lượng chênh lệch nên cuộc kháng chiến thất bại.

*** Ý nghĩa**

- + Cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng là cuộc khởi nghĩa đã mở đầu cho cuộc đấu tranh chống áp bức, đô hộ của nhân dân Âu Lạc. Cho thấy khát vọng và khả năng giành độc lập của dân tộc ta trước các thế lực phương Bắc.
- + Việc Hai Bà Trưng xây dựng chính quyền, mặc dù còn sơ khai nhưng là một chính quyền độc lập, tự chủ của dân ta, ra đời từ sự thắng lợi của cuộc khởi nghĩa. Nó có ý nghĩa to lớn trong việc cổ vũ tinh thần đấu tranh chống ách đô hộ của phong kiến phương Bắc sau đó.
- + Từ trong cuộc khởi nghĩa, khẳng định khả năng và vai trò của phụ nữ trong đấu tranh giành và bảo vệ độc lập dân tộc. Nhiều nữ tướng đã tham gia chỉ huy và giành được thắng lợi trong cuộc khởi nghĩa. Họ trở thành những tấm gương, niềm tự hào của phụ nữ Việt Nam.

Câu 8: Nêu những đóng góp của Hai Bà Trưng, Lý Bí, Triệu Quang Phục, Khúc Thừa Dụ, Ngô Quyền trong cuộc đấu tranh chống Bắc thuộc, giành độc lập, tự chủ.

- Hai Bà Trưng
 - + Lãnh đạo nhân dân ta khởi nghĩa, lật đổ ách thống trị của nhà Hán, giành độc lập tự chủ cho dân tộc.
 - + Mở đầu thời kì chống Bắc thuộc; làm nên truyền thống đấu tranh anh hùng của phụ nữ Việt Nam.
- Lý Bí:
 - + Liên kết với các hào kiệt nổi dậy khởi nghĩa chống quân nhà Lương, giành được độc lập.
 - + Thành lập nhà nước mới với quốc hiệu Vạn Xuân, thể hiện khát vọng độc lập vững bền của dân tộc.
- Triệu Quang Phục: kế tục sự nghiệp của Lý Bí, tổ chức cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Lương giành thắng lợi.
- Khúc Thừa Dụ:
 - + Lãnh đạo nhân dân nổi dậy giành chính quyền, đánh đổ ách thống trị của nhà Đường.
 - + Cuộc khởi nghĩa của Khúc Thừa Dụ giành thắng lợi đã đánh dấu sự thắng lợi về cơ bản của cuộc đấu tranh vũ trang hơn nghìn năm Bắc thuộc.
- Ngô Quyền:
 - + Trừ khử tên nội phản Kiều Công Tiễn.
 - + Chỉ huy trận đánh ở sông Bạch Đằng đập tan cuộc xâm lược của nhà Nam Hán.
 - + Cuộc khởi nghĩa và chiến thắng Bạch Đằng của Ngô Quyền năm 938 đã mở ra một thời kì mới - thời kì độc lập, tự chủ lâu dài của dân tộc.

Câu 9. Phân tích nguyên nhân thắng lợi và ý nghĩa Sạch sử của chiến thắng Bạch Đằng năm 938

-
- Nguyên nhân thắng lợi:
 - + Do tinh thần yêu nước, sức mạnh đoàn kết, quyết tâm chiến đấu chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc của nhân dân ta.
 - + Sự lãnh đạo của Ngô Quyền, đặc biệt trong việc sử dụng nghệ thuật quân sự: cách bố trí trận địa, biết lợi dụng tối đa địa thế sông, rừng rậm để bố trí quân mai phục; biết lợi dụng chế độ thủy triều và sự chênh lệch mực nước rất lớn giữa lúc nước thủy triều lên với khi thủy triều rút để xây dựng trận địa cọc phối hợp với trận địa mai phục; biết sử dụng lối đánh khiêu chiến, đánh kiếm chế để nhử quân địch vào thế trận bày sẵn, chọn đúng thời điểm để phản công quyết liệt....
 - Ý nghĩa lịch sử:
 - + Nêu lên ý chí quyết tâm đấu tranh chống xâm lược, bảo vệ vững chắc nền độc lập của dân tộc.
 - + Đánh dấu sự trưởng thành của dân tộc trong quá trình đấu tranh chống Bắc thuộc.
 - + Là mốc kết thúc hoàn toàn thời kì Bắc thuộc hàng chục thế kỉ, đưa dân tộc bước sang một kỉ nguyên mới - kỉ nguyên độc lập, tự chủ lâu dài dưới chế độ phong kiến.

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

CHỦ ĐỀ 2: VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ X ĐẾN XV

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Nêu được những nét chính về quá trình hình thành và phát triển của Nhà nước phong kiến Đại Việt (từ thế kỉ X đến thế kỉ XV).
- + Nêu được những nét chính về công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế độc lập, tự chủ của nhân dân Đại Việt trong các thế kỉ X - XV.
- + Trình bày được nét chính về các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của nhân dân Đại Việt ở các thế kỉ X - XV: thời gian, lãnh đạo chủ chốt, trận đánh tiêu biểu, kết quả, điểm đặc sắc về nghệ thuật quân sự,...
- + Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu trên các lĩnh vực: tư tưởng, tôn giáo; giáo dục; văn học, khoa học kĩ thuật,...của nhân dân Đại Việt trong các thế kỉ X - XV.

❖ Kỹ năng

- + Hệ thống, khái quát những sự kiện chính của lịch sử các triều đại phong kiến Việt Nam thế kỉ X - XV.
- + So sánh, đánh giá được sự hoàn chỉnh, phát triển của nhà nước phong kiến và thành tựu về kinh tế, văn hóa qua các triều đại.
- + Phân tích được nguyên nhân thắng lợi, đánh giá được nét độc đáo về nghệ thuật quân sự của các cuộc khởi nghĩa, kháng chiến chống ngoại xâm, giành và bảo vệ độc lập dân tộc.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

1. Quá trình hình thành và phát triển của nhà nước phong kiến

a/ Ngô (938 – 965)

Đinh (968 - 980)

Tiền Lê (980 – 1009)

} Bước đầu xây dựng nhà nước độc lập

* Bộ máy tổ chức:

- Xây dựng theo mô hình quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền, song còn đơn giản, sơ khai

- Tuyển chọn quan lại chủ yếu qua hình thức: tiến cử, tập ám.

* Luật pháp:

- Chưa có luật pháp thành văn, xét xử còn tùy tiện, hà khắc.

* Quân đội:

- Tuyển binh theo chính sách “ngụ binh ư nông”.

- Quân đội chính quy bước đầu được hình thành.

* Đối nội: Coi trọng bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; chăm lo đời sống nhân dân.

* Đối ngoại: Mềm dẻo, thân thiện, nhưng kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền.

b/ Lý (1009 - 1225)

Trần (1226 - 1400)

Hồ (1400 - 1407)

Lê sơ (1428 - 1527)

} Bước phát triển và hoàn chỉnh của Nhà nước phong kiến

* Bộ máy tổ chức:

- Ngày càng được củng cố kiện toàn và hoàn chỉnh dưới thời Lê sơ.

- Tuyển chọn quan lại:

+ Thời Lý, Trần: + Quý tộc giữ các chức vụ cao cấp.

+ Bước đầu tuyển chọn qua khoa cử.

+ Thời Lê sơ: giáo dục, khoa cử là nguồn đào tạo, tuyển chọn quan lại chủ yếu.

* Luật pháp:

- Các bộ luật: Hình thư (Lý), Hình luật (Trần), Quốc triều hình luật (Lê sơ).

- Nội dung chính: bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia; bảo vệ quyền hành của giai cấp thống trị,...

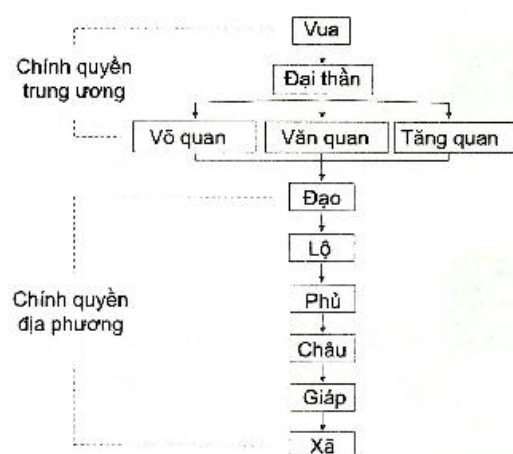
* Quân đội:

- Tuyển theo chính sách “ngụ binh ư nông”.

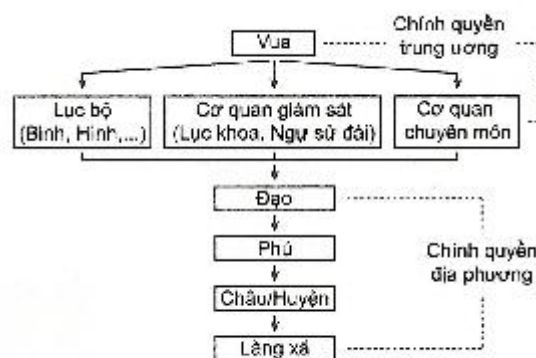
- Tổ chức ngày càng quy củ, chặt chẽ; gồm: cấm binh và quân địa phương.

- Được trang bị vũ khí đầy đủ.

* Đối nội:



Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Ngô, Đinh, Tiền Lê



Sơ đồ tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê sơ sau cải cách của Lê Thánh Tông

- Coi trọng bảo vệ chủ quyền, an ninh quốc gia.

- Quan tâm, chăm lo đời sống nhân dân.

- Chính sách đoàn kết dân tộc.

* Đối ngoại:

- Với các triều đại phương Bắc: hòa hảo, thân thiện, nhưng kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền.

- Với các nước láng giềng phía Tây, Tây Nam: quan hệ thân thiện.

2. Công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế trong các thế kỉ X – XV

a/ Bối cảnh:

- Thế kỉ X – XV đất nước bước vào thời kì độc lập, thống nhất → các triều đại phong kiến đều quan tâm đến phát triển kinh tế.

- Nhân dân cần cù lao động, có ý thức xây dựng và phát triển một nền kinh tế tự chủ, toàn diện.

b/ Sự phát triển kinh tế

* Nông nghiệp:

- Diện tích đất canh tác ngày càng gia tăng.

+ Nhân dân tích cực khai hoang ở các vùng châu thổ sông lớn và ven biển.

+ Các vua nhà Trần khuyến khích vương hầu, quý tộc khai hoang lập điền trang.

+ Vua Lê cấp ruộng đất cho quý tộc, quan lại đặt phép quân điền.

- Nhà nước phong kiến quan tâm đến công tác thủy lợi.

+ Nhà Lý chú trọng cho dân xây dựng đê điều.

+ Năm 1248, nhà Trần cho đắp đê quai vạc. Đặt chức quan Hà đê sứ trông nom đê điều.

- Các nhà nước Lý - Trần - Lê đều quan tâm bảo vệ sức kéo, đa dạng hóa các loại cây trồng, vật nuôi.

* Thủ công nghiệp

- Nhà nước lập quan xưởng chuyên: đúc tiền, rèn đúc vũ khí, may mũ, áo cho vua, quan lại, quý tộc,... ; sản xuất một số sản phẩm kĩ thuật cao như: đại bác,...

- Trong nhân dân, các nghề thủ công cổ truyền tiếp tục phát triển, đạt trình độ kĩ thuật cao.

- Các làng nghề thủ công ra đời: Bát Tràng, Chu Đậu,...



* Thương nghiệp

- Nội thương

+ Các chợ làng, chợ huyện, chợ chùa mọc lên ở khắp nơi, là nơi nhân dân trao đổi sản phẩm nông nghiệp và thủ công nghiệp.

+ Kinh đô Thăng Long trở thành đô thị lớn (36 phố phường - trung tâm buôn bán và làm nghề thủ công).

- Ngoại thương

+ Thời Lý - Trần: ngoại thương khá phát triển, Nhà nước xây dựng nhiều bến cảng buôn bán với nước ngoài.

+ Thời Lê: ngoại thương bị thu hẹp do Nhà nước không chủ trương mở rộng giao lưu.

3. Những cuộc kháng chiến chống ngoại xâm ở các thế kỉ X – XV

	Lãnh đạo	Trận đánh tiêu biểu	Kết quả	Nghệ thuật quân sự
Kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê (980-981)	Lê Hoàn	Trận Bạch Đằng	Thắng lợi, nhà Tống buộc phải rút quân.	Lợi dụng địa hình và chiến thuật hợp lí để tạo nên trận quyết chiến chiến lược.
Kháng chiến chống Tống thời Lý (1075-1077)	Lý Thường Kiệt  Tượng đài Lý Thường Kiệt	- Trận Ung Châu, Khâm Châu, Liêm Châu,... - Trận đánh trên sông Như Nguyệt.	Thắng lợi, nhà Tống buộc phải rút quân.	- Chủ động tiến công, đẩy địch vào thế bị động (“tiên phát chế nhân”). - Chủ động lập phòng tuyến chống giặc (trên sông Như Nguyệt). - Lợi dụng địa hình và chiến thuật hợp lí để tạo nên trận quyết chiến chiến lược. - Tâm lí chiến (bài thơ “Nam quốc sơn hà”). - Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.
Ba lần kháng chiến chống Mông - Nguyên thời Trần (1258-1288)	- Các vua Trần. - Trần Hưng Đạo.  Tượng Trần Hưng Đạo	- Lần thứ nhất: trận Đông Bộ Đầu,... - Lần thứ hai: trận Tây Kết, Hàm Tử,... - Lần thứ ba: trận Bạch Đằng,...  Cọc gỗ đóng trên sông Bạch Đằng	Thắng lợi, bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc.	- Kế sách “vườn không nhà trống”, (kế sách “thanh dã”); tạo thế trận chiến tranh nhân dân. - Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu. - Phòng ngự tích cực, rút lui chiến lược và phản công khi có thời cơ. - Triệt để lợi dụng điểm yếu của kẻ thù.
Kháng chiến chống Minh thời nhà Hồ (1406 - 1407)	- Hồ Quý Ly - Hồ Nguyên Trừng	Trận đánh ở Đa Bang	Thất bại, đất nước bị giặc Minh đô hộ.	Dựa vào địa thế hiểm trở để xây dựng phòng tuyến chống giặc với quy mô lớn.
Khởi nghĩa Lam Sơn chống quân xâm lược Minh (1418 - 1427)	- Lê Lợi - Nguyễn Trãi	- Trận đánh ở Tốt Động - Chúc Động. - Vây thành Đông Quan. - Trận đánh ở Chi Lăng - Xương Giang. -	Thắng lợi, lật đổ ách cai trị của nhà Minh, giành độc lập dân tộc.	- Thế trận chiến tranh nhân dân. - Lối đánh vây thành, diệt viện. - Tâm lí chiến (qua “Quân trung từ mệnh tập” của Nguyễn Trãi,...). - Kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao.

	 Nguyễn Trãi		 (Minh họa) Hội thề Đông Quan (1427)
--	--	--	--

4. Xây dựng và phát triển văn hóa dân tộc trong các thế kỉ X – XV

* Tư tưởng, tôn giáo:

- Nho giáo: + Được du nhập từ thời Bắc thuộc, dần trở thành hệ tư tưởng chính của giai cấp thống trị
- + Thế kỉ X – XIV, ảnh hưởng của Nho giáo trong nhân dân chưa sâu đậm.
- + Thời Lê sơ, Nho giáo được nâng lên vị trí độc tôn.
- Phật giáo: + Được phổ biến rộng rãi, phát triển cực thịnh dưới thời Lý – Trần
- + Thời Lê sơ, Phật giáo bị hạn chế, suy yếu dần.
- Đạo giáo: Không phổ cập rộng nhưng hòa lẫn với các tín ngưỡng dân gian.

* Giáo dục:

- Giáo dục Nho học, hình thành từng bước phát triển:
- + Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu
- + Năm 1075, khoa thi quốc gia đầu tiên được tổ chức tại kinh thành.
- + Thời Lê sơ, quy chế thi cử được ban hành rõ ràng, năm 1484, vua Lê Thánh Tông cho dựng bia, ghi tên Tiến sĩ,...
- + Giáo dục, khoa cử dần trở thành nguồn đào tạo quan chức và nhân tài cho đất nước.

* Văn học

- Văn học dân gian: Phong phú, đa dạng về thể loại (ca dao, vè...) phản ánh cuộc sống lao động và chiến đấu của nhân dân.
- Văn học chữ viết:
- + Văn học chữ Hán phát triển. Các tác phẩm tiêu biểu: Chiếu dời đô, Nam quốc sơn hà, Bạch Đằng gian phú,...
- + Văn học chữ Nôm từng bước hình thành và phát triển. Các tác phẩm tiêu biểu: Quốc âm thi tập, Úc Trai thi tập...
- + Nội dung chủ yếu: thể hiện niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước...
- + Các nhà văn, nhà thơ tiêu biểu: Trương Hán Siêu, Nguyễn Trãi,...

* Nghệ thuật

- Kiến trúc: Chùa Một Cột, chùa Tháp Phổ Minh, thành nhà Hồ,...
- Điêu khắc: Rồng minh trư, bông cúc nhiều cánh, phù điêu cô tiên, vũ nữ...

- Sân khấu: Chèo, tuồng, múa rối nước ... ra đời sớm và ngày càng phát triển.

*** Khoa học – kĩ thuật**

- Sử học: Đại Việt sử kí, Lam Sơn thực lục, Đại Việt sử kí toàn thư...

- Địa lý: Dư địa chí, Hồng Đức bản đồ,...

- Quân sự: Binh thư yếu lược; súng thần cơ, thuyền chiến có lầu...

- Toán học: Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp...

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Sau khi đánh bại quân Nam Hán, Ngô Quyền xưng vương, đóng đô ở

- A. Hoa Lư. B. Cổ Loa C. Thăng Long D. Phong Châu

Câu 2: Kinh đô nước ta dưới thời nhà Đinh là

- A. Đại La B. Cổ Loa C. Thăng Long D. Hoa Lư

Câu 3: Quốc hiệu nước ta từ năm 1054 là

- A. Đại Việt B. Đại Cồ Việt C. Đại Nam D. Vạn Xuân

Câu 4: Quốc hiệu nước ta thời nhà Đinh là

- A. Đại Việt B. Đại Cồ Việt C. Đại Nam D. Vạn Xuân

Câu 5: Bộ máy nhà nước thời Đinh - Tiền Lê gồm

- A. 2 ban: Văn ban và Võ ban. B. 3 ban: Văn ban, Võ ban và Tăng ban.
C. 3 ban: Tể tướng, Văn ban, Võ ban. D. 3 ban: Văn ban, Võ ban và các đại thần.

Câu 6: Bộ luật đầu tiên của nước ta là

- A. Hình thư B. Hình luật C. Hồng Đức D. Gia Long

Câu 7: Vua Lê Thánh Tông đã tiến hành cuộc cải cách trong lĩnh vực nào?

- A. Kinh tế B. Hành chính C. Văn hóa D. Giáo dục

Câu 8: Vị vua nào của nhà Lý đã đặt quốc hiệu nước ta là Đại Việt?

- A. Vua Lý Thái Tổ. B. Vua Lý Nhân Tông. C. Vua Lý Thái Tông. D. Vua Lý Thánh Tông.

Câu 9: Từ thế kỉ X đến thế kỉ XV, thể chế chính trị của nhà nước phong kiến Việt Nam là

- A. quân chủ chuyên chế B. dân chủ đại nghị.
C. quân chủ lập hiến. D. dân chủ chủ nô.

Câu 10: Điều kiện thuận lợi nhất cho sự phát triển kinh tế nông nghiệp nước ta thế kỉ X - XV là

- A. đất đai màu mỡ, diện tích lớn. B. đất nước độc lập, tự chủ.
C. có hệ thống sông ngòi thuận lợi cho tưới tiêu. D. điều kiện khí hậu thuận lợi.

Câu 11: Ruộng đất công làng xã thời Lê được phân chia theo chế độ

- A. Điền trang B. Lộc điền C. Đồn điền D. Quân điền

Câu 12: Hàng năm, các vua Tiền Lê, Lý tổ chức lễ cày ruộng nhằm mục đích gì?

- A. Khuyến khích nhân dân sản xuất. B. Khai hoang, mở rộng diện tích canh tác.
C. Bảo vệ dê điều. D. Bảo vệ sức kéo trong nông nghiệp.

Câu 13: Các xưởng thủ công do Nhà nước tổ chức và quản lí trong các thế kỉ XI - XV gọi là gì?

- A. Đồn điền. B. Quan xưởng C. Quân xưởng D. Công xưởng

Câu 14: Một trong những biểu hiện của sự phát triển thủ công nghiệp trong các thế kỉ X - XV là

- A. hệ thống chợ làng phát triển.
- B. sự phong phú của các sản phẩm nông nghiệp.
- C. sự hình thành các làng nghề thủ công truyền thống.
- D. sự ra đời của đô thị Thăng Long.

Câu 15: Nguyên nhân khiến ngoại thương nước ta dưới thời Lê sơ giảm sút là

- A. nhà nước không chủ trương mở rộng giao lưu với thương nhân nước ngoài.
- B. do nông nghiệp và thủ công nghiệp không phát triển.
- C. do chế độ thuế khóa, kiểm soát nặng nề.
- D. do không thu hút được các thương nhân nước ngoài vào buôn bán.

Câu 16: Biểu hiện nào dưới đây chứng tỏ nội thương nước ta các thế kỉ X - XV phát triển?

- A. Sự xuất hiện của các thương nhân nước ngoài.
- B. Các chợ làng, chợ huyện, chợ chùa mọc lên ở nhiều nơi.
- C. Xuất hiện một số làng chuyên làm nghề thủ công.
- D. Nhiều thuyền buôn nước ngoài đến trao đổi sản phẩm.

Câu 17: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng sự phát triển của thủ công nghiệp nước ta trong các thế kỉ X - XV?

- A. Các nghề thủ công truyền thống phát triển mạnh.
- B. Thợ quan xưởng đã sản xuất một số sản phẩm kĩ thuật cao.
- C. Một số làng chuyên làm nghề thủ công được hình thành.
- D. Một số nghề thủ công mới xuất hiện như làm giấy, làm thủy tinh.

Câu 18: Nội dung nào sau đây không phản ánh đúng sự phát triển của nông nghiệp nước ta trong các thế kỉ X - XV?

- A. Diện tích đất canh tác được mở rộng.
- B. Hệ thống đê từ đầu nguồn đến cửa biển được xây đắp.
- C. Một số làng chuyên làm nghề thủ công được hình thành.
- D. Ngoài trồng lúa, nhân dân còn trồng nhiều cây lương thực khác.

Câu 19: Cuối thế kỉ XI, để giải quyết khủng hoảng, nhà Tống đã chủ trương

- A. tấn công hai nước Liêu, Hạ, đập tan âm mưu xâm lấn Trung Quốc.
- B. đánh Đại Việt làm cho Liêu, Hạ phải kiêng nể.
- C. giảng hòa với Đại Việt để đánh Liêu, Hạ.
- D. tấn công cả Đại Việt và hai nước Liêu, Hạ.

Câu 20: Ai là người lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Tống thời Tiền Lê?

- A. Đinh Bộ Lĩnh.
- B. Ngô Quyền.
- C. Lê Hoàn.
- D. Lý Thường Kiệt.

Câu 21: Ngôi yên đợi giặc không bằng đem quân đánh trước để chặn mũi nhọn của giặc là chủ trương của

- A. Đinh Bộ Lĩnh.
- B. Ngô Quyền.
- C. Lê Hoàn.
- D. Lý Thường Kiệt.

Câu 22: Lý Thường Kiệt lãnh đạo quân dân ta đánh tan quân xâm lược Tống ở

- A. sông Như Nguyệt.
- B. sông Bạch Đằng.
- C. Chi Lăng - Xương Giang.
- D. Tốt Động - Chúc Động.

Câu 23: Chiến thắng nào đã kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên của quân dân nhà Trần?

A. Bạch Đằng năm 938.

B. Như Nguyệt năm 1077.

C. Bạch Đằng năm 1288.

D. Chi Lăng - Xương Giang năm 1427.

Câu 24: Tác phẩm nào sau đây được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta?

A. Nam quốc sơn hà.

B. Bình Ngô đại cáo.

C. Hịch tướng sĩ.

D. Bạch Đằng giang phú.

Câu 25: “Vườn không nhà trống” là kế sách được nhân dân thực hiện hiệu quả trong cuộc kháng chiến nào sau đây?

A. Kháng chiến chống xâm lược Tống thời Tiền Lê.

B. Kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên thời Trần.

C. Kháng chiến chống xâm lược Tống thời Lí.

D. Kháng chiến chống Minh thời nhà Hồ.

Câu 26: Lá cờ thêu 6 chữ vàng “phá cường địch, báo Hoàng ân” là của ai?

A. Trần Khánh Dư. B. Trần Bình Trọng.

C. Trần Quốc Tuấn.

D. Trần Quốc Toản.

Câu 27: Hội nghị Diên Hồng (1284) do nhà Trần tổ chức đã triệu tập những thành phần chủ yếu nào để bàn kế đánh giặc?

A. Các vương hầu quý tộc.

B. Các bậc phụ lão có uy tín.

C. Đại biểu của các tầng lớp nhân dân.

D. Nội bộ tướng lĩnh nhà Trần.

Câu 28: Trong cuộc kháng chiến chống Tống, Lý Thường Kiệt đã thực hiện thành công chủ trương nào sau đây?

A. Vườn không nhà trống.

B. Tiên phát chế nhân,

C. Vây thành, diệt viện.

D. Thần tốc, táo bạo, bất ngờ.

Câu 29: Đầu thế kỉ XV, nước Đại Việt rơi vào ách thống trị của quân xâm lược nào?

A. Quân Tống.

B. Quân Nguyên.

C. Quân Minh.

D. Quân Thanh.

Câu 30: Nguyên nhân chủ yếu nào khiến cho cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Minh của nhà Hồ năm 1407 thất bại?

A. Thế giặc Minh mạnh.

B. Nhà Hồ không có tướng tài giỏi.

C. Cha con nhà Hồ không thống nhất đường lối đánh giặc.

D. Nhà Hồ không đoàn kết được nhân dân.

Câu 31: Trận chiến có ý nghĩa quyết định thắng lợi của nghĩa quân Lam Sơn trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc (1418-1427) là

A. Bạch Đằng.

B. Đông Bộ Đầu.

C. Chi Lăng - Xương Giang.

D. Tốt Động - Chúc Động.

Câu 32: Triều đại nào của nước Đại Việt đã lãnh đạo quân dân ta kháng chiến chống quân xâm lược Mông - Nguyên?

A. Lí.

B. Trần.

C. Hồ.

D. Lê sơ.

Câu 33: Từ thời kì nào Nho giáo, Phật giáo, Đạo giáo được du nhập vào nước ta?

A. Thời Văn Lang - Âu Lạc.

B. Thời Bắc thuộc.

C. Thời Lý.

D. Thời Trần.

Câu 34: Nho giáo giữ vị trí độc tôn ở nước ta vào thời kì nào?

A. Thời Tiền Lê.

B. Thời Lý.

C. Thời Trần.

D. Thời Lê sơ.

Câu 35: Phật giáo phát triển mạnh mẽ nhất ở nước ta vào thời kì nào?

A. Thời Đinh - Tiền Lê.

B. Thời Lý - Trần.

C. Thời Lý - Trần - Hồ.

D. Thời Lê sơ.

Câu 36: Từ thời Bắc thuộc, hai tôn giáo nào đã được truyền bá vào nước ta và từng bước hoà nhập vào cuộc sống của nhân dân?

A. Nho giáo và Phật giáo.

B. Phật giáo và Đạo giáo.

C. Phật giáo và Hin-đu giáo.

D. Phật giáo và Bà-la-môn giáo.

Câu 37: Vị vua Trần nào đã xuất gia đầu Phật và sáng lập dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử?

A. Trần Thái Tông.

B. Trần Thánh Tông.

C. Trần Nhân Tông.

D. Trần Anh Tông.

Câu 38: Năm 1070, vị vua nào đã cho lập Văn Miếu ở kinh đô Thăng Long?

A. Lý Thái Tổ.

B. Lý Thái Tông.

C. Lý Nhân Tông.

D. Lý Thánh Tông.

Câu 39: Biểu hiện nào cho thấy sự phát triển của giáo dục, thi cử ở thời Lê sơ?

A. Lập Văn Miếu - Quốc Tử Giám, cho con em quan lại đến học.

B. Mỗi năm tổ chức một kì thi Hội, tuyển chọn nhân tài cho đất nước.

C. Cứ 3 năm có một kì thi Hội, dựng bia ghi danh Tiến sĩ ở Văn Miếu.

D. Giáo dục, thi cử trở thành nguồn đào tạo quan chức cho đất nước.

Câu 40: Chùa Diên Hựu (Một Cột) được xây dựng ở triều đại nào sau đây?

A. Lý.

B. Trần.

A. Lê sơ.

D. Hồ

Câu 41: Bộ sử chính thống đầu tiên của nước ta là

A. Đại Việt sử kí toàn thư.

B. Đại Việt sử kí.

C. Lam Sơn thực lục.

D. Hồng Đức bản đồ.

Câu 42: Tác giả của tác phẩm Bạch Đằng giang phú là

A. Trần Quốc Tuấn.

B. Trương Hán Siêu.

C. Nguyễn Trãi.

D. Lý Thường Kiệt

Câu 43: Thời nhà Trần, ai được mệnh danh là “Lưỡng quốc Trạng nguyên”?

A. Nguyễn Hiền.

B. Chu Văn An.

C. Lê Văn Thịnh.

D. Mạc Đĩnh Chi

Câu 44: Thành Nhà Hồ - một thành tựu kĩ thuật quân sự được xây dựng ở

A. Hoa Lư (Ninh Bình).

B. Cổ Loa (Hà Nội).

C. Chi Lăng (Lạng Sơn).

D. Vĩnh Lộc (Thanh Hoá).

Câu 45: Đặc điểm nổi bật thơ văn Đại Việt các thế kỉ XI - XV là gì?

A. Thể hiện niềm tự hào dân tộc, lòng yêu nước sâu sắc.

B. Ca ngợi tài năng xuất chúng của các vị anh hùng dân tộc.

C. Phản ánh hiện thực xã hội đương thời.

D. Các tác phẩm thơ văn đều được sáng tác bằng chữ Nôm.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Em có nhận xét gì về những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh?

Câu 2: Phân tích ý nghĩa việc Lí Công Uẩn dời đô từ Hoa Lư về Thăng Long.

Câu 3: Cuộc cải cách hành chính của Lê Thánh Tông có ý nghĩa gì đối với sự phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam?

Câu 4: Trình bày tác dụng của các chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước phong kiến Đại Việt thế kỉ XI - XV.

Câu 5: Nhà nước và nhân dân Đại Việt đã làm gì để phát triển nông nghiệp? Em có nhận xét gì về vai trò của sự phát triển Nông nghiệp đối với xã hội phong kiến?

Câu 6: Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XV (Tên cuộc kháng chiến và khởi nghĩa; thời gian; lãnh đạo; thắng lợi tiêu biểu; kết quả).

Câu 7: Trình bày một vài đặc điểm của khởi nghĩa Lam Sơn. So sánh với các cuộc kháng chiến thời Lý - Trần.

Câu 8: Trình bày đặc điểm của cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 - 1077).

Câu 9: Trình bày tình hình Phật giáo ở nước ta trong các thế kỉ XI - XV. Vì sao Phật giáo rất phát triển dưới thời Lý - Trần nhưng đến thời Lê lại không phát triển?

Câu 10: Trình bày tình hình giáo dục Đại Việt từ thế kỉ X đến thế kỉ XV. Nêu ý nghĩa của việc dựng bia Tiến sĩ ở Văn Miếu - Quốc Tử Giám?

Câu 11: Lập bảng thống kê các thành tựu văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật của Đại Việt ở các thế kỉ XI - XV.

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - B	2 - D	3 - A	4 - B	5 - B	6 - A	7 - B	8-D	9-A	10 - B
11- D	12- A	13- B	14- C	15 - A	16- B	17 - D	18 - C	19- B	20 - C
21- D	22- A	23- C	24- A	25- B	26- D	27- B	28- B	29- C	30 - D
31- C	32 -B	33- B	34 -D	35- B	36- B	37- C	38- D	39- C	40 - A
41- B	42- B	43 - D	44- D	45- A					

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Em có nhận xét gì về những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh?

- Đinh Bộ Lĩnh: dẹp loạn 12 sứ quân, thống nhất đất nước, đặt tên nước là Đại Cồ Việt, chọn Hoa Lư làm kinh đô, lên ngôi Hoàng đế, sắp đặt chế triều nghi của nhà nước quân chủ chuyên chế tập quyền.

- Qua những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh, ta thấy: nếu Ngô Quyền là người có công chấm dứt hơn một nghìn năm Bắc thuộc, mở nước, xưng vương, thiết lập nhà nước quân chủ chuyên chế, thì Đinh Bộ Lĩnh là người có công dẹp “loạn 12 sứ quân”, thống nhất đất nước, bước đầu xây dựng nhà nước phong kiến độc lập tự chủ: đặt tên nước là Đại cồ Việt, xưng Hoàng đế (sánh ngang hàng với các Hoàng đế phương Bắc), lấy Hoa Lư làm kinh đô. Những việc làm của Đinh Bộ Lĩnh đã khẳng định ý thức dân tộc: ý thức độc lập tự chủ.

Câu 2: Phân tích ý nghĩa của việc Lí Công Uẩn dời đô về Thăng Long.

- Năm 1010, Lí Công uẩn dời đô từ Hoa Lư về Đại La, đổi tên thành Thăng Long - chọn làm kinh đô của nước Đại Việt.

- Việc dời đô về Thăng Long chứng tỏ sự đúng đắn, sáng suốt và cho thấy tầm nhìn chiến lược của Lí Công Uẩn trong việc chọn mảnh đất ở giữa khu vực trời đất, được thế rồng cuộn, hổ ngồi, chính giữa Nam Bắc Đông Tây, tiện đường núi sông sau trước, mặt đất rộng mà bằng phẳng, thế đất cao mà sáng, dân cư không khổ vì ngập lụt, muôn vật thịnh đạt, là chỗ hội họp của 4 phương, nơi thượng đô của đế vương muôn đời...

- Việc dời đô đã đáp ứng được yêu cầu của sự phát triển mọi mặt của đất nước Đại Việt. Địa thế Hoa Lư hiểm trở chỉ thuận lợi cho việc phòng thủ, khó khăn cho việc phát triển kinh tế, giao lưu văn hóa, mở rộng bờ cõi.

- Dời đô về Thăng Long, nhà Lý có điều kiện phát triển toàn diện đất nước. Thăng Long trở thành kinh đô với hàng nghìn năm tuổi, là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa của đất nước. Từ đây, lãnh thổ không ngừng được mở rộng, đất nước vươn tầm ra khu vực và thế giới.

Câu 3: Cuộc cải cách hành chính của Lê Thánh Tông có ý nghĩa gì đối với sự phát triển của chế độ phong kiến Việt Nam?

- Sau khi lên ngôi, Lê Thánh Tông thực hiện cuộc cải cách hành chính, theo đó bãi bỏ những chức quan trung gian (Tể tướng, Đại hành khiển), dưới vua là 6 bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công), vua trực tiếp quyết định mọi việc. Các cơ quan như Ngự sử đài, Hàn Lâm viện được duy trì với quyền hành cao hơn. Cả nước chia thành 13 đạo thừa tuyên. Mỗi đạo có 3 ti trông coi các mặt dân sự, quân sự và an ninh.

- Cải cách hành chính thời Lê Thánh Tông có ý nghĩa lớn trong việc hoàn chỉnh và phát triển thể chế nhà nước theo mô hình quân chủ chuyên chế:

+ Giúp tập trung quyền lực vào tay vua.

+ Góp phần quản lý đất nước chặt chẽ hơn.

+ Đưa chế độ phong kiến Việt Nam phát triển về mọi mặt: chính trị, quân sự, pháp luật, kinh tế, văn hóa...

Câu 4: Trình bày tác dụng của các chính sách đối nội và đối ngoại của nhà nước phong kiến Đại Việt thế kỉ XI - XV.

- Chính sách đối nội:

+ Nhà nước coi trọng và chăm lo đến đời sống của nhân dân.

+ Đoàn kết các dân tộc (miền xuôi, miền núi, các dân tộc ít người).

→ Tác dụng: củng cố chính quyền, ổn định đời sống nhân dân, đoàn kết dân tộc, xây dựng đất nước thái bình, thịnh trị.

- Chính sách đối ngoại:

+ Đối với các triều đại phong kiến phương Bắc: thực hiện đầy đủ lệ triều cống, nhưng vẫn giữ tư thế của một quốc gia độc lập tự chủ. sẵn sàng và quyết tâm bảo vệ độc lập khi bị xâm lược.

+ Đối với các nước láng giềng ở phía tây và nam (Lào, Cham-pa, Chân Lạp) giữ quan hệ thân thiện.

→ Tác dụng: củng cố quan hệ bang giao và bảo vệ, giữ vững độc lập dân tộc trong các thế kỉ XI - XV.

Câu 5: Nhà nước và nhân dân Đại Việt đã làm gì để phát triển nông nghiệp? Em có nhận xét gì về vai trò của sự phát triển nông nghiệp đối với xã hội phong kiến?

*** Nhà nước đã có những chính sách thúc đẩy kinh tế nông nghiệp phát triển:**

- Tổ chức lễ cày ruộng để khuyến khích nhân dân sản xuất.
- Tổ chức khai hoang, mở rộng diện tích đất canh tác ở vùng châu thổ các sông lớn và các vùng ven biển.
- Nhà Trần đắp đê quai vạc từ đầu nguồn đến cửa biển dọc các sông lớn; nhà Lê sơ tổ chức đắp một số đoạn đê biển.
- Chia ruộng đất công làng xã cho nhân dân (chính sách quân điền).
- Bảo vệ sức kéo cho nông nghiệp.

*** Nhân dân đóng góp vào việc phát triển nền kinh tế nông nghiệp:**

- Đất nước độc lập tự chủ, nhân dân phấn khởi sản xuất, hăng hái phát triển nền kinh tế.
- Tham gia khai hoang, lấn biển, đắp đê phòng lụt.
- Cùng phối hợp với nhà nước bảo vệ trâu, bò làm sức kéo.
- Ngoài trồng lúa, nhân dân Đại Việt còn trồng nhiều cây lương thực và các loại cây ăn quả, cây công nghiệp (bông, dâu)...

*** Nhận xét.**

- Sự phát triển của kinh tế nông nghiệp - nền kinh tế then chốt của xã hội Đại Việt đã tác động đến sự phát triển của đất nước (tiềm lực kinh tế đất nước mạnh, tăng cường sức mạnh của nhà nước, của quân đội để xây dựng và bảo vệ đất nước).
- Sự phát triển của kinh tế nông nghiệp đương thời đưa đến đời sống nhân dân ấm no, phấn khởi xây dựng quê hương, đất nước thái bình thịnh trị.
- Xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ.

Câu 6: Lập bảng thống kê các cuộc kháng chiến và khởi nghĩa chống ngoại xâm từ thế kỉ X đến thế kỉ XV (tên cuộc kháng chiến và khởi nghĩa; Thời gian; Lãnh đạo; Thắng lợi tiêu biểu; kết quả).

STT	Tên các cuộc kháng chiến	Thời gian	Lãnh đạo	Trận đánh tiêu biểu	Kết quả
1	Kháng chiến chống Tống	981	Lê Hoàn	Vùng Đông Bắc.	Thắng lợi, bảo vệ được độc lập.
2	Kháng chiến chống Tống	1075-1077	Lý Thường Kiệt	Sông Như Nguyệt.	Thắng lợi, bảo vệ được độc lập.
3	Kháng chiến chống Mông - Nguyên	Lần I: 1258 Lần II: 1285 Lần III: 1288	Các vua Trần Trần Quốc Tuấn	Đông Bộ Đầu, Chương Dương, Hàm Tử, Tây Kết, Bạch Đằng	Thắng lợi, bảo vệ được độc lập.
4	Khởi nghĩa Lam Sơn	1418-1427	Lê Lợi Nguyễn Trãi	Chi Lăng - Xương Giang	Thắng lợi, giành lại được độc lập.

Câu 7: Trình bày một vài đặc điểm của khởi nghĩa Lam Sơn. So sánh với các cuộc kháng chiến thời Lý - Trần.

*** Đặc điểm của khởi nghĩa Lam Sơn:**

- Khởi nghĩa nổ ra trong hoàn cảnh đất nước mất độc lập, chịu sự thống trị hà khắc của nhà Minh.
- Cuộc khởi nghĩa kéo dài, gian khổ, nhiều lần bị quân Minh bao vây nguy khốn, phải chuyển căn cứ khởi nghĩa từ Lam Sơn - Thanh Hóa vào Nghệ An, nhưng cũng làm nên những thắng lợi to lớn (Tân Bình, Thuận Hóa, Chi Lăng - Xương Giang...), từng bước làm suy yếu và lật đổ được ách thống trị của nhà Minh.
- Qui tụ được nhiều người tài, tướng giỏi giúp nước (Lê Lợi, Nguyễn Trãi, Lê Lai...).
- Nhận được sự ủng hộ của nhân dân, mang tính chất giải phóng dân tộc, tính nhân dân sâu sắc.
- Quy mô ban đầu từ một địa phương phát triển thành cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc.

		Các cuộc kháng chiến thời Lý – Trần	Khởi nghĩa Lam Sơn
Giống nhau	Mục đích tiến hành	Đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc.	
	Kết quả	Giành thắng lợi.	
Khác nhau	Tổ chức kháng chiến	Có nhiều thuận lợi: có chính quyền độc lập tự chủ, có điều kiện để thực hiện việc đoàn kết dân tộc.	Tổ chức cuộc kháng chiến trong điều kiện khó khăn: chính quyền độc lập tự chủ đã mất, phải bí mật dấy binh khởi nghĩa, bị chính quyền đô hộ nhà Minh đàn áp, không có danh nghĩa chính thức để kêu gọi, tập hợp nhân dân.
	Cách thức tiến hành	Chủ động, buộc kẻ thù phải đánh theo cách đánh của ta.	Lúc đầu bị động, giai đoạn sau mới giành được quyền chủ động.

Câu 8: Trình bày đặc điểm của cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 - 1077).

- Tính chủ động trong tổ chức kháng chiến.
- + Chủ động giải quyết mâu thuẫn nội bộ ở chính quyền Trung ương, đoàn kết nhân dân chống giặc (mời tể Tướng Lý Đạo Thành về triều để cùng lo việc nước).
- + Chủ động tấn công sang đất Tống, chủ trương “Tiên phát chế nhân” (Ngồi yên đợi giặc không bằng đem quân sang đất Tống triệt phá các cơ sở hậu cần, quân sự của chúng rồi chủ động rút về xây dựng phòng tuyến đợi giặc...).
- + Chủ động rút lui, xây dựng phòng tuyến sông Như Nguyệt để đợi giặc và đánh giặc.
- + Chủ động kết thúc chiến tranh “Dùng biện sĩ bàn hoà, không nhọc tướng tá, khởi tôn xương máu mà bảo toàn được tôn miếu”, xây dựng quan hệ hòa hiếu với nhà Tống.
- Sự đồng lòng đánh giặc của quân dân nhà Lý dưới sự lãnh đạo sáng suốt, tài giỏi của Lý Thường Kiệt.

- Là cuộc chiến tranh nhân dân để lại nhiều bài học quý báu cho lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc.

Câu 9: Trình bày tình hình Phật giáo ở nước ta trong các thế kỉ XI - XV. Vì sao Phật giáo rất phát triển dưới thời Lý - Trần nhưng đến thời Lê lại không phát triển?

*** Tình hình Phật giáo ở nước ta trong các thế kỉ XI - XV**

- Thời Lý - Trần: Phật giáo được phổ biến rộng rãi, chùa chiền xây dựng ở khắp nơi, nhiều người theo đạo Phật. Các nhà sư được triều đình tôn trọng, tham gia bàn việc nước. Vua, quan góp tiền xây dựng chùa, đúc chuông, tô tượng, viết giáo lí nhà Phật. Lí Công uẩn có xuất thân cửa Phật; Thượng hoàng Trần Nhân Tông cũng xuất gia đầu Phật, sáng lập phái Trúc Lâm Yên Tử...

- Thời Lê sơ: Phật giáo bị hạn chế, thu hẹp, đi vào trong nhân dân.

*** Phật giáo phát triển dưới thời Lý - Trần nhưng đến thời Lê lại không phát triển vì**

- Nhà Lý - Trần đã tạo những điều kiện cho sự phát triển của Phật giáo:

+ Nhà nước khuyến khích, cho phép Phật giáo phát triển trở thành quốc giáo.

+ Tư tưởng Phật giáo phù hợp với nhân dân, Phật giáo có điều kiện phát triển rộng trong nhân dân.

- Nhà Lê có những chính sách hạn chế sự phát triển của Phật giáo, đồng thời khuyến khích Nho giáo phát triển mạnh trở thành quốc giáo; đồng thời nhà Lê dùng Nho giáo để hoàn thiện, phát triển bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền.

Câu 10: Trình bày tình hình giáo dục Đại Việt từ thế kỉ X đến thế kỉ XV. Nêu ý nghĩa của việc dựng bia Tiến sĩ tử Văn Miếu - Quốc Tử Giám?

*** Giáo dục nước ta qua các thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần, Hồ, Lê sơ có bước phát triển:**

- Năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu.

- Thời Đinh, Tiền Lê, Lý, Trần việc tuyển chọn quan lại chủ yếu bằng tiến cử, giáo dục khoa cử cũng đã xuất hiện.

- Năm 1075, khoa thi quốc gia đầu tiên được tổ chức tại kinh thành.

- Tư tưởng “Giáo dục là đường thẳng của quan trường” đã chi phối giáo dục khoa cử, đặc biệt thời Lê sơ phát triển mạnh, là cơ sở chính để tuyển chọn những người tài giúp nước.

- Thời Trần, các khoa thi được tổ chức đều đặn hơn. Năm 1247, nhà Trần đặt lệ lấy “tam khôi”; xuất hiện nhiều trí thức tài giỏi như: Nguyễn Hiền, Mạc Đĩnh Chi, Phạm Sư Mạnh...

- Thời Lê sơ: 3 năm tổ chức 1 kì thi Hội, chọn Tiến sĩ. Thi cử được tổ chức chặt chẽ, số người đi học tăng, dân trí không ngừng được nâng cao...

+ Vua Lê Thánh Tông tổ chức được 12 khoa thi Hội.

+ Năm 1484: Nhà nước dựng bia Tiến sĩ ở kinh đô, ghi danh những người đỗ Tiến sĩ.

*** Việc dựng bia Tiến sĩ có ý nghĩa:**

- Vinh danh những người đỗ đạt, đề cao, tôn vinh hiền tài của đất nước.

- Khích lệ tinh thần học tập, xây dựng xã hội học tập, góp phần nâng cao dân trí, phát triển đất nước.

Câu 11: Lập bảng thống kê các thành tựu văn học, nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật của Đại Việt ở các thế kỉ XI - XV.

Lĩnh vực	Thể loại	Thành tựu
Văn học	Chữ Hán	Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bạch Đằng giang phú, Bình Ngô đại cáo...
Nghệ thuật	Kiến trúc	Đền thờ vua Đinh, Tiền Lê, chùa Diên Hựu, Tháp Báo Thiên, kinh thành Thăng Long, Thành nhà Hồ...
	Điêu khắc	Rồng, bệ cột hình hoa sen, vũ nữ...
	Sân khấu	Chèo, tuồng, rối nước
	Âm nhạc	Trống cơm, sáo, tiêu, đàn cầm, đàn tranh, chiêng, cồng.
Khoa học – Kĩ thuật	Sử học	Đại Việt sử kí, Lam Sơn thực lục, Đại Việt sử kí toàn thư.
	Địa lí	Dư địa chí, Hồng Đức bản đồ.
	Quân sự	Binh thư yếu lược, súng thần cơ, thuyền chiến có lầu.
	Toán học	Đại thành toán pháp, Lập thành toán pháp.

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

CHỦ ĐỀ 3: VIỆT NAM TỪ THẾ KỈ XVI ĐẾN XVIII

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Nêu được những biến đổi của nhà nước phong kiến Đại Việt trong các thế kỉ XVI-XVIII
- + Sự sụp đổ của nhà Lê sơ. Nhà Mạc được thành lập
- + Đất nước bị chia cắt (do chiến tranh Nam - Bắc triều, Trịnh - Nguyễn)
- + Nêu được nét chính về tình hình kinh tế của Đại Việt trong các thế kỉ XVI - XVIII: nông nghiệp, thủ công nghiệp, thương nghiệp và sự hưng khởi của các đô thị
- + Nêu được nét chính phong trào Tây Sơn
- + Phân tích được những đóng góp của phong trào Tây Sơn với lịch sử dân tộc.
- + Nêu được những thành tựu văn hóa tiêu biểu của Đại Việt trong các thế kỉ XVI-XVIII.

❖ Kỹ năng

- + Khái quát, hệ thống được những sự kiện phản ánh tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa của Đại Việt ở các thế kỉ XVI - XVIII.
- + Giải thích được nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của nhà Lê sơ và sự chia cắt đất nước.
- + Đánh giá được điểm tích cực, hạn chế của nhà Mạc đối với lịch sử dân tộc.
- + Đánh giá được vai trò của phong trào nông dân Tây Sơn với việc giải quyết nhiệm vụ giai cấp: hoàn thành nhiệm vụ dân tộc và xây dựng một triều đại mới tiến bộ.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

NHỮNG BIẾN ĐỔI CỦA NHÀ NƯỚC PHONG KIẾN ĐẠI VIỆT TRONG CÁC THẾ KỈ XVI – XVIII

1. Đất nước bị chia cắt:

Tình trạng chia cắt kéo dài đến cuối thế kỉ XVIII, gây nên nhiều hậu quả nặng nề cho đất nước.

- Chiến tranh Trịnh – Nguyễn
 - + Diễn biến:
 - Diễn ra trong những năm 1627 – 1672 → năm 1672, hai bên giảng hòa, lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm giới tuyến.
 - + Nguyên nhân:
 - Sau khi Nguyễn Kim chết, Trihj Kiểm nắm binh quyền, tìm cách loại trừ phe cánh họ Nguyễn.
 - Ở Thuận Hóa, họ Nguyễn cát cứ, xây dựng chính quyền riêng, muốn tách khỏi sự lệ thuộc vào chính quyền Lê – Trịnh.
- Chiến tranh Nam – Bắc triều
 - + Diễn biến:
 - Năm 1533, chiến tranh Nam – Bắc triều bùng nổ → năm 1592, nhà Mạc bị lật đổ, đất nước bước đầu thống nhất lại
 - + Nguyên nhân:
 - Cựu thần nhà Lê (đứng đầu là Nguyễn Kim) tập hợp lực lượng, lập nên chính quyền Nam triều (ở Thanh Hóa), giương cao ngọn cờ “phù Lê diệt Mạc”

2. Sự sụp đổ của nhà Lê sơ. Nhà Mạc thành lập

- Nhà Lê sụp đổ, nhà Mạc ra đời:
 - + Đầu thế kỉ XVI, nhà Lê suy yếu.
 - Vua, quan ăn chơi sa đọa, không quan tâm đến chính sự.
 - Các thế lực phong kiến hợp quân, đánh nhau, tranh chấp quyền hành (mạnh nhất là thế lực của Mạc Đăng Dung).
 - Nhân dân khổ cực, nổi dậy đấu tranh.
 - + Năm 1527, Mạc Đăng Dung ép vua Lê nhường ngôi và lập ra Vương triều Mạc.
- Chính sách của nhà Mạc:
 - + Chính trị, ngoại giao:
 - Xây dựng chính quyền theo mô hình cũ của nhà Lê sơ.
 - Tổ chức thi cử đều đặn.
 - Xây dựng quân đội mạnh.
 - Dâng sổ sách, thuần phục nhà Minh.
 - + Kinh tế:

Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.

- Nhận xét:
 - + Nhà Mạc thay thế cho nhà Lê sơ (đã suy yếu, khủng hoảng) là điều phù hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử.
 - + Các chính sách của nhà Mạc đã bước đầu ổn định tình hình đất nước.
 - + Việc nhà Mạc tiến hành chiến tranh với Nam triều; thần phục nhà Minh → sự tin tưởng của nhân dân với nhà Mạc giảm sút.

KINH TẾ ĐẠI VIỆT TRONG CÁC THẾ KỈ XVI – XVIII

1. Nông nghiệp:

- Cuối thế kỉ XV – đầu thế kỉ XVI, nông nghiệp sa sút:
 - + Chiến tranh tàn phá.
 - + Nhà nước không quan tâm tới phát triển sản xuất.
- Từ nửa sau thế kỉ XVII, nông nghiệp dần ổn định trở lại.
 - + Diện tích đất canh tác mở rộng do khai hoang.
 - + Công tác trị thủy (đắp đê, nạo vét kênh mương,...) được quan tâm.
 - + Giống cây trồng ngày càng phong phú.
 - + Ruộng đất tập trung trong tay địa chủ phong kiến.

2. Thủ công nghiệp:

- Các nghề thủ công truyền thống tiếp tục phát triển đạt trình độ cao: gốm sứ, dệt lụa, làm giấy, trang sức, đúc đồng, rèn sắt...



Cặp chân đèn gốm Bát Tràng đầu thế kỉ XVI

- Xuất hiện một số nghề mới như: khắc in bản gỗ, làm đường trắng, đồng hồ, tranh sơn mài,...
- Số lượng các làng nghề truyền thống tăng lên.
- Ở các đô thị, thợ thủ công đã lập phường hội vừa sản xuất vừa bán hàng (nét mới trong kinh doanh).

3. Hưng khởi đô thị:

- Kinh tế hàng hóa phát triển tạo điều kiện cho sự hình thành, hưng khởi của các đô thị:
 - + Đàng Ngoài: Thăng Long, Phố Hiến,...
 - + Đàng Trong: Hội An, Thanh Hà,...



Thương cảng Hội An

- Đầu thế kỷ XIX, các đô thị suy tàn dần (trừ Thăng Long)



Cảnh buôn bán ở Thăng Long

4. Thương nghiệp:

- Nội thương:
 - + Chợ làng, chợ huyện, chợ phủ mọc lên khắp nơi, họp theo phiên.
 - + Ở nhiều nơi xuất hiện làng buôn và trung tâm buôn bán của vùng.
 - Ngoại thương:
 - + Thế kỉ XVI – XVIII: ngoại thương phát triển mạnh, đặt quan hệ buôn bán với nhiều nước trong khu vực và châu Âu.
- ➔ Nguyên nhân phát triển:
- Chính sách mở cửa của chính quyền Trịnh, Nguyễn.
 - Sự phát triển của giao lưu Đông – Tây sau phát kiến địa lí.



Thương nhân Bồ Đào Nha tới Đàng Trong buôn bán

- + Giữa thế kỉ XVIII ngoại thương suy yếu dần do chế độ thuế khóa của Nhà nước ngày càng phức tạp.

PHONG TRÀO TÂY SƠN VÀ SỰ NGHIỆP THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

BẢO VỆ TỔ QUỐC CUỐI THẾ KỈ XVIII

1. Phong trào Tây sơn và sự nghiệp thống nhất đất nước (cuối thế kỉ XVIII):

- Giữa thế kỉ XVIII, chế độ phong kiến Đàng Trong, Đàng ngoài khủng hoảng, ➔ bùng nổ nhiều cuộc đấu tranh của nông dân.
- 1771, khởi nghĩa nông dân bùng lên ở Tây Sơn (Bình Định) do Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo.

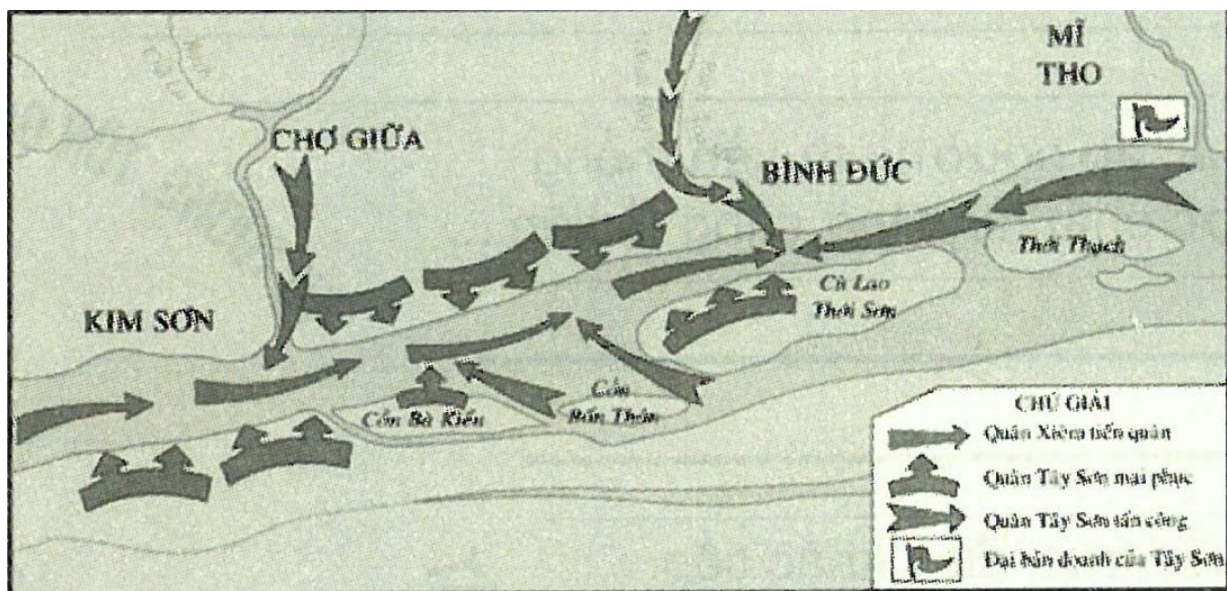
- 1777, quân Tây Sơn lật đổ chính quyền chúa Nguyễn, làm chủ vùng đất Đàng Trong.
- 1786 – 1788, quân Tây Sơn lần lượt đánh đổ hai tập đoàn phong kiến Trịnh, Lê → xóa bỏ sự phân cách Đàng Ngoài – Đàng Trong, làm chủ toàn bộ đất nước.

2. Vương triều Tây Sơn:

- Sau khi lật đổ chính quyền chúa Nguyễn → tới năm 1778, Nguyễn Nhạc lên ngôi, lập vương triều mới, nhưng không làm được gì thêm.
- Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi.
- Sau chiến thắng chống ngoại xâm, vua Quang Trung tiến hành nhiều cải cách tiến bộ:
 - + Khôi phục lại sản xuất,..
 - + Tổ chức lại giáo dục, thi cử, dung chữ Nôm,...
 - + Quân đội tổ chức quy củ,...
 - + Thiết lập quan hệ thân thiện với láng giềng.
- Ổn định tình hình, phát triển đất nước.

3. Cuộc kháng chiến chống ngoại xâm:

- Kháng chiến chống quân Xiêm (1785)
 - + Nguyễn Ánh cầu viện → cuối năm 1784, 5 vạn quân Xiêm kéo sang xâm lược Đại Việt..
 - + 1785, Nguyễn Huệ đã tổ chức trận phục kích ở Rạch Gầm - Xoài Mút → đánh tan quân Xiêm



Lược đồ trận Rạch Gầm - Xoài Mút

- Kháng chiến chống quân Thanh (1789)
 - + Vua Lê Chiêu Thống cầu viện → 29 vạn quân Thanh kéo sang Đại Việt với danh nghĩa giúp nhà Lê đánh bại quân Tây Sơn.
 - + 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi, lấy niên hiệu là Quang Trung, chỉ huy quân tiến ra Bắc.
 - + Tháng 1/1789, vua Quang Trung tổ chức trận Ngọc Hồi - Đống Đa → quân Thanh đại bại.

4. Công hiến của phong trào Tây Sơn với lịch sử dân tộc:

- Tiêu diệt các tập đoàn phong kiến cát cứ, bước đầu hoàn thành sự nghiệp thống nhất đất nước.
- Đánh bại quân xâm lược Xiêm, Thanh, bảo vệ độc lập chủ quyền của dân tộc.
- Thi hành nhiều chính sách cải cách tiến bộ (dưới thời vua Quang Trung) nhằm xây dựng và phát triển đất nước.

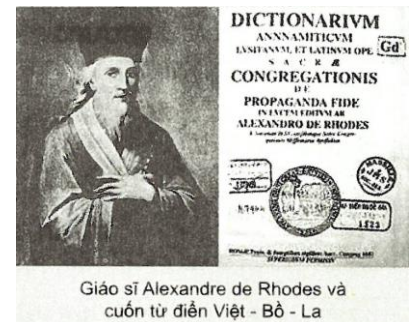
VĂN HÓA ĐẠI VIỆT TRONG CÁC THẾ KỈ XVI – XVIII

1. Tư tưởng, tôn giáo:

- Nho giáo tuy vẫn giữ vị trí thống trị trong xã hội, nhưng tôn ti trật tự phong kiến không được tôn trọng như trước.
- Phật giáo, Đạo giáo có điều kiện khôi phục lại, nhưng không phát triển mạnh như thời Lý - Trần.
- Thiên Chúa giáo du nhập và ngày càng được truyền bá rộng rãi.
- Các tín ngưỡng truyền thống được phát huy: thờ cúng tổ tiên,...

2. Chữ viết:

- Chữ Hán là văn tự chính; dùng trong giáo dục, khoa cử và các văn bản của nhà nước,...
- Cuối thế kỉ XVIII, dưới thời vua Quang Trung, chữ Nôm trở thành văn tự chính của quốc gia.
- Thế kỉ XVII, chữ Quốc ngữ theo mẫu tự Latinh ra đời, song chưa được phổ cập rộng rãi.



3. Văn học:

- Văn học chữ Hán mất dần vị thế; văn học chữ Nôm phát triển mạnh.
- Văn học dân gian phong phú.

4. Nghệ thuật:

- Kiến trúc, điêu khắc tiếp tục phát triển với nhiều công trình có giá trị.
- Nghệ thuật dân gian có bước phát triển mới.

5. Giáo dục:

- Giáo dục Nho học được duy trì.
- Nhà Mạc tổ chức đều đặn các kì thi.
- Chính quyền Lê - Trịnh mở rộng giáo dục nhưng số lượng, chất lượng đều giảm sút.
- Năm 1646, ở Đàng Trong, chúa Nguyễn tổ chức khoa thi đầu tiên

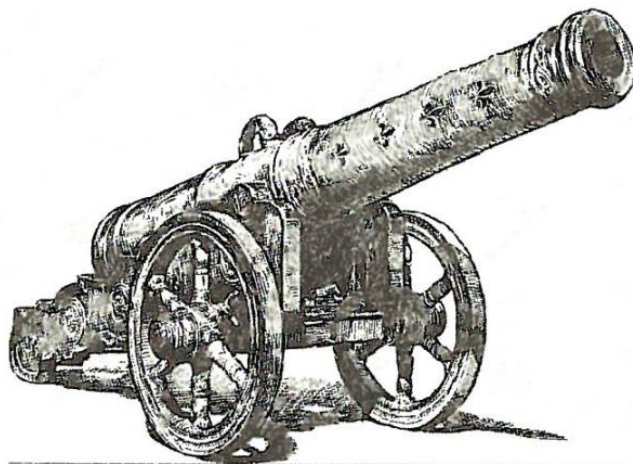
- Vua Quang Trung chấn chỉnh lại giáo dục, dịch sách chữ Hán sang chữ Nôm, đưa văn thơ Nôm vào nội dung thi cử.



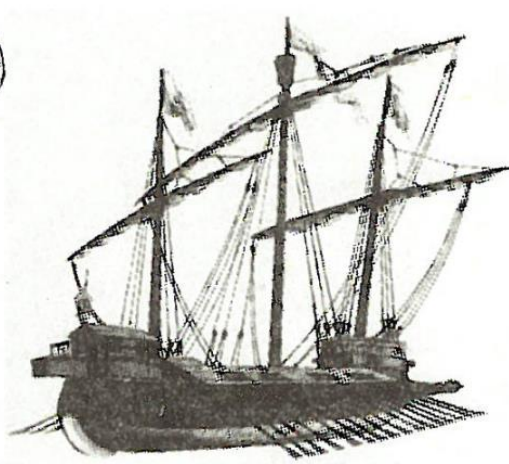
Tập "Thi kinh giải âm" được dịch sang chữ Nôm thời vua Quang Trung

6. Khoa học – kỹ thuật:

- Khoa học:
 - + Sử học: Phủ biên tạp lục; Đại Việt thông sử; Đại Việt Sử ký tiền biên,...
 - + Địa lí: tập bản đồ Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư.
 - + Quân sự: tập Hồ trướng khu cơ (Đào Duy Từ).
 - + Y học: sách y dược của Hải Thượng Lãn ông Lê Hữu Trác.
- Kỹ thuật:
 - + Đúc súng đại bác theo kiểu phương Tây.
 - + Đóng thuyền chiến, xây thành lũy



Súng đại bác theo kiểu phương Tây



Tàu chiến của thủy quân Tây Sơn

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Đầu thế kỉ XVI, nhà Lê suy sụp, đánh mất vai trò tích cực đối với đất nước vì

- A. vua, quan ăn chơi sa đọa, không quan tâm đến tình hình đất nước.
- B. các thế lực phong kiến cát cứ, tìm cách cướp ngôi nhà Lê.
- C. nhiều cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra, làm nhà Lê suy yếu.
- D. chính sách đối ngoại sai lầm, thần phục nhà Minh ở phương Bắc.

Câu 2: Trước sự khủng hoảng, bất lực của triều Lê sơ, năm 1527, Mạc Đăng Dung đã làm gì?

- A. Bắt vua Lê nhường ngôi và lập ra nhà Mạc.
- B. Cùng vua Lê giải quyết tình trạng khủng hoảng.
- C. Thực hiện một cuộc cải cách để đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng.
- D. Lãnh đạo nhân dân nổi dậy lật đổ nhà Lê, lập ra nhà Mạc.

Câu 3: Trong những năm đầu thống trị, nhà Mạc đã xây dựng chính quyền theo

- A. mô hình nhà nước thời Đinh, Tiền Lê.
- B. mô hình cũ của triều Lê sơ.
- C. mô hình nhà nước thời Lý - Trần.
- D. mô hình của nhà Minh ở Trung Quốc.

Câu 4: Ý nào sau đây không phải là giải pháp của nhà Mạc để ổn định tình hình đất nước?

- A. Tổ chức thi cử đều đặn để tuyển chọn quan lại.
- B. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- C. Xây dựng một đạo quân thường trực mạnh.
- D. Mở rộng lãnh thổ xuống phía nam.

Câu 5: Nhà Mạc không nhận được sự tin tưởng và ủng hộ của nhân dân vì

- A. thần phục các nước phương Nam.
- B. cắt đất thần phục nhà Minh ở phương Bắc.
- C. thực hiện đàn áp các cuộc khởi nghĩa nông dân.
- D. không ổn định được tình hình đất nước.

Câu 6: Người đứng đầu các cựu thần của nhà Lê, nêu danh nghĩa “phù Lê diệt Mạc” là

- A. Trịnh Kiểm B. Nguyễn Kim C. Nguyễn Hoàng D. Nguyễn Bình Khiêm

Câu 7: Kết quả của cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều là

- A. triều Lê hoàn toàn sụp đổ.
- B. hai bên không phân thắng bại, tiếp tục tồn tại cục diện Nam - Bắc triều.
- C. triều Mạc bị lật đổ, đất nước bước đầu được thống nhất lại.
- D. Nam triều và Bắc triều giảng hòa, cùng đối phó với nhà Minh.

Câu 8: Người xin được vào trấn thủ đất Thuận Hóa, biến nơi đây thành vùng đất đầy nghiệp của họ Nguyễn là

- A. Trịnh Kiểm B. Nguyễn Kim C. Nguyễn Hoàng D. Nguyễn Bình Khiêm

Câu 9: Những thế lực chính trị nào nắm quyền lực ở Đàng ngoài?

- A. vua Lê, chúa Trịnh B. Vua Lê, chúa Nguyễn

C. chúa Trịnh - Nguyễn

D. Nguyễn Kim, Trịnh Kiểm

Câu 10: Kết quả của cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn là

- A. Chúa Nguyễn thắng lợi, củng cố được quyền lực của dòng họ.
- B. Chúa Trịnh thắng lợi, nắm toàn bộ quyền lực.
- C. Hai bên giảng hòa, lấy Thuận Hóa làm giới tuyến.
- D. Hai bên giảng hòa, đất nước chia làm hai: Đàng Trong và Đàng Ngoài.

Câu 11: Giới tuyến chia cắt Đàng Trong và Đàng Ngoài là

- A. Thuận Hóa
- B. sông Lam
- C. sông Gianh
- D. Thanh Hóa

Câu 12: Ý nào sau đây **không** phản ánh đúng sự phục hồi của nông nghiệp Đàng Trong và Đàng Ngoài từ nửa sau thế kỉ XVII?

- A. Diện tích đất nông nghiệp được mở rộng nhờ khai hoang
- B. Nhân dân hai miền ra sức tăng gia sản xuất, xây đắp đê đập
- C. Kinh nghiệm “nước, phân, cần, giống” được đúc kết qua sản xuất
- D. Ruộng đất ngày càng tập trung vào tay giai cấp địa chủ phong kiến

Câu 13: Những nghề thủ công mới xuất hiện ở nước ta trong các thế kỉ XVI - XVIII là

- A. làm gốm, sứ, dệt vải lụa.
- B. rèn sắt, đúc đồng, làm thủy tinh.
- C. làm giấy, làm đồ trang sức, làm thủy tinh, tranh sơn mài.
- D. khắc in bản gỗ, làm đồng hồ, làm đường trắng, tranh sơn mài.

Câu 14: Tại các làng nghề truyền thống, một số thợ giỏi đã có hoạt động mới nào so với trước đây?

- A. Họ rời làng ra các đô thị, lập phường vừa sản xuất, vừa bán hàng.
- B. Họ thuê thêm người từ các làng khác để mở rộng quy mô sản xuất
- C. Họ xây dựng làng của mình thành các xưởng sản xuất quy mô lớn
- D. Họ liên kết các làng truyền thống để cạnh tranh với thương nhân nước ngoài

Câu 15: Thế kỉ XVI - XVIII, ngành kinh tế nào phát triển cả ở Đàng Trong lẫn Đàng Ngoài?

- A. Làm đồng hồ.
- B. Khai mỏ
- C. Làm tranh sơn mài
- D. Khắc in bản gỗ

Câu 16: Nguyên nhân chủ yếu thúc đẩy ngoại thương nước ta phát triển mạnh mẽ trong các thế kỉ XVI - XVIII là gì?

- A. Giao lưu buôn bán trên thế giới phát triển và chủ trương mở cửa của các chính quyền Trịnh, Nguyễn
- B. Do sản phẩm nông nghiệp, thủ công ngày càng nhiều đã thu hút các thương nhân nước ngoài đến buôn bán
- C. Do nước ta có nhiều cửa biển thuận lợi cho tàu thuyền đi lại, giao thương
- D. Do chính quyền Trịnh, Nguyễn đánh thuế nhẹ đối với hàng hóa và khuyến khích thương nhân nước ngoài vào buôn bán.

Câu 17: Thế kỉ XVII - XVIII, thương nhân của những nước nào đã đến buôn bán và có các khu cư trú riêng ở Hội An?

- A. Trung Quốc, Nhật Bản
- B. Trung Quốc, Ấn Độ
- C. Nhật Bản, Bồ Đào Nha
- D. Trung Quốc, Nhật Bản, Pháp

Câu 18: Thế kỉ XVII- XVIII, hai đô thị lớn nhất ở Đàng Ngoài là

- A. Hội An, Phố Hiến
- B. Thăng Long, Phố Hiến
- C. Thanh Hà, Phố Hiến
- D. Thăng Long, Hội An

Câu 19: Đô thị tiêu biểu nhất ở Đàng Trong là

- A. Thanh Hà
- B. Hội An.
- C. Nước Mặn
- D. Gia Định

Câu 20: Vùng đất - nơi ba anh em nhà Tây Sơn dựng cờ khởi nghĩa là

- A. Ấp Tây Sơn (Bình Thuận).
- B. Tây Sơn thượng đạo (Bình Định)
- C. Quy Nhơn (Bình Định).
- D. Tây Sơn hạ đạo (Bình Định)

Câu 21: Từ năm 1776 đến năm 1783, nghĩa quân Tây Sơn đã

- A. đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn, làm chủ phần đất từ Quảng Nam trở vào
- B. liên tục mở các cuộc tấn công, làm suy yếu chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong
- C. tấn công chính quyền chúa Nguyễn ở Đàng Trong và chúa Trịnh ở Đàng Ngoài
- D. Làm chủ vùng đất Quy Nhơn (Bình Định), đánh bại quân Xiêm xâm lược

Câu 22: Cháu của chúa Nguyễn, người đã chạy sang cầu cứu vua Xiêm là ai?

- A. Nguyễn Hoàng
- B. Nguyễn Uông
- C. Nguyễn Ánh
- D. Nguyễn Kim

Câu 23: Năm 1785, nghĩa quân Tây Sơn đã đánh bại 5 vạn quân Xiêm ở trận chiến nào?

- A. Bạch Đằng
- B. Chi Lăng - Xương Giang
- C. Ngọc Hồi - Đống Đa
- D. Rạch Gầm - Xoài Mút

Câu 24: Khi Nguyễn Huệ đem quân tấn công ra Bắc, ông đã nêu khẩu hiệu gì?

- A. “Phù Lê diệt Mạc”
- B. “Phù Lê diệt Trịnh”
- C. “Phù Lê diệt Nguyễn”
- D. “Phù Lê, diệt Trịnh, Nguyễn”

Câu 25: Sau khi đánh đổ chính quyền chúa Nguyễn, nhiệm vụ đặt ra cho phong trào Tây Sơn là gì?

- A. Tiến quân ra Bắc, phối hợp với vua Lê đánh đổ chúa Trịnh
- B. Tiến quân ra Bắc tiêu diệt 29 vạn quân Thanh
- C. Tiến ra Bắc đánh đổ chính quyền Lê - Trịnh, thống nhất đất nước
- D. Tiến ra bắc phối hợp với chúa Trịnh, lật đổ vua Lê

Câu 26: Ai là người đã cầu cứu vua Thanh, dẫn đến việc 29 vạn quân Thanh sang xâm lược nước ta năm 1789?

- A. Lê Uy Mục
- B. Nguyễn Ánh
- C. Lê Hiển Tông
- D. Lê Chiêu Thống

Câu 27: Phòng tuyến do quân Tây Sơn thiết lập để ngăn cản quân Thanh sau khi rút lui khỏi Bắc Hà

- A. Tam Điệp (Ninh Bình)
- B. Ngọc Hồi (Hà Nội).
- C. Thường Tín (Hà Tây).
- D. Sông Gianh (Quảng Bình).

Câu 28: Đóng góp đầu tiên của phong trào nông dân Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc cuối thế kỉ XVIII là

- A. đánh bại 29 vạn quân Thanh, bảo vệ độc lập dân tộc
- B. xây dựng và phát triển kinh tế, đưa đất nước thoát khỏi khủng hoảng
- C. đập tan các tập đoàn phong kiến cát cứ, bước đầu thống nhất đất nước
- D. đập tan tập đoàn phong kiến Trịnh, Nguyễn, giúp vua Lê thống nhất đất nước

Câu 29: Nguyễn Huệ khi lên ngôi hoàng đế lấy hiệu là gì?

- A. Thái Đức
- B. Gia Long
- C. Quang Trung
- D. Bắc Bình Vương

Câu 30: Nét nổi bật về tình hình Nho giáo nước ta trong các thế kỉ XVI - XVIII là gì?

- A. vẫn giữ vị trí độc tôn như thời Lê sơ
- B. Từng bước suy thoái
- C. Cùng với Phật giáo, thâm sâu vào đời sống nhân dân
- D. Bị thay thế hoàn toàn bởi các tôn giáo khác

Câu 31: Nét nổi bật về tình hình Phật giáo nước ta trong các thế kỉ XVI - XVIII là

- A. vẫn giữ được vị trí quốc giáo như thời Lý - Trần
- B. từng bước suy thoái
- C. cùng với Thiên Chúa giáo, bị nhà nước phong kiến hạn chế
- D. có điều kiện khôi phục vị trí của mình, nhưng không được như thời Lý - Trần

Câu 32: Trong các thế kỉ XVI - XVIII, tôn giáo nào mới được truyền bá vào nước ta?

- A. Nho giáo
- B. Hồi giáo
- C. Thiên Chúa giáo
- D. Phật giáo

Câu 33: Đạo Thiên Chúa được truyền bá vào nước ta thông qua

- A. thương nhân Phương Tây
- B. thương nhân Trung Quốc
- C. giáo sĩ phương Tây
- D. giáo sĩ Ấn Độ

Câu 34: Ban đầu, chữ Quốc ngữ ra đời và chỉ được dùng chủ yếu trong

- A. phạm vi hoạt động truyền bá đạo Thiên Chúa
- B. hoạt động giao thương buôn bán giữa người Việt và người châu Âu
- C. các văn bản trao đổi giữa thương nhân châu Âu với chính quyền phong kiến
- D. hoạt động giao lưu văn hóa giữa người Việt với thương nhân châu Âu

Câu 35: Nét nổi bật về tình hình giáo dục nước ta trong các thế kỉ XVI - XVIII là gì?

- A. Duy trì được chất lượng giáo dục như thời vua Lê Thánh Tông
- B. Chính quyền phong kiến vẫn tổ chức các kì thi, nhưng chất lượng giảm sút
- C. Bên cạnh nội dung giáo dục Nho học, có thêm kiến thức khoa học kĩ thuật
- D. Giáo dục Nho học khủng hoảng, không có người tài giúp đất nước

Câu 36: Chữ Nôm chính thức được đưa vào nội dung thi cử từ

- A. triều Lê sơ
- B. triều Mạc
- C. triều Tây Sơn
- D. triều Nguyễn

Câu 37: Ai là tác giả của tác phẩm **Hồ trưởng khu** cơ và công trình **Lũy Thầy**?

- A. Nguyễn Bình Khiêm
- B. Lê Quý Đôn
- C. Nguyễn Hoàng
- D. Đào Duy Từ

Câu 38: Người được mệnh danh là **Trạng Trình** và là một trong những nhân vật có ảnh hưởng đến lịch sử nước ta thế kỉ XVI là

- A. Nguyễn Bình Khiêm
- B. Lê Hữu Trác
- C. Đào Duy Từ
- D. Lê Quý Đôn

Câu 39: Dòng văn học nào hình thành và phát triển ở nước ta trong các thế kỉ XVI - XVIII?

- A. Văn học chính thống
- B. Văn học Hán
- C. Văn học Nôm
- D. Văn học dân gian

Câu 40: Nghệ thuật dân gian ở các thế kỉ XVI - XVIII chủ yếu phản ánh điều gì?

- A. Mâu thuẫn trong xã hội
- B. Sự sao chép của nghệ thuật cung đình

➤ **CÂU HỎI TỰ LUẬN**

Câu 1: Nguyên nhân nào khiến nhà Lê sơ suy sụp? Giải thích tại sao nước ta bị chia cắt trong các thế kỉ XVI - XVIII.

Câu 2: Qua những chính sách cụ thể, hãy đánh giá vai trò của Vương triều Mạc đối với lịch sử dân tộc.

Câu 3: Trình bày và nhận xét về sự phát triển thủ công nghiệp, thương nghiệp ở nước ta trong các thế kỉ XVI - XVIII.

Câu 4: Trình bày hiểu biết của em về trận Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785.

Câu 5: Đất nước ta được thống nhất lại trong hoàn cảnh nào? Đánh giá vai trò của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc.

Câu 6: Khái quát diễn biến chính và rút ra đặc điểm, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Thanh năm 1789.

Câu 7: Vì sao chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa đã đi vào lịch sử như một trong những chiến công hiển hách nhất của dân tộc Việt Nam.

Câu 8: Những biểu hiện nào chứng tỏ trong thế kỉ XVI - XVIII Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian khác được phục hồi và phát triển? Giải thích tại sao.

Câu 9: Lập bảng thống kê các thành tựu nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật của Đại Việt ở các thế kỉ XVI-XVIII

ĐÁP ÁN

1-A	2-A	3-B	4-D	5-B	6-B	7-C	8-C	9-A	10-D
11-C	12-D	13-D	14-A	15-B	16-A	17-A	18-B	19-B	20-B
21-A	22-C	23-D	24-B	25-C	26-D	27-A	28-C	29-C	30-B
31-D	32-C	33-C	34-A	35-B	36-C	37-D	38-A	39-D	40-D

TỰ LUẬN

Câu 1: Nguyên nhân nào khiến nhà Lê sơ suy sụp? Giải thích tại sao nước ta bị chia cắt trong các thế kỉ XVI – XVIII

* Nguyên nhân khiến nhà Lê sơ suy sụp:

Nhà Lê sơ được thành lập sau cuộc khởi nghĩa Lam Sơn oanh liệt, lật đổ sự thống trị của nhà Minh, đồng thời xây dựng quốc gia Đại Việt phát triển rực rỡ về mọi mặt trong một thế kỉ. Nhưng đến đầu thế kỉ XVI, sau khi vua Lê Hiến Tông qua đời, nhà Lê suy sụp vì:

- Các vua Lê Uy Mục, Lê Tương Dực không còn quan tâm đến triều chính, ăn chơi sa đọa.
- Nhân dân khổ cực nổi dậy đấu tranh ở nhiều nơi.
- Quan lại địa phương mặc sức hoành hành, sách nhiễu nhân dân, xây dựng những cơ sở cát cứ, tranh chấp quyền hành, chống lại chính quyền trung ương.
- Chính quyền trung ương suy yếu, thế lực Mạc Đăng Dung mạnh, tiếm quyền vua Lê, thiết lập triều Mạc.

* Nước ta bị chia cắt trong các thế kỉ XVI - XVIII vì:

- Sự khủng hoảng, suy yếu của triều Lê. Triều Mạc được thiết lập (Bắc triều), nhưng một số quan lại cũ của nhà Lê, đứng đầu là Nguyễn Kim không chấp nhận chính quyền họ Mạc. Lấy danh nghĩa “Phù Lê diệt Mạc” nổi dậy ở vùng Thanh Hóa, thành lập một nhà nước mới, gọi là Nam triều để phân biệt với Bắc triều của nhà Mạc. Đất nước ta bước vào thời kì bị chia cắt.
 - + Do mâu thuẫn, chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến thống trị.
 - + Sau cuộc chiến tranh Nam - Bắc triều, nhà Mạc bị lật đổ. Nhưng sau khi Nguyễn Kim chết, trong nội bộ Nam triều lại xuất hiện mâu thuẫn. Con rể Nguyễn Kim là Trịnh Kiểm nắm binh quyền, tìm cách loại trừ phe cánh họ Nguyễn.
 - + Để thoát khỏi mưu đồ của anh rể, người con thứ của Nguyễn Kim là Nguyễn Hoàng xin vào trấn thủ đất Thuận Hoá, xây dựng cơ nghiệp của họ Nguyễn ở phía nam, từng bước trở thành thế lực cát cứ ở Đàng Trong, tách khỏi sự lệ thuộc họ Trịnh ở Đàng Ngoài. Năm 1627, chiến tranh Trịnh - Nguyễn bùng nổ => đến năm 1672, không phân thắng bại, hai bên giảng hoà lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm giới tuyến, đất nước bị chia cắt

Câu 2: Qua những chính sách cụ thể, hãy đánh giá vai trò của Vương triều Mạc đối với lịch sử dân tộc.

- * Tích cực.
 - Các chính sách của nhà Mạc đã góp phần ổn định lại tình hình đất nước:

- + Xây dựng chính quyền theo mô hình cũ của nhà Lê, chấn chỉnh bộ máy quan lại.
- + Tổ chức thi cử đều đặn.
- + Xây dựng quân đội mạnh.
- + Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- Phát triển văn hóa, giáo dục: năm 1529, chỉ 2 năm sau khi lên ngôi, Mạc Đăng Dung đã mở ngay khoa thi Hội, lấy đỗ 27 Tiến sĩ. Sau đó, cứ 3 năm, nhà Mạc mở một khoa thi, lấy đỗ tổng cộng 385 Tiến sĩ, trong đó có trạng nguyên Nguyễn Bình Khiêm (Trạng Trình) và bà Nguyễn Thị Duệ - nữ tiến sĩ đầu tiên và duy nhất trong lịch sử khoa cử Nho học Việt Nam.
- * Hạn chế của nhà Mạc.
- Việc Mạc Đăng Dung phế truất vua Lê là không chính nghĩa, vì vậy nhà Mạc đã không nhận được nhiều sự ủng hộ của nhân dân.
- Việc nhà Mạc thực hiện chính sách ngoại giao lúng túng: dâng sổ sách, cắt đất năm động phía Đông cho nhà Minh là việc làm đáng chê trách. Vì vậy, nhà Mạc mất lòng dân, bị cô lập

Câu 3: Trình bày và nhận xét về sự phát triển thủ công nghiệp, thương nghiệp ở nước ta trong các thế kỷ XVI - XVIII.

- * Thủ công nghiệp:
 - Các nghề thủ công truyền thống ngày càng phát triển, đạt trình độ cao như: làm gốm sứ, dệt vải lụa, làm giấy, làm đồ trang sức, rèn sắt, đúc đồng,...
 - Nhiều nghề thủ công mới xuất hiện như: nghề khắc in bản gỗ, nghề làm đường trắng, nghề làm đồng hồ, làm tranh sơn mài.
 - Số làng nghề tăng lên, một số thợ giỏi đã họp nhau rời làng ra các đô thị, lập phường vừa sản xuất vừa bán hàng.
 - Nghề khai mỏ trở thành ngành kinh tế phát triển ở Đàng Trong và Đàng Ngoài.
- * Thương nghiệp:
 - Nội thương:
 - + Chợ làng, chợ huyện, chợ phủ mọc lên ở khắp nơi và thường họp theo phiên.
 - + Nhiều nơi trong nước đã xuất hiện một số làng buôn và trung tâm buôn bán của vùng.
 - + Việc buôn bán giữa miền ngược và miền xuôi cũng tăng lên.
 - Ngoại thương:
 - + Thuyền buôn các nước đến Việt Nam buôn bán ngày càng tấp nập.
 - + Thương nhân nhiều nước đã tụ hội lập phố xá, cửa hàng buôn bán lâu dài.
- * Nhận xét:
 - Sự phát triển của thủ công nghiệp có ý nghĩa tích cực đối với sự phát triển của nền kinh tế đất nước, tách thủ công nghiệp khỏi sản xuất nông nghiệp, trình độ chuyên môn hóa được nâng cao.
 - Sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp đã thúc đẩy kinh tế hàng hóa phát triển, các đô thị có điều kiện hình thành và phát triển: Kẻ Chợ, Phố Hiến, Hội An, Thanh Hà

Câu 4: Trình bày hiểu biết của em về trận Rạch Gầm - Xoài Mút năm 1785.

- Rạch Gầm - Xoài Mút là địa điểm diễn ra trận đánh giữa quân Tây Sơn và quân xâm lược Xiêm năm 1785, nay là khúc sông Tiền - thành phố Mỹ Tho - tỉnh Tiền Giang.
- Nguyễn Huệ chọn khúc sông Rạch Gầm - Xoài Mút để quyết chiến với quân Xiêm dựa trên cơ sở phân tích kĩ địa hình, địa vật, xác định đây là khúc sông hiểm yếu và lợi hại để tiêu diệt quân Xiêm.
- Khi quân Xiêm được Nguyễn Ánh dẫn đường kéo vào nước ta, Nguyễn Huệ không tổ chức đánh ngay mà phải đợi thời điểm thích hợp (năm 1785) để quân Xiêm bộc lộ hết sở trường sở đoản mới tổ chức đánh chúng.
- Nét độc đáo của cuộc phản công của Nguyễn Huệ trong trận đánh này là ở việc bố trí lực lượng, tổ chức đánh địch tiêu diệt quân Xiêm và ý đồ xâm lược của chúng “Người Xiêm sau trận thua năm Giáp Thìn 1785, ngoài miệng tuy nói khoác nhưng trong bụng thì sợ quân Tây Sơn như cọp”

Câu 5: Đất nước ta được thống nhất lại trong hoàn cảnh nào? Đánh giá vai trò của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc.

- Hoàn cảnh: các thế kỉ XVI - XVIII đất nước ta bị chia cắt. Biểu hiện:
- Đất nước bị chia cắt về mặt lãnh thổ và chính trị: với sự tồn tại của tập đoàn phong kiến Lê - Trịnh ở Đàng Ngoài và phong kiến Nguyễn ở Đàng Trong.
- Nền kinh tế đất nước có bước chuyển biến: nông nghiệp ngày càng sa sút, thủ công nghiệp và thương nghiệp đang phát triển mạnh.
- Cuối thế kỉ XVIII, mâu thuẫn giữa nông dân với chính quyền phong kiến ngày một gia tăng, các cuộc khởi nghĩa nông dân bùng nổ.
- * Vai trò của phong trào Tây Sơn đối với lịch sử dân tộc.
- Lật đổ các tập đoàn phong kiến Nguyễn (1783), Trịnh, Lê (1788), giải quyết được mâu thuẫn giai cấp (mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ phong kiến), bước đầu thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ (phá bỏ phòng tuyến chia cắt sông Gianh và Luỹ Thầy).
- Chiến thắng quân xâm lược Xiêm (1785), Thanh (1789), hoàn thành nhiệm vụ giải phóng dân tộc. Đây là một hiện tượng chưa từng có ở một phong trào nông dân nào và cũng chưa có trong lịch sử dân tộc.
- Xây dựng một vương triều mới, tiến bộ. Từ trong phong trào, xuất hiện một nhà nước tiến bộ, khẳng định được chủ quyền, vị thế của nước ta, đặc biệt với các thế lực phong kiến phương Bắc.

Câu 6: Khái quát diễn biến chính và rút ra đặc điểm, nguyên nhân thắng lợi của cuộc kháng chiến chống quân Thanh năm 1789.

- * Diễn biến chính:
- Vua Lê Chiêu Thống cầu viện, 29 vạn quân Thanh kéo sang xâm lược nước ta.
- Năm 1788, Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Quang Trung, chỉ huy quân tiến ra Bắc.
- Trên đường tiến quân đã dừng lại ở Nghệ An, Thanh Hoá để tuyển thêm quân .

- Đêm 30 Tết (25-1-1789), từ Tam Điệp - Biện Sơn (Ninh Bình), 5 mũi tiến công của quân Tây Sơn được lệnh xuất phát, quân ta tiến công với khí thế từ lời Hiệu dụ của Vua Quang Trung.
- Mùng 5 Tết, quân Tây Sơn đồng loạt mở các cuộc tấn công chiếm đồn Ngọc Hồi (Thanh Trì - Hà Nội), Đống Đa (Hà Nội), đập tan hệ thống phòng ngự then chốt của địch, mở tan cửa ngõ tiến vào giải phóng Thăng Long. Đất nước hoàn toàn giải phóng.

* Đặc điểm: là cuộc kháng chiến bảo vệ độc lập dân tộc.

- Nguyên nhân thắng lợi:

- + Đoàn kết được nhân dân, huy động được sức mạnh toàn dân tộc.

- + Có đường lối kế hoạch tác chiến đúng đắn, sáng tạo.

- + Sự lãnh đạo thiên tài của Quang Trung, là người có tầm nhìn chiến lược, xây dựng kế hoạch đánh địch đúng đắn, sáng tạo, táo bạo, bất ngờ, chắc thắng. 'Nghệ thuật quân sự của Nguyễn Huệ nổi bật ở đặc điểm: đánh tiêu diệt và tiêu diệt lớn; tiến công chủ động liên tục, thần tốc, bất ngờ, áp đảo, cơ động lực lượng thần tốc và linh hoạt; sử dụng nhiều binh chủng và tổ chức tác chiến hợp đồng binh chủng khéo léo; sử dụng những vũ khí độc đáo, tạo nên xung lực và hỏa lực mạnh, đột phá mạnh, cơ động nhanh, có cách đánh chiến dịch và cách đánh của từng trận sáng tạo và thích hợp. ở phạm vi chiến lược, thiên tài quân sự của Nguyễn Huệ biểu hiện ở sự tinh tường biết lựa chọn đối đầu đúng với kẻ địch chủ yếu nhất, gạt bỏ tình huống để lần lượt giải quyết từng tình huống chiến tranh. Toàn bộ cuộc chiến tranh do Nguyễn Huệ lãnh đạo là cuộc chiến tranh chính quy, đánh tập trung cao, và chủ yếu là công thành, đánh trận địa kết hợp với đánh vận động" (Almanach - Những nền văn minh thế giới, NXB Văn hóa Thông tin 1999 - tr.306 – 307)

Câu 7: Vì sao chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa đã đi vào lịch sử như một trong những chiến công hiển hách nhất của dân tộc Việt Nam.

Vì trận Ngọc Hồi - Đống Đa đã diễn ra vô cùng oanh liệt. "... Đồn Ngọc Hồi giữ vị trí then chốt ở mặt Nam Thăng Long và được giao cho Phó tướng Hứa Thế Hanh chỉ huy. Ngày mùng 4 Tết, đang vui vẻ ăn uống thì Tôn Sĩ Nghị được tin "quan quân ở đồn Hà Hồi đều bị quân Tây Sơn đánh úp bắt hết rồi". Quân sĩ nhà Thanh cũng hoảng sợ nói với nhau "Thật là tướng ở trên trời xuống, quân ở dưới đất chui lên". Đồn Ngọc Hồi lập tức được tăng viện. Tôn Sĩ Nghị dồn hết tâm sức vào việc đánh giữ Ngọc Hồi.

Ngày mùng 5 Tết Kỷ Dậu (30/1/1789) lúc trời còn chưa sáng, đội tượng binh của Quang Trung bất thần tiến nhanh về phía Ngọc Hồi. Hứa Thế Hanh lập tức cho đội bị binh thiện chiến ra nghênh chiến, nhưng vừa thấy voi, đoàn ngựa địch đã hoảng loạn rút lui. Địch bắn như mưa. Đoàn voi chiến chia thành hai cánh tả, hữu mở đường cho đội xung kích tiến lên. 600 chiến sĩ cảm tử chia thành 20 toán, cứ 10 người, dao dắt bên hông, cùng nhau khiêng một tấm mộc lớn, bên ngoài quấn rơm ướt xông lên phía trước, phía sau có 20 chiến sĩ khác đi theo, kết thành những bức tường di động. Đại bác, cung nỏ, hỏa mù của địch bắn ra tới tấp "khói toả mù trời "nhưng không ngăn nổi bước tiến của đoàn quân cảm tử. Trước sức tấn công như vũ bão của quân ta, địch chống không nổi quay đầu bỏ chạy tán loạn. Hứa Thế Hanh cùng nhiều tên tướng khác tử trận. Đồn Ngọc Hồi bị hạ.

... Cũng đúng vào lúc Quang Trung cho đánh đồn Ngọc Hồi, theo đúng kế hoạch đã định, đạo quân của Đô đốc Đông tấn công như vũ bão vào Khương Thượng - Đống Đa. Bị tấn công bất ngờ, quân giặc hoảng loạn chống cự yếu ớt. Tướng giặc sầm Nghi Đống tuyệt vọng, thắt cổ chết ở sở chỉ huy. Hàng trăm thân binh của hắn cũng tự sát. Thừa thắng, Đô đốc Đông, hộ quân tiến về trung tâm Thăng Long”. (*Đại cương lịch sử Việt Nam* - Tập I, NXB Giáo dục - tr.419).

* Chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa đã đi vào lịch sử như một chiến công hiển hách vào bậc nhất của dân tộc Việt Nam ta.

- Là chiến thắng lớn đập tan 29 vạn quân Thanh, giải phóng Thăng Long, thống nhất đất nước, bảo vệ được nền độc lập dân tộc.
- Kế hoạch đánh địch thần tốc, táo bạo, bất ngờ, giành được thắng lợi nhanh chóng đã để lại bài học to lớn đóng góp vào truyền thống đánh giặc giữ nước của lịch sử dân tộc ta.

Câu 8: Những biểu hiện nào chứng tỏ trong thế kỉ XVI - XVIII Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian khác được phục hồi và phát triển? Giải thích tại sao.

* Biểu hiện

- Trong các thế kỉ XV! - XVIII Phật giáo, Đạo giáo và các tín ngưỡng dân gian khác được phục hồi và phát triển.
- Biểu hiện: Các công trình kiến trúc, chùa, đền, miếu, am, quán được khôi phục.
 - + Nhiều vị chúa quan tâm xây dựng, sửa sang các ngôi chùa lớn.
 - + Nhân dân, quan chức đóng góp tiền của, ruộng đất, sửa sang chùa chiền, đúc chuông, tô tượng.
 - + Các truyền thống tốt đẹp cũng được phát huy như: thờ cúng tổ tiên, những người có công với làng nước, bảo vệ Tổ quốc.
 - + Bên cạnh chùa chiền, đền thờ, lăng miếu cũng được xây dựng ở nhiều nơi.

* Giải thích

- Triều đình trung ương nhà Lê suy yếu, kinh tế hàng hóa phát triển dẫn đến tư tưởng Nho giáo không còn giữ được địa vị như trước.
- Phật giáo, Đạo giáo và những tín ngưỡng dân gian vốn đã ăn sâu trong nhân dân, do sự suy đồi của Nho giáo, những tư tưởng của đạo Phật, đạo Lão, tín ngưỡng dân gian với nhiều yếu tố tích cực lại tiếp tục được nảy nở và phát triển trở lại

Câu 9: Lập bảng thống kê các thành tựu nghệ thuật, khoa học - kĩ thuật của Đại Việt ở các thế kỉ XVI-XVIII

Lĩnh vực	Thể loại	Thành tựu
Nghệ thuật	Kiến trúc	Chùa Thiên Mụ.
	Điêu khắc	Tượng Phật Bà Quan Âm nghìn tay nghìn mắt (chùa Bút Tháp - Bắc Ninh); tượng La Hán ở chùa Tây Phương (Hà Tây).
	Nghệ thuật dân gian	Kiến trúc vì kèo ở các đình làng, các ngôi nhà...
	Nghệ thuật sân khấu	Tuồng, chèo, quan họ, hát ả đào, hò, vè, lí, si, lượn
Khoa học - Kĩ thuật	Sử học	Phủ biên tạp lục; Đại Việt thông sử; Đại Việt sử kí tiền biên; Thiên Nam ngữ lục.
	Địa lý	Tập bản đồ Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư.
	Y học	Sách y dược của Hải Thượng Lãn ông Lê Hữu Trác.
	Quân sự	Hồ trưởng khu cơ
	Kĩ thuật	Súng đại bác kiểu phương Tây, đóng thuyền chiến.

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX

CHỦ ĐỀ 4: VIỆT NAM Ở NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày được những nét chính về tình hình chính trị , kinh tế, văn hóa dưới triều Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX
- + Khái quát được tình hình xã hội nửa đầu thế kỉ XIX và các cuộc đấu tranh của nhân dân.

❖ Kỹ năng

- + Khái quát, hệ thống được những sự kiện, vấn đề lịch sử tiêu biểu của Việt Nam nửa đầu thế kỉ XIX
- + Đánh giá được vai trò, trách nhiệm của một triều đại
- + Lý giải được các sự kiện, hiện tượng lịch sử

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

A. TÌNH HÌNH CHÍNH TRỊ, KINH TẾ, VĂN HÓA DƯỚI TRIỀU NGUYỄN (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

1. Tình hình chính trị

- Sự thành lập: Năm 1802, Nguyễn Ánh lên ngôi, lấy niên hiệu là Gia Long, lập ra nhà Nguyễn, đóng đô ở Phú Xuân (Huế).

- Tình hình chính trị

- Tổ chức bộ máy nhà nước → Chính quyền Trung ương tổ chức theo mô hình thời Lê

→ + Gia Long chia cả nước làm 3 vùng: Bắc Thành, Gia Định Thành và các Trục doanh (Trung Bộ) do triều đình trực tiếp cai quản.

+ Năm 1831 – 1832, Minh Mạng thực hiện cải cách hành chính chia cả nước làm 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. Đứng đầu là Tổng đốc, Tuần phủ hoạt động theo sự điều hành của triều đình.

- Tuyển chọn quan lại: thông qua giáo dục, khoa cử.
- Lập pháp ban hành *Hoàng triều luật lệ* với 400 điều
- Quân đội: được tổ chức quy củ, trang bị vũ khí đầy đủ.

- Ngoại giao

- Thần phục nhà Thanh (Trung Quốc)
- Bắt Lào, Campuchia thần phục
- Với phương Tây: đóng cửa, không chấp nhận việc đặt quan hệ ngoại giao với họ.

2. Tình hình kinh tế

- Nông nghiệp:

+ Nhà nước thực hiện chính sách quân điền nhưng do diện tích đất công còn ít → quân điền không còn hiệu quả.

+ Khuyến khích khai hoang dưới hình thức doanh điền

+ Nhà nước huy động nhân dân sửa, đắp đê điều.

- Thủ công nghiệp:

+ Thủ công nghiệp nhà nước được tổ chức quy mô lớn, với nhiều ngành như đúc tiền, chế tạo vũ khí, đóng thuyền, làm đồ trang sức.

+ Trong nhân dân, nghề thủ công truyền thống được duy trì nhưng không phát triển như trước. Xuất hiện một nghề mới: in tranh dân gian.

- Thương nghiệp:

+ Nội thương phát triển chậm chạp do chính sách thuế khóa của Nhà nước



Lược đồ hành chính Việt Nam thời Minh Mạng

- + Ngoại thương do Nhà nước nắm độc quyền, kiểm soát chặt chẽ
- Các đô thị như Hội An, Phố Hiến, Thanh Hà đều tàn lụi
- 3, Tình hình văn hóa – giáo dục
- Tư tưởng, tôn giáo, tín ngưỡng:
- + Độc tôn Nho giáo
- + Nhà nước hạn chế Phật giáo, cấm đoán Thiên Chúa giáo và các tín ngưỡng dân gian.
- Giáo dục: Giáo dục Nho học được củng cố xong số người đi thi, đỗ đạt lại không bằng các thế kỉ trước.
- Văn học:
- + Văn học Hán kém phát triển
- + Văn học chữ Nôm phong phú, hoàn thiện. Các tác giả tiêu biểu là Nguyễn Du, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan,...
- Sử học:
- + Quốc sử quán thành lập
- + Nhiều bộ sử lớn được biên soạn: *Lịch triều hiến chương loại chí* (Phan Huy Chú), *Gia Định thành thông chí* (Trịnh Hoài Đức),...
- Nghệ thuật:
- + Kiến trúc: Kinh đô Huế và các lăng tẩm, Khuê Văn Các, Cột cờ thành Hà Nội,...
- + Nghệ thuật dân gian tiếp tục phát triển theo các hình thức cũ.

B. TÌNH HÌNH XÃ HỘI NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX VÀ CÁC CUỘC ĐẤU TRANH CỦA NHÂN DÂN

1, Tình hình xã hội

- Xã hội phân chia thành 2 giai cấp
- + Giai cấp thống trị: Vua quan, địa chủ, cường hào.
- + Giai cấp bị trị: đại đa số là nông dân
- Nhà Nguyễn cố gắng ổn định tình hình nhưng không ngăn chặn tệ tham quan ô lại. Địa chủ cường hào ức hiếp nhân dân.

2, Phong trào đấu tranh của nhân dân

- Nguyên nhân: Gánh nặng sưu thuế, lao dịch, thiên tai, mất mùa,.. → Đời sống nhân dân cực khổ → Mâu thuẫn xã hội phát triển gay gắt → Bùng nổ các phong trào đấu tranh của nhân dân.
- Thời điểm bùng nổ: Nổ ra ngay từ đầu thế kỉ XIX khi nhà Nguyễn vừa lên cầm quyền
- Phạm vi, quy mô
- + Diễn ra trên khắp đất nước
- + Quy mô lớn và thời gian kéo dài như khởi nghĩa Phan Bá Vành, Lê Văn Khôi.
- Các cuộc đấu tranh tiêu biểu

Cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Địa bàn
Khởi nghĩa Phan Bá Vành	1821 – 1827	Sơn Nam Hạ, Hải Dương, An Quảng
Khởi nghĩa Lê Văn Khôi	1833 – 1835	Gia Định

Khởi nghĩa Nông Văn Vân	1833 – 1835	Cao Bằng
Khởi nghĩa Cao Bá Quát	1854 – 1855	Hà Nội. Hưng Yên

- Kết quả, tác động

+ Đều bị đàn áp

+ Chế độ phong kiến càng khủng hoảng trầm trọng → Khả năng phòng thủ đất nước suy giảm → Đặt Việt Nam vào thế bất lợi trước cuộc xâm lược của người Pháp.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Kinh đô nước ta dưới thời nhà Nguyễn là

- A. Thăng Long B. Phú Xuân C. Cổ Loa D. Hoa Lư

Câu 2: Vua Gia Long đã xây dựng chính quyền trung ương nhà Nguyễn theo quy mô hình của triều đại nào trước đó?

- A. Nhà Lý B. Nhà Trần C. Nhà Lê D. Nhà Hồ

Câu 3: Cải cách hành chính của vua Minh Mạng đã chia nước ta thành

- A. 3 vùng: Bắc Thành, Gia Định Thành và Trục doanh
B. 31 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên
C. 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên
D. 3 vùng: Bắc Thành, Gia Định Thành và phủ Thừa Thiên

Câu 4: Nhà Nguyễn đã làm gì để bảo vệ quyền uy tuyệt đối của Hoàng đế?

- A. Không đặt chức Tể tướng, không lấy đỗ Trạng nguyên, không lập Hoàng hậu, không phong vương cho người ngoài họ
B. Đặt chức Tể tướng, không lấy đỗ Trạng nguyên, không lập Hoàng hậu, không phong vương cho người ngoài họ
C. Lấy đỗ Trạng nguyên, không đặt chức Tể tướng, không lập Hoàng hậu, không phong vương cho người ngoài họ
D. Lấy Hoàng hậu, không đặt chức Tể tướng, không lấy đỗ Trạng nguyên, không phong vương cho người ngoài họ

Câu 5: Dưới thời nhà Nguyễn, bộ *Hoàng Việt luật lệ* còn được gọi là

- A. Luật Hình thư B. Luật Gia Long C. Bộ Hình luật D. Luật Hồng Đức

Câu 6: Từ thời Minh Mạng, hoạt động của tôn giáo nào từng bước bị nhà Nguyễn hạn chế?

- A. Thiên Chúa giáo B. Phật giáo C. Đạo giáo D. Nho giáo

Câu 7: Về đối ngoại, chủ trương của nhà Nguyễn đối với các nước phương Tây như thế nào?

- A. Thiết lập quan hệ ngoại giao với các nước phương Tây
B. Hợp tác với các nước phương Tây trong hoạt động giao thương
C. Đồng ý cho các giáo sĩ và thương nhân phương Tây tham gia truyền đạo
D. Chủ trương đóng cửa, không chấp nhận đặt quan hệ với họ

Câu 8: Thể loại văn học nào phát triển phong phú và hoàn thiện với triều Nguyễn?

- A. Văn học chữ Hán B. Văn học chữ Nôm C. Văn học dân gian D. Văn học chính thống

Câu 9: Ý nào sau đây không phải là đóng góp của nhà Nguyễn đối với lịch sử dân tộc?

- A. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ
- B. Tiếp tục phát triển văn hóa, nghệ thuật
- C. Khẳng định chủ quyền với các đảo ở Hoàng Sa và Trường Sa
- D. Phát triển kinh tế, xây dựng tiềm lực quân sự mạnh

Câu 10: Tác giả nào dưới thời Nguyễn được vinh danh là danh nhân văn hóa của thế giới?

- A. Nguyễn Trãi B. Hồ Xuân Hương C. Bà Huyện Thanh Quan D. Nguyễn Du

Câu 11: Nghề thủ công mới nào xuất hiện ở nước ta vào đầu thế kỷ XIX?

- A. làm đường trắng B. khắc in bản gỗ C. in tranh dân gian D. làm đồng hồ

Câu 12: Công trình văn hóa vật thể nào của nhà Nguyễn được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa thế giới?

- A. Phố cổ Hội An B. Thánh địa Mỹ Sơn
- C. Kinh thành Huế D. Kinh thành Thăng Long

Câu 13: Để củng cố chính quyền phong kiến chuyên chế, nhà Nguyễn thi hành chính sách gì đối với tôn giáo?

- A. Độc tôn Nho giáo
- B. Cho phép Phật giáo và Đạo giáo phát triển
- C. Phát triển các tín ngưỡng nhân dân
- D. Cấm đạo Thiên Chúa

Câu 14: Nét khác biệt của tình hình xã hội nhà Nguyễn so với các triều đại phong kiến trước đó là gì?

- A. Khởi nghĩa của nhân dân nổ ra vào cuối triều đại
- B. Khởi nghĩa nhân dân nổ ra ngay từ đầu triều đại
- C. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân khiến nhà Nguyễn khủng hoảng toàn diện
- D. Các cuộc khởi nghĩa của nhân dân khiến nhà Nguyễn sụp đổ

Câu 15: Trong xã hội thời Nguyễn, giai cấp thống trị bao gồm

- A. Vua quan, quý tộc, binh lính
- B. Vua, quan lại, tướng lĩnh và thương nhân giàu có
- C. Vua quan, địa chủ và cường hào
- D. Vua, quý tộc, lãnh chúa phong kiến

Câu 16: Câu ca dao sau phản ánh thực trạng gì trong xã hội nhà Nguyễn?

“ Con ơi mẹ bảo con này
Cướp đêm là giặc, cướp ngày là quan ”

- A. Nạn cướp, phá hoại hành B. Quan lại bắt cướp bảo vệ dân
- C. Tệ tham quan ô lại D. Nhân dân cần cảnh giác trước nạn cướp giết

Câu 17: Nổi nhân vật lịch sử ở cột bên phải với địa danh ở cột bên trái cho phù hợp về các cuộc khởi nghĩa của nhân dân thời Nguyễn

1. Phan Bá Vành (1821 – 1827)	a) Cao Bằng
2. Cao Bá Quát (1854 – 1855)	b) Phiên An (Gia Định)
3. Lê Văn Khôi (1833)	c) Sơn Nam Hạ (Nam Định, Thái Bình,...)

4. Nông Văn Vân (1833 – 1835)	d) Hà Tây, Hà Nội, Hưng Yên
-------------------------------	-----------------------------

A. 1 – c ,2 – a , 3 – b, 4- d

B. 1 – b ,2 – a , 3 – c , 4- d

C. 1 – b ,2 – d , 3 – b, 4- a

D. 1 – a ,2 – b , 3 – d, 4- c

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Khái quát nội dung và đánh giá về cuộc cải cách hành chính của Vua Minh Mạng

Câu 2: Đánh giá những mặt tích cực và hạn chế của các chính sách kinh tế thời Nguyễn.

Câu 3: Trình bày và nhận xét về chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn.

Câu 4: Lập bảng thống kê các thành tựu văn hóa tiêu biểu của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX (theo mẫu)

STT	Lĩnh vực	Thành tựu
1	Tín ngưỡng	
2	Văn học	
3	Sử học	
4	Kiến trúc	
5	Nghệ thuật dân gian	

Câu 5: Vì sao thời nhà Nguyễn, các phong trào đấu tranh của nhân dân lại diễn ra mạnh mẽ, liên tục? Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn của công dân ở nửa đầu thế kỉ XIX (theo mẫu).

STT	Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Địa điểm	Người lãnh đạo

HƯỚNG DẪN GIẢI

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - B	2 - C	3 - C	4 - A	5 - B	6 - A	7 - D	8 - B	9 - D	10 - D
11 - C	12 - C	13 - A	14 - B	15 - C	16 - C	17 - C			

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Khái quát nội dung và đánh giá về cuộc cải cách hành chính của Vua Minh Mạng.

* Khái quát nội dung cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng

- Năm 1831 – 1832, Minh Mạng thực hiện một cuộc cải cách hành chính, theo đó:

+ Chia cả nước thành 30 tỉnh và một Phủ Thừa Thiên

+ Mỗi tỉnh đều có tổng đốc, tuần phủ cai quản cùng hai ti, hoạt động theo sự điều hành của triều đình.

+ Các phủ, huyện, châu, tổng, xã vẫn giữ như cũ

* Đánh giá:

- Sự phân chia các tỉnh của Minh Mạng được dựa trên cơ sở khoa học, phù hợp về mặt địa lý, dân cư, phong tục tập quán địa phương và phù hợp với phạm vi quản lý của một tỉnh
- Hệ thống cơ quan quản lý hành chính được tổ chức chặt chẽ, gọn nhẹ chưa từng có. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương.
- Thống nhất hệ thống đơn vị hành chính trong cả nước, làm cơ sở cho sự phân chia tỉnh huyện ngày nay.

Câu 2: Đánh giá những mặt tích cực và hạn chế của các chính sách kinh tế thời Nguyễn.

*** Nông nghiệp:**

- Chính sách Quân điền: thực hiện năm 1804

→ Nhận xét:

- + Tích cực: Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân, động viên nhân dân tích cực tham gia sản xuất.
- + Hạn chế: Không có tác dụng, chỉ mang tính tượng trưng. Vì ruộng đất công còn ít (20%). Hơn nữa, việc chia ruộng đất lại ưu tiên quan lại, quý tộc và binh lính nên người nông dân không có ruộng, hoặc ít ruộng, phải chịu bóc lột nặng nề.
- Chính sách Doanh điền: Nhà nước khuyến khích khai hoang dưới nhiều hình thức, hoặc cho dân tự động tổ chức, hoặc nhà nước góp vốn ban đầu cho dân mua sắm nông cụ, trâu bò, mở thêm nhiều đồn điền.

→ Nhận xét:

- + Tích cực: Mở rộng diện tích nông nghiệp, thành lập làng xóm, giải quyết một phần vấn đề ruộng đất cho nông dân.
- + Hạn chế: Chưa trở thành phổ biến,

*** Thủ công nghiệp:**

- Khuyến khích thủ công nghiệp, tăng cường xây dựng các quan xưởng.

→ Nhận xét:

- + Tích cực: Thúc đẩy thủ công nghiệp phát triển, đóng được tàu thủy chạy bằng hơi nước.
- + Hạn chế: Quy mô mang tính chất nhỏ, lẻ, sự tiếp cận với công nghiệp cơ khí mới chỉ dừng lại ở mức độ thấp.

*** Thương nghiệp**

- Nhà nước nắm độc quyền, cấm tự do buôn bán, thuyền bè các nước phía nam chỉ được vào một số cảng ở Gia Định, thuyền buôn các nước phương Tây chỉ được ra vào cảng Đà Nẵng.
- Nhà Nguyễn thực hiện chính sách ngoại thương “Bế quan, tỏa cảng” xuất phát từ việc muốn hạn chế sự nhòm ngó của các nước phương Tây nhằm ổn định đất nước, phát triển kinh tế.
- Chính sách hạn chế ngoại thương của nhà Nguyễn trong bối cảnh đất nước lúc đó vừa phù hợp, vừa có điểm hạn chế kìm hãm sự phát triển giao lưu kinh tế, văn hóa đã hình thành từ những thế kỉ trước đó.

Câu 3: Trình bày và nhận xét về chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn.

- Sau khi thiết lập chính quyền nhà Nguyễn đã chủ trương thực hiện chính sách ngoại giao: Đối với nhà Thanh thì thuận phục; Đối với Lào, Cao Miên bắt họ thuận phục; đối với phương Tây thì “đóng cửa”, “bế quan tỏa cảng”.

- Chính sách đối ngoại của nhà Nguyễn là chính sách đối ngoại bảo thủ xuất phát từ tầm nhìn hạn chế của giai cấp phong kiến, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xu thế phát triển của thời đại.

- Chính sách ngoại giao của nhà Nguyễn làm cho đất nước mất cơ hội tiếp cận với sự phát triển tiên tiến của thế giới; ngày càng rơi vào tình trạng lạc hậu không lối thoát và bị cô lập.

Câu 4: Lập bảng thống kê các thành tựu văn hóa tiêu biểu của nhà Nguyễn nửa đầu thế kỉ XIX (theo mẫu)

STT	Lĩnh vực	Thành tựu
1	Tín ngưỡng	Nho giáo độc tôn, Phật, Đạo, đạo Thiên Chúa, tín ngưỡng dân gian phát triển
2	Văn học	Chữ Nôm: phát triển mạnh: Truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương
3	Sử học	Thành lập Quốc sử quán; tác phẩm Lịch triều hiến chương loại chí (Phan Huy Chú), Lịch triều hiến chương tập kỉ (Ngô Cao Lãng), Gia Định thành thông chí (Trình Hoài Đức)
4	Kiến trúc	Quần thể cung điện Huế, Cột cờ Hà Nội
5	Nghệ thuật dân gian	Chèo, tuồng, hát ví,... phát triển mạnh

Câu 5: Vì sao thời nhà Nguyễn, các phong trào đấu tranh của nhân dân lại diễn ra mạnh mẽ, liên tục? Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn của công dân ở nửa đầu thế kỉ XIX (theo mẫu).

**Thời nhà Nguyễn, các phong trào đấu tranh của nhân dân lại diễn ra mạnh mẽ, liên tục vì:*

- Vấn đề kinh tế của người dân không được giải quyết, các chính sách kinh tế không đáp ứng, giải quyết được yêu cầu xã hội đặt ra.

- Chính sách cai trị, bóc lột nặng nề (tô thuế, lao dịch); thiên tai, mất mùa khiến cho đời sống nhân dân cực khổ, bùng nổ các cuộc khởi nghĩa.

** Lập bảng thống kê các cuộc khởi nghĩa lớn của nông dân ở nửa đầu thế kỉ XIX*

STT	Tên cuộc khởi nghĩa	Thời gian	Địa điểm	Người lãnh đạo
1	Phan Bá Vành	1821 – 1827	Thái Bình, Nam Định, Quảng Ninh, Hải Phòng	Phan Bá Vành
2	Nông Văn Vân	1833 – 1835	Tuyên Quang , Cao Bằng	Nông Văn Vân
3	Cao Bá Quát	1854 – 1856	Hà Tây, Hà Nội	Cao Bá Quát

LỊCH SỬ VIỆT NAM TỪ NGUỒN GỐC ĐẾN GIỮA THẾ KỶ XIX
CHỦ ĐỀ 5 : QUÁ TRÌNH DỰNG NƯỚC, GIỮ NƯỚC VÀ TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA
DÂN TỘC VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

Mục tiêu

❖ **Kiến thức**

- Trình bày được nét chính về quá trình dựng nước và giữ nước:
- + Các thời kì xây dựng và phát triển đất nước
- + Công cuộc kháng chiến, bảo vệ độc lập
- Nêu được những nét chính về truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam thời phong kiến
- + Cơ sở hình thành
- + Biểu hiện và những đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến.

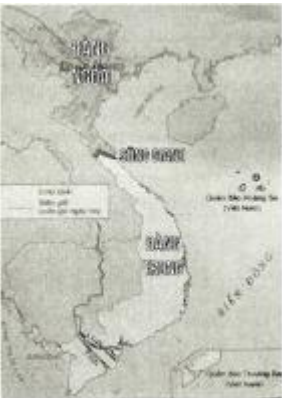
❖ **Kĩ năng**

- + Khái quát, hệ thống được các thời kì, các sự kiện lịch sử tiêu biểu về quá trình dựng nước, giữ nước của dân tộc.
- + Phân tích được nguồn gốc hình thành, nhận xét, đánh giá, rút ra được đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

A. CÁC THỜI KÌ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC

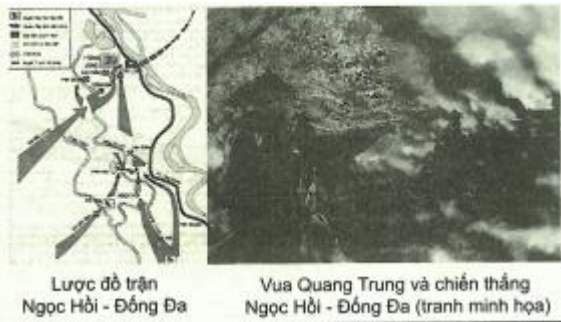
	Chính trị	Kinh tế	Văn hóa – giáo dục	Xã hội
Thời kỳ dựng nước đầu tiên và đấu tranh chống bắc thuộc	- Nhà nước Văn Lang, Âu Lạc (khoảng thế kỉ VII TCN – II TCN)  Sơ đồ thành Cổ Loa	- Nghề nông trồng lúa nước phát triển - thủ công nghiệp dệt, gốm, làm đồ trang sức. - Đời sống vật chất giản dị, thích ứng với tự nhiên  Mô phỏng hoạt động sản xuất của cư dân Văn Lang - Âu Lạc	- Nền văn minh lúa nước được hình thành với nhiều thành tựu văn hóa đặc sắc - Tín ngưỡng: Đa thần - Đời sống tinh thần phong phú, đa dạng  Trang phục thường ngày và khi lễ hội của nam - nữ thời Văn Lang - Âu Lạc	- Quan hệ vua tôi gần gũi, hài hòa  Mô phỏng quan hệ xã hội gần gũi, hài hòa thời Văn Lang - Âu Lạc
	- Âu Lạc rơi vào ách đô hộ của các triều đại phương Bắc (từ thế kỉ II TCN đến thế kỉ X)	- Công cụ sắt sử dụng phổ biến, công trình thủy lợi được xây dựng, năng suất lúa tăng. - Thủ công nghiệp (rèn sắt, khai thác vàng, bạc,...) phát triển. Xuất hiện nghề mới – nghề làm giấy, thủy tinh,..	- Tiếp thu có chọn lọc các yếu tố văn hóa Hán, Đường (ngôn ngữ, văn tự,...) - Người Việt không bị đồng hóa, vẫn giữ được các phong tục, tập quán.	- Mâu thuẫn sâu sắc giữa nhân dân ta với các chính quyền đô hộ phương Bắc. - Các phong trào đấu tranh chống Bắc thuộc, giành độc lập dân tộc bùng nổ (Hai Bà Trưng, Ngô Quyền,..)
	Nhà nước Lâm Ấp – Cham – pa (thế kỉ II đến thế kỉ XV)	- nông nghiệp lúa nước, công cụ sắt. - Nghề dệt, đóng gạch, kĩ thuật xây tháp đạt trình độ cao	- sáng tạo ra chữ viết riêng (trên cơ sở chữ Phạn của Ấn Độ) - tôn giáo: Hindu giáo và Phật giáo.	Gồm các tầng lớp: - Quý tộc - Dân tự do - Nông dân lệ thuộc - Nô lệ
	Nhà nước Phù Nam (thế kỉ I – VI)	- kết hợp nông nghiệp với các nghề thủ công, đánh cá và buôn bán. - Ngoại thương đường	- Tôn giáo: Phật giáo và Ba – la – môn giáo - Nghệ thuật ca, múa nhạc phát triển	Phân hóa giàu nghèo thành các tầng lớp: - Quý tộc - Bình dân

	 Một số hình ảnh thuộc khu di tích Ba Thê (An Giang)	biển rất phát triển  Đồng tiền Rô-ma được tìm thấy ở Ốc Eo	 Tượng thần Brahma bằng đá	- Nô lệ
Giai đoạn đầu của thời kì phong kiến độc lập (X – XV)	- Nhà nước quân chủ phong kiến ra đời - Thế kỉ XV hoàn chỉnh bộ máy nhà nước từ trung ương đến địa phương	- Nhà nước quan tâm đến sản xuất nông nghiệp - Thủ công nghiệp và thương nghiệp có bước phát triển	- Nho giáo, Phật giáo thịnh hành - Văn hóa mang đậm đà bản sắc dân tộc - Giáo dục, khoa cử được Nhà nước quan tâm, phát triển	- Xã hội có sự phân hóa sâu sắc - Giai cấp địa chủ ngày càng mở rộng ruộng đất tư hữu
Giai đoạn đất nước bị chia cắt (XVI – XVIII)	- Chiến tranh giữa các tập đoàn phong kiến → đất nước bị chia cắt làm hai: Đàng Trong và Đàng Ngoài, lấy sông Gianh làm giới tuyến - Tồn tại “một cung vua, hai phủ chúa”  Chia cắt Đàng Ngoài - Đàng Trong	- Thế kỉ XV -XVI, kinh tế suy thoái (do hậu quả chiến tranh,...) - Thế kỉ XVII kinh tế phục hồi + Nông nghiệp: ổn định và phát triển + Ngoại thương được mở rộng, phát triển. + Hưng khởi các đô thị - Nửa sau thế kỉ XVIII, ngoại thương suy yếu	- Nho giáo suy thoái, Phật giáo được phục hồi. Đạo Thiên Chúa được truyền bá - Giáo dục: chất lượng suy giảm - Văn hóa dân gian phát triển mạnh  Tượng La hán chùa Tây Phương	- Xã hội ngày càng phân hóa sâu sắc. - Giữa thế kỉ XVIII chế độ phong kiến ở hai Đàng khủng hoảng - Các phong trào đấu tranh của nông dân diễn ra sôi nổi (tiêu biểu là phong trào Tây Sơn).  Mình họa khởi nghĩa nông dân Tây Sơn

		 Phố Hiến (Hung Yên)		
Đất nước nửa đầu thế kỉ XIX	Năm 1802 nhà Nguyễn thành lập, duy trì bộ máy nhà nước quân chủ chuyên chế  Một buổi thiết triều của nhà Nguyễn  Quần đội nhà Nguyễn	- Thi hành chính sách đóng cửa - Kinh tế Việt Nam trở nên lạc hậu  Đấu vật (tranh Đông Hồ)  Đĩa gốm vẽ tích Sơn Tinh - Thủy Tinh	- Độc tôn Nho giáo - Văn học chữ Nôm phát triển - Kiến trúc, khoa học có nhiều thành tựu,..  Kính đô Huế  Nguyễn Du và tác phẩm "Truyện Kiều"	- Mâu thuẫn xã hội tăng cao - Khởi nghĩa nông dân liên tục bùng nổ  (Minh họa) quan lại hà hiếp nhân dân  (Minh họa) Khởi nghĩa nông dân

B. CÔNG CUỘC KHÁNG CHIẾN BẢO VỆ TỔ QUỐC

Tên cuộc đấu tranh	Vương triều	Lãnh đạo chủ chốt	Chiến thắng tiêu biểu
Kháng chiến chống quân Nam Hán (938)		Ngô Quyền  Ngô Quyền chỉ đạo quân sĩ chiến đấu (tranh minh họa)	Trận Bạch Đằng  Lược đồ trận Bạch Đằng  Minh họa chiến thắng Bạch Đằng
Kháng chiến chống Tống (981)	Tiền Lê	Lê Hoàn	Trận Bạch Đằng
Kháng chiến	Lý	Lý Thường Kiệt	+ Trận Ung Châu, Khâm Châu, Liêm

chống Tống (1075 – 1077)		 Lý Thường Kiệt chỉ đạo quân sĩ chiến đấu (tranh minh họa)	Châu,... + Trận chiến trên sông Như Nguyệt  Lược đồ trận chiến trên sông Như Nguyệt
Kháng chiến chống Mông – Nguyên (thế kỉ XIII)	Trần	+ Các vua nhà Trần + Trần Thủ Độ + Trần Hưng Đạo	+ Lần I: trận Đông Bộ Đầu,... + Lần II: trận Hàm Tử, Chương Dương,... + Lần III: trận Vân Đồn, Bạch Đằng,...
Khởi nghĩa Lam Sơn chống quân Minh (1418 – 1427)		Lê Lợi, Nguyễn Trãi ,...	+ Trận Tốt Động – Chúc Động + Trận Chi Lăng – Xương Giang + Trận vây thành Đông Quan
Kháng chiến chống quân Xiêm (1785)	Tây Sơn	Nguyễn Huệ	Trận Rạch Gầm – Xoài Mút
Kháng chiến chống quân Thanh (1789)	Tây Sơn	Vua Quang Trung (Nguyễn Huệ)  Vua Quang Trung (tranh minh họa)	Trận Ngọc Hồi – Đống Đa.  Lược đồ trận Ngọc Hồi - Đống Đa Vua Quang Trung và chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa (tranh minh họa)

C. TRUYỀN THỐNG YÊU NƯỚC CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

1, Sự hình thành của truyền thống yêu nước

- Cơ sở hình thành

+ Tình cảm gia đình

→ Quá trình lao động gian khổ để chinh phục tự nhiên, xây dựng xóm làng → Tình yêu quê hương, đất nước.

→ Chiến đấu, hi sinh để giành lại quyền tự chủ và bảo vệ di sản văn hóa của tổ tiên → Truyền thống yêu nước.

- Biểu hiện:

+ phản ánh qua văn thơ, truyền thuyết,...

+ tín ngưỡng thờ cúng anh hùng dân tộc.

+ các cuộc đấu tranh bảo vệ (hoặc) giành lại nền độc lập, tự chủ.



Minh họa truyền thuyết Thánh Gióng

Minh họa sự tích "Quả bầu mẹ"

2, Phát triển và tô luyện truyền thống yêu nước

- Bối cảnh lịch sử

+ Đất nước trở lại độc lập, tự chủ với lãnh thổ, tiếng nói, phong tục tập quán, tín ngưỡng riêng.

+ Sau hơn 1000 năm Bắc thuộc, nền kinh tế trở nên lạc hậu, nghèo nàn.

+ Các thế lực phương Bắc chưa từ bỏ âm mưu xâm lược các nước phương Nam → nhiệm vụ giữ nước vẫn thường xuyên đặt ra

- Biểu hiện:

+ Ý thức vươn lên xây dựng phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ, văn hóa đậm đà bản sắc, truyền thống của dân tộc.

+ Tình thần chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc của mỗi người Việt.

+ Yêu nước gắn liền với thương dân; ý thức đoàn kết mọi tầng lớp nhân dân, mọi dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Yêu nước gắn liền với ý thức về sự thống nhất đất nước.

→ **Đặc trưng nổi bật nhất** trong truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam là đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc còn được gọi là

A. Văn minh sông Hồng

B. Văn minh nông nghiệp lúa nước

C. Văn minh phương Đông

D. Văn minh Đông Sơn

Câu 2: Ý nào **không** phản ánh đúng vai trò của nền văn minh Văn Lang – Âu Lạc trong lịch sử Việt Nam?

A. Tạo ra những giá trị vật chất, tinh thần phong phú

B. Là nền văn minh bản địa, tạo tiền đề cho sự phát triển của văn minh Đại Việt

C. Định hình nên những giá trị bản sắc truyền thống dân tộc

D. Lan tỏa, ảnh hưởng sâu rộng đến các nước trong khu vực Đông Nam Á

Câu 3: Sự kiện nào đã chấm dứt một nghìn năm Bắc thuộc, mở đầu thời đại độc lập tự chủ lâu dài của dân tộc?

- A. Năm 776, Phùng Hưng khởi nghĩa, đánh chiến thành Tống Bình, quản lí đất nước
- B. Năm 905, Khúc Thừa Dụ đánh chiếm thành Tống Bình, giành lại quyền tự chủ
- C. Năm 938, Ngô Quyền chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng
- D. Năm 981, Lê Hoàn đánh bại quân xâm lược Tống ở vùng Đông Bắc

Câu 4: Từ thế kỉ XI đến thế kỉ XVIII, quốc hiệu nước ta là gì?

- A. Văn Lang
- B. Đại Cồ Việt
- C. Đại Việt
- D. Đại Ngu

Câu 5: Nền giáo dục Đại Việt chính thức ra đời vào thời kỳ nào?

- A. Đinh – Tiền Lê
- B. Lý
- C. Trần
- D. Lê sơ

Câu 6: Tư tưởng nào đã chi phối nền giáo dục, khoa cử nước ta suốt thời phong kiến?

- A. Phật giáo
- B. Nho giáo
- C. Nho giáo, Phật giáo
- D. Đạo giáo

Câu 7: Tôn giáo nào đã thấm sâu vào đời sống tinh thần của nhân dân, luôn đồng hành cùng sự phát triển của lịch sử dân tộc?

- A. Phật giáo
- B. Nho giáo
- C. Thiên Chúa giáo
- D. Đạo giáo

Câu 8: Trong thời kì đất nước bị chia cắt (Đàng Trong, Đàng Ngoài), lĩnh vực kinh tế nào đạt được sự phát triển hưng thịnh?

- A. Nông nghiệp, thủ công nghiệp
- B. Thủ công nghiệp, thương nghiệp
- C. Thương nghiệp
- D. Nông nghiệp

Câu 9: Đặc điểm nổi bật của kinh tế Đại Việt các thế kỉ XVI – XVIII so với thế kỉ XIX là gì?

- A. Xuất hiện một số nghề mới như làm giấy, làm thủy tinh, in tranh dân gian
- B. Ngoại thương không phát triển do chính sách “bế quan tỏa cảng” của Nhà nước
- C. Kinh tế hàng hóa phát triển, các đô thị hưng khởi
- D. Ngoại thương không phát triển do chính sách độc quyền của các chúa Trịnh, Nguyễn

Câu 10: Thể chế chính trị của nhà nước phong kiến Đại Việt là

- A. quân chủ chuyên chế
- B. quân chủ lập hiến
- C. công hòa quý tộc
- D. dân chủ chủ nô

Câu 11: Chính sách đối ngoại nhất quán của các triều đại phong kiến Việt Nam (thế kỉ XI – XIX) đối với các triều đại phong kiến phương Bắc là

- A. đối đầu, căng thẳng, sẵn sàng khi có chiến tranh
- B. giao lưu hợp tác bình đẳng, thân thiện
- C. Quan hệ hòa hảo, song kiên quyết bảo vệ độc lập, chủ quyền
- D. Luôn thần phục, hàng năm giữ lệ triều cống đầy đủ

Câu 12: Điểm tương đồng trong nghệ thuật kết thúc chiến tranh của cuộc kháng chiến chống Tống thời Lý (1075 – 1077) và khởi nghĩa Lam Sơn (1418 – 1427) là gì?

- A. Đánh bại hoàn toàn quân xâm lược bằng những chiến thắng quân sự
- B. Kết hợp giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao
- C. Thực hiện chiến thuật vườn không, nhà trống và phản công bất ngờ
- D. Tiến công thần tốc, táo bạo, bất ngờ, buộc địch đầu hàng.

Câu 13: Nghệ thuật quân sự của nghĩa quân Tây Sơn trong cuộc kháng chiến chống quan Thanh (1789) có điểm gì khác so với cuộc kháng chiến chống quân Mông – Nguyên thời Trần?

- A. Chủ động tấn công để chặn thế mạnh của giặc
- B. Rút lui chiến lược, tích cực chuẩn bị, chờ thời cơ để tiến lên phản công
- C. Thực hiện chiến thuật “Vườn không nhà trống”, phòng ngự tích cực
- D. Cách đánh thần tốc, táo bạo, bất ngờ, linh hoạt

Câu 14: Từ thực tiễn nền giáo dục nước ta thời phong kiến, bài học kinh nghiệm nào có thể rút ra trong công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế đất nước hiện nay?

- A. Tiếp tục duy trì nền giáo dục Nho học
- B. Chỉ cần đầu tư cho khoa học kĩ thuật
- C. Phát triển song song khoa học xã hội và khoa học kĩ thuật
- D. Tập trung cho khoa học xã hội để đào tạo con người

Câu 15: Điểm tương đồng trong chính sách đối nội của các triều đại Lý, Trần, Lê sơ là

- A. chú trọng đoàn kết các dân tộc
- B. ưu tiên các dân tộc miền núi
- C. trấn áp các lực lượng cát cứ
- D. giữ quan hệ hòa hảo với các tù trưởng miền núi

Câu 16: Nội dung nào không phải là nguyên nhân chủ quan dẫn đến thắng lợi của quân dân Đại Việt trong đấu tranh chống ngoại xâm (thế kỉ X – XV)

- A. Nghệ thuật quân sự độc đáo
- B. Tinh thần yêu nước, đoàn kết, quyết tâm chiến thắng
- C. Vai trò của người lãnh đạo
- D. Địa hình thuận lợi cho tiến công

Câu 17: Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự đa dạng trong văn hóa Đại Việt thời phong kiến là

- A. biết kế thừa, phát huy văn hóa truyền thống và tiếp thu có chọn lọc văn hóa nước ngoài
- B. ý thức bảo tồn sự đa dạng, phong phú văn hóa truyền thống các vùng miền của người Việt
- C. tiếp thu có chọn lọc văn hóa của các nước phương Đông – Ấn Độ, Trung Hoa.
- D. do Việt Nam là điểm giao thoa văn hóa phương Đông và phương Tây

Câu 18: Đặc điểm nổi bật về tình hình văn học nước ta thời nhà Nguyễn là

- A. nền văn học chữ Hán phát triển rực rỡ và đạt được nhiều thành tựu
- B. văn hóa chữ Nôm phát triển rực rỡ và đạt được nhiều thành tựu
- C. văn học dân gian phát triển lấn át văn học chữ Hán và chữ Nôm
- D. diễn ra quá trình giao thoa giữa văn học Hán với văn học phương Tây

Câu 19: Cơ sở hình thành truyền thống yêu nước của dân tộc Việt Nam xuất phát từ

- A. truyền thống nhân ái trong cộng đồng làng xóm
- B. tinh thần lao động cần cù trong sản xuất
- C. tình yêu gia đình, quê hương, đất nước
- D. ý thức vươn lên chiến thắng thiên tai của nhân dân

Câu 20: Đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến là gì?

- A. Chống ngoại xâm, bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc

- B. Chống ngoại xâm, bảo vệ độc lập dân tộc
- C. Chống chính sách đồng hóa, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ
- D. Biết giữ gìn và phát huy bản sắc, truyền thống dân tộc

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Lập bảng thống kê các triều đại trong lịch sử dân tộc từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX (theo mẫu).

STT	Triều đại	Thời gian tồn tại	Kinh đô	Quốc hiệu

Câu 2: Lập bảng thống kê các thành tựu văn học, nghệ thuật thời phong kiến từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIX (theo mẫu).

STT	Thời kỳ	Thành tựu	
		Văn học	Nghệ thuật
	Từ thế kỉ XI – XV		
	Từ thế kỉ XVI – XVIII		
	Nửa đầu thế kỉ XIX		

Câu 3: Trình bày cơ sở hình thành, biểu hiện và đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến.

HƯỚNG DẪN GIẢI

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - D	3 - C	4 - C	5 - B	6 - B	7 - A	8 - B	9 - C	10 - A
11 - C	12 - B	13 - D	14 - C	15 - A	16 - D	17 - A	18 - B	19 - C	20 - B

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Lập bảng thống kê các triều đại trong lịch sử dân tộc từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX (theo mẫu).

STT	Triều đại	Thời gian tồn tại	Kinh đô	Quốc hiệu
1	Ngô	939 – 965	Cổ Loa	
2	Đinh	968 – 980	Hoa Lư	Đại Cồ Việt
3	Tiền Lê	981 – 1009	Hoa Lư	Đại Cồ Việt
4	Lý	1010 – 1225	Thăng Long	Đại Việt
5	Trần	1226 - 1400	Thăng Long	Đại Việt
6	Hồ	1400 – 1407	Tây Đô (Thanh Hóa)	Đại Ngu
7	Hậu Lê	1527 – 1788	Thăng Long	Đại Việt
8	Nhà Tây Sơn	1788 – 1802	Phú Xuân	Đại Việt
9	Nhà Nguyễn	1802 – 1945	Phú Xuân	Việt Nam

				Đại Nam
--	--	--	--	---------

Câu 2: Lập bảng thống kê các thành tựu văn học, nghệ thuật thời phong kiến từ thế kỉ XI đến thế kỉ XIX (theo mẫu).

STT	Thời kỳ	Thành tựu	
		Văn học	Nghệ thuật
1	Từ thế kỉ XI – XV	Nam quốc sơn hà, Hịch tướng sĩ, Bạch Đằng giang phú, Bình Ngô đại cáo	- Kiến trúc chùa Một Cột, Tháp Phổ Minh, Thành nhà Hồ - Sân khấu: âm nhạc, ca múa,...
2	Từ thế kỉ XVI – XVIII	- Văn học Hán – Nôm: Nguyễn Bỉnh Khiêm, Phùng Khắc Khoan, Đào Duy Từ,.. Chinh phụ ngâm, Cung oán ngâm khúc. - Văn học dân gian: ca dao, tục ngữ, truyện cười, truyện dân gian,... phát triển	- Kiến trúc: chùa Thiên Mụ, tượng La Hán, tượng Phật Bà nghìn tay nghìn mắt. - Sân khấu: chèo, tuồng, ả đào, si, lượn,...
3	Nửa đầu thế kỉ XIX	Chữ Hán: kém phát triển - chữ Nôm: phát triển mạnh: Nguyễn Du (truyện Kiều), Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan.	- Kinh thành Huế, lăng tẩm, Cột cờ Hà Nội - Nghệ thuật dân gian phát triển

Câu 3: Trình bày cơ sở hình thành, biểu hiện và đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến.

** Cơ sở hình thành*

- Truyền thống yêu nước được hình thành từ tình cảm gia đình (tình yêu thương cha mẹ, anh em ruột thịt, vợ con), mở rộng ra là tình cảm với quê hương (nơi chôn rau cắt rốn, yêu những con người ở cộng đồng nhỏ hẹp, nơi mình sinh sống và mảnh đất, quê hương nơi tuổi thơ gắn bó).
- Trải qua quá trình lao động gian khổ để chinh phục tự nhiên, xây dựng làng xóm, quê hương. Tình yêu quê hương đất nước được hình thành.
- Trải qua quá trình chiến đấu, hy sinh để giành lại và bảo vệ nền độc lập dân tộc → tình yêu quê hương đất nước đã được nâng lên thành truyền thống yêu nước

** Biểu hiện và đặc trưng của truyền thống yêu nước Việt Nam thời phong kiến.*

- Trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, đất nước được độc lập, thống nhất. Nhưng nền kinh tế lại nghèo nàn, lạc hậu. Các thế lực phong kiến phương Bắc chưa từ bỏ dã tâm xâm lược nước ta. Trong bối cảnh đó, truyền thống yêu nước ngày càng được phát huy, tôi luyện.

** Biểu hiện:*

-
- Ý thức vươn lên xây dựng phát triển nền kinh tế độc lập, tự chủ và nền văn hóa đậm đà bản sắc, truyền thống của dân tộc
 - Tinh thần chiến đấu chống giặc ngoại xâm bảo vệ độc lập dân tộc của mỗi người Việt.

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

CHỦ ĐỀ 1: CÁC CUỘC CÁCH MẠNG TƯ SẢN (TỪ GIỮA THẾ KỈ XVI ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XVIII)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- + Trình bày những nét chính về cuộc Cách mạng tư sản Anh. Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ và Cách mạng tư sản Pháp.
- + So sánh những điểm tương đồng và khác biệt giữa các cuộc cách mạng tư sản.

❖ Kỹ năng

- + Rèn luyện kỹ năng khai thác sơ đồ biểu diễn biến các cuộc cách mạng tư sản.
- + Phân tích, khái quát, đánh giá các sự kiện, vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử
- + So sánh các vấn đề lịch sử

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

1, Cách mạng tư sản Anh

a, Điều kiện lịch sử

* *Kinh tế:*

- Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh:

+ Nông nghiệp: “Rào đất cướp ruộng” (lãnh chúa đuổi tá điền đi, biến đồng ruộng thành đồng cỏ nuôi cừu để bán cho thị trường)

+ Thủ công nghiệp: hình thành các công trường thủ công sản xuất len dạ, khai thác khoáng sản,...

+ Thương nghiệp: buôn bán phát đạt.

- Chế độ phong kiến kìm hãm sự phát triển kinh tế: chế độ thuế khóa, các nghĩa vụ phong kiến,...

* *Xã hội:*

- Xuất hiện tầng lớp quý tộc mới (quý tộc phong kiến kinh doanh theo lối TBCN)

- Mâu thuẫn xã hội phát triển gay gắt

* *Tư tưởng:* Cuộc đấu tranh giữa Anh giáo và Thanh giáo

b, Tiến trình cách mạng

* *1642 – 1648*

- Mâu thuẫn giữa nhà vua và Quốc hội về tài chính (1640)

- Năm 1642, Sác - lơ I tuyên chiến với Quốc hội. Nội chiến bùng nổ

- Năm 1648, nhà vua bị bắt, kết án tử hình. Nội chiến kết thúc.

* *1649 – 1688*

- Năm 1649, Sác – lơ I bị xử tử. Anh trở thành nước cộng hòa.

- Năm 1653, để ngăn cản quần chúng đấu tranh, Crôm – oen lên làm Bảo hộ công, thiết lập nền độc tài quân sự.

- Năm 1658, chế độ quân chủ chuyên chế được khôi phục

- Năm 1688, Quốc hội tiến hành chính biến, đưa Vin – hem Ô – ran – giơ lên ngôi vua. Chế độ quân chủ lập hiến được thiết lập.

c, Kết quả, ý nghĩa

* *Tích cực*

- Lật đổ chế độ quân chủ chuyên chế, thiết lập chế độ quân chủ lập hiến.

- Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển

- Tạo ra tiền đề tiên quyết để nước Anh tiến hành cách mạng công nghiệp vươn lên đứng đầu thế giới

- Cổ vũ, thúc đẩy cuộc đấu tranh chống phong kiến ở Châu Âu

- Thể chế chính trị của Anh là cơ sở thực hiện để Mông – te – xki – ơ xây dựng học thuyết “tam quyền phân lập”

* *Hạn chế:* Chế độ ruộng đất, bầu cử được giải quyết theo hướng bảo thủ.

→ Cách mạng tư sản không triệt để

2, Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa anh ở Bắc Mỹ

* Nguyên nhân:

- Nguyên nhân trực tiếp:

Sự kiện “chè Bô – xton” năm 1773

+ Để phản đối chế độ thuế của Anh, nhân dân cảng Bô

– xton đã tấn công vào các tàu chở chè Anh

+ Anh đưa quân đến đàn áp

- Nguyên nhân sâu xa:

+ Lực lượng sản xuất TBCN phát triển nhưng bị anh kìm hãm

Kinh tế TBCN phát triển theo 2 hướng

- Miền Bắc là các công trường thủ công, sử dụng sức lao động tự do
- Miền Nam là các đồn điền, sử dụng sức lao động của nô lệ

→ Kinh tế thuộc địa cạnh tranh với kinh tế Anh

Chính phủ Anh ban hành các đạo luật kìm hãm kinh tế thuộc địa.

+ Mâu thuẫn dân tộc phát triển gay gắt.

* Diễn biến



Sự kiện “chè Bô-xton”

Thời gian	Sự kiện
1773	Sự kiện “chè Bô – xton”
1774	Đại hội lục địa lần thứ nhất họp, yêu cầu vua Anh phải bãi bỏ chính sách hạn chế công thương nghiệp, nhưng không được chấp nhận.
5/1775	Chiến tranh giữa thuộc địa và chính quốc bùng nổ
4/7/1776	Đại hội đại biểu 13 bang đã thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập
1777	Chiến tranh Xa – ra – tô – ga tạo nên bước ngoặt chiến tranh
1781	Quân thuộc địa đã giành thắng lợi quyết định ở I – oóc - tao
1783	Anh kí hòa ước ở Véc – xai, chính thức công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ.

* Kết quả, ý nghĩa

- Tích cực:

+ Giải phóng 13 thuộc địa khỏi ách thống trị của Anh → Khai sinh ra quốc gia dân tộc tư sản đầu tiên ở Bắc Mỹ

+ Mở đường cho kinh tế TBCN phát triển

+ Thúc đẩy phong trào cách mạng chống phong kiến ở châu Âu, giành độc lập ở Mỹ Latinh

- Hạn chế:

+ Vẫn duy trì chế độ nô lệ ở miền Nam

+ Quyền bầu cử thuộc về thiểu số (nam giới, người da trắng, có tài sản)

→ Cách mạng tư sản không triệt để

3. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

a, Bối cảnh lịch sử

- Kinh tế:
 - + Nông nghiệp lạc hậu
 - + Công nghiệp phát triển với các công trường thủ công quy mô lớn trong ngành dệt, khai thác khoáng sản, luyện kim
 - + Thương nghiệp phát đạt. Song hoạt động buôn bán gặp nhiều trở ngại do thị trường dân tộc không thống nhất.
- Chính trị: Pháp là nước quân chủ chuyên chế, đứng đầu là vua Lu – I XVI
- Xã hội: Duy trì chế độ đẳng cấp: tăng lữ, quý tộc, đẳng cấp thứ ba
 - + Tăng lữ, quý tộc nắm các chức vụ quan trọng, hưởng mọi đặc quyền, đặc lợi, không phải đóng thuế.
 - + Đẳng cấp thứ ba (nông dân, tư sản, các tầng lớp nhân dân khác) không có quyền lợi chính trị, phải đóng thuế và thực hiện nghĩa vụ phong kiến.
- Tư tưởng: trào lưu Triết học Ánh sáng với đại diện là Mông – te – xki – ơ, Vôn – te, Rút- xô đã tấn công vào hệ tư tưởng phong kiến, dọn đường cho cách mạng xã hội bùng nổ.

b, Tiến trình cách mạng

- Mâu thuẫn giữa vua Lu – I XVI và Quốc hội về vấn đề tài chính
- Cuộc tấn công vào nhà ngục Ba - xti (14/7/1789)
- (14/7/1789 – 10/8/1792): thời kì quân chủ lập hiến (quyền lực tập trung trong tay phái Lập hiến).
- (21/9/1792 – 2/6/1793) : Thời kì cộng hòa (quyền lực tập trung trong tay phái Gi – rông – đanh)
- (2/6/1793 – 27/7/1794): Thời kì chuyên chính dân chủ cách mạng (quyền lực tập trung trong tay phái Gia – cô – banh).
- Sau ngày 27/7/1794: Thời kì thoái trào

c, Ý nghĩa lịch sử

- Những nhiệm vụ của cách mạng tư sản được thực hiện triệt để
 - + Thống nhất thị trường dân tộc
 - + Lật đổ chế độ phong kiến, xác lập chế độ tư bản cùng các quyền tự do, dân chủ
 - + Xóa bỏ chế độ đẳng cấp
 - + Vấn đề ruộng đất được giải quyết theo hướng dân chủ
 - + Mở đường cho CNTB phát triển
- Cách mạng tư sản triệt để nhất thời cận đại
- Tư tưởng tự do dân chủ truyền bá rộng rãi → Làm lung lay chế độ phong kiến ở châu Âu. → Mở ra thời đại mới – thời đại thắng lợi và củng cố của chủ nghĩa tư bản ở các nước tiên tiến.

C. SO SÁNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN ANH, CHIẾN TRANH GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA CÁC THUỘC ĐỊA ANH Ở BẮC MĨ VÀ CÁCH MẠNG TƯ SẢN PHÁP

		Cách mạng tư sản Anh	Chiến tranh giành độc	Cách mạng tư sản
--	--	----------------------	-----------------------	------------------

			lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ	Pháp
Giống nhau	Nguyên nhân sâu sa	Mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất TBCN với quan hệ sản xuất lạc hậu		
	Nhiệm vụ	- Dân tộc: hình thành quốc gia dân tộc tư sản thống nhất - Dân chủ: xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế, xác lập nền dân chủ tư sản, ban bố các quyền tự do dân chủ và xác lập quan hệ sản xuất TBCN trở thành quan hệ sản xuất thống trị		
	Động lực cách mạng	Quần chúng nhân dân		
	Ý nghĩa lịch sử	- Xóa bỏ những rào cản thực dân phong kiến, mở đường cho CNTB phát triển - Xác lập sự thắng lợi của CNTB đối với chế độ phong kiến		
Khác nhau	Nhiệm vụ	Lật đổ chế độ phong kiến chuyên chế (vua Sác – lơ I), mở đường cho CNTB phát triển	Lật đổ nền thống trị của thực dân Anh, giải phóng dân tộc, mở đường cho CNTB phát triển	Lật đổ chế độ phong kiến (vua Lu -I XVI), đấu tranh chống liên minh phong kiến châu Âu, bảo vệ thành quả cách mạng, mở đường cho CNTB phát triển.
	Lãnh đạo	Liên minh giữa quý tộc mới và tư sản	Liên minh giữa tư sản và chủ nô	Giai cấp tư sản
	Hình thức	Nội chiến	Chiến tranh giải phóng dân tộc	Nội chiến và chiến tranh vệ quốc
	Kết quả	Xác lập chế độ quân chủ lập hiến. Vấn đề ruộng đất giải quyết theo hướng bảo thủ → Cách mạng tư sản không triệt để	Đưa tới sự ra đời của nhà nước Hợp chúng quốc Mỹ . - Tiếp tục duy trì chế độ nô lệ ở miền Nam → Cách mạng tư sản không triệt để	Xóa bỏ chế độ phong kiến, đưa cách mạng đạt tới đỉnh cao (thời kì chuyên chính dân chủ cách mạng Gia – cô – banh). Vấn đề ruộng đất được giải quyết theo hướng dân chủ → Cách mạng tư sản triệt để nhất thời cận đại

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Trước khi cách mạng bùng nổ, quan hệ sản xuất nào đã thâm nhập vào nông thôn Anh, làm thay đổi cơ cấu kinh tế và phương thức kinh doanh?

- A. Quan hệ kinh tế nông nghiệp
- B. Quan hệ kinh tế công nghiệp
- C. Quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa
- D. Quan hệ kinh tế phong kiến

Câu 2: Từ thế kỉ XVI, ngành sản xuất nào được đánh giá là nổi tiếng nhất ở Anh?

- A. Sản xuất thủ công nghiệp
- B. Sản xuất nông nghiệp
- C. Sản xuất len dạ
- D. Sản xuất và chế biến thủy tinh

Câu 3: Một số địa chủ phong kiến ở Anh chuyển sang kinh doanh theo tư bản chủ nghĩa, trở thành tầng lớp nào?

- A. Tư sản công nghiệp
- B. Tư sản nông nghiệp
- C. Địa chủ mới
- D. Quý tộc mới

Câu 4: Đầu thế kỉ XVII, Anh có nền kinh tế

- A. phát triển nhất châu Âu
- B. đứng thứ hai châu Âu
- C. đứng thứ ba châu Âu
- D. kém phát triển

Câu 5: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến Cách mạng tư sản Anh bùng nổ là

- A. mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc mới với chế độ phong kiến
- B. Sác - lơ I triệu tập Quốc hội nhằm tăng thuế (4/1640)
- C. quý tộc phía bắc nước Anh giúp Sác - lơ I tấn công Quốc hội
- D. mâu thuẫn giữa tư sản với vô sản và nhân dân lao động Anh

Câu 6: Nguyên nhân trực tiếp dẫn đến bùng nổ Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) là

- A. do quân đội đứng về phía Quốc hội chống lại nhà vua
- B. do những mâu thuẫn xã hội không thể điều hòa được nữa
- C. nhà vua dùng vũ lực đàn áp Quốc hội khi không đạt yêu cầu tài chính
- D. do nhân dân đứng về phía Quốc hội phản đối các chính sách của nhà vua

Câu 7: Cách mạng tư sản Anh đạt đến đỉnh cao thời gian nào? Tương ứng với sự kiện gì?

- A. Năm 1649. Sự kiện Sác - lơ I bị xử tử, Anh trở thành nước Cộng hòa
- B. Năm 1648. Sự kiện quân đội Sác - lơ I bị Quốc hội đánh bại
- C. Năm 1658. Sự kiện quý tộc mới và tư sản chủ trương lập lại chế độ quân chủ
- D. Năm 1689. Sự kiện tư sản và quý tộc mới đưa Vin - hem Ô - ran - giơ lên ngôi vua

Câu 8: Ý nào **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII)?

- A. Lật đổ ngai vàng phong kiến
- B. Là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất
- C. Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển
- D. Là bước quá độ từ chế độ phong kiến sang tư bản

Câu 9: Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) là cuộc cách mạng tư sản không triệt để vì

- A. tiếp tục duy trì chế độ phong kiến
- B. không thiết lập nên cộng hòa tư sản
- C. chưa xóa bỏ quan hệ sản xuất phong kiến
- D. chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân

Câu 10: Khi Anh trở thành nước Cộng hòa, quyền hành nằm trong tay giai cấp nào?

- A. Tư sản và nông dân
- B. Quý tộc mới và địa chủ
- C. Quý tộc mới và tư sản
- D. Quý tộc mới, tư sản và nông dân

Câu 11: Chế độ độc tài quân sự ở Anh được thiết lập vào thời gian nào? Do ai đứng đầu?

- A. Năm 1649 ; Sác - lơ I đứng đầu
- B. Năm 1660 ; Sác – lơ III đứng đầu
- C. Năm 1689 ; Vin - hem Ô - ran - giơ đứng đầu
- D. Năm 1653 ; Ô - li - vơ Crôm - oen đứng đầu

Câu 12: Giai cấp, tầng lớp nào giữ ngọn cờ lãnh đạo cuộc Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII)

- A. Quý tộc mới và nông dân
- B. Tư sản và thợ thủ công
- C. Quý tộc mới và tư sản
- D. Giai cấp công nhân

Câu 13: Cách mạng tư sản Anh đã thực hiện nhiệm vụ lật đổ chế độ

- A. nô lệ, thiết lập nền Cộng hòa
- B. phong kiến, thiết lập nền Cộng hòa
- C. tư bản, tạo điều kiện cho CNXH phát triển
- D. phong kiến, tạo điều kiện cho CNTB phát triển

Câu 14: Cách mạng tư sản Anh diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Nội chiến
- B. Chiến tranh giải phóng dân tộc
- C. Nội chiến kết hợp với chiến tranh giải phóng
- D. Bạo động của giai cấp tư sản chống phong kiến

Câu 15: Cách mạng tư sản Anh (thế kỉ XVII) có ý nghĩa trọng đại trong thời kì

- A. quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản
- B. quá độ từ chế độ tư bản sang chế độ xã hội chủ nghĩa
- C. chủ nghĩa tư bản trở thành hệ thống trên thế giới
- D. chế độ phong kiến chấm dứt sự tồn tại trên thế giới

Câu 16: Chưa giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân và vẫn duy trì ngôi vua, điều này phản ánh

- A. Cách mạng tư sản Anh là cuộc cách mạng có tính triệt để
- B. ý nghĩa lịch sử của cuộc Cách mạng tư sản Anh
- C. tính chất không triệt để của Cách mạng tư sản Anh
- D. tiền đề bùng nổ của Cách mạng tư sản Anh

Câu 17: Người Anh đã lập ra 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ vào thời gian nào

- A. thế kỉ XVI
- B. thế kỉ XVII
- C. thế kỉ XVIII
- D. thế kỉ XIX

Câu 18: Giữa thế kỉ XVIII kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Bắc Mỹ

- A. bắt đầu hình thành
- B. phát triển mạnh
- C. có những mầm mống đầu tiên
- D. khủng hoảng, suy yếu

Câu 19: Ngày 4/7/1776 trở thành ngày Quốc khánh của nước Mỹ vì

- A. bùng nổ cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 bang thuộc địa
- B. Đại hội lục địa thông qua Tuyên ngôn Độc lập thành lập Hợp chúng quốc Mỹ
- C. cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 bang thuộc địa giành thắng lợi
- D. thực dân Anh công nhận nền độc lập của 13 bang thuộc địa Bắc Mỹ

Câu 20: Vì sao cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII) thực chất là một cuộc cách mạng tư sản ?

- A. Do giai cấp tư sản, chủ nô lãnh đạo
- B. Lôi kéo được đông đảo quần chúng nhân dân tham gia
- C. Cuộc chiến tranh vừa giải phóng dân tộc vừa chống chế độ phong kiến

D. Góp phần đấu tranh chống phong kiến , mở đường cho CNTB phát triển

Câu 21: Hạn chế lớn nhất của Tuyên ngôn Độc lập năm 1776 của Mỹ là

- A.** chưa bảo vệ quyền con người và quyền công dân
B. chưa nêu lên các nguyên tắc chủ quyền nhân dân
C. chưa mang lại quyền lợi cho nhân dân lao động
D. không đề cập đến việc xóa bỏ chế độ nô lệ và bóc lột giai cấp

Câu 22: Cách mạng tư sản Anh và Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ khác nhau cơ bản ở

- A. mục tiêu đấu tranh B. lực lượng tham gia C. lực lượng lãnh đạo D. hình thức đấu tranh**

Câu 23: Trong các cuộc cách mạng tư sản, quần chúng nhân dân là lực lượng đông đảo

- A.** bị giai cấp tư sản lợi dụng
B. giữ vai trò lãnh đạo cách mạng
C. giữ vai trò chính trong việc lật đổ giai cấp tư sản
D. có vai trò quan trọng để cách mạng thắng lợi

Câu 24: Năm 1787 nước Mĩ đã

- A.** ban hành Hiến pháp mới
- B.** thông qua Tuyên ngôn Độc lập
- C.** tấn công tàu chở chè của Anh
- D.** thông qua Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền

Câu 25: Mười ba thuộc địa Anh nằm ở khu vực nào?

- A.** Ven bờ Đại Tây Dương **B.** Ven bờ Thái Bình Dương
C. Ven bờ Ấn Độ Dương **D.** Ven bờ Bắc Băng Dương

Câu 26: Nguyên nhân sâu xa của cuộc Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ là mâu thuẫn giữa

- A.** chủ nô với thực dân Anh **B.** tư sản với thực dân Anh
C. nhân dân với thực dân Anh **D.** giữa công nhân với tư sản

Câu 27: Lực lượng lãnh đạo cuộc Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII) là

- A.** công nhân, nông dân **B.** công nhân, tư sản
C. chủ nô, tư sản **D.** quý tộc mới, tư sản

Câu 28: Cuộc chiến tranh của nhân dân các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ diễn ra dưới hình thức

- A. nội chiến** **B. nội chiến và chống ngoại xâm**
C. chống ngoại xâm **D. chiến tranh giải phóng dân tộc**

Câu 29: Đặc điểm kinh tế của 13 thuộc địa Anh nửa đầu thế kỉ XVIII là

- A.** miền Nam phát triển kinh tế công nghiệp, miền Bắc phát triển thương nghiệp
B. miền Nam phát triển kinh tế đồn điền, miền Bắc phát triển thương nghiệp
C. miền Bắc phát triển kinh tế đồn điền
D. . miền Nam phát triển kinh tế thương nghiệp

Câu 30: Tại Đại hội lục địa lần thứ nhất tại Phi - la - đen - phi - a (9-1774), các đại biểu yêu cầu vua Anh phải làm gì ?

- A.** Trao trả nền độc lập cho Bắc Mĩ
- B.** Bãi bỏ chính sách hạn chế nông nghiệp ở Bắc Mĩ .
- C.** Bãi bỏ chính sách hạn chế Công thương nghiệp ở Bắc Mĩ
- D.** Xóa bỏ chính sách độc quyền của Anh ở Bắc Mĩ

Câu 31: Chiến thắng nào đã tạo nên bước ngoặt trong cuộc Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?

- A. Chiến thắng Bô – xton
- B. Chiến thắng Xa – ra – tô - ga
- C. Chiến thắng I – oóc - tao
- D. Chiến thắng Le – xinh – ton

Câu 32: Với trận đánh quyết định nào làm cho toàn bộ quân Anh phải đầu hàng?

- A. Trận đánh Bô – xton
- B. Trận đánh Xa – ra – tô - ga
- C. Trận đánh I – oóc - tao
- D. Trận đánh Oa – sinh - ton

Câu 33: Sự kiện lịch sử nào chứng tỏ Anh chính thức công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ?

- A. Mĩ thông qua Hiến pháp năm 1787
- B. Chiến thắng Xa – ra – tô – ga ngày 17 – 10- 1777
- C. Kí kết Hòa ước Véc – xai ở Pháp tháng 9 - 1783
- D. Thông qua bản tuyên ngôn Độc Lập ngày 4 – 7 - 1776

Câu 34: Tại Đại hội lục địa lần thứ hai (5- 1775) đã tuyên bố vấn đề gì?

- A. Khẳng định quyền bình đẳng giữa các dân tộc
- B. Thông qua bản Tuyên ngôn Độc lập của nước Mĩ
- C. Yêu cầu vua Anh bãi bỏ chính sách hạn chế công thương
- D. Xóa bỏ mọi đặc quyền, đặc lợi của thực dân Anh ở Bắc Mỹ

Câu 35: Lần đầu tiên, các quyền con người và quyền công dân được chính thức công bố trước toàn thể nhân loại trong văn kiện nào?

- A. Tuyên ngôn Độc lập của Anh
- B. Tuyên ngôn Độc lập của Việt Nam
- C. Tuyên ngôn Độc lập của nước Mĩ
- D. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Pháp

Câu 36: Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ còn có hạn chế gì?

- A. Đề cao nguyên tắc chủ quyền của nhân dân
- B. Không xóa bỏ chế độ nô lệ và chế độ bóc lột
- C. Không cho phụ nữ quyền bầu cử
- D. Không cho phụ nữ quyền bầu cử

Câu 37: Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ đã thực hiện được hai nhiệm vụ cùng một lúc đó là lật đổ

- A. chế độ phong kiến, giải quyết ruộng đất cho nông dân
- B. phong kiến, lật đổ ách thống trị của thực dân Anh
- C. giai cấp tư sản, giải quyết việc làm cho công nhân
- D. ách thống trị của thực dân Anh, mở đường cho CNTB phát triển

Câu 38: Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ thực chất là cuộc

- A. nội chiến
- B. cách mạng tư sản
- C. cách mạng vô sản
- D. đấu tranh thống nhất đất nước

Câu 39: Nguyên cớ (nguyên nhân trực tiếp) nào dẫn đến chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ?

- A. Nhân dân cảng Bô - xton tấn công 3 tàu chở chè của Anh
- B. Đại hội lục địa lần thứ nhất họp
- C. Đại hội lục địa lần thứ hai họp
- D. Thực dân Anh quy định đánh thuế chè

Câu 40: Tính chất của Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ cuối thế kỉ XVIII là cuộc

- A. nội chiến đẫm máu
- B. cách mạng tư sản triệt để
- C. cách mạng tư sản không triệt để
- D. chiến tranh giải phóng mang tính chất vô sản

Câu 41: Cuối thế kỉ XVIII, nước Pháp vẫn là nước

- A. nông nghiệp phát triển
- B. nông nghiệp lạc hậu
- C. công nghiệp phát triển
- D. công nghiệp tương đối hiện đại

Câu 42: Cuối thế kỉ XVIII, đẳng cấp nào trong xã hội Pháp không được hưởng đặc quyền đặc lợi và phải nộp thuế

- A. Đẳng cấp tăng lữ
- B. Đẳng cấp quý tộc
- C. Đẳng cấp thứ 3
- D. Cả ba đẳng cấp

Câu 43: Cuối thế kỉ XVIII, nước Pháp theo thể chế chính trị nào?

- A. Quân chủ chuyên chế
- B. Quân chủ lập hiến
- C. Cộng hòa tư sản
- D. Chế độ cộng hòa

Câu 44: Thời kì nào đã đưa Cách mạng tư sản Pháp lên đến đỉnh cao?

- A. Thời kì phái lập hiến cầm quyền
- B. Thời kì phái Gi – rông – đanh cầm quyền
- C. Thời kì phái Gia – cô – ban cầm quyền
- D. Thời kì Đốc chính

Câu 45: Mâu thuẫn cơ bản trong xã hội Pháp cuối thế kỉ XVIII là giữa những đẳng cấp nào?

- A. Tăng lữ với quý tộc
- B. Tăng lữ với đẳng cấp thứ 3
- C. Quý tộc với đẳng cấp thứ 3
- D. Tăng lữ, quý tộc với đẳng cấp thứ 3

Câu 46: Trước khi bùng nổ cách mạng tư sản, nước Pháp đã diễn ra cuộc

- A. cải cách kinh tế
- B. cải cách tôn giáo
- C. cải cách hành chính
- D. đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng

Câu 47: Sự kiện nào đánh dấu cuộc Cách mạng tư sản Pháp bùng nổ?

- A. Quân chúng nhân dân tấn công và chiếm ngục Baxti
- B. Vua Lu – i XVI triệu tập Hội nghị ba đẳng cấp
- C. Quốc hội lập hiến thông qua bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền
- D. Vua Lu – i XVI bị xử tử

Câu 48: Mâu thuẫn gay gắt nhất trong xã hội Pháp trước cách mạng là

- A. giữa nông dân với quý tộc
- B. giữa công nhân với tư sản
- C. giữa tăng lữ, quý tộc với đẳng cấp thứ ba
- D. giữa tư sản, nông dân với quý tộc

Câu 49: Lãnh đạo cuộc Cách mạng tư sản Pháp là

- A. công nhân
- B. nông dân
- C. tư sản
- D. quý tộc

Câu 50: Lực lượng đưa cách mạng Pháp đạt đến đỉnh cao là

- A. giai cấp địa chủ
- B. quần chúng nhân dân
- C. giai cấp tư sản
- D. tăng lữ, quý tộc

Câu 51: Cuộc cách mạng tư sản nào là triệt để nhất?

- A. Cách mạng Hà Lan
- B. Cách mạng tư sản Anh
- C. Cách mạng tư sản Pháp
- D. Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ

Câu 52: Tầng lớp nào đã đóng vai trò quyết định trong quá trình phát triển đưa Cách mạng tư sản Pháp đến thành công?

- A. Tư sản
- B. Quý tộc
- C. Quần chúng nhân dân
- D. Tăng lữ

Câu 53: Khẩu hiệu nổi tiếng trong Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền năm 1789 của nước Pháp là gì?

- A. Tự do – Bình đẳng – Độc lập
- B. Tự do – Bình đẳng – Hạnh phúc
- C. Tự do – Bình đẳng – Bác ái
- D. Tự do – Bình đẳng – Phát triển

Câu 54: Tháng 9 – 1791, Hiến pháp mới thông qua quy định nước Pháp theo thể chế chính trị nào?

- A. Quân chủ chuyên chế
- B. Quân chủ lập hiến
- C. Cộng hòa tư sản
- D. Chế độ cộng hòa

Câu 55: Tháng 6 – 1793, Hiến pháp mới thông qua quy định nước Pháp theo thể chế chính trị nào?

- A. Quân chủ chuyên chế
- B. Quân chủ lập hiến
- C. Dân chủ chủ nô
- D. Chế độ cộng hòa

Câu 56: Tại sao cách mạng Pháp cuối thế kỉ XVIII được xem là cuộc cách mạng tư sản triệt để?

- A. Giai cấp tư sản nắm quyền
- B. Lật đổ chính quyền quân chủ chuyên chế
- C. Giải quyết vấn đề ruộng đất cho nông dân
- D. Hoàn thành các nhiệm vụ của một cuộc CMTS

Câu 57: Trào lưu Triết học Ánh sáng có vai trò như thế nào trong việc chuẩn bị cho cách mạng Pháp bùng nổ?

- A. Những tư tưởng tiên bộ của giai cấp tư sản
- B. Cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng của tư sản
- C. Phê phán chế độ phong kiến lạc hậu với những giáo lý lỗi thời
- D. Thể hiện tư tưởng dân chủ của giai cấp tư sản

Câu 58: Ý nào **không** nằm trong chính sách của phái Gia – cô – banh?

- A. Tịch thu ruộng đất của giáo hội đem bán cho nông dân với giá cao
- B. Thông qua sắc lệnh “Tổng động viên toàn quốc”.
- C. Thông qua Hiến pháp mới tuyên bố chế độ cộng hòa
- D. Thông qua luật giá tối đa và lương tối đa cho công nhân

Câu 59: Lực lượng đi đầu lãnh đạo cuộc Cách mạng tư sản Pháp khác với Cách mạng tư sản Anh là gì?

- A. Quý tộc mới
- B. Tư sản
- C. Chủ nô
- D. Quần chúng nhân dân

Câu 60: Lực lượng đi đầu lãnh đạo cuộc Cách mạng tư sản Pháp khác với Cách mạng tư sản Anh là gì?

- A. quý tộc mới
- B. tư sản
- C. chủ nô
- D. quần chúng nhân dân

Câu 61: Ý nào là điểm khác cơ bản về nguyên nhân và tiền đề dẫn đến sự bùng nổ Cách mạng tư sản Pháp so với Cách mạng tư sản Anh?

- A. Kinh tế TBCN phát triển
- B. Nhà vua có quyền lực tối cao và cai trị độc đoán
- C. Xuất hiện trào lưu Triết học Ánh sáng
- D. Quần chúng nhân dân bị áp bức bóc lột nặng nề

Câu 62: Điểm khác cơ bản về ý nghĩa của Cách mạng tư sản Pháp so với Cách mạng tư sản Anh là gì?

- A. Cách mạng Pháp là cuộc CMTS triệt để
- B. Cách mạng Pháp do giai cấp tư sản lãnh đạo
- C. Cách mạng Pháp nổ ra dưới hình thức nội chiến, giải phóng dân tộc
- D. Cách mạng Pháp mở ra thời đại thắng lợi và củng cố CNTB

Câu 63: Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền 1789 của nước Pháp đã thể hiện mặt tiến bộ ở điểm nào?

- A. Đề cao quyền tự do bình đẳng của con người
- B. Bảo vệ quyền lợi cho tất cả các tầng lớp trong xã hội

C. Bảo vệ quyền lợi cho giai cấp tư sản

D. Bảo vệ quyền lợi cho giai cấp vô sản.

Câu 64: Điểm giống nhau cơ bản giữa cách mạng Anh và cách mạng Pháp là

A. xã hội đều phân chia thành đẳng cấp

B. nguyên nhân trực tiếp đều do vấn đề tài chính

C. đều có sự xâm nhập kinh tế tư bản chủ nghĩa vào công nghiệp

D. đều do quý tộc mới lãnh đạo

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy nêu đặc điểm tình hình nước Anh trước cách mạng tư sản thế kỉ XVII

Câu 2: Trình bày tính chất và ý nghĩa của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII

Câu 3: Nguyên nhân bùng nổ cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII)

Câu 4: Trình bày kết quả và ý nghĩa của Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII)

Câu 5: Trình bày vai trò của Oa – sinh – tôn trong cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII)

Câu 6: Trình bày nội dung cơ bản của Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776. Những điểm tiến bộ và hạn chế của tuyên ngôn này

Câu 7: Hãy nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

Câu 8: Tại sao nói: Thời kì chuyên chính Gia – cô – banh là đỉnh cao của Cách mạng tư sản Pháp?

Câu 9: Trình bày những sự kiện chứng tỏ quần chúng nhân dân là lực lượng chủ yếu thúc đẩy Cách mạng tư sản Pháp phát triển.

Câu 10: Phân tích ảnh hưởng tích cực của Cách mạng tư sản Anh (1640), Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (1773), Cách mạng tư sản Pháp (1789) đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

Câu 11: Nhiệm vụ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII đã giải quyết triệt để những nhiệm vụ đó như thế nào? Những nhân tố nào đã tạo ra sự triệt để đó?

Câu 12: Nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản là gì? Thế nào là một cuộc cách mạng tư sản triệt để, không triệt để? Lấy ví dụ để minh họa.

HƯỚNG DẪN GIẢI

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 – C	2 - C	3 – D	4 – A	5 -A	6 – C	7 – A	8 -B	9 -D	10 – C
11 – D	12 -C	13 - D	14 - A	15 -A	16 - C	17 - C	18 -B	19 - B	20 - D
21 – D	22 -D	23 - D	24 -A	25 -A	26 -C	27 -C	28 -D	29 -B	30 -C
31 – B	32 -C	33 -C	34 -B	35 -C	36 -B	37 -D	38 - B	39 -A	40 -C
41 – B	42 - C	43 – A	44 - C	45 - D	46 -D	47 - B	48 - C	49 - C	50 -B

51 - C	52 - C	53 - C	54 - B	55 - D	56 - D	57 - B	58 - A	59 - B	60 - D
61 - C	62 - D	63 - A	64 - C						

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Hãy nêu đặc điểm tình hình nước Anh trước cách mạng tư sản thế kỉ XVII

- * Kinh tế: đầu thế kỉ XVII, Anh là nước có nền kinh tế phát triển nhất châu Âu:
 - + Sản xuất công trường thủ công chiếm ưu thế
 - + Công nghiệp len dạ phát triển
 - Sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào nền công nghiệp diễn ra mạnh mẽ
- * Chính trị: Chế độ phong kiến duy trì nhiều đặc quyền phong kiến. Nhà nước nắm độc quyền thương mại và thu thuế thuyền bè.
- * Xã hội:
 - Địa chủ quý tộc chuyển hướng kinh doanh theo lối tư sản chủ nghĩa, dần dần tư sản hóa và trở thành tầng lớp quý tộc mới.
 - Mâu thuẫn giữa tư sản, quý tộc mới với các thế lực phong kiến phản động trở nên gay gắt.

Câu 2: Trình bày tính chất và ý nghĩa của Cách mạng tư sản Anh thế kỉ XVII

- * Tính chất:
 - Động lực của cách mạng: tư sản và quý tộc mới
 - Mục tiêu cách mạng: lật đổ chính quyền phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển
 - Kết quả của cách mạng: hạn chế quyền lực của nhà vua, đem lại quyền lợi cho giai cấp tư sản và quý tộc mới, thành lập nhà nước quân chủ lập hiến, nhân dân không được hưởng quyền lợi gì cơ bản
- Tính chất: Cách mạng tư sản không triệt để
- * Ý nghĩa: đã lật đổ chế độ phong kiến, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Là cuộc cách mạng tư sản có ý nghĩa trọng đại trong thời kì quá độ từ chế độ phong kiến sang chế độ tư bản.

Câu 3: Nguyên nhân bùng nổ cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII)

- Nửa đầu thế kỉ XVIII, 13 thuộc địa Anh ra đời dọc bờ Đại Tây Dương.
- Giữa thế kỉ XVIII, nền công thương nghiệp tư bản chủ nghĩa ở đây phát triển đáng kể.
- Sự phát triển kinh tế công, nông nghiệp thúc đẩy thương nghiệp, giao thông, thông tin, thống nhất thị trường, ngôn ngữ.
- Sự phát triển kinh tế của các thuộc địa làm cho Bắc Mỹ trở thành nơi cạnh tranh đối với nước Anh. Chính phủ Anh đã cấm Bắc Mỹ sản xuất nhiều loại hàng công nghiệp, cấm mở doanh nghiệp, ban hành thuế khóa nặng nề.
- Sự kìm hãm của Chính phủ Anh làm cho mâu thuẫn ở 13 thuộc địa trở nên gay gắt, dẫn đến việc bùng nổ chiến tranh.

Câu 4: Trình bày kết quả và ý nghĩa của Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII)

Kết quả: Theo Hòa ước Véc – xai (9-1783), Anh công nhận nền độc lập của 13 thuộc địa ở Bắc Mỹ. Năm 1787, thông qua Hiến pháp củng cố vị trí nhà nước Mỹ.

- Ý nghĩa:

- + Giải phóng Bắc Mỹ khỏi chính quyền Anh, thành lập quốc gia tư sản, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển ở Bắc Mỹ
- + Góp phần thúc đẩy cách mạng chống phong kiến ở châu Âu, phong trào đấu tranh giành độc lập ở Mỹ La – tinh

Câu 5: Trình bày vai trò của Oa – sinh – tôn trong cuộc Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (thế kỉ XVIII)

- G. Oa – sinh – tôn (1722 -1799) là chủ đồn điền – nô lệ giàu có ở Viéc – gi – ni – a; ông là đại biểu của giai cấp tư sản và địa chủ có quyền lợi mâu thuẫn với thực dân Anh.
- Trước chiến tranh, ông từng là sĩ quan quân đội, thành viên hội đồng dân biểu Viéc – gi – ni -a. là người tích cực chống chính sách của thực dân Anh đối với thuộc địa.
- Ngày 16/5/1777, tại Đại học lục địa lần thứ hai, G. Oa – sinh – tôn được bầu làm Tổng chỉ huy các lực lượng vũ trang của nghĩa quân
- Ông là người trực tiếp chỉ huy những trận đánh lớn (đặc biệt giai đoạn thứ hai của chiến tranh) đánh bại quân đội thực dân Anh.
- Năm 1789, G. Oa – sinh – tôn được bầu làm Tổng thống đầu tiên của Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Câu 6: Trình bày nội dung cơ bản của Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ năm 1776. Những điểm tiến bộ và hạn chế của tuyên ngôn này

* Nội dung cơ bản của Tuyên ngôn Độc lập.

- Tuyên ngôn độc lập đã tố cáo chế độ áp bức thuộc địa của thực dân Anh và chính thức tuyên bố 13 thuộc địa thoát khỏi chính quốc thành lập một quốc gia độc lập - Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.
- Tuyên ngôn đã công bố các quyền của con người và quyền công dân trước nhân loại: đó là quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.
- Tuyên ngôn cũng khẳng định quyền lực của giai cấp tư sản và người da trắng.
- Tuyên ngôn vẫn duy trì chế độ nô lệ và bóc lột công nhân làm thuê.

* Những ưu điểm và hạn chế của Tuyên ngôn Độc lập:

- Tiến bộ:

- + Là một văn kiện có ý nghĩa lịch sử trọng đại, có tính chất tiến bộ trong hoàn cảnh lịch sử bấy giờ: lần đầu tiên các quyền con người và quyền công dân được chính thức công bố, nguyên tắc về chủ quyền của nhân dân được đề cao quyền lợi của nhân dân được bảo vệ, đồng thời bản Tuyên ngôn đã uy hiếp chế độ quân chuyên chế.
- + Khai sinh ra một quốc gia tư sản Mỹ. Vì vậy, ngày 4/7 đã trở thành ngày quốc khánh của nước Mỹ.

- Hạn chế

+ Tuyên ngôn đã khẳng định quyền lực của giai cấp tư sản và người da trắng.

+ Vãn duy trì chế độ nô lệ và bóc lột công nhân làm thuê.

– Kết luận: Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ là bản tuyên ngôn đầu tiên trên thế giới có giá trị pháp lý cơ bản bảo đảm quyền dân tộc cho nhân dân Mỹ. Tuy có những hạn chế, nhưng với những ưu điểm và tiến bộ của nó mà trong hành trình đi tìm đường cứu nước của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tìm đến với bản Tuyên ngôn này. Đối với Việt Nam ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình Hà Nội, thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ Hồ Chủ tịch đã viết và đọc Tuyên ngôn Độc lập của nước Việt Nam, Người cũng đã trích đọc Tuyên ngôn Độc lập của nước Mỹ, một lần nữa khẳng định quyền tự do bình đẳng của nhân dân Việt Nam, đặt nước Việt Nam ngang tầm với nước Mỹ, nước Pháp.

Câu 7: Hãy nêu ý nghĩa lịch sử của Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII

- Là cuộc cách mạng dân chủ tư sản điển hình:

+ Lật đổ chế độ phong kiến cùng với những tàn dư của nó

+ Giải quyết được vấn đề dân chủ (ruộng đất cho nông dân, quyền lợi của công dân).

+ Hình thành thị trường dân tộc thống nhất mở đường cho lực lượng tư bản chủ nghĩa ở Pháp phát triển.

+ Giai cấp tư sản lãnh đạo, nhưng quần chúng quyết định tiến trình phát triển của cách mạng.

- Mở ra thời đại thắng lợi và củng cố quyền thống trị của giai cấp tư sản trên phạm vi thế giới.

Câu 8: Tại sao nói: Thời kì chuyên chính Gia – cô – banh là đỉnh cao của Cách mạng tư sản Pháp?

- Thời kì chuyên chính Gia – cô – banh là đỉnh cao của Cách mạng tư sản Pháp vì: Chính phủ Gia – cô – banh đã thực hiện nhiều chính sách, biện pháp để ổn định đời sống của nhân dân, kiên quyết chống thù trong giặc ngoài:

+ Đạo luật tháng 6/1793, trả lại ruộng đất cho nông dân.

+ Lấy ruộng đất tịch thu của quý tộc, chia thành lô nhỏ, bán cho dân nghèo trả dần trong 10 năm.

+ Các đặc quyền của chế độ phong kiến bị xóa bỏ.

+ Tháng 6/1793, Hiến pháp mới công bố thiết lập chế độ cộng hòa, xóa bỏ bất bình đẳng về đẳng cấp, công dân từ 21 tuổi trở lên được quyền bầu cử.

+ Thực hiện nhiều biện pháp kiên quyết để trấn áp lực lượng phản động trong nước.

- Những chính sách trên đã tập hợp được sức mạnh của quần chúng lao động để đánh bại thù trong, giặc ngoài.

Câu 9: Trình bày những sự kiện chứng tỏ quần chúng nhân dân là lực lượng chủ yếu thúc đẩy Cách mạng tư sản Pháp phát triển.

- Ngày 14/7/1789, gần 300 000 người chủ yếu là công nhân, thợ thủ công tự vũ trang đánh chiếm nhà tù Ba – xti – tượng trưng cho uy quyền của chế độ phong kiến chuyên chế.

- Ngày 10/8/1792, cùng với quân tình nguyện, nhân dân ở thủ đô đã khởi nghĩa. Họ tấn công cung điện Tuy – lơ – ri, nơi ở của vua Lui XVI, bắt nhà vua và hoàng hậu. Chế độ quân chủ bị lật đổ. Giai đoạn thứ

nhất của cuộc cách mạng Pháp chấm dứt. Chính quyền chuyển sang tay tư sản công, thương nghiệp. Chế độ cộng hòa được thiết lập.

- Ngày 31/5/1793, quần chúng cách mạng Pa – ri xuống đường đòi bắt và xét xử những người cầm quyền Gi – rông – đanh, cách mạng Pháp chuyển sang giai đoạn cao trào nhất – giai đoạn chuyên chính Gia – cô – banh.

Câu 10: Phân tích ảnh hưởng tích cực của Cách mạng tư sản Anh (1640), Chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ (1773), Cách mạng tư sản Pháp (1789) đối với sự phát triển của lịch sử nhân loại.

Cuộc cách mạng tư sản Anh, Bắc Mỹ, Pháp đầu thời cận đại đã góp phần thay đổi toàn bộ bộ mặt thế giới, kết quả khác nhau, song đều nhằm một mục tiêu chung là giải quyết mâu thuẫn giữa quan hệ sản xuất phong kiến lỗi thời với lực lượng sản xuất tư bản chủ nghĩa. Các cuộc cách mạng tư sản thắng lợi đã dẫn tới sự xác lập quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa – sự thắng lợi của chủ nghĩa tư bản đối với chế độ phong kiến, góp phần mở ra một thời đại mới cho lịch sử loài người.

+ Các cuộc cách mạng tư sản,... thắng lợi đã thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển, tạo ra một khối lượng đồ sộ về vật chất, khẳng định ưu thế hơn hẳn của phương thức sản xuất TBCN, mở đường cho cách mạng công nghiệp phát triển.

+ Cách mạng tư sản thành công tạo ra nền dân chủ tư sản và các thể chế nhà nước dân chủ. Đó là một bước ngoặt vĩ đại trong sự phát triển của lịch sử loài người.

+ Cách mạng tư sản Anh (1640): đã khai sinh ra chế độ tam quyền phân lập, một thể chế tiến bộ hơn hẳn quân chủ chuyên chế lỗi thời. Cách mạng tư sản Anh đồng thời là một trong những tiền đề của cách mạng công nghiệp Anh. Cách mạng công nghiệp diễn ra đầu tiên ở Anh và có ảnh hưởng ra toàn thế giới, thúc đẩy phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ, làm tiền đề cho các cuộc cách mạng tư sản bùng nổ tiếp sau/

+ Chiến tranh giành độc lập ở Bắc Mỹ (1773): Bản Tuyên ngôn Độc lập (1776), là bản tuyên ngôn nhân quyền đầu tiên trên thế giới, là mẫu hình cho các bản tuyên ngôn về quyền con người sau này. Với thắng lợi của cuộc chiến tranh giành độc lập, tinh thần dân chủ của cách mạng tư sản Bắc Mỹ đã ảnh hưởng trực tiếp đến các nước Mỹ Latinh, cổ vũ phong trào giành độc lập ở khu vực này.

+ Cách mạng tư sản Pháp (1789): Trào lưu tư tưởng Triết học Ánh sáng của Cách mạng tư sản Pháp không chỉ là bó đuốc soi đường cho nhân dân pháp mà cho nhân dân toàn thế giới, làm cho thế kỉ XVIII đi vào lịch sử với tên gọi “thế kỉ ánh sáng” . Cách mạng tư sản Pháp năm 1789 là cuộc cách mạng tư sản triệt để nhất trong các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại, để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý giá, góp phần thúc đẩy phong trào cách mạng ở các nước châu Âu phát triển trong thế kỉ XIX.

Câu 11: Nhiệm vụ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII đã giải quyết triệt để những nhiệm vụ đó như thế nào? Những nhân tố nào đã tạo ra sự triệt để đó?

a, Nhiệm vụ các cuộc cách mạng tư sản thời cận đại:

- Cách mạng tư sản dù diễn ra dưới hình thức nào thì về căn bản vẫn thực hiện hai nhiệm vụ cơ bản: dân tộc và dân chủ:

+ Nhiệm vụ dân tộc nhằm xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ , thống nhất thị trường hoặc giải phóng dân tộc. Tuy nhiên , nhiệm vụ dân tộc hay dân chủ được thể hiện khác nhau trong mỗi cuộc cách mạng tùy theo hoàn cảnh cụ thể của mỗi nước.

+ Nhiệm vụ dân chủ được thể hiện ở việc xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế , xác lập nền dân chủ tư sản với việc thành lập nhà nước Cộng hòa tự sản (hay quân chủ lập hiến) và ban bố các quyền tự do dân chủ tư sản , mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển. Vấn đề ruộng đất là nội dung cơ bản của cách mạng tư sản và tùy theo mức độ, kết quả của việc giải quyết yêu cầu này mà đánh giá tính triệt để của cách mạng tư sản.

b. Cách mạng tư sản Pháp cuối thế kỉ XVIII đã giải quyết những nhiệm vụ trên:

- Cuộc Cách mạng tư sản Pháp đã thực hiện được đầy đủ các nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản, đó là nhiệm vụ dân tộc và dân chủ. Cụ thể:

+ Cách mạng tư sản Pháp đã lật đổ được chế độ phong kiến , thủ tiêu chế độ quân chủ chuyên chế , tấn công cung điện nhà vua , bắt và xử tử vua Lu - i XVI , tuyên bố thành lập nền cộng hòa ở nước Pháp. Các đặc quyền và phụ thu phong kiến bị xóa bỏ hoàn toàn và vĩnh viễn ...

+ Tuyên bố xác lập chế độ tư bản cùng các quyền tự do, dân chủ, xóa bỏ chế độ đẳng cấp, thể hiện qua bản Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền ...

+ Thống nhất thị trường , mở đường cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển.

+ Xóa bỏ quyền sở hữu ruộng đất phong kiến, giải quyết ruộng đất cho nhân dân , nhất là dưới thời kì chuyên chính Gia - cô - banh đã giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân ..

+ Cách mạng tư sản Pháp ngoài việc thực hiện những nhiệm vụ dân chủ triệt để còn thực hiện nhiệm vụ dân tộc, đã đánh bại các thế lực phong kiến phản động ở châu Âu và nước Anh tư sản, bảo vệ Tổ quốc, thành quả cách mạng.

c, Nguyên nhân:

- Cách mạng tư sản Pháp diễn ra vào cuối thế kỉ XVIII sau các cuộc cách mạng tư sản Hà Lan, Anh, Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ nên đã học hỏi được nhiều kinh nghiệm từ các cuộc cách mạng tư sản nổ ra trước đó.

- Trước khi cách mạng bùng nổ, ở Pháp diễn ra cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng hết sức quyết liệt - trào lưu Triết học Ánh sáng. Tư tưởng và quan điểm của các nhà khai sáng có ý nghĩa tiến bộ. Nó góp phần trang bị cho giai cấp tư sản và quần chúng nhân dân Pháp tư tưởng mới, nhằm ngòi và định hướng cho sự phát triển đi lên của cách mạng.

- Trong quá trình diễn ra , cách mạng xuất hiện thêm nhiệm vụ chống ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Tình thế cấp bách đó đã trở thành động lực để cách mạng tư sản Pháp phát triển đến đỉnh cao.

Quần chúng nhân dân có tinh thần cách mạng cao. Chính cuộc đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng nhân dân Pháp đã từng bước đưa cuộc cách mạng tiến lên đạt đến đỉnh cao và thực hiện triệt để những nhiệm vụ của một cuộc cách mạng tư sản.

- Giai cấp tư sản Pháp đủ mạnh nên đủ sức để nắm độc quyền lãnh đạo cách mạng: Trong thành phần cuộc Cách mạng tư sản Pháp, lãnh đạo chỉ có giai cấp tư sản (gồm đại tư sản, tư sản công thương, tư sản vừa và nhỏ), không hề có thành phần quý tộc mới nên khi tiến hành cách mạng giai cấp tư sản đoạn tuyệt hẳn với chế độ phong kiến, xóa bỏ triệt để những tàn tích của chế độ phong kiến.

Câu 12: Nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản là gì? Thế nào là một cuộc cách mạng tư sản triệt để, không triệt để? Lấy ví dụ để minh họa.

a. Nhiệm vụ của các cuộc cách mạng tư sản là gì?

- Cách mạng tư sản dù diễn ra dưới bất kỳ hình thức nào thì về căn bản vẫn thực hiện hai nhiệm vụ quan trọng là: dân tộc và dân chủ.

+ Nhiệm vụ dân tộc: Xóa bỏ tình trạng phong kiến cát cứ, thống nhất thị trường hoặc giải phóng dân tộc. Tuy nhiên nhiệm vụ dân tộc hay dân chủ được thể hiện khác nhau trong mỗi cuộc cách mạng, tùy theo hoàn cảnh cụ thể ở mỗi nước.

+ Nhiệm vụ dân chủ: Xóa bỏ chế độ phong kiến chuyên chế, xác lập nền dân chủ tư sản với việc thành lập nhà nước cộng hòa tư sản, ban bố các quyền tự do dân chủ, mở đường cho CNTB phát triển. Vấn đề ruộng đất là nội dung cơ bản của nhiệm vụ dân chủ, tùy theo mức độ, kết quả đạt được của việc giải quyết yêu cầu này để đánh giá tính triệt để của cách mạng tư sản.

b. Cuộc cách mạng tư sản triệt để là:

- Cuộc cách mạng đã giải quyết triệt để nhiệm vụ của nó, xóa bỏ mọi tàn tích phong kiến, thống nhất thị trường, bảo vệ nền độc lập dân tộc, xác lập nền dân chủ tư sản, giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất cho nông dân, ban bố các quyền tự do dân chủ.

* Ví dụ:

- Cách mạng tư sản Pháp mà đỉnh cao là nền chuyên chính dân chủ cách mạng Gia - cô - banh, đã hoàn thành đầy đủ nhiệm vụ của cuộc cách mạng dân chủ tư sản, xóa bỏ tận gốc chế độ phong kiến và tàn dư của nó, giải phóng người nông dân, vấn đề ruộng đất được giải quyết thỏa đáng, xóa bỏ mọi nghĩa vụ phong kiến, quy định giá tối đa.

- Giai cấp lãnh đạo không có sự thỏa hiệp, không chia sẻ với quý tộc phong kiến. Cách mạng đã giải quyết được những vấn đề hết sức tiến bộ, từ thấp đến cao; từ chế độ quân chủ chuyên chế lên chế độ lập hiến và sau đó là nền cộng hòa.

- Trong hệ tư tưởng cách mạng, xuất hiện trào lưu Triết học Ánh sáng đối lập hoàn toàn với hệ tư tưởng phong kiến, vương quyền và thần quyền.

- Hình thành quốc gia dân tộc, thị trường thống nhất, tạo điều kiện cho sự phát triển của CNTB.

c. Cuộc cách mạng tư sản không triệt để: là cuộc cách mạng chưa giải quyết triệt để nhiệm vụ, chưa xóa bỏ hoàn toàn chế độ phong kiến và tàn dư của nó, hoặc chưa hoàn toàn thống nhất thị trường dân tộc, mới

chỉ xác lập được nền dân chủ tư sản ở mức độ nhất định, chưa giải quyết triệt để quyền lợi cho nhân dân, đặc biệt là vấn đề ruộng đất cho nông dân ...

* Ví dụ: Cách mạng tư sản Anh chưa giải quyết triệt để những nhiệm vụ của nó. Sau cách mạng nước Anh thiết lập nền quân chủ lập hiến, các tàn tích của xã hội phong kiến vẫn còn tồn tại, vấn đề ruộng đất cho nông chưa được giải quyết.

CHỦ ĐỀ 2: CÁC NƯỚC ÂU, MỸ
(TỪ ĐẦU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

Mục tiêu

❖ **Kiến thức**

- + Nêu được những nét chính về cuộc cách mạng công nghiệp.
- + Trình bày được các cuộc đấu tranh hoàn thành cách mạng tư sản.
- + Khái quát được tình hình các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.
- + So sánh được tình hình các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX.

❖ **Kĩ năng**

- + Rèn luyện kĩ năng sử dụng, khai thác tranh ảnh, bảng số liệu.
- + Rèn luyện kĩ năng phân tích, khái quát, đánh giá các sự kiện lịch sử.
- + So sánh các vấn đề lịch sử.

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

CÁC MẠNG CÔNG NGHIỆP

1. Tiền đề

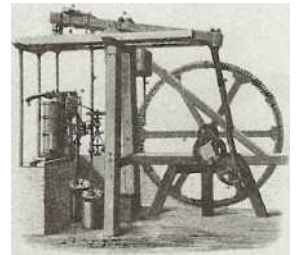
- Tư bản: Giai cấp tư sản, quý tộc tư sản hóa tích lũy được lượng tiền khổng lồ để đầu tư phát triển công nghiệp.
- Nhân công: Nguồn nhân công dồi dào để tiến hành sản xuất công nghiệp quy mô lớn.
- Kỹ thuật: Trình độ tổ chức sản xuất cao, có những công nhân lành nghề...

2. Thời gian

- Từ cuối thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX.

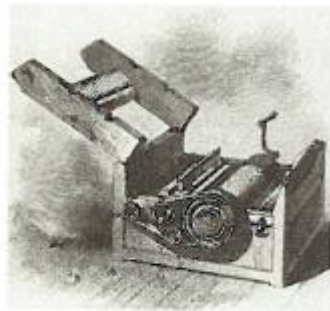
3. Phạm vi

- Bắt đầu từ nước Anh với một loạt các phát minh
 - + Máy kéo sợi Gien-ni (1764).
 - + Máy kéo sợi chạy bằng sức nước (1769).
 - + Máy hơi nước (1784).
 - + Máy dệt (1785).

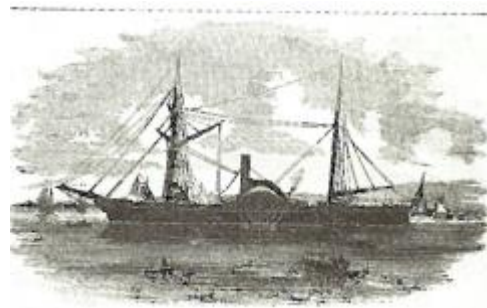


Máy hơi nước

- Lan sang nhiều nước châu Âu và Bắc Mỹ.



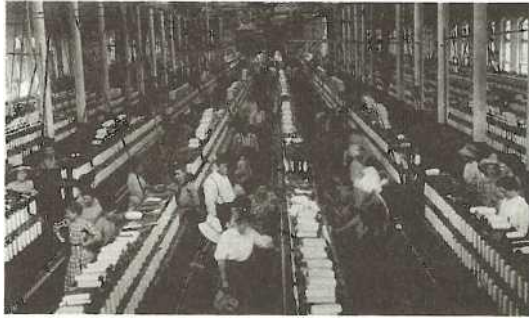
Máy tách hạt bông



Tàu thủy Phơ - tơ

4. Hệ quả

- Kinh tế:
 - + Làm thay đổi bộ mặt các nước tư bản.
 - + Làm thay đổi căn bản quá trình sản xuất (chuyển từ sản xuất thủ công sang sản xuất bằng máy móc).
 - Nâng cao năng suất lao động.
 - Tạo ra nguồn của cải xã hội dồi dào
- Xã hội:
 - + Hình thành hai giai cấp cơ bản là tư sản và vô sản công nghiệp.
 - + Làm gia tăng khoảng cách giàu nghèo, thúc đẩy mâu thuẫn xã hội phát triển gay gắt.



Nhà máy bông ở Mỹ

HOÀN THÀNH CÁCH MẠNG TƯ SẢN Ở CHÂU ÂU VÀ MỸ GIỮA THẾ KỈ XIX

1. Cuộc đấu tranh thống nhất nước Đức

- Nguyên nhân:
 - + Kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển ở Đức.
 - Phải thống nhất đất nước.
 - + Tham vọng Phổ hóa nước Đức của quý tộc luncơ.
- Diễn biến: Quá trình thống nhất nước Đức được thực hiện “từ trên xuống dưới” thông qua các cuộc chiến tranh.
 - + Chiến tranh với Đan Mạch (1864).
 - + Chiến tranh với Áo (1866).
 - + Chiến tranh với Pháp (1870 – 1871).
- Ý nghĩa:
 - + Đã thống nhất được thị trường dân tộc, mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển → Thuộc phạm trù cách mạng tư sản.
 - + Góp phần hoàn thành việc xác lập sự thắng lợi của CNTB trên thế giới.
 - + Là nguồn gốc của chủ nghĩa quân phiệt, biến nước Đức thành lò lửa của các cuộc chiến tranh thế giới sau này.

2. Nội chiến ở Mỹ

- Nguyên nhân:
 - + Sự tồn tại của chế độ nô lệ ở miền Nam đã cản trở kinh tế phát triển.
 - + Lin – côn - ưng viên của Đảng Cộng hòa trúng cử Tổng thống, chủ trương xóa bỏ chế độ nô lệ.
 - Đe dọa quyền lợi của chủ nô miền Nam.
 - 11 bang miền Nam tuyên bố tách khỏi liên bang, thành lập Hiệp bang riêng. Nội chiến bùng nổ.
- Diễn biến:
 - + Năm 1862, Tổng thống kí sắc lệnh cấp đất ở miền Tây cho dân di cư.
 - + Ngày 1/1/1863, sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ được ban hành.
 - Nô lệ được giải phóng, gia nhập quân đội Chính phủ Liên bang.
 - + Ngày 9/4/1865, quân đội Liên bang giành thắng lợi quyết định. Quân đội Hiệp bang phải đầu hàng. Nội chiến kết thúc.

- Ý nghĩa:
 - + Là cuộc cách mạng giải phóng xã hội sau cuộc chiến tranh giành độc lập.
 - + Mở đường cho chủ nghĩa tư bản phát triển.
- Tạo điều kiện để Mĩ vươn lên đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp.

CÁC NƯỚC ANH, PHÁP, ĐỨC, MĨ CUỐI THẾ KỈ XIX – ĐẦU THẾ KỈ XX

	KINH TẾ	CHÍNH TRỊ
ANH	- Sản xuất công nghiệp phát triển chậm lại, tụt xuống thứ 3 thế giới. → Nguyên nhân: + Sự lạc hậu về kĩ thuật. + Giai cấp tư sản chú trọng đầu tư vào thuộc địa. - Xuất hiện của các tổ chức độc quyền lũng đoạn kinh tế → Chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc.	- Đối nội: + Theo chế độ đại nghị. + Hai đảng Tự do và Bảo thủ thay nhau cầm quyền. - Đối ngoại: + Đẩy mạnh xâm lược thuộc địa. → Diện tích thuộc địa lớn nhất trên thế giới. → <i>Chủ nghĩa đế quốc thực dân.</i>
PHÁP	- Nhịp độ phát triển công nghiệp giảm, tụt xuống hàng thứ 4 thế giới. → Nguyên nhân: + Hậu quả của chiến tranh Pháp - Phổ (1870-1871). + Giai cấp tư sản Pháp chú trọng xuất khẩu tư bản ra nước ngoài hơn đầu tư sản xuất trong nước. + Sự lạc hậu về kĩ thuật. - Xuất hiện các tổ chức độc quyền tập trung cao trong lĩnh vực ngân hàng. Xuất khẩu tư bản dưới hình thức cho vay lãi. → <i>Chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.</i>	- Đối nội: Đang ở trong nền Cộng hòa thứ ba, nhưng chính trị thường xuyên khủng hoảng. - Đối ngoại: + Phá thế bao vây của Đức. + Đẩy mạnh xâm lược thuộc địa.
ĐỨC	- Vươn lên đứng đầu châu Âu, thứ hai thế giới về sản xuất công nghiệp. → Nguyên nhân: + Thị trường dân tộc đã được thống nhất. + Tác động của chiến tranh Pháp - Phổ (1870-1871).	- Đối nội: + Tổ chức theo mô hình liên bang. + Nền quân chủ nửa chuyên chế khoác áo đại nghị. - Đối ngoại: Công khai đòi dùng vũ lực chia lại thế giới.

	+ Tận dụng những thành tựu kỹ thuật của các nước đi trước. + Nguồn nhân lực dồi dào. - Quá trình tập trung sản xuất và hình thành các tổ chức độc quyền diễn ra sớm hơn các nước châu Âu khác.	→ <i>Chủ nghĩa đế quốc quân phiệt, hiếu chiến.</i>
Mĩ	- Vươn lên đứng đầu thế giới về sản xuất công nghiệp. → Nguyên nhân: + Nội chiến đã giải phóng sức lao động nô lệ. + Tài nguyên phong phú, thị trường rộng lớn, nhân công dồi dào. + Áp dụng các thành tựu kỹ thuật hiện đại. - Hình thành các tư-rót khổng lồ khi chuyển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc. → <i>Đế quốc của những ông vua công nghiệp.</i>	- Đối nội: Theo chế độ cộng hòa tổng thống, phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản - Đối ngoại: + Can thiệp vào khu vực Mỹ Latinh bằng đô la và sức mạnh quân sự. + Mở rộng ảnh hưởng sang phía đông Thái Bình Dương.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Quốc gia nào tiến hành cách mạng công nghiệp đầu tiên trên thế giới?

- A. Anh B. Pháp. C. Đức. D. Mĩ.

Câu 2: Yếu tố nào đã tạo ra những điều kiện thuận lợi cho nước Anh đẩy mạnh sản xuất, tiến hành cách mạng công nghiệp?

- A. Anh có hệ thống thuộc địa rộng lớn. B. Có nền kinh tế phát triển nhất châu Âu.
C. Cách mạng tư sản Anh nổ ra sớm. D. Anh có ngành công nghiệp dệt phát triển.

Câu 3: Điều kiện cần và đủ để nước Anh tiến hành cách mạng công nghiệp là

- A. tư bản, nhân công và kỹ thuật. B. giai cấp tư sản có thế lực về kinh tế.
C. sự đầu tư của nhà nước phong kiến. D. sự ra đời của động cơ hơi nước.

Câu 4: Cách mạng công nghiệp Anh bắt đầu từ thời gian nào?

- A. Từ những năm đầu của thế kỷ XVII. B. Từ những năm 60 của thế kỷ XVII.
C. Từ những năm đầu của thế kỷ XVIII. D. Từ những năm 60 của thế kỷ XVIII.

Câu 5: Những phát minh kỹ thuật đầu tiên của nước Anh trong nửa sau thế kỷ XVIII xuất hiện đầu tiên trong

- A. công nghiệp khai mỏ. B. ngành công nghiệp dệt.
C. ngành nông nghiệp. D. ngành giao thông vận tải.

Câu 6: Năm 1784, máy hơi nước do Giêm Oát phát minh được đưa vào sử dụng đã đem lại nhiều tác động tích cực, ngoại trừ

- A. làm giảm sức lao động cơ bắp của con người.

- B. khởi đầu quá trình công nghiệp hóa ở nước Anh.
- C. tốc độ sản xuất và năng suất lao động tăng cao.
- D. biến nước Anh thành “công xưởng của thế giới”.

Câu 7: Dưới tác động của cách mạng công nghiệp, nước Anh đã

- A. trở thành siêu cường kinh tế, tài chính của thế giới.
- B. hình thành nhiều trung tâm công nghiệp và thành thị.
- C. đủ điều kiện để tiến hành cách mạng khoa học kỹ thuật.
- D. trở thành nước xuất khẩu tư bản lớn nhất thế giới.

Câu 8: Đến giữa thế kỷ XIX, nước Anh được mệnh danh là

- A. “đầu tàu của kinh tế thế giới”.
- B. “công xưởng của thế giới”.
- C. “trung tâm của thế giới”.
- D. nước công nghiệp mới.

Câu 9: Cách mạng công nghiệp đã đem lại hệ quả gì về mặt xã hội đối với các nước tư bản?

- A. Nhiều trung tâm công nghiệp mới và thành thị đông dân xuất hiện.
- B. Thúc đẩy sự phát triển của hai ngành nông nghiệp và giao thông.
- C. Tốc độ sản xuất và năng suất lao động các ngành được nâng cao.
- D. Hình thành hai giai cấp cơ bản của xã hội tư bản: tư sản và vô sản.

Câu 10: Vì sao cách mạng công nghiệp làm cho giai cấp vô sản ngày càng trở nên đông đảo?

- A. Do bị giai cấp tư sản áp bức, bóc lột nên họ cần tập hợp lực lượng để tự vệ.
- B. Quá trình cơ giới hóa nông nghiệp làm nông dân trở thành giai cấp vô sản.
- C. Giai cấp nông dân muốn tìm kiếm cơ hội việc làm tốt hơn ở các thành phố.
- D. Cần có nhiều lao động sử dụng các loại máy móc mới được phát minh.

Câu 11: Cách mạng công nghiệp thế kỷ XVIII-XIX thực chất là quá trình

- A. chuyển từ sản xuất nhỏ thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc.
- B. hình thành hai giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.
- C. công nghiệp hóa, hiện đại hóa của các nước tư bản chủ nghĩa.
- D. hình thành các tổ chức độc quyền và xuất khẩu tư bản của châu Âu.

Câu 12: Dưới tác động của cách mạng công nghiệp, mâu thuẫn chủ yếu của xã hội tư bản là

- A. mâu thuẫn dân tộc và giai cấp.
- B. mâu thuẫn giữa nông dân với địa chủ.
- C. mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản.
- D. mâu thuẫn sắc tộc, đảng phái.

Câu 13: Sự chuyển biến nổi bật về kinh tế của nước Đức đến giữa thế kỷ XIX là gì?

- A. Quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa xuất hiện.
- B. Nước Đức trở thành “công xưởng của thế giới”.
- C. Từ nước nông nghiệp trở thành nước công nghiệp.
- D. Trở thành nước công nghiệp phát triển nhất châu Âu.

Câu 14: Tầng lớp Gioongke mới ra đời ở Đức khoảng giữa thế kỷ XIX có nguồn gốc từ

- A. giai cấp nông dân bị phá sản phải làm thuê cho tư sản.
- B. quý tộc địa chủ chuyển sang kinh doanh theo lối tư bản.
- C. tầng lớp nông nô trong lãnh địa đã chuộc được thân phận.
- D. giai cấp tư sản mới giàu lên từ cách mạng công nghiệp.

Câu 15: Đến giữa thế kỉ XIX, trở ngại lớn nhất đặt ra cho sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa ở Đức là

- A. Đức bị Pháp khống chế, chiếm đóng. B. Đức bị chia xẻ thành nhiều vương quốc.
C. thất bại trong cuộc chiến tranh Pháp- Phổ. D. giai cấp tư sản Đức có thế lực kinh tế yếu.

Câu 16: Lực lượng nào đứng ra lãnh đạo quá trình thống nhất nước Đức giữa thế kỉ XIX?

- A. Giai cấp tư sản. B. Giai cấp vô sản. C. Tư sản và vô sản. D. Quý tộc tư sản hóa.

Câu 17: Quá trình thống nhất nước Đức diễn ra dưới hình thức nào?

- A. Dùng vũ lực để thống nhất “từ trên xuống”. B. Thương lượng để thống nhất “từ trên xuống”.
C. Dùng vũ lực để thống nhất “từ dưới lên”. D. Thương lượng để thống nhất “từ dưới lên”.

Câu 18: Sự kiện nào đánh dấu công cuộc thống nhất nước Đức hoàn thành?

- A. Sau thắng lợi quân sự, Liên bang Bắc Đức được thành lập (1867).
B. Liên bang Bắc Đức được thành lập, thông qua Hiến pháp Đức (1867).
C. Thắng lợi của Phổ trong cuộc chiến tranh Pháp - Phổ (1870 - 1871).
D. Thành lập Đế chế Đức, ban hành Hiến pháp mới của Đức (1871).

Câu 19: Việc thống nhất nước Đức giữa thế kỉ XIX mang tính chất

- A. một cuộc cách mạng tư sản. B. chiến tranh giải phóng dân tộc.
C. một cuộc cách mạng vô sản. D. một cuộc chiến tranh xâm lược.

Câu 20: Vì sao sau cuộc chiến tranh giành độc lập của các thuộc địa Anh ở Bắc Mỹ, nhiệm vụ của cách mạng tư sản chưa hoàn thành?

- A. Chưa lật đổ được chế độ phong kiến. B. Chưa xóa bỏ hoàn toàn ách thống trị của Anh.
C. Chế độ nô lệ vẫn được duy trì ở miền Nam. D. Thị trường dân tộc vẫn chưa được thống nhất.

Câu 21: Đến giữa thế kỉ XIX, nền kinh tế Mỹ có điểm gì nổi bật?

- A. Kinh tế công thương nghiệp phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.
B. Có sự xuất hiện mầm mống quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa.
C. Miền Bắc và miền Nam phát triển theo hai con đường khác nhau.
D. Tây, Bắc, Đông, Nam phát triển theo các con đường khác nhau.

Câu 22: Đến giữa thế kỉ XIX, nền kinh tế công nghiệp tư bản chủ nghĩa ở Bắc Mỹ phát triển mạnh mẽ đặt ra một yêu cầu

- A. thủ tiêu chế độ nô lệ ở miền Nam, giải phóng sức lao động.
B. thống nhất hai miền Nam, Bắc để thống nhất thị trường.
C. tiến hành bầu cử tổng thống mới công bằng, dân chủ.
D. cải cách Hiến pháp năm 1787 của nước Mỹ cho phù hợp.

Câu 23: Cuộc nội chiến ở Mỹ (1861- 1865) diễn ra giữa các thế lực

- A. giai cấp tư sản ở miền Nam chống lại chế độ nô lệ miền Bắc.
B. giai cấp tư sản ở miền Bắc chống lại chế độ nô lệ miền Nam.
C. giai cấp phong kiến miền Nam chống lại chế độ nô lệ miền Bắc.
D. giai cấp phong kiến miền Bắc chống lại chế độ nô lệ miền Nam.

Câu 24: Nguyên nhân trực tiếp của cuộc nội chiến ở nước Mỹ (1861 - 1865) là

- A. đại diện của Đảng Dân chủ trúng cử tổng thống năm 1860.
B. đại diện của Đảng Cộng hòa trúng cử tổng thống năm 1860.
C. chủ trại miền Bắc muốn khai khẩn những vùng đất mới phía tây.

D. chủ nô miền Nam muốn khai khẩn những vùng đất mới phía tây.

Câu 25: Trong cuộc nội chiến ở nước Mĩ (1861 - 1865), sự kiện nào đã tăng cường sức mạnh cho quân đội Liên bang?

A. Tổng thống Lin-côn chủ trương bãi bỏ chế độ nô lệ.

B. Tổng thống Lin-côn kí sắc lệnh cấp đất miền Tây cho dân di cư.

C. Tổng thống Lin-côn ban hành sắc lệnh bãi bỏ chế độ nô lệ.

D. Quân đội Liên bang thắng lợi trong cuộc tấn công Hiệp bang.

Câu 26: Xét về tính chất, cuộc nội chiến (1861 - 1865) của nước Mĩ còn được gọi là

A. cuộc chiến tranh giành độc lập.

B. cách mạng tư sản lần thứ nhất.

C. cách mạng tư sản lần thứ hai.

D. công cuộc thống nhất đất nước.

Câu 27: Chiến tranh giành độc lập của 13 thuộc địa Anh (cuối thế kỉ XVIII) và cuộc nội chiến (1861-1865) của Mĩ khác nhau về

A. mục đích cuối cùng.

B. động lực cách mạng.

C. hình thức diễn ra.

D. tính chất cách mạng.

Câu 28: Những phát hiện về hiện tượng phóng xạ của nhà bác học Pháp Hăng-ri Béc-cơ-ren, Pi-e Quy-ri và Ma-ri Quy-ri đã đặt nền tảng cho việc

A. tìm kiếm nguồn năng lượng hạt nhân.

B. tìm hiểu cấu trúc bên trong của nguyên tử.

C. giúp y học chẩn đoán chính xác bệnh tật.

D. nghiên cứu về hoạt động của hệ thần kinh.

Câu 29: Học thuyết của Đác-uyn (Anh) đề cập đến vấn đề gì?

A. Hoạt động của các tế bào.

B. Hoạt động của hệ thần kinh cấp cao.

C. Biến dị và di truyền.

D. Sự tiến hóa và di truyền.

Câu 30: Định luật tuần hoàn của nhà bác học Nga Men-đe-lê-ép đã

A. đặt nền móng cho việc nghiên cứu hạt nhân.

B. đặt cơ sở cho sự phân hạng các nguyên tố hóa học.

C. tạo cơ sở để tìm ra những vật liệu mới.

D. tạo cơ sở để tìm ra những nguồn năng lượng mới.

Câu 31: Công trình nghiên cứu của nhà bác học E. Rodopho là một bước tiến vĩ đại trong việc tìm hiểu về

A. cấu trúc vật chất.

B. cấu trúc ADN.

C. cấu trúc phân tử.

D. cấu trúc tế bào.

Câu 32: Năm 1903 đánh dấu sự kiện lịch sử gì trong lĩnh vực giao thông vận tải?

A. Xuất hiện ô tô đầu tiên trên thế giới.

B. Xuất hiện máy bay đầu tiên trên thế giới.

C. Xuất hiện tàu thủy đầu tiên trên thế giới.

D. Xuất hiện tàu hỏa đầu tiên trên thế giới.

Câu 33: Nhờ phát minh nào ở cuối thế kỉ XIX, xe ô tô được đưa vào sử dụng?

A. Động cơ hơi nước.

B. Kỹ thuật luyện kim.

C. Phát minh ra điện.

D. Động cơ đốt trong.

Câu 34: Nhân tố nào đã làm thay đổi cơ bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX?

A. Việc phát minh và sử dụng máy hơi nước.

B. Việc phát minh ra điện và sử dụng điện.

C. Việc phát minh và sử dụng động cơ đốt trong.

D. Những tiến bộ về khoa học - kỹ thuật.

Câu 35: Điểm tương đồng về hệ quả của cuộc cách mạng công nghiệp (cuối thế kỉ XVIII đến giữa thế kỉ XIX) và tiến bộ khoa học - kĩ thuật (cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX) đối với các nước tư bản là

- A. thúc đẩy nông nghiệp và giao thông vận tải phát triển.
- B. hình thành giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp.
- C. chuyển từ sản xuất thủ công sang sản xuất lớn bằng máy móc.
- D. đưa loài người chuyển sang một nền văn minh mới - văn minh trí tuệ.

Câu 36: Đầu thập niên 70 của thế kỉ XIX, nền công nghiệp Anh đứng thứ mấy thế giới?

- A. Thứ nhất.
- B. Thứ hai.
- C. Thứ ba.
- D. Thứ tư.

Câu 37: Cuối thập niên 70 của thế kỉ XIX, nước Anh mất dần địa vị độc quyền về

- A. công nghiệp.
- B. nông nghiệp.
- C. thương nghiệp.
- D. ngân hàng.

Câu 38: Cuối thập niên 70 của thế kỉ XIX, các nước tư bản phát triển sau nhưng vượt qua nước Anh là

- A. Pháp và Đức.
- B. Mỹ và Đức.
- C. Mỹ và Nhật.
- D. Đức và Nhật.

Câu 39: Trước năm 1870, so với các nước trên thế giới, sản xuất công nghiệp Pháp chỉ đứng sau nước

- A. Đức.
- B. Mỹ.
- C. Anh.
- D. Nhật.

Câu 40: Chủ nghĩa đế quốc Pháp có đặc điểm là

- A. chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
- B. chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- C. chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến.
- D. chủ nghĩa đế quốc phong kiến.

Câu 41: Cuối thế kỉ XIX, nền kinh tế nước Đức phát triển với tốc độ mau lẹ sau khi

- A. xóa bỏ chế độ nô lệ.
- B. đất nước được thống nhất.
- C. đất nước giành độc lập.
- D. tiến hành cải cách kinh tế.

Câu 42: Đầu thế kỉ XX, Đức đứng đầu châu Âu, đứng thứ hai trên thế giới (sau Mỹ) về

- A. nông nghiệp.
- B. thương nghiệp.
- C. công nghiệp.
- D. tài chính.

Câu 43: Đầu thế kỉ XX, hình thức độc quyền nào phổ biến ở nước Đức?

- A. Các-ten và tơ-rót.
- B. Xanh-đi-ca và tơ-rót.
- C. Tơ-rót và các-ten.
- D. Các-ten và xanh-đi-ca.

Câu 44: Cuối thế kỉ XIX, Mỹ vươn lên hàng đầu thế giới về

- A. công nghiệp.
- B. nông nghiệp.
- C. thương nghiệp.
- D. ngân hàng.

Câu 45: Trong sản xuất nông nghiệp, Mỹ trở thành vựa lúa và là nơi cung cấp thực phẩm cho

- A. châu Á.
- B. châu Âu.
- C. châu Phi.
- D. châu Mỹ.

Câu 46: Hình thức độc quyền cao và phổ biến ở Mỹ cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là

- A. các-ten.
- B. xanh-đi-ca.
- C. tơ-rót.
- D. Stan-đa.

Câu 47: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến công nghiệp Anh giảm sút so với Đức, Mỹ từ cuối thập niên 70 của thế kỉ XX là

- A. giới cầm quyền chỉ tập trung đầu tư tư bản vào thuộc địa.
- B. giới cầm quyền chỉ tập quan tâm tư đến việc cho vay nặng lãi.
- C. giới cầm quyền chỉ tập trung vào việc mở rộng hệ thống thuộc địa.
- D. máy móc xuất hiện sớm, cũ kĩ nên việc hiện đại hóa rất tốn kém.

Câu 48: Cuối thế kỉ XIX, tuy vai trò bá chủ thế giới về công nghiệp bị giảm sút, Anh vẫn đứng đầu thế giới trong nhiều lĩnh vực, ngoại trừ

- A. Tài chính.
- B. xuất khẩu tư bản.
- C. hải quân.
- D. nông nghiệp.

Câu 49: Đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa đế quốc Anh là

- A. chủ nghĩa đế quốc cho vay lãi.
- B. chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- C. chủ nghĩa đế quốc phong kiến quân phiệt.
- D. chủ nghĩa đế quốc quân phiệt hiếu chiến.

Câu 50: Vì sao từ cuối thập niên 70 của thế kỉ XIX, nhịp độ phát triển công nghiệp ở Pháp chậm lại?

- A. Máy móc quá cũ kĩ, không thể hiện đại hóa vì tốn kém.
- B. Giới cầm quyền chỉ tập trung vào việc mở rộng thuộc địa.
- C. Bồi thường chiến phí sau thất bại trong chiến tranh Pháp - Phổ.
- D. Giới cầm quyền chỉ tập trung vào chạy đua vũ trang với Phổ.

Câu 51: Nội dung nào phản ánh **không** chính xác về nông nghiệp của nước Pháp cuối thế kỉ XIX?

- A. Nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong kinh tế.
- B. Sử dụng máy móc và phương thức canh tác hiện đại.
- C. Phần đông dân cư sống chủ yếu bằng nghề nông.
- D. Không sử dụng máy móc và kĩ thuật canh tác mới.

Câu 52: Điểm nổi bật trong các tổ chức độc quyền của Pháp cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX là

- A. tổ chức độc quyền ra đời sớm nhất châu Âu.
- B. sự tập trung ngân hàng đạt mức cao.
- C. các nhà tư bản lớn liên minh thành tơ-rôt.
- D. các nhà tư bản lớn liên minh thành các-ten.

Câu 53: Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân ngành công nghiệp Đức có sự phát triển mau lẹ ở đầu thế kỉ XX?

- A. Tài nguyên thiên nhiên dồi dào.
- B. Được bồi thường từ chiến tranh.
- C. Tiếp thu thành tựu kĩ thuật các nước.
- D. Có hệ thống thuộc địa rộng lớn.

Câu 54: Tại sao nền nông nghiệp Đức vẫn phát triển chậm chạp ở đầu thế kỉ XX?

- A. Việc tiến hành cách mạng tư sản không triệt để.
- B. Nhà nước chỉ chú trọng phát triển công nghiệp.
- C. Điều kiện tự nhiên không thuận lợi cho sản xuất.
- D. Chưa sử dụng máy móc, kĩ thuật canh tác mới.

Câu 55: Nhận xét nào đúng khi nói về đặc điểm của đế quốc Đức cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX?

- A. Chủ nghĩa quân phiệt hiếu chiến.
- B. Chủ nghĩa đế quốc thực dân.
- C. Chủ nghĩa đế quốc phong kiến.
- D. Chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi.

Câu 56: Ý nào phản ánh **không** đúng nguyên nhân làm cho nền kinh tế Mỹ phát triển vượt bậc đầu thế kỉ XX?

- A. Giàu tài nguyên khoáng sản.
- B. Thị trường dân tộc được thống nhất.
- C. Nguồn lao động dồi dào, tay nghề cao.
- D. Tiếp thu thành tựu khoa học - kĩ thuật mới.

Câu 57: Một trong những điểm giống nhau giữa các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX là

- A. đều có hệ thống thuộc địa rộng lớn.
- B. đều hình thành các công ti độc quyền.
- C. máy móc thiết bị đều lâu đời, lạc hậu.
- D. đều tập trung cho vay nặng lãi.

Câu 58: Từ công cuộc thống nhất nước Đức cuối thế kỉ XIX, rút ra bài học gì cho sự phát triển đất nước Việt Nam?

A. Chú trọng khoa học kĩ thuật.

B. Tập trung phát triển kinh tế tư bản.

C. Thống nhất đất nước để phát triển.

D. Đề cao sức mạnh của giới cầm quyền.

Câu 59: Mâu thuẫn sâu sắc nhất giữa các đế quốc “trẻ” (Đức, Mỹ) với các đế quốc “già” (Anh, Pháp) là về

A. sự phát triển kinh tế giữa các đế quốc không đồng đều.

B. phân chia thị trường và thuộc địa của các đế quốc không đều.

C. sự phát triển về chính trị giữa các đế quốc không đồng đều.

D. sự hình thành các công ti độc quyền không đồng đều.

Câu 60: Chuyển biến về kinh tế và chính trị của các nước Anh, Pháp, Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX phản ánh

A. sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản.

B. sự phát triển nhảy vọt của các nước tư bản.

C. sự khủng hoảng, suy thoái của các nước tư bản.

D. sự phát triển đồng đều của chủ nghĩa tư bản.

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao nước Anh là nước khởi đầu trong cách mạng công nghiệp? Việc tiến hành cách mạng công nghiệp đã dẫn đến những thay đổi gì về kinh tế, chính trị và xã hội ở nước Anh?

Câu 2: Nêu ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước. Cách mạng công nghiệp đã đem lại những hệ quả gì đối với các nước tư bản chủ nghĩa?

Câu 3: Nêu nguyên nhân Đức phải tiến hành thống nhất đất nước. Tóm tắt quá trình thống nhất nước Đức nửa sau thế kỉ XIX. Vì sao nói: Sự nghiệp thống nhất Đức mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản?

Câu 4: Hãy so sánh điểm giống và khác nhau giữa công cuộc thống nhất nước Đức giữa thế kỉ XIX và cuộc nội chiến Mỹ (1861 - 1865). Từ thắng lợi của quân đội liên bang trong cuộc nội chiến 1861-1865 ở Mỹ, rút ra bài học gì cho việc tạo nên sức mạnh quân đội quốc gia?

Câu 5: Trình bày các phát minh tiêu biểu về các lĩnh vực Vật lí, Hóa học và Sinh học cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Đánh giá vai trò của những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các nước tư bản.

Câu 6: Khái quát sự chuyển biến về kinh tế của Anh và Pháp cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Nêu nguyên nhân dẫn đến những chuyển biến đó.

Câu 7: Kinh tế nước Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX , đầu thế kỉ XX có sự chuyển biến như thế nào? Nêu nguyên nhân dẫn đến sự chuyển biến đó.

Câu 8: Hệ quả nghiêm trọng nhất trong quan hệ quốc tế giữa các nước đế quốc ở cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là gì? Từ hệ quả đó, em rút ra bài học gì trong bối cảnh thế giới hiện nay?

ĐÁP ÁN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 - A	2 - C	3 - A	4 - D	5 - B	6 - D	7 - B	8 - B	9 - D	10 - B
11 - A	12 - A	13 - C	14 - B	15 - B	16 - D	17 - A	18 - C	19 - A	20 - C
21 - C	22 - D	23 - B	24 - B	25 - C	26 - C	27 - C	28 - A	29 - D	30 - B
31 - A	32 - B	33 - D	34 - D	35 - A	36 - A	37 - A	38 - B	39 - C	40 - A
41 - B	42 - C	43 - D	44 - A	45 - B	46 - C	47 - D	48 - D	49 - B	50 - C
51 - B	52 - B	53 - D	54 - A	55 - A	56 - B	57 - B	58 - C	59 - B	60 - A

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Vì sao nước Anh là nước khởi đầu trong cách mạng công nghiệp? Việc tiến hành cách mạng công nghiệp đã dẫn đến những thay đổi gì về kinh tế, chính trị và xã hội ở nước Anh?

** Anh là nước đầu tiên tiến hành cuộc cách mạng công nghiệp do:*

- Cách mạng tư sản nổ ra sớm, tạo ra những điều kiện thuận lợi để đẩy mạnh sản xuất: tư bản, nhân công và sự phát triển kĩ thuật.
- Cách mạng công nghiệp Anh bắt đầu từ những năm 60 của thế kỉ XVIII và kết thúc vào những năm 40 của thế kỉ XIX.

** Những tác động của cách mạng công nghiệp đối với nước Anh về kinh tế, chính trị, xã hội:*

- Kinh tế: Thúc đẩy sản xuất TBCN phát triển mạnh mẽ, đưa nước Anh bước vào thời kì công nghiệp hóa. Bộ mặt kinh tế nước Anh thay đổi, nhiều trung tâm công nghiệp mới ra đời. Công nghiệp phát triển thúc đẩy nông nghiệp và giao thông vận tải phát triển. Đến giữa thế kỉ XIX nước Anh được mệnh danh là “công xưởng của thế giới”.
- Chính trị: củng cố địa vị của giai cấp tư sản và chủ nghĩa tư bản Anh.
- Xã hội: Hình thành hai giai cấp tư sản công nghiệp và vô sản công nghiệp. Luân Đôn trở thành một trung tâm thương mại với 80 vạn dân và là thủ đô đầu tiên của châu Âu tiến lên con đường công nghiệp hóa.

Câu 2: Nêu ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước. Cách mạng công nghiệp đã đem lại những hệ quả gì đối với các nước tư bản chủ nghĩa?

** Ý nghĩa của việc phát minh ra máy hơi nước:*

- Được ứng dụng phổ biến trong nhiều lĩnh vực, làm cho năng suất lao động ngày càng tăng.
- Tạo ra nguồn động lực mới, làm giảm sức lao động cơ bắp của con người.
- Lao động bằng tay dần thay thế bằng máy móc, khởi đầu quá trình công nghiệp hóa ở Anh.

** Hệ quả của cách mạng công nghiệp:*

- Về kinh tế: Cách mạng công nghiệp là cuộc cách mạng kĩ thuật vì vậy nó có tác dụng thúc đẩy sản xuất TBCN phát triển mạnh mẽ.
 - + Nâng cao năng suất lao động, xã hội hóa quá trình sản xuất, thúc đẩy kinh tế phát triển.
 - + Tác động đến các ngành kinh tế khác đặc biệt là nông nghiệp (hình thức chuyên canh/ thâm canh và cơ giới hóa sản xuất phổ biến), giao thông vận tải.

- + Thay đổi bộ mặt các nước tư bản, hình thành nhiều trung tâm công nghiệp, thành thị mới.
- Về xã hội: Hình thành 2 giai cấp cơ bản của xã hội tư bản.
- + Tư sản công nghiệp: nắm tư liệu sản xuất và bóc lột lao động làm thuê.
- + Vô sản công nghiệp: là lao động làm thuê, đời sống cơ cực.
- Mâu thuẫn giữa vô sản với tư sản trở thành mâu thuẫn chủ yếu của xã hội TBCN và là nguồn gốc của các cuộc đấu tranh giai cấp.
- + Sự phát triển mạnh mẽ của công nghiệp đòi hỏi các nước phải có thêm nguồn nguyên liệu, thị trường, nhân công. Do đó các nước tư bản đã tiến hành xâm lược và bóc lột thuộc địa. Điều này làm thay đổi bản đồ kinh tế, chính trị của các nước.

Câu 3: Nêu nguyên nhân Đức phải tiến hành thống nhất đất nước. Tóm tắt quá trình thống nhất nước Đức nửa sau thế kỉ XIX. Vì sao nói: Sự nghiệp thống nhất Đức mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản?

** Nguyên nhân:*

- Giữa thế kỉ XIX kinh tế TBCN ở Đức phát triển nhanh chóng, Đức trở thành nước công nghiệp.
- Trong xã hội, hình thành tầng lớp quý tộc tư sản hóa gọi là Gioong-ke.
- Tuy nhiên, Đức bị chia xẻ thành nhiều vương quốc nhỏ, điều này cản trở sự phát triển kinh tế TBCN. Yêu cầu thống nhất nước Đức trở nên cấp thiết.

** Tóm tắt quá trình thống nhất nước Đức:*

- Đức tiến hành thống nhất đất nước bằng vũ lực thông qua các cuộc chiến tranh với các nước khác do Bi-xmác đứng đầu.
- Quá trình thống nhất Đức:
 - + Năm 1864, tấn công Đan Mạch, chiếm vùng Bắc Hải và vịnh Ban Tích.
 - + Năm 1866, chiến tranh với Áo, thành lập một liên bang Bắc Đức.
 - + Năm 1870 -1871, chiến tranh với Pháp thu phục các bang miền Nam, hoàn thành việc thống nhất đất nước.

** Vì sao nói: sự nghiệp thống nhất Đức mang tính chất một cuộc cách mạng tư sản?*

- Lãnh đạo: Quý tộc tư sản hóa.
- Mục đích: Xóa bỏ những trở ngại cho sự phát triển kinh tế TBCN ở Đức.

Câu 4: Hãy so sánh điểm giống và khác nhau giữa công cuộc thống nhất nước Đức giữa thế kỉ XIX và cuộc nội chiến Mĩ (1861 - 1865). Từ thắng lợi của quân đội liên bang trong cuộc nội chiến 1861-1865 ở Mĩ, rút ra bài học gì cho việc tạo nên sức mạnh quân đội quốc gia?

** So sánh*

- Giống nhau:
 - + Đều mang tính chất của cuộc cách mạng tư sản.
 - + Đều tạo điều kiện cho kinh tế tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh mẽ.
- Khác nhau: về hình thức cách mạng:
 - + Nước Đức dưới hình thức thống nhất đất nước.

- + Nước Mĩ: dưới hình thức một cuộc nội chiến.

** Từ thắng lợi của quân đội liên bang trong cuộc nội chiến 1861 - 1865 ở Mĩ, rút ra bài học gì cho việc tạo nên sức mạnh quân đội quốc gia?*

- Chú trọng xây dựng sức mạnh quân đội, tăng cường an ninh quốc phòng.
- Quan tâm đến quyền lợi của nhân dân, đây là động lực chính của cách mạng.

Câu 5: Trình bày các phát minh tiêu biểu về các lĩnh vực Vật lí, Hóa học và Sinh học cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX. Đánh giá vai trò của những tiến bộ về khoa học - kĩ thuật cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX đối với sự phát triển kinh tế xã hội của các nước tư bản.

a. Trình bày...

** Vật lí*

- Phát minh về điện của G. ôm người Đức, G. Jun người Anh, E. Len-xơ người Nga mở ra khả năng ứng dụng nguồn năng lượng mới.
- Phát hiện về phóng xạ của Hăng-ri Béc-cơ-ren, Pi-e Quy-ri và Ma-ri Quy-ri (Pháp) đã đặt nền tảng cho việc tìm kiếm nguồn năng lượng hạt nhân.
- Rơ-dơ-pho (Anh) có bước tiến vĩ đại trong việc tìm hiểu cấu trúc vật chất.
- Phát minh của Rơn-ghen (Đức) về tia X vào năm 1895 có ứng dụng quan trọng trong y học.

** Hóa học*

- Định luật tuần hoàn của Men-đê-lê-ép (Nga) đã đặt cơ sở cho sự phân hạng các nguyên tố hóa học.

** Sinh học*

- Học thuyết Đác-uyn (Anh) đề cập đến sự tiến hóa và di truyền...
- Phát minh của nhà bác học Lu-i Paster (Pháp) giúp phát hiện vi trùng và chế tạo thành công vắc xin chống bệnh chó dại.
- Pap-lốp (Nga) nghiên cứu hoạt động của hệ thần kinh cao cấp của động vật và người.

** Đánh giá*

- Những phát minh khoa học được áp dụng vào sản xuất đã làm thay đổi cơ bản nền sản xuất và cơ cấu kinh tế tư bản chủ nghĩa, đánh dấu bước tiến mới của chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn này.
- Tạo tiền đề cho sự bùng nổ cuộc cách mạng khoa học - kĩ thuật lần thứ hai kể từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai.

Câu 6: Khái quát sự chuyển biến về kinh tế của Anh và Pháp cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Nêu nguyên nhân dẫn đến những chuyển biến đó.

a. Khái quát

** Nước Anh*

- Từ cuối thập niên 70, Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp và vai trò lũng đoạn thị trường thế giới, bị Mĩ và Đức vượt qua.
- Anh vẫn chiếm ưu thế về tài chính, xuất cảng tư bản, thương mại, hải quân và thuộc địa.

- Quá trình tập trung tư bản diễn ra mạnh mẽ, nhiều tổ chức độc quyền ra đời chi phối toàn bộ đời sống kinh tế.
- Nông nghiệp khủng hoảng trầm trọng và phải nhập khẩu lương thực.

** Nước Pháp*

- Cuối thập niên 70 trở đi, kinh tế công nghiệp của Pháp bắt đầu phát triển chậm lại (từ vị trí thứ hai xuống vị trí thứ tư) do sự thâm nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa trong nông nghiệp chậm chạp.
- Quá trình tập trung tư bản diễn ra mạnh mẽ, các công ty độc quyền ra đời, chi phối nền kinh tế, đặc biệt trong lĩnh vực ngân hàng.
- Đặc điểm chủ nghĩa đế quốc Pháp: Chủ nghĩa đế quốc cho vay nặng lãi.

b. Nguyên nhân

** Ở Anh*

- Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến Anh mất dần địa vị độc quyền công nghiệp, bị Mỹ và Đức vượt qua là do ở Anh máy móc đã xuất hiện sớm, nhiều thiết bị cũ kỹ, lạc hậu, việc hiện đại hóa rất tốn kém. Tình trạng đó gắn liền với sự tồn tại của một đế quốc thuộc địa to lớn. Một số tư bản đầu tư vào thuộc địa thu lợi nhuận cao hơn so với đầu tư trong nước. Khi đó, cướp đoạt thuộc địa có lợi hơn nhiều so với đầu tư cải tạo công nghiệp ở Anh.
- Trong nông nghiệp do chế độ thuế khóa ảnh hưởng nên giá lương thực sản xuất trong nước cao, giai cấp tư sản tập trung vào buôn bán lương thực hơn là đầu tư vào sản xuất nông nghiệp.

** Ở Pháp*

- Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XIX trở đi, nhịp độ phát triển công nghiệp của Pháp chậm lại là vì: Pháp phải bồi thường chiến tranh do bại trận; nghèo nguyên nhiên liệu, đặc biệt là than; giai cấp tư sản chỉ quan tâm đến việc cho vay và đầu tư sang những nước chậm tiến để kiếm lợi nhuận cao.
- Tình trạng đất đai trong nông nghiệp phân tán, manh mún không cho phép sử dụng máy móc và kĩ thuật canh tác mới.

Câu 7: Kinh tế nước Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX có sự chuyển biến như thế nào? Nêu nguyên nhân dẫn đến sự chuyển biến đó

a. Sự chuyển biến về kinh tế nước Đức, Mỹ cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX

** Nước Đức*

- Kinh tế Đức phát triển với tốc độ nhanh, vươn lên đứng đầu châu Âu và thứ hai thế giới.
- Quá trình tập trung sản xuất và hình thành các công ty độc quyền diễn ra mạnh mẽ và sớm hơn các nước khác ở châu Âu. Hình thức độc quyền phổ biến là Các-ten và Xanh-đi-ca.
- Quá trình tập trung trong lĩnh vực ngân hàng cũng diễn ra cao độ. Tư bản công nghiệp kết hợp với tư bản ngân hàng thành tư bản tài chính.
- Nông nghiệp Đức có tiến bộ song phát triển chậm chạp.

*** Nước Mĩ**

- Cuối thế kỉ XIX nền kinh tế phát triển nhanh chóng vươn lên hàng thứ nhất thế giới.
- Nông nghiệp Mĩ đạt nhiều thành tựu, Mĩ trở thành vựa lúa và nơi cung cấp thực phẩm cho châu Âu.
- Quá trình tập trung sản xuất diễn ra mạnh. Các công ty độc quyền phát triển nhanh chóng, hình thức chủ yếu là Tơ-rót, chi phối mọi hoạt động kinh tế, chính trị nước Mĩ.

b. Nguyên nhân

*** Nước Đức**

- Công nghiệp Đức có sự phát triển nhảy vọt vì:
 - + Thị trường dân tộc rộng lớn sau thống nhất.
 - + Giàu tài nguyên thiên nhiên.
 - + Tiền bồi thường chiến tranh từ Pháp.
 - + Tiếp thu những thành tựu khoa học - kĩ thuật hiện đại.
 - + Nguồn nhân lực dồi dào do dân số tăng nhanh và sự bóc lột nhân dân lao động trong nước.
- Nông nghiệp có tiến bộ nhưng phát triển chậm chạp hơn do việc tiến hành cách mạng tư sản chưa triệt để, phần lớn ruộng đất tập trung trong tay quý tộc và địa chủ.

*** Nước Mĩ**

- Công nghiệp phát triển vì:
 - + Giàu tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực dồi dào.
 - + Tiếp thu và phát triển những thành tựu khoa học kĩ thuật hiện đại.
 - + Có thị trường rộng lớn.
- Nông nghiệp đạt được thành tựu đáng kể nhờ điều kiện thiên nhiên thuận lợi, kết hợp phương thức canh tác hiện đại.

Câu 8: Hệ quả nghiêm trọng nhất trong quan hệ quốc tế giữa các nước đế quốc ở cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX là gì? Từ hệ quả đó, em rút ra bài học gì trong bối cảnh thế giới hiện nay?

- Hệ quả nghiêm trọng nhất trong quan hệ quốc tế giữa các nước đế quốc cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là mâu thuẫn về quyền lợi, thị trường và thuộc địa. Mâu thuẫn này đã dẫn đến cuộc Chiến tranh thế giới thứ nhất (1914 - 1918) đẫm máu trong lịch sử nhân loại.
- Bài học:
 - + Lên án chiến tranh phi nghĩa.
 - + Yêu chuộng, gìn giữ hòa bình.
 - + Có tinh thần đấu tranh bảo vệ hòa bình trong bối cảnh hiện nay.
 - + Tuân thủ luật pháp quốc tế, Hiến chương Liên hợp quốc, giải quyết mọi tranh chấp xung đột bằng biện pháp hòa bình. Lên án, phê phán những hành động khủng bố và tàn sát, đe dọa nghiêm trọng nền hòa bình hiện nay...

LỊCH SỬ THẾ GIỚI CẬN ĐẠI

CHỦ ĐỀ 3: PHONG TRÀO CÔNG NHÂN (TỪ ĐẦU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX)

Mục tiêu

❖ Kiến thức

- bày những nét chính về phong trào công nhân từ đầu thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX
- + Nguyên nhân và điều kiện hình thành
- + Các phong trào đấu tranh tiêu biểu
- + Kết quả, ý nghĩa
- + Nguyên nhân thất bại
- Vai trò của một số lãnh tụ tiêu biểu: C. Mác, Ph. Ăng – ghen, Lê – nin với phong trào công nhân quốc tế

❖ Kỹ năng

- + Phân tích, khái quát, đánh giá các sự kiện, nhân vật lịch sử
- + Phân biệt các khái niệm lịch sử: phong trào công nhân, phong trào cộng sản, CNXH không tưởng, CNXH khoa học, cách mạng vô sản kiểu cũ, cách mạng vô sản kiểu mới,...
- + Rèn luyện kỹ năng vẽ sơ đồ, lược đồ

I. LÝ THUYẾT TRỌNG TÂM

A. PHONG TRÀO CÔNG NHÂN QUỐC TẾ TỪ ĐẦU THẾ KỈ XIX ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XX

1, Nguyên nhân và điều kiện phát triển

a, Nguyên nhân: Đối lập về quyền lợi → mâu thuẫn không thể dung hòa giữa công nhân với tư sản → bùng nổ những cuộc đấu tranh giai cấp

b, Điều kiện

* Tư tưởng:

- CNXH không tưởng:

+ Tư tưởng tiên bộ của Xanh – xi – môn, Phu – ri – ê và Ô – oen đã cổ vũ người lao động đấu tranh

+ Là tiền đề cho sự ra đời của CNXH khoa học

- CNXH khoa học: Tư tưởng của Mác, Ăng – ghen, Lê – nin trở thành lí luận cách mạng soi đường cho giai cấp công nhân.

* Tổ chức: Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ hai ra đời → truyền bá chủ nghĩa Mác; đoàn kết công nhân quốc tế đấu tranh.

2, Phong trào đấu tranh tiêu biểu

* Đầu thế kỉ XIX:

- Ở Pháp : Khởi nghĩa của công nhân dệt thành phố Li – ông

- Ở Anh: Phong trào Hiến chương (1836 – 1848)

- Ở Đức: Khởi nghĩa của công nhân dệt vùng Sơ – lê – đin (1844)

* Cuối thế kỉ XIX

- Ở Pháp: 18/3/1871, nhân dân Pari khởi nghĩa → chính phủ của giai cấp tư sản bị lật đổ. Công xã Pari ra đời - Nhà nước kiểu mới – nhà nước vô sản, do dân và vì dân.

- Ở Mỹ: Tổng bãi công của gần 40 vạn công nhân dệt Si – ca – gô (1/5/1886) → đi vào lịch sử là ngày Quốc tế Lao động

- Ở các nước khác: Các cuộc đấu tranh đòi cải thiện đời sống và các quyền tự do, dân chủ diễn ra mạnh mẽ.

* Đầu thế kỉ XX

- Ở Nga: Phong trào công nhân phát triển mạnh → chính đảng vô sản ra đời, lãnh đạo phong trào cách mạng 1905 – 1907

3, Kết quả, ý nghĩa

a, Kết quả: Thất bại

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Chưa có mục tiêu chính trị rõ ràng

+ Thiếu tổ chức, lãnh đạo thống nhất

- Nguyên nhân khách quan: Các nước đế quốc cấu kết, đàn áp phong trào công nhân.

b, Ý nghĩa:

- Thể hiện ý thức, sự trưởng thành trong đấu tranh của giai cấp công nhân
- Để lại nhiều bài học kinh nghiệm cho phong trào cách mạng thế giới

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN LUYỆN

➤ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

Câu 1: Những đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa xã hội không tưởng là

- A. Xanh Xi – môn, Phu – ri – ê, Ô -oen
- B. Xanh Xi – môn, Phu – ri – ê, Rút - xô
- C. Vôn Te, Phu – ri – ê, Rút - xô
- D. Môn – te -ki – xkiơ, Vôn Te, Rút - xô

Câu 2: Chủ nghĩa xã hội không tưởng ra đời trên cơ sở

- A. Phong trào đấu tranh của vô sản cần lí luận dẫn đường
- B. Chủ nghĩa tư bản thể hiện vai trò tích cực trong xã hội
- C. Một số tư sản nhận thức được hạn chế của xã hội tư bản
- D. Giai cấp tư sản cần vũ khí lí luận chống chế độ phong kiến

Câu 3: Mục tiêu đấu tranh của công nhân các nước châu Âu trong những năm 20 – 30 của thế kỉ XIX là

- A. đòi các quyền tự do, dân chủ
- B. đòi tăng lương giảm giờ làm
- C. đòi quyền lợi kinh tế và chính trị
- D. đòi lật đổ chính quyền tư sản

Câu 4: Khẩu hiệu “Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu” xuất hiện trong phong trào đấu tranh của

- A. công nhân Anh trong những năm 1836 - 1848
- B. công nhân dệt thành phố Li - ông (Pháp) năm 1831
- C. công nhân dệt vùng Sơ - lê - din (Đức) năm 1844
- D. 40 vạn công nhân dệt Si - ca - gô (Mỹ) năm 1886

Câu 5: Công nhân mít tinh, đưa kiến nghị có chữ kí lên nghị viện đòi quyền phổ thông đầu phiếu, tăng lương giảm giờ làm là nội dung của phong trào đấu tranh nào

- A. Phong trào Hiến chương ở Anh (1836 – 1848)
- B. Công nhân dệt Li - ông (Pháp) khởi nghĩa năm 1831
- C. Công nhân dệt Sơ - lê - din (Đức) khởi nghĩa năm 1844
- D. Công nhân dệt Si - ca - gô (Mỹ) tổng bãi công năm 1886

Câu 6: Những cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân Anh, Pháp, Đức nửa đầu thế kỉ XIX đều thất bại chủ yếu là do

- A. tương quan lực lượng chênh lệch
- B. chưa có sự liên kết phối hợp đấu tranh
- C. thiếu đường lối lãnh đạo đúng đắn
- D. nổ ra khi thời cơ chưa chín muồi

Câu 7: Một trong những ý nghĩa của phong trào công nhân châu Âu nửa đầu thế kỉ XIX là

- A. đã lật đổ chế độ phong kiến
- B. khẳng định đường lối đấu tranh đúng đắn
- C. tạo điều kiện cho sự ra đời lí luận khoa học
- D. là các cuộc cách mạng vô sản đầu tiên

Câu 8: Chủ nghĩa xã hội không tưởng là một trào lưu tư tưởng tiến bộ vì đã

- A. đề ra mẫu hình xã hội không có tư hữu, không có bóc lột
- B. đánh giá đúng khả năng xây dựng xã hội mới của công nhân
- C. phát hiện được những quy luật phát triển của chế độ tư bản
- D. đề ra đường lối đấu tranh đúng đắn cho giai cấp công nhân

Câu 9: Chủ trương đi đến chủ nghĩa xã hội bằng cách tuyên truyền, thuyết phục và nêu gương là của ai?

- A. Xanh Xi - mông B. Phu - ri - ê C. Ô – oen D. Rút - xô

Câu 10: Ai là người đề ra kế hoạch cải tạo xã hội bằng việc lập ra những đơn vị lao động trong đó mọi người lao động theo kế hoạch , có thời gian nghỉ ngơi?

- A. Xanh Xi - mông B. Phu - ri - ê C. Ô – oen D. Rút - xô

Câu 11: Ai là người chủ trương xây dựng một xã hội công bằng, trong đó mọi người được thỏa mãn về vật chất và tinh thần?

- A. Xanh Xi - mông B. Phu - ri - ê C. Ô – oen D. Rút - xô

Câu 12: Hạn chế lớn nhất của các nhà chủ nghĩa xã hội không tưởng là

- A. chưa có ý thức bảo vệ quyền lợi của công nhân
B. chưa phê phán những mặt trái của xã hội tư bản
C. chưa nhận thức đúng vai trò của giai cấp công nhân
D. mới chỉ hướng đến đấu tranh đòi quyền lợi kinh tế

Câu 13: Một trong những tiền đề cho sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học sau này là

- A. sự phát triển của phong trào công nhân B. sự ra đời của chủ nghĩa xã hội không tưởng
C. hoạt động của tổ chức Quốc tế thứ nhất D. sự ra đời Đồng minh những người cộng sản

Câu 14: " ... lật đổ giai cấp tư sản, thiết lập sự thống trị của vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ" là mục đích của tổ chức

- A. Đồng minh những người chính nghĩa B. Đồng minh những người cộng sản
C. Hội Liên hiệp lao động quốc tế D. Đảng Công nhân xã hội dân chủ Nga

Câu 15: Tác giả của Cương lĩnh của Đồng minh những người cộng sản là

- A. La – phác – giơ và Bê – ben B. Bê – ben và Rô – đa Lúc – xem - bua
C. Mác và Ăng - ghen D. Xanh Xi - mông và Ô - oen

Câu 16: Cương lĩnh của Đồng minh những người cộng sản có tên gọi là

- A. Tuyên ngôn của những người chính nghĩa B. Tuyên ngôn của những người cộng sản
C. Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản D. Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền

Câu 17: Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản là

- A. động lực của cuộc đấu tranh chống phong kiến
B. một lực lượng tham gia cuộc cách mạng tư sản
C. cùng giai cấp tư sản xây dựng nền dân chủ tư sản
D. lãnh đạo cuộc đấu tranh chống sự thống trị của tư sản

Câu 18: Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của

- A. Hội Liên hiệp lao động quốc tế B. chủ nghĩa xã hội khoa học
C. chủ nghĩa xã hội không tưởng D. chủ nghĩa duy vật biện chứng

Câu 19: Tuyên ngôn Đảng Cộng sản ra đời đánh dấu bước đầu kết hợp giữa

- A. phong trào công nhân và phong trào yêu nước
B. chủ nghĩa xã hội khoa học với phong trào công nhân
C. phong trào công nhân và phong trào giải phóng dân tộc
D. chủ nghĩa xã hội không tưởng và phong trào công nhân

Câu 20: Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản nêu rõ: điều kiện để một cuộc cách mạng vô sản thành công là giai cấp công nhân phải

- A. xây dựng được lực lượng vũ trang
- B. xây dựng được căn cứ cách mạng
- C. xây dựng được lực lượng chính trị
- D. thành lập được chính đảng của mình

Câu 21: Một trong những hạn chế của phong trào công nhân giữa thế kỉ XIX cần khắc phục là

- A. chưa kết hợp được mục tiêu kinh tế và chính trị
- B. chưa có lí luận cách mạng khoa học dẫn đường
- C. số lượng tăng nhanh, mức độ tập trung khá cao
- D. còn phân tán về tổ chức và chia rẽ về tư tưởng

Câu 22: Hội Liên hiệp lao động quốc tế (Quốc tế thứ nhất) được thành lập để đáp ứng yêu cầu nào của phong trào công nhân giữa thế kỉ XIX?

- A. Đoàn kết và lãnh đạo phong trào công nhân thế giới
- B. Đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội trong công nhân
- C. Đoàn kết công nhân chống chủ nghĩa quân phiệt
- D. Tổ chức công nhân đấu tranh chống chiến tranh đế quốc

Câu 23: Hoạt động của Quốc tế thứ nhất chủ yếu thông qua hình thức nào?

- A. Diễn thuyết chính trị
- B. Các kỳ đại hội
- C. Tổ chức khởi nghĩa
- D. Đấu tranh chính trị

Câu 24: Hoạt động chủ yếu của Quốc tế thứ nhất hướng tới nhiều mục tiêu, ngoại trừ

- A. truyền bá rộng rãi học thuyết Mác
- B. chống các tư tưởng lệch lạc trong nội bộ
- C. đấu tranh chống “chủ nghĩa xét lại”
- D. thông qua các nghị quyết quan trọng

Câu 25: Vai trò lớn nhất của Quốc tế thứ nhất đối với phong trào công nhân là

- A. tổ chức cho công nhân đấu tranh đòi cải thiện đời sống
- B. ủng hộ cuộc đấu tranh của những người lao động Pa - ri (1871)
- C. truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân
- D. tổ chức cho công nhân đấu tranh đòi các quyền tự do, dân chủ

Câu 26: Người được coi là “linh hồn” của Quốc tế thứ nhất là

- A. C. Mác
- B. Ăng - ghen
- C. Lê - nin
- D. Xta - lin

Câu 27: Năm 1870, Chính phủ Đế chế II của Pháp do Na - pô - lê - ông III đứng đầu quyết định gây chiến với Phổ nhằm

- A. gạt bỏ ảnh hưởng của Phổ ở Pháp
- B. ngăn cản Phổ thống nhất nước Đức
- C. khắc phục khủng hoảng trong nước
- D. xâm lược lãnh thổ công quốc Phổ

Câu 28: Khi quân Phổ chuẩn bị tấn công vào nước Pháp, giai cấp tư sản Pháp thành lập Chính phủ lâm thời với tên gọi là gì

- A. “Chính phủ Lập quốc”
- B. “Chính phủ Vệ quốc”
- C. “Chính phủ Cứu quốc”
- D. “Chính phủ yêu nước”

Câu 29: Khi quân Phổ tiến về Pa - ri và bao vây thành phố, Chính phủ Vệ quốc đã làm gì?

- A. Lãnh đạo nhân dân Pa - ri kháng chiến
- B. Thực hiện rút lui để bảo toàn lực lượng
- C. Quyết định đầu hàng và xin đình chiến
- D. Tiến hành kháng chiến lâu dài chống Phổ

Câu 30: Khi quân Phổ tiến về Pa – ri, bao vây thành phố, nhân dân Pa - ri tổ chức thành các đơn vị chiến đấu với tên gọi là

- A. Vệ quốc quân B. Vệ quốc đoàn C. Dân quân tự vệ D. Quốc dân quân

Câu 31: Ngày 18-3-1871 đi vào lịch sử nước Pháp như thế nào?

- A. Lần đầu tiên giai cấp tư sản đánh bại chế độ phong kiến
B. Lần đầu tiên giai cấp tư sản thành lập chính quyền ở Pa - ri
C. Lần đầu tiên chính quyền của giai cấp tư sản bị lật đổ
D. Lần đầu tiên vô sản thành lập Hội đồng Công xã Pa - ri

Câu 32: Nguyên nhân trực tiếp nào dẫn đến cuộc cách mạng ngày 18-3-1871 ở Pa - ri (Pháp)?

- A. Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản
B. Chính phủ tư sản lâm thời đàn áp phong trào cách mạng
C. Chính phủ tư sản lâm thời đầu hàng quân Phổ
D. Nhân dân Pa - ri tổ chức kháng chiến chống quân Phổ

Câu 33: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến cuộc khởi nghĩa ngày 18-3-1871 của nhân dân Pa - ri (Pháp)?

- A. Mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản và tư sản Pháp
B. Nhân dân đấu tranh lật đổ ách thống trị của Phổ
C. Nhân dân chống lại tư sản đầu hàng, bảo vệ Tổ quốc
D. Do Chính phủ Chi - e cho quân đánh úp đòi Mông - mác

Câu 34: Cuộc cách mạng ngày 18-3-1871 ở Pa - ri (Pháp) mang tính chất là một cuộc cách mạng

- A. vô sản đầu tiên trên thế giới B. dân chủ tư sản
C. dân chủ tư sản kiểu mới D. xã hội chủ nghĩa

Câu 35: Công xã Pa - ri (1871) đã thực thi nhiều chính sách tiến bộ cho nhân dân, ngoại trừ

- A. công nhân được làm chủ những xí nghiệp chủ bỏ trốn
B. giảm bớt lao động ban đêm, cấm cúp phạt công nhân
C. quy định ngày làm 8 giờ; ngày 1-5 là ngày Quốc tế Lao động
D. đề ra chủ trương giáo dục bắt buộc và miễn phí cho toàn dân

Câu 36: Căn cứ vào yếu tố nào để khẳng định Công xã Pa - ri là nhà nước kiểu mới - nhà nước vô sản, do dân và vì dân?

- A. Cơ cấu tổ chức và hoạt động thực tế B. Thắng lợi của cách mạng vô sản 18-3-1871
C. Nhân dân có quyền bãi miễn nhà nước D. Nhà nước mới do nông dân lập ra

Câu 37: So với các cuộc cách mạng năm 1789, cách mạng ngày 18-3-1871 ở Pháp có điểm khác biệt cơ bản về

- A. động lực cách mạng B. hình thức cách mạng
C. tính chất cách mạng D. kết quả cách mạng

Câu 38: Cách mạng năm 1789 và cuộc cách mạng ngày 18-3-1871 của Pháp có điểm giống nhau về

- A. Nhiệm vụ cách mạng B. Động lực cách mạng
C. Kẻ thù cách mạng D. Tính chất cách mạng

Câu 39: Hội đồng Công xã Pa - ri tập trung những quyền lực nào?

- A. Quyền hành pháp và quyền tư pháp B. Quyền hành pháp và quyền lập pháp
C. Quyền lập pháp và quyền tư pháp D. Quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp

Câu 40: Bài học lớn nhất được rút ra từ Công xã Pa - ri là gì ?

- A. Phải có sự lãnh đạo của đảng vô sản
- B. Phải thực hiện liên minh công nông
- C. Phải đập tan bộ máy nhà nước cũ
- D. Phải xây dựng lực lượng vũ trang

Câu 41: Một trong những nguyên nhân làm cho Công xã Pa - ri bị thất bại là

- A. giai cấp vô sản Pháp còn non yếu về kinh tế
- B. tinh thần đấu tranh của vô sản chưa triệt để
- C. chưa thực hiện được liên minh công nông
- D. chưa triệt để trấn áp tàn dư của kẻ thù

Câu 42: Sự kiện lịch sử nào được Lê - nin nhận định là “một bước tiến nhất định của cách mạng vô sản trên thế giới”?

- A. Cách mạng 18-3-1871
- B. Công xã Pa - ri (1871)
- C. Cách mạng 1905-1907 ở Nga
- D. Quốc tế thứ nhất ra đời (1864)

Câu 43: Nội dung nào **không** phản ánh đúng nguyên nhân dẫn đến phong trào đấu tranh của công nhân cuối thế kỉ XVIII nổ ra mạnh mẽ

- A. Giai cấp công nhân tăng nhanh về số lượng và chất lượng
- B. Sự bóc lột và chính sách chạy đua vũ trang của giai cấp tư sản
- C. Đời sống của giai cấp công nhân ngày càng cực khổ
- D. Sự lãnh đạo có hiệu quả của Quốc tế thứ nhất

Câu 44: Mục tiêu đấu tranh của giai cấp công nhân Đức trong những thập niên 70 – 80 của thế kỷ XIX là

- A. đòi cải thiện đời sống
- B. đòi quyền tự do dân chủ
- C. đòi phổ thông đầu phiếu
- D. đòi ngày làm 8 giờ

Câu 45: Hình thức đấu tranh tiêu biểu của công nhân ở Pháp cuối thế kỉ XIX là

- A. mít tinh, đưa kiến nghị
- B. đập phá máy móc
- C. bãi công, biểu tình
- D. đấu tranh vũ trang

Câu 46: Cuộc bãi công ngày 1-5-1886 của của gần 40 vạn công nhân Si - ca - go đã đi vào lịch sử là ngày

- A. Quốc tế Lao động
- B. Quốc tế Đấu tranh
- C. Quốc tế Công nhân
- D. Quốc tế Nông dân

Câu 47: Một điểm mới nổi bật trong phong trào công nhân thế giới cuối thế kỉ XIX là

- A. hình thành khối liên minh công nông ở các nước tư bản
- B. các đảng, nhóm tiến bộ cách mạng của công nhân ra đời
- C. thành lập chính quyền của giai cấp công nhân ở nhiều nước
- D. thành lập tổ chức Quốc tế thứ nhất tại Luân Đôn (Anh)

Câu 48: Hạn chế lớn nhất trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân cuối thế kỉ XIX là

- A. chưa kết hợp được mục tiêu trước mắt và mục tiêu lâu dài
- B. thiếu phối hợp đấu tranh và thiếu tổ chức lãnh đạo thống nhất
- C. chủ nghĩa Mác chưa được tuyên truyền và phổ biến rộng rãi
- D. chưa xây dựng được lực lượng hùng mạnh để đấu tranh

Câu 49: Điểm giống nhau trong hoạt động của Quốc tế thứ nhất và Quốc tế thứ hai là gì ?

- A. Kiên quyết đấu tranh chống chủ nghĩa cơ hội
- B. Hoạt động chủ yếu dưới hình thức đại hội
- C. Hoạt động chủ yếu qua sách báo, tuyên truyền
- D. Thành lập các đảng cộng sản ở các nước tư bản

Câu 50: Trong những năm đầu thế kỉ XX, trong nội bộ Quốc tế thứ hai diễn ra cuộc đấu tranh gay gắt phức tạp giữa

- A. những đại biểu thuộc phái Bôn - sê - vích và đại biểu phái Men - sê - vích
- B. thành lập tổ chức Quốc tế thứ hai và tổ chức Quốc tế thứ ba
- C. khuynh hướng cách mạng và khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa .
- D. khuynh hướng dân chủ tư sản và khuynh hướng cách mạng vô sản

Câu 51: Quốc tế thứ hai phân hóa và tan rã khi Chiến tranh thế giới thứ nhất bùng nổ do nguyên nhân chủ yếu nào

- A. Các nước đế quốc cấu kết với các thế lực phản động đàn áp
- B. Ph . Ăng - ghen qua đời, không còn người lãnh đạo tổ chức
- C. Sự thiếu nhất trí về đường lối chiến lược, chia rẽ về tổ chức
- D. Quần chúng nhân dân không còn ủng hộ Quốc tế thứ hai

Câu 52: Tổ chức chính trị do Lê – nin thành lập vào năm 1895, trên cơ sở thống nhất những nhóm mácxít ở Xanh Pe – téc – bua (Nga) là

- A. Liên hiệp những người mácxít Nga
- B. Liên hiệp đấu tranh giải phóng các dân tộc Nga
- C. Liên hiệp đấu tranh giải phóng giai cấp công nhân
- D. Liên hiệp giải phóng dân tộc Nga

Câu 53: Nhằm truyền bá chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân Nga, năm 1900 Lê -nin và các đồng chí của ông đã xuất bản tờ báo

- A. Đời sống công nhân
- B. Tia lửa
- C. Thư tín quốc tế
- D. Sông Ranh

Câu 54: Thể chế chính trị của nước Nga vào cuối thế kỉ XIX đầu thế kỉ XX là

- A. quân chủ lập hiến
- B. cộng hòa đại nghị
- C. quân chủ chuyên chế
- D. chuyên chính vô sản

Câu 55: Nguyên nhân sâu xa dẫn đến cách mạng 1905 – 1907 ở Nga bùng nổ là

- A. mâu thuẫn giữa nhân dân với chế độ phong kiến Nga hoàng
- B. sự thất bại của Nga trong cuộc chiến tranh Nga – Nhật
- C. giai cấp công nhân Nga trưởng thành, có chính đảng lãnh đạo
- D. mâu thuẫn giữa giai cấp vô sản với giai cấp tư sản Nga

Câu 56: Hình thức đấu tranh cao nhất của cách mạng 1905 – 1907 ở Nga là

- A. tổng bãi công
- B. mít tinh, biểu tình
- C. biểu tình có vũ trang tự vệ
- D. khởi nghĩa vũ trang

Câu 57: Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến Cuộc cách mạng 1905 – 1907 ở Nga thất bại là gì?

- A. chưa có tổ chức chính trị lãnh đạo cách mạng
- B. tư tưởng thỏa hiệp của phái Men – sê – vích chi phối
- C. tinh thần cách mạng của quần chúng chưa triệt để
- D. thiếu tổ chức chặt chẽ, lực lượng chênh lệch

Câu 58: Nhận định nào đúng về Cách mạng 1905 – 1907 ở Nga?

- A. là cuộc cách mạng dân chủ tư sản đầu tiên trên thế giới
- B. là cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới đầu tiên trên thế giới

C. là cuộc cách mạng vô sản đầu tiên trên thế giới

D. là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đầu tiên trên thế giới

Câu 59: Cách mạng 1905 – 1907 có điểm khác với các cuộc cách mạng tư sản trước đó về

A. lãnh đạo cách mạng

B. động lực cách mạng

C. nhiệm vụ cách mạng

D. đối tượng của cách mạng

Câu 60: Cuộc cách mạng 1905 -1907 ở Nga có tác động mạnh mẽ nhất đến phong trào giải phóng dân tộc ở khu vực / châu lục nào đầu thế kỉ XX?

A. Khu vực Mỹ La – tinh

B. Các nước phương Tây

C. Các nước phương Đông

D. Các nước châu Phi

➤ CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Từ diễn biến những cuộc khởi nghĩa của công nhân ở Anh, Pháp, Đức vào nửa đầu thế kỉ XIX, hãy nêu những ưu điểm và hạn chế của phong trào công nhân thời kì này.

Câu 2: Trình bày hoàn cảnh ra đời và nhận xét về những mặt tích cực và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Câu 3: “Đồng minh những người cộng sản” ra đời trong hoàn cảnh nào? Nêu mục đích thành lập, nội dung, ý nghĩa lịch sử bản Cương lĩnh của tổ chức này.

Câu 4: Trình bày hoàn cảnh ra đời, hoạt động và vai trò của tổ chức Quốc tế thứ nhất.

Câu 5: Bằng sự kiện lịch sử chọn lọc, hãy chứng minh: Công xã Pa – ri là nhà nước kiểu mới, của dân, do dân và vì dân.

Câu 6: Nêu những phong trào đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân cuối thế kỉ XIX. Điểm nổi bật của phong trào công nhân thế giới thời kì này là gì?

Câu 7: Nêu tính chất và ý nghĩa lịch sử của cách mạng 1905 -1907 ở Nga. So sánh điểm giống và khác nhau giữa cách mạng 1905 – 1907 ở Nga với các cuộc cách mạng tư sản trước đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI

CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

1 – A	2 – C	3 – C	4 – B	5 – A	6 – C	7- C	8 -A	9 – C	10 – B
11 – A	12 – C	13 – B	14 – B	15 – C	16 – C	17 – D	18 – B	19 – B	20 – D
21 – D	22 – A	23 – B	24 – C	25 – C	26 - A	27 – C	28 – B	29 – C	30 – D
31 – C	32 – C	33 – C	34 – A	35 – C	36 – A	37 – C	38 – B	39 – D	40 – A
41 – D	42 – B	43 - D	44 – A	45 – C	46 – A	47 - B	48 – B	49 -B	50 – C
51 – C	52 – C	53 – B	54 – C	55 - A	56 – D	57 – D	58 – B	59 – A	60 – C

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1: Từ diễn biến những cuộc khởi nghĩa của công nhân ở Anh, Pháp, Đức vào nửa đầu thế kỉ XIX, hãy nêu những ưu điểm và hạn chế của phong trào công nhân thời kì này.

* Diễn biến những cuộc khởi nghĩa của công nhân Anh, Pháp, Đức nửa đầu thế kỉ XIX:

- Đầu thế kỉ XIX, phong trào đấu tranh của công nhân ở các nước châu Âu bùng nổ ngày càng nhiều.
- Ở Pháp:
 - + Năm 1831, công nhân dệt ở Li - ông khởi nghĩa đòi tăng lương, giảm giờ làm. Quyết tâm đấu tranh của họ thể hiện trong khẩu hiệu: "Sống trong lao động hoặc chết trong chiến đấu".
 - + Năm 1834, công nhân nhà máy tơ ở Li - ông khởi nghĩa đòi thiết lập nền Cộng hòa.
- Ở Anh: Trong những năm 1836 – 1848, một phong trào công nhân rộng lớn, có tổ chức đã diễn ra - phong trào Hiến chương. Công nhân mít tinh, đưa kiến nghị có chữ kí của công nhân lên nghị viện đòi phổ thông đầu phiếu, tăng lương, giảm giờ làm.
- Ở Đức: năm 1844, công nhân ở Sơ - lê - din khởi nghĩa mở đầu phong trào đấu tranh của công nhân Đức sau này.
- Kết quả: các cuộc khởi nghĩa đều thất bại.

* *Ưu điểm và hạn chế:*

- Ưu điểm:
 - + Trong đấu tranh đã kết hợp được mục tiêu kinh tế và mục tiêu chính trị.
 - + Các cuộc đấu tranh có tổ chức, quy mô lớn, được sự ủng hộ rộng rãi của quần chúng.
- Đánh dấu sự trưởng thành của công nhân, tạo điều kiện quan trọng cho sự ra đời của lí luận khoa học sau này.
- Hạn chế: các cuộc đấu tranh trên của giai cấp công nhân Anh, Pháp, Đức đều thiếu sự lãnh đạo đúng đắn và chưa có đường lối chính trị rõ ràng. Đây là nguyên nhân chủ yếu dẫn đến sự thất bại của phong trào nói chung

Câu 2: Trình bày hoàn cảnh ra đời và nhận xét về những mặt tích cực và hạn chế của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

* Hoàn cảnh ra đời:

- Đầu thế kỉ XIX, chủ nghĩa tư bản đang trên đà phát triển, một mặt đã sản xuất ra một khối lượng sản phẩm đồ sộ và tốc độ “đô thị hóa” tăng nhanh. Mặt khác lại phơi bày những hạn chế của nó: Sự bóc lột tàn nhẫn người lao động, điều kiện làm việc tồi tệ của công nhân; tình trạng thất nghiệp và các tệ nạn xã hội phổ biến.
- Tình cảnh đó tác động đến nhận thức của những người tư sản tiến bộ. Họ nhìn thấy những hạn chế của CNTB và mong muốn xây dựng một chế độ xã hội tốt đẹp hơn không có tư hữu và bóc lột.
- Trên cơ sở đó, họ đề ra chủ nghĩa xã hội không tưởng, đại diện là Xanh - xi - môn, Phu - ri - ê và Ô - oen.

* Nhận xét.

- Tích cực:
 - + Nhận thức được mặt trái của chế độ tư sản là bóc lột người lao động.
 - + Có ý thức bảo vệ quyền lợi cho giai cấp công nhân.
 - + Phê phán sâu sắc xã hội tư bản, dự đoán xã hội tương lai.

→ Là tư tưởng tiến bộ trong xã hội lúc đó, cổ vũ người lao động đấu tranh, là tiền đề ra đời chủ nghĩa Mác.

- Hạn chế:

- + Không thấy được bản chất của CNTB.
- + Không vạch ra được con đường giải phóng nhân dân lao động
- + Không thấy được sứ mệnh của giai cấp công nhân.
- + Phủ nhận đấu tranh giai cấp

→ Vì vậy, các kế hoạch đề ra đều không thực hiện được nên được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Câu 3: “Đồng minh những người cộng sản” ra đời trong hoàn cảnh nào? Nêu mục đích thành lập, nội dung, ý nghĩa lịch sử bản Cương lĩnh của tổ chức này.

* Hoàn cảnh ra đời:

- C. Mác và Ăng - ghen đặc biệt quan tâm việc xây dựng một chính đảng cho giai cấp vô sản.
- Tháng 6 – 1847, tổ chức Đồng minh những người cộng sản ra đời trên cơ sở tổ chức Đồng minh những người chính nghĩa.

* *Mục đích*: lật đổ giai cấp tư sản, xác định sự thống trị của giai cấp vô sản, thủ tiêu xã hội tư sản cũ.

* *Nội dung, ý nghĩa lịch sử của bản Cương lĩnh*.

- Tháng 2 - 1848, Cương lĩnh của Đồng minh được công bố ở Luân Đôn dưới hình thức Tuyên ngôn Đảng Cộng sản do C. Mác và Ăng - ghen soạn thảo.

- Nội dung:

- + Chỉ ra chủ nghĩa tư bản ra đời là một bước tiến song nó chứa đựng nhiều mâu thuẫn và cuộc đấu tranh giữa tư bản và vô sản tất yếu phải nổ ra.
- + Khẳng định sứ mệnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của giai cấp vô sản mà đội tiên phong là chính đảng của họ.
- + Trình bày hệ thống những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa cộng sản, chứng minh quy luật tất yếu diệt vong của chế độ tư bản và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

- Ý nghĩa:

- + Là văn kiện có tính chất cương lĩnh đầu tiên của chủ nghĩa xã hội khoa học đánh dấu bước đầu kết hợp chủ nghĩa xã hội với phong trào công nhân.
- + Trở thành lý luận cách mạng soi đường cho giai cấp công nhân.

Câu 4: Trình bày hoàn cảnh ra đời, hoạt động và vai trò của tổ chức Quốc tế thứ nhất.

* Hoàn cảnh ra đời:

- Giữa thế kỷ XIX, sự phát triển mạnh mẽ của nền đại công nghiệp TBCN làm đội ngũ công nhân thêm đông đảo và tập trung cao.
- Giai cấp tư sản tăng cường áp bức, bóc lột đối với công nhân.
- Nhiều cuộc đấu tranh của công nhân diễn ra song trong tình trạng phân tán, chịu ảnh hưởng của nhiều khuynh hướng phi vô sản, thiếu thống nhất về mặt tư tưởng.

- Thực tế đấu tranh, công nhân nhận thấy tình trạng biệt lập của phong trào ở mỗi nước kết quả còn hạn chế đặt ra yêu cầu thành lập một tổ chức quốc tế lãnh đạo, đoàn kết phong trào công nhân quốc tế các nước.

→ Ngày 28 - 9 - 1864 một cuộc mít tinh lớn được tổ chức tại Luân Đôn, gồm đại biểu công nhân nhiều nước tham gia, Hội Liên hiệp lao động quốc tế, tức Quốc tế thứ nhất thành lập với sự tham gia tích cực của Mác.

* Hoạt động của quốc tế thứ nhất:

- Chủ yếu được thông qua các kỳ đại hội. (từ 9 - 1864 đến 7 - 1876 tiến hành 5 đại hội) nhằm truyền bá học thuyết Mác, chống lại tư tưởng lệch lạc trong nội bộ, thông qua những nghị quyết có ý nghĩa chính trị và kinh tế quan trọng.

- Dưới ảnh hưởng của Quốc tế thứ nhất, công nhân các nước tham gia ngày càng nhiều vào các cuộc đấu tranh chính trị, các tổ chức công đoàn ra đời.

* Vai trò:

- Truyền bá rộng rãi chủ nghĩa Mác trong phong trào công nhân quốc tế.

- Đoàn kết, thống nhất các lực lượng vô sản quốc tế dưới ngọn cờ chủ nghĩa Mác.

- Đấu tranh kiên quyết chống tư tưởng lệch lạc trong nội bộ Quốc tế.

Câu 5: Bằng sự kiện lịch sử chọn lọc, hãy chứng minh: Công xã Pa – ri là nhà nước kiểu mới, của dân, do dân và vì dân.

* Chứng minh:

- Ngày 26 - 3 - 1871, Công xã được thành lập, Cơ quan cao nhất là Hội đồng Công xã được bầu theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu. Hội đồng gồm nhiều ủy ban, đứng đầu mỗi ủy ban là một ủy viên công xã, chịu trách nhiệm trước dân và có thể bị bãi miễn.

- Đây là nhà nước chưa từng có trong lịch sử nước Pháp trước đó. Nhà nước này do nhân dân bầu ra, nhân dân giám sát.

- Công xã ra sắc lệnh giải tán quân đội và bộ máy cảnh sát cũ, thành lập lực lượng vũ trang nhân dân, tách nhà thờ khỏi trường học, nhà trường không dạy Kinh thánh.

- Thi hành nhiều chính sách tiến bộ: công nhân được làm chủ những xí nghiệp mà chủ bỏ trốn. Đối với những xí nghiệp còn chủ ở lại, Công xã quy định tiền lương tối thiểu: giảm bớt lao động ban đêm, cấm cúp phạt công nhân; thực hiện giáo dục bắt buộc và miễn phí; quy định giá bánh mì; cải thiện điều kiện làm việc cho công nhân nữ ...

→ Cơ cấu tổ chức và hoạt động thực tế chứng tỏ Công xã Pa – ri là một nhà nước kiểu mới – nhà nước vô sản, do dân và vì dân.

Câu 6: Nêu những phong trào đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân cuối thế kỉ XIX. Điểm nổi bật của phong trào công nhân thế giới thời kì này là gì?

- Những phong trào đấu tranh tiêu biểu của giai cấp công nhân:

+ Ở Đức, trong thập niên 70-80 phong trào đấu tranh đòi cải thiện đời sống phát triển mạnh. Buộc giai cấp tư sản phải bãi bỏ “Đạo luật đặc biệt”.

+ Ở Pháp, nhiều cuộc biểu tình, bãi công liên tiếp diễn ra. Tiêu biểu nhất là năm 1886 diễn ra phong trào đấu tranh đòi tăng lương và đòi quyền dân chủ.

+ Ở Anh, công nhân liên tục bãi công đòi tăng lương, giảm giờ làm và đòi cải thiện đời sống.

+ Nổi bật nhất là phong trào đấu tranh công nhân Mỹ cuối thế kỉ XIX: cuộc tổng bãi công của công nhân dệt Si - ca - go ngày 1-5 - 1886 đòi ngày làm 8 giờ buộc giới chủ phải nhượng bộ. Ngày đó đã đi vào lịch sử là ngày Quốc tế Lao động.

- Điểm nổi bật của phong trào công nhân thế giới thời kỳ này là:

+ Nhiều đảng công nhân, đảng xã hội, nhóm công nhân tiến bộ được thành lập: Đảng Công nhân xã hội dân chủ Đức (1875), Đảng Công nhân xã hội Mỹ (1876), Đảng Công nhân Pháp (1879), Nhóm Giải phóng lao động Nga (1883),...

Câu 7: Nêu tính chất và ý nghĩa lịch sử của cách mạng 1905 -1907 ở Nga. So sánh điểm giống và khác nhau giữa cách mạng 1905 – 1907 ở Nga với các cuộc cách mạng tư sản trước đó.

** Tính chất và ý nghĩa lịch sử của cách mạng 1905 – 1907 ở Nga.*

- Tính chất: Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga là cuộc cách mạng dân chủ tư sản đầu tiên do giai cấp vô sản lãnh đạo trong thời kì đế quốc chủ nghĩa, vì thế cách mạng này được gọi là cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

- Ý nghĩa: Cách mạng đã phát động các giai cấp bị bóc lột và các dân tộc bị áp bức trong đế quốc Nga đứng lên đấu tranh, làm lung lay chế độ Nga hoàng. Cuộc cách mạng ở Nga đã đẩy lên một cao trào đấu tranh của giai cấp vô sản trong các nước đế quốc và thúc đẩy sự phát triển của phong trào giải phóng dân tộc ở các nước phương Đông vào đầu thế kỉ XX.

** So sánh:*

- Giống nhau: đều thực hiện nhiệm vụ lật đổ chế độ phong kiến; động lực chính của cách mạng là quần chúng nhân dân.

- Khác nhau:

+ Lãnh đạo: lãnh đạo cách mạng tư sản là giai cấp tư sản còn lãnh đạo cách mạng 1905 - 1907 ở Nga là giai cấp vô sản.

+ Tính chất: Cách mạng 1905 - 1907 ở Nga mang tính chất cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

+ Hướng phát triển: Sau cách mạng tư sản sẽ hướng đến xây dựng chế độ tư bản. Sau cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới tiến lên làm cách mạng xã hội chủ nghĩa.